

## Tác Giả và Tác Phẩm

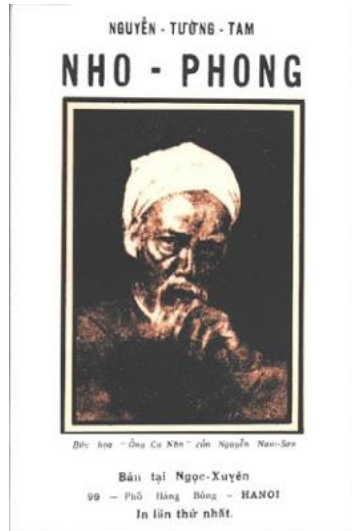
### Nhất Linh (III)

#### Tiểu sử

Mất ngày 7.7.1963 tại Sài Gòn.

#### Tác phẩm

Viết chung với Khái Hưng: Anh phải sống, Gánh hàng hoa, Đòi mưa gió.



### Mục Lục

#### Bản vệt trời – 2

Trong bếp núc của Tự lực văn đoàn – Tú Mỡ - 11

#### Búng ruồi – 19

Bài văn truy điệu – Vũ Hoàng Chương - 26

#### Bác Hòa hàng cơm – 27

Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam – Trương Bảo Sơn - 43

#### Bóng người trên sương mù – 53

Đề trả Nhất Linh Nguyễn Tường Tam về cho lịch sử - Trần Thanh Hiệp - 55

#### Phụ đính:

#### Nhất Linh và Bướm Trắng

Nỗi đau hiện sinh trong Bướm Trắng

#### Đọc/đọc lại Nhất Linh

Hai vẻ đẹp của Nhất Linh – Nguyễn Tường Thiết

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Bản vịt trời

Áp cụ Ân ở cách xóm Cầu Mới vài trăm thước. Cụ Ân ông đã mất hơn hai mươi năm trước nên người trong xóm không ai biết mặt. Cụ Ân bà thì vì liệt một bàn chân, đi lại rất khó khăn và phải chống nạng nên không ra khỏi cửa, vì thế cũng rất ít người biết mặt. Chung quanh áp lũy tre bao vây dày đặc, "con gà chui không lọt"; vào áp chỉ có một lối đi nhưng có đến ba cái cổng: ở ngoài cùng là một cái cổng gạch, ô tô đi lọt, cái cổng thứ hai và thứ ba trước kia bằng gỗ nhưng bây giờ vì đổ nên thay bằng hai cái cổng tre trống. Trước kia vì cụ Ân còn ruộng ở chung quanh nên người ra vào tấp nập; gần đây cụ bán dần hết nên không mấy người vào áp nữa; mọi người đều ngại gọi cổng, phải đợi người nhà ra mở ba cái cửa, lại đợi người nhà đóng hết ba cái cửa, rồi vào đến sân lại gặp một đàn chó dữ. Và lại cũng không ai có công việc gì cần vào áp. Dân xóm ngày ngày nhìn thấy cái lũy tre cao trước mặt nhưng còn ở trong lũy tre ấy cái nhà cụ Ân ở và cả cụ Ân nữa mà họ vẫn nhắc đến tên luôn thì đối với họ như là ở một thế giới xa xôi, bí mật. Mỗi ngày hai lần người nhà ra phố mua thức ăn nhưng anh người nhà lại rất ít nói và hình như có lệnh cấm không được nói chuyện với ai về công việc ở trong áp. Mợ Ấm Hải con dâu cụ Ân thỉnh thoảng lăm mới ra phố và mỗi lần nàng ra phố là cả dân phố ngừng công việc để ngắm. Họ tưởng mợ như vừa ở trên trời rơi xuống, mới ở một cảnh tiên nào hiện ra. Mợ ăn mặc rất sang, người mợ đẹp, mắt đen và sáng và nhất là nước da của mợ được họ chú ý đến nhất. Mợ đi đến cửa nhà lão Nhai thì Hai Diên ở cách đấy một nhà thì thăm bảo chồng:

- Người đâu trắng như bột.

Mợ đi qua nhà Hai Diên thì cả nhà Hai Diên lại đứng yên tấp để ngắm và lại đến lượt mẹ Liễu ở bên cạnh khen:

- Hai má như hai quả trứng gà bóc.

Hai bà cụ Huệ vì ở Kinh Đô nên thường tấm tắc:

- Trắng hơn cả bà Hoàng Hậu.

Chỉ có cậu Ấm Hải là hay ra phố luôn hoặc đi chơi hay đi bắn chim nên ai cũng thấy cậu tầm thường, không có gì đặc biệt hơn người. Cũng vì thế nên Hải thấy mình tự do, đi đâu không ai chú ý, không như vợ chàng mỗi lần ra phố về lại than phiền:

- Họ cứ nhìn tròng trọc vào mình như nhìn một con vật lạ.

Có lần Hải bảo vợ:

- Thì tại em là một con vật lạ thật. Ai bảo lại ăn mặc sang thế kia.

- Thì chỉ có mỗi một bộ áo, không mặc nó thì mặc áo cánh ra phố à?

- Thế tại làm sao da lại trắng thế?

- Giời sinh ra, làm thế nào?

- Thế tại sao mắt Duyên lại đẹp thế, má Duyên lại hồng thế, môi duyên lại tươi thế?

Thế là Hải kéo vợ vào lòng, hôn luôn mấy cái:

- Mình ăn mặc thế này hôn mình tưởng như là hôm mới cưới nhau. Sao mình không mặc luôn?

- Mặc luôn thì rách.

Bống Duyên đẩy chồng ra:

- Cái áo gần mười năm, ôm chặt lấy người ta rách tung cả ra rồi.

Hai vợ chồng cùng cười rồi lại ôm chặt lấy nhau hơn trước và sung sướng. Hôm ấy Duyên phải ngồi cả buổi chiều mạng lại chỗ bực ở vai. Nàng sung sướng nghĩ đến tình vợ chồng yêu nhau cứ mỗi ngày một tăng. Tuy nhà bắt đầu sa sút, không có nhiều tiền để sắm sửa thêm, nhưng tiền riêng của nàng vẫn còn một ít và đồ tư trang của nàng vẫn còn nguyên, nếu tần tiện thì cũng không phải tiêu đến nó. Hai đứa con nàng còn nhỏ, chưa phải đi học nên cũng không mấy tốn kém. Họ chẳng tốn tiền nhất là những hôm Hải đi Hà Nội mua đạn:

- Mua đạn để toàn bắn những cò là cò.

Hải hay bắn cò vì cò dễ bắn trúng và lúc nào muốn bắn cũng có sẵn cò, không phải đi xa tìm kiếm.

Tuy là tốn tiền mà chỉ được ăn thịt cò, ăn nhiều đến nỗi bây giờ nuốt không trôi nữa phải đem cho, nhưng mỗi lần chồng hỏi tiền để đi Hà Nội mua đạn thì nàng vẫn đưa một cách vui vẻ vì thấy chồng chỉ có mỗi cái thú bắn cò ấy. Độ này Duyên lại thấy Hải hay đi bắn luôn và tuy không được con cò nào - hay được nhiều quá nhưng không dám đem về sợ vợ buồn nôn chẳng - nhưng đạn thì chóng hết và hay đi Hà Nội luôn.

- Cậu lại sắp đi bắn à? Bắn luôn thế tốn đạn chết?

Ăn cơm sáng xong, thấy chồng đem súng tháo ra lau dầu, Duyên đến gần xem. Hải nói:

- Có lau hộ người ta không nào?

- Bắn tay chết.

Hải cầm cái giẻ đầy dầu quệt mạnh một cái lên bàn tay trắng nõn của vợ:

- Bây giờ lau đi, lau súng chứ không phải lau tay, đằng nào cũng bắn rồi; nói léo nhéo cái gì.

Duyên dí ngay bàn tay bắn vào mũi Hải; xoa xoa mấy cái cho mũi Hải thật đen bóng. Hải cứ để yên mặc vợ xoa không nói gì.

Duyên cười:

- Người ta mới nói có thể mà đã tìm cách báo thù. Hay là chỉ cốt bắn phung phí cho chóng hết đạn để lên Hà Nội với con ranh nào...

Đương lau súng, Duyên như chợt nghĩ ra một điều gì, bảo chồng:

- Bắn, sao độ này không nghe thấy tiếng súng?

Hải trả lời ngay vì câu trả lời đã nằm sẵn ở trong óc chàng từ lâu:

- Người ta đi bắn vịt giời, ở mãi tận cánh đồng Nậu.

Duyên ngạc, lấy làm phục:

- Cậu mà cũng bắn được vịt giời cơ à?

Hải nhắc cái nòng súng đưa ra ánh sáng, nhắm một bên mắt và nhìn vào vợ chứ không nhìn vào lòng súng rồi nói:

- Bắn được.

Yên lặng một lúc Duyên lại hỏi:

- Thế có trúng không?

- Không trúng.

Duyên gật gù đầu:

- Tài nhỉ.

- Tôi tài hay vịt giời tài?

Hải nhìn ra sân không có ai, vội đưa đầu ra đằng trước và hôn vào môi vợ một cái.

Duyên nghiệm ra rằng độ này chồng hay có những lúc vui vẻ đột ngột, nói đùa luôn miệng và có khi đương đêm cũng đánh thức nàng dậy:

- Người ta đương thấy thích thú trong người, dậy đi nói chuyện với nhau cho vui đi em.

Hôm nay, thấy tự nhiên đang lau súng Hải lại hôn mình, nàng nhìn chàng nói:

- Lại lên cơn điên vui có phải không?

Bỗng nàng ngạc nhiên, nét mặt yên tĩnh. Nàng vừa để ý đến vết dầu đen ở mũi chồng và chợt hiểu tại sao chồng lại hôn mình. Hải nhìn vào mũi Duyên rồi cất tiếng cười to.

Duyên nói:

- Đồ tiểu nhân báo thù.

Hải đáp:

- Khổng Tử đã dạy: Không nên làm cho người khác cái gì mà mình không muốn người khác làm cho mình."

- Thế sao cậu lại làm mũi em đen?

- Câu ấy ám chỉ vào một mình vợ thôi, còn tôi hôn tức là tôi theo đúng lời thánh dạy: làm cho người khác cái gì mà mình thấy thích muốn người khác làm cho mình. Vợ hiểu ý chưa?

Chàng đưa đầu ra đằng trước, chờ Duyên hôn lại, Duyên cười:

- Thánh đâu lại dạy cái câu buồn cười thế. Thánh đâu lại nói thấy thích...

Duyên hôn lại chồng, vừa hôn vừa nói:

- Đàng nào mũi cũng đen rồi.

Hải cười, nói:

- Ô, vợ làm thơ. "Đàng nào mũi cũng đen rồi", nhưng câu thơ ấy buồn lắm.

Một lúc sau, bác người nhà lên đưa Hải đôi giày. Bác nhìn vào mũi cậu Ấm rồi lại nhìn vào mũi vợ ấm, nhưng bác không dám cười, vội vàng đi ngay xuống nhà dưới.

Hải đi giày, đeo súng, với cái mũ đi săn đi lên đầu, nhìn cái đầu súng rồi lại nhìn vợ. Duyên cũng nhìn đầu súng rồi nhìn chồng gật đầu mấy cái, tỏ vẻ hiểu ý chồng. Hải ra tủ lén vợ lấy cuốn tiểu thuyết đút vào túi. Rồi chàng cho tay vào ngực xem đã có gói chè tàu ngon trong ấy chưa.

Duyên đứng nhìn theo chồng đi ra sân, nghĩ thầm:

- Độ này anh Hải lại dám bắn cả vịt giời. Nhưng chưa khoe với mình vì chưa bắn trúng con nào.

Nàng nuốt nước bọt vì nàng nghĩ bắn mãi thì rồi cũng có ngày trúng một con và thịt vịt trời chắc hẳn phải ngon, không như thịt cò tanh chết, cho bao nhiêu xả cũng không hết tanh, mà ăn mãi lại sợ mùi xả hơn cả mùi tanh của cò.

° ° °

- Cậu Ấm đi bắn vịt giời.

- Cậu Ấm đi sang cánh đồng Nậu.

Đó là những lời trẻ con ở xóm nói với Hải mỗi lần chàng vác súng đi qua. Trước kia còn đi bắn cò, bắn chim gáy, bao giờ theo sau Hải cũng có hai ba đứa trẻ; chúng lội xuống ruộng, chui vào bụi rậm để nhặt chim cho chàng. Hải đuổi chúng đi, chúng cũng không đi. Thành thử rất khó khăn cho việc riêng của chàng bây giờ. Vì vậy chàng nghĩ ra kế đi bắn vịt trời ở tận cánh đồng Nậu, xa quá chúng không theo được. Chúng đợi mãi chưa thấy lần nào Hải xách vịt về nên chúng thất vọng và có đứa bảo Hải:

- Cậu Ấm không đi bắn cò để cháu xách nữa à? Vịt giời thì cậu bắn thế nào được?

Nghe câu ấy, Hải nghĩ bắn vịt trời dễ hơn bắn cò vì vịt trời to hơn nhưng cái khó là làm thế nào đến được gần sát nó như là đến gần cò. Cái súng cổ của chàng không thể bắn xa mà chết vịt được, chỉ trừ may ra trúng ngay đầu vịt, chứ thực ra tài bắn của chàng không đến nỗi để đến cả trẻ con cũng khinh. Súng chàng không bắn được vịt trời, biết thế nhưng chàng không nói ra cho vợ rõ và tuy những đứa bé tỏ lời khinh thị chàng cũng không nói ra để chống chế. Súng không bắn được vịt trời mà cứ đi bắn vịt trời là một sự vô lý.

Hải đi qua Xóm Cầu Mới, đi qua phố Phủ rồi đến nửa đường sang làng Nậu, tới chỗ cái quán làng Cầu có cây đa con gà, chàng ngồi xuống lấy thuốc lá hút. Hút xong chàng ngồi nghỉ, giờ tiểu thuyết ra đọc và khi đã đến giờ, chàng đứng lên. Đưa mắt tìm không có con chim nào, chàng bắn chỉ thiên một phát để có chứng cứ là súng có bắn đạn. Lúc đầu chàng còn chịu khó đi đến tận cánh đồng làng Nậu vì chàng nghĩ nếu gặp vịt đầu xa đến đâu thì xa cũng cứ bắn bừa một phát may ra trúng đầu vịt hay mắt vịt chăng. Về sau chàng thấy vô ích và đi xa quá mỏi chân, cứ đến quán làng Cầu là chàng ngừng lại. Chỗ ấy vắng, không ai biết chàng ra đây và nếu có ai quen đi qua cũng chỉ cho là chàng đi săn mệt, ngồi nghỉ chân một lát.

Lúc trở về, Hải không đi qua Xóm Cầu Mới. Trước khi đến cầu, chàng rẽ sang con đường đi về làng Trò vì từ ở Phủ về ấp của chàng có hai con đường: con đường đi qua Xóm Cầu Mới thì có cầu và con đường đi qua làng Trò gần hơn một ít nhưng lại phải qua đò. Đi trên con đường vào làng Trò có thể trông thấy lũy tre áp và tuy biết là đứng ở hiên nhà nhìn ra không thấy được con đường (chàng đã xem xét cẩn thận rồi) và Duyên ít khi đem con ra cổng đứng chơi, nhưng chàng cũng để súng sát vào cạnh sườn bên trái ngộ nhỡ Duyên có ra cổng ngoài nhìn về phía ấy thì ở xa không có súng không thể nhận ra chàng được. Vào làng, Hải chọn những con đường vắng nhất và tuy vác súng đi vào làng Trò để kiếm chim là một sự tự nhiên mà thấy có người tò mò nhìn, chàng cũng ngượng ngượng như là người ta đã biết chàng vào đây không phải là để bắn chim. Nhất là lúc chàng đi khỏi, nếu họ nói với nhau câu gì chàng nghe không rõ thì chàng lo sợ tưởng họ nói cạnh đến mình. Tới chỗ đường rẽ ra bên Trò, Hải cũng cứ đi thẳng. Đến tận cuối làng, chỗ có cái cổng gạch làng mở ra cánh đồng, quay lại nhìn phía sau không có ai chàng đi rẽ sang bên phải lần theo hàng dậu ruối đi thật nhanh và khi đến cổng một cái nhà tranh, chàng dừng lại, đứng sát vào cửa cho người đi ở ngoài đường cái làng không trông thấy.

Hải nhìn qua những cành tre ở cạnh cổng. Một cơn gió thoảng qua; bóng lá tre và bóng nắng chạy loang loáng trên sân đất nhẵn bóng và quét sạch. Tuy trời giá rét nhưng chàng thấy cái cảnh bóng lá tre rung động là mát và cả gió cũng mát nữa. Có hai con gà đứng sưởi nắng ở cạnh gốc đậu ván, lấm tẩm hoa tím. Cả những cảnh nhỏ nhặt ấy chàng cũng để ý đến và thấy đẹp như trong một thế giới bồng lai nào.

Chàng cất tiếng gọi:

- Bác Hiên ơi!

Có tiếng kẹt cửa rồi bác Hiên gái bước ra, mỉm cười nói:

- Bẩm cậu đến.

Bác ra chống cửa tre, đợi Hải đi qua, lại hạ xuống ngay, cài chốt rồi đi vào nhà và cũng đóng ngay cửa nhà lại. Hải nhìn thấy cái giường không, thất vọng:

- Bác giai đi vắng?

- Vâng thưa cậu, thầy cháu có việc phải sang Yên Ninh.

- Thế độ bao giờ thì về.

- Bẩm cậu không biết có lẽ tối xẩm mới về.

- Phiên nhĩ, bây giờ mới độ ba giờ chiều mà đợi đến tối thì tôi không thể đợi được.

Nói thế nhưng chàng cũng cứ bỏ mũ, đặt súng, lại giở giường ngồi, nói với bác Hiên gái:

- Làm thế nào bây giờ?

Bác Hiên gái không trả lời câu Hải hỏi, nàng nói:

- Để cháu đi đun nước.

Hải móc ở túi ra gói chè đưa cho bác Hiên và hỏi:

- Nhà còn thuốc không?

Nhà còn thuốc nhưng bác Hiên gái đáp:

- Thừa cậu không, để cháu chạy đi mua, chỉ một lát thôi.

Hải nhìn bác Hiên một lúc rồi ngượng ngập nói:

- Nhưng tôi không biết tiêm.

- Cháu biết tiêm. Nếu cậu không chê là tiêm vụng thì để hôm nay cháu tiêm hầu cậu.

- Thôi cũng được.

Biết là sức mình chỉ hút hết hai hào chàng cũng đưa cả cho bác Hiên ba hào để bác đi mua, ăn bớt thì vừa đúng ngữ say của chàng.

Bác Hiên đi khỏi, Hải kéo gối nằm ngửa trên giường, nhìn trần nhà.

Lần đầu tiên chàng đến đây đã trên tám tháng. Hôm ấy chàng bắn chết một con chim gáy và chim lại rơi vào phía sau nhà bác Hiên. Trẻ con không có đũa nào theo nên chàng phải vào nhặt và vì tay rầy máu chim chàng phải lại cái cống nước gần chỗ bác Hiên trai nằm hút thuốc để rửa tay. Bác Hiên ngồi dậy rồi chào mời chàng vào uống nước và xơi điều thuốc cho đỡ mệt. Thế là sự tình cờ đã xui chàng hút điều thuốc phiện đầu tiên trong đời. Chàng hút luôn hai điều nữa chỉ cốt hút nhiều một tí để có cớ trả tiền, bác Hiên khỏi từ chối. Lại vì sự tình cờ hút ba điều là vừa đúng ngữ say (về sau chàng mới biết rõ là đúng ngữ) nên hôm ấy chàng thấy chưa bao giờ trong người sung sướng dễ chịu như thế.

Ở nhà bác Hiên đi ra, chàng đứng lại ở sân nhìn và không bao giờ chàng quên được lúc đó. Gió rét nhưng trong người chàng ấm áp; chàng ngạt mũi thấy nóng và hơi ngứa ở hai lỗ mũi phải thở mạnh luôn nhưng cả đến cái ngạt mũi cũng dễ chịu lắm. Người chàng hơi lão đảo, lơ mơ nhưng không lúc nào trí chàng sáng suốt đến thế, óc chàng như trong hẵn ra. Cái sung sướng của chàng không phải là cái sung sướng mê man của những người đương yêu hay say rượu; từng thớ thịt, từng thớ xương, khắp người chàng thì sung sướng bàng hoàng nhưng trí chàng thì lại tỉnh táo để nhận thấy rõ hơn cái sung sướng của thân thể.

Gió lạnh rào rào trong lũy tre, lá tre rung rung, và các đầu ngọn tre ngã nghiêng trước gió, mọi cái chàng nhìn thấy rõ ràng trước mắt nhưng hình như lại ở tận đâu đâu, ở một thế giới nào khác và thế giới ấy là một thế giới sung sướng, vui vẻ.

Tối về nằm, gối đầu vào cánh tay vợ, lúc đó thuốc đã ngấm cái thú của chàng lại hơi khác. Chàng có cái khoan khoái của người đương thiu thiu buồn ngủ sau mấy đêm không được ngủ và cái thú thiu thiu buồn ngủ ấy lại kéo dài đến mấy giờ đồng hồ. Tỉnh thoảng chàng lại cựa quậy mấy cái, sợ mình ngủ thật đi mất; ngay những lúc mà chàng thiêm thiếp tưởng mình ngủ rồi thì lạ lắm, óc ngủ nhưng riêng thân thể chàng vẫn thức để cảm thấy sung sướng; cái sung sướng ấy nó cũng ngủ như thân thể chàng; đến khi chàng cựa tay, lắc đầu cho tỉnh giấc thì cái sung sướng ấy cũng thức dậy.

Thế rồi nửa tháng sau chàng lại đến nhà bác Hiên và cứ đến đều đều như thế trong ba tháng. Rồi cái hạn rút ngắn xuống mười ngày, một tuần lễ; bây giờ thì cứ năm ngày chàng đến một lần và chàng cố giữ như vậy đã được hai tháng rồi. Chàng đã bắt đầu phải để ý đến tiền hút nhưng đối với bác Hiên chàng vẫn chi tiền rộng rãi vì chàng nghĩ một tháng hút sáu bảy lần không tốn bao nhiêu; hai giờ đồng hồ chàng nằm ở nhà bác là hai giờ sống thần tiên, chàng muốn hai bác Hiên lúc nào cũng vui vẻ tiếp đãi chàng. Tiền Duyên đưa chàng đi Hà Nội và tiền mua đạn chàng đã để dành được một số; đã lâu chàng không đi Hà Nội nữa, đi chơi vợ vẫn ở các làng xa đến giờ xe lửa đêm ở Hà Nội về thì chàng cũng về nhà ga như mình ở xe lửa xuống. Đạn thì mỗi lần chỉ bắn một viên; sợ trẻ con theo đông không tiện và sợ mọi người không nghe thấy tiếng súng nên chàng bỏ bắn cò và vì thế chàng đi bắn vịt trời.

Bác Hiên gái đã đi mua thuốc về. Bác đặt lên giường cái khay thuốc và thắp đèn. Bác đi xuống nhà bếp lấy ấm nước sôi pha chè rót vào một cái chén riêng mời Hải uống.

- Xin phép cậu.

Nàng vén áo ngồi lên giường và bắt đầu hơ nướng thuốc. Hải lấy ở túi ra một cái bánh khảo nhân đỗ đen và một quả quýt mới mua ở phố Phủ. Bao giờ chàng cũng phải mua quýt, cam hay bưởi để khi về đến cổng thì cầu một ít vỏ lấy nước thơm xoa lên môi cho vợ khỏi ngửi thấy mùi thuốc phiện. Cứ thế bao lần rồi mà Duyên không để ý.

- Đàn bà tinh ranh lắm nhưng vợ mình thì ngớ ngẩn.

Hải ngồi dậy, cởi giày rồi kéo cái chăn đắp lên chân. Chàng nằm nhìn bác Hiên gái nướng thuốc. Không biết vì thuốc có pha hay vì vụng tay mà điếu thuốc cứ thỉnh thoảng lại rớt xuống đèn. Mỗi lần có một giọt sấp rớt xuống thì môi bác Hiên lại trễ xuống một cái. Rồi nàng lại mỉm cười nhìn Hải.

Hải vẫn thấy bác Hiên đẹp nhưng lần đầu tiên chàng được nhìn kỹ nét mặt. Nằm đợi bác tiêm, Hải tha hồ ngắm: đôi mắt bác, chàng thấy có vẻ thơ ngây vì có hàng lông mi dài và cong lên; đôi môi bác có duyên ở chỗ hai bên mép lại cong xuống một tí, hai cái lúm đồng tiền thì một cái cao một cái thấp và vì thế miệng lại có vẻ tinh nghịch. Chàng giơ bàn tay như để che ánh đèn chói nhưng thực ra chỉ cốt để che nửa mặt dưới chỉ nhìn hai con mắt, rồi lại che hai con mắt chỉ nhìn nửa mặt dưới. Chàng thấy như là nhìn hai người đàn bà và bất giác bật cười làm bác Hiên lại nhìn chàng nhanh một cái tưởng như Hải chê mình tiêm vụng.

Hải nghĩ nếu lần nào cũng được bác Hiên gái tiêm thì thật an toàn. Căn nhà này ở chỗ cuối làng, đi ra đi vào không ai nhìn thấy; nhà lại chỉ có hai vợ chồng tính nét kín đáo, và không có con, không có khách, chàng nằm hút hàng giờ được yên tâm. Hai vợ chồng vì thỉnh thoảng chàng đến hút kiếm thêm được ít nhiều, nên chiều chuộng chàng hết sức. Mỗi lần chàng đến, chàng có cái ý nghĩ đã làm cho người khác được nhờ mình và cái ý nghĩ làm cho người khác vui vẻ ấy cũng cần cho cái thú hút thuốc phiện của chàng như nước chè ngon và bánh khảo.



Chàng thích nhất - và cái thích ấy hơi khác cái tính thích thông thường của những người hút thuốc - là căn nhà chàng nằm không tối hẳn và cũng không sáng quá. Tiếng gió trong lá tre, hoa nắng và bóng lá tre lấp lánh trong buồng, qua các cửa chấn song hé mở, ánh phản chiếu của nước sông phía sau chạy lẩn tẩn vàng trên mái nhà, tất cả những cái đó trong khi chàng say thuốc lơ mơ nằm yên, thì hoạt động quanh người chàng, tiếng gió rào rào lúc to lúc bé, ánh nắng vàng lúc sáng lúc nhạt, tất cả những cái rung rinh của thế giới ở ngoài làm tăng thêm rất nhiều cái thú yên tĩnh và thâm trầm ở trong thân thể chàng.

Hải đã hút đến điều thứ năm và đã bắt đầu say. Trong khi cái hạn đến hút của chàng thu ngắn lại thì số điều thuốc đúng ngữ say của chàng tăng lên. Bây giờ chàng phải hút tám điều mới đủ.

Bỗng Hải ngạc nhiên thấy bác Hiên đặt dọc tẩu và tiêm xuống, tay ôm bụng, đôi lông mày cau lại, thờ ạnh.

- Bác sao thế?

- Bấm cậu cháu đau bụng.

- Bác đau bụng à, hút một điều thì khỏi ngay.

Hải giơ tay đỡ dọc tẩu để bác Hiên hút; nhìn thấy nàng hút có vẻ thạo, chàng hỏi:

- Bác đã hút bao giờ chưa?

Bác Hiên nằm ngửa, đưa tay ấn vào bụng; một lúc sau bác nói một mình:

- Kiến hiệu thật, hết hẳn đau.

Rồi nàng nói to với Hải:

- Bấm cậu, khi nào đau thì phải hút. Lúc thường thầy cháu không cho.

Nàng vẫn nằm yên ngửa mặt, hai hàng lông mi đưa lên đưa xuống, và đôi môi mở rộng để thở. Hải thấy nàng nằm yên lâu lắm; chàng nóng ruột.

- Bác khỏi đau rồi thì lại tiêm đi chứ.

Bác Hiên ngồi thẳng dậy nói:

- Chết chữa.

- Bác cứ nằm tiêm cũng được chứ sao.

- Bấm cậu, cháu không quen nằm tiêm. Bây giờ hết đau rồi, ngồi cũng không sao.

Hải thấy nét mặt bác Hiên biến đổi hẳn: hai con mắt sáng long lanh, đôi gò má ửng hồng và đôi môi đỏ thắm lại trông như mới nở mọng ra một ít và hơi khô khô; cả mặt như bừng bừng nóng, lông mi và đôi môi rung rung vì sung sướng.

Bác Hiên đưa mắt nhìn Hải và thấy hai con mắt Hải nhìn mình có vẻ khác. Hải nói:

- Cổng trống, bác cài then rồi chứ?

- Bấm cậ cài rồi, cả cửa nhà nữa ạ.

Câu hỏi ấy rất thường vì lần nào Hải đến cũng dặn dò đóng cổng ngoài cẩn thận, nhưng hôm nay nàng thấy mang máng câu hỏi ấy có vẻ gì khác lạ. Vừa tiêm xong điều thuốc, nàng đưa cho Hải. Hải ngồi dậy:

- Bác hút thêm một điếu nữa.

- Thừa cậ cháu khỏi đau rồi.

- Khỏi đau cũng cứ hút cho đủ say.

Hải đặt dọc tẩu vào bàn tay nàng; Hiên đẩy ra, và trong lúc giằng co tay Hải nhiều lần chạm vào tay nàng. Sau cùng Hải nắm hẳn lấy bàn tay Hiên, kéo nàng nằm xuống và bắt hút; Hải cũng giơ tay đỡ dọc tẩu và như vô tình bàn tay chàng đặt lên bàn tay Hiên. Tuy chàng đã hơn ba mươi tuổi nhưng lần này là lần đầu tiên trong đời chàng dám tình tứ cầm lấy tay một người đàn bà không phải vợ mình. Quả tim chàng đập mạnh, mặc dầu lúc đó vì say thuốc chàng đã trở nên bạo dạn gấp mười lúc thường.

Bác Hiên hút xong đặt dọc tẩu xuống, hai mắt nhắm lại và hai môi mở rộng ra thở mạnh.

- Cậ làm cháu say quá!

Tiếng nàng nói Hải nghe ấm áp và đầy lắng lơ. Chàng cũng cố lấy giọng âu yếm nói tiếp theo:

- Say thế mới thú chứ!

Hải nhắm mắt lại: chàng nghĩ nếu được hôn vào đôi môi một người đàn bà đương say thuốc chắc là một cái thú mê hồn nhưng tuy thèm muốn, chàng cũng không dám đi xa hơn nữa. Không phải chàng sợ; bác Hiên trai có đột ngột trở về cũng phải gọi cổng, bác Hiên gái nếu không thuận cũng không dám làm râm. Chàng chỉ sợ nếu bác Hiên không thuận thì chàng sẽ ngượng lắm, ngượng riêng với bác ta thôi và cái ngượng ấy sẽ làm vẩn đục cả cái vui của chàng mỗi khi đến đây hút thuốc. Thà bỏ qua một cái thú trong chốc lát về nhục dục còn hơn mất một chỗ hút thuận tiện và thú vị lâu bền. Hải cất tiếng nói với bác Hiên, giọng chàng trở lại bình thường:

- Bây giờ lại tiêm cho tôi hút chứ. Tôi thì tôi chưa đủ say như bác.

Hiên cười rồi ngồi dậy. Nàng cũng thấy nóng ran cả người vì thèm muốn chứ không phải vì say thuốc. Lấy một người chồng xấu xí nghiện ngập, lại không có đứa con nào, đời nàng thiếu thốn. Tuy vậy chưa một lần nào, nàng dám có ý nghĩ bất chính với chồng; nhưng hôm nay ngồi cùng một giường với một người đàn ông đẹp trai, và con nhà dòng dõi trong một căn nhà vắng, các cửa đóng hết, không sợ ai nghi ngờ, nàng đã thấy trong lòng hồi hộp và khổ sở vì thèm muốn. "Biết đâu không có đứa con" nàng nghĩ thế để che đậy sự rạo rức về nhục dục. Chính nàng đã giả vờ đau bụng để Hải mời hút thuốc và như thế nàng sẽ bạo dạn hơn.

Hiên với dọc tầu, bắt đầu tiêm. Nhìn Hải, nàng biết thể là hết. Nàng thất vọng nhưng cũng thấy nhẹ người vì đã giữ được trong sạch với chồng.

1949

## Trong bếp núc của Tự lực văn đoàn

**Tú Mỡ**

Hồi ký (trích)



Từ trái sang phải: Xuân Diệu, Thế Lữ, Nhất Linh, Khái Hưng thời Tự Lực Văn Đoàn

Tập thơ *Giòng nước ngược*, tác phẩm đầu tay của tôi, có bốn câu thơ đề tặng:

Ít lời lẽ ngang phè,  
Mấy vản thơ lổ mổ,  
Tặng anh Nguyễn Tường Tam  
Đáp tấm ơn tri ngộ.

Bốn câu thơ đó ghi lại mối tình chí thiết của tôi đối với anh bạn văn chương, người sáng lập ra Tự lực văn đoàn, trong đó tôi đã hoạt động hơn 13 năm, từ 1932 đến 1945, thời kỳ mới vào nghề, thuở đương thì tuổi trẻ lằng lằng làm việc, hào hứng nhất.

Ở đời, thường có sự gặp gỡ ảnh hưởng đến cả một tương lai. Tôi là một trong những trường hợp đó. Sự gặp gỡ không hẹn mà nên giữa tôi với anh Nguyễn Tường Tam đánh dấu bước đầu trong sự nghiệp văn thơ của tôi, từ một thư sinh chỉ làm thơ phiếm sau trở thành nhà thơ trào phúng thực thụ.

Tôi đã gặp anh Tam trong trường hợp nào? Năm 1920, khi tôi đang làm thư ký Sở Tài chính được vài năm, thì một “lính mới” đến nhập ngũ: một chàng trai ra dáng lạnh lợi, đôi mắt trong sáng lộ vẻ thông minh, nói năng hòa nhã, mới gặp đã dễ cảm mến, đó là anh Tam. Anh vào làm cùng phòng Ba Kế toán với tôi.

Bởi gặp nhau lần đầu, chúng tôi đã thân nhau ngay, biểu lộ rất tự nhiên sự đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu của đôi tri kỷ mà cuộc đời đã tình cờ đưa đến với nhau. Sau buổi làm việc chiều hôm đó, tôi cùng anh đi dạo mát trên bờ hồ Hoàn Kiếm, nói chuyện tâm sự, thành

thực, cởi mở, với sự bông bột của tuổi đôi mươi.

Tôi hỏi anh tại sao không xin vào Cao đẳng học nữa như số đông thanh niên hồi bấy giờ, theo con đường tiến thân đang mở rộng thênh thênh, mà lại đi làm cái nghề “gãi giấy” không tương lai này? Thờ “oanh liệt” của thầy thông, thầy phán nay còn đâu! Như hiểu thấu tâm lý bất mãn của tôi toát ra trong câu hỏi, anh Tam mỉm cười trả lời: “Tôi không có ý muốn trở thành ông tham, ông đốc... như ai. Nguyện vọng tha thiết của tôi là viết văn, làm báo, sống bằng ngòi bút của mình, sống bằng nghề tự do, ngoài vòng kiểm tỏa. Tôi vừa đỗ ‘đíp-lôm’ năm nay; trong khi chờ đợi chuẩn bị công việc lâu dài, tôi hãy đi làm cho đỡ buồn, kiếm ít tiền tiêu, chỉ là tạm bợ ít lâu thôi.”

Anh hỏi lại tôi: “Thế anh, anh đỗ từ năm nào? Xem ý anh cũng không thích gì cái nghề ông phán, sao anh không đi học nữa?”

Với nụ cười héo hắt trên môi, tôi đáp: “Tôi không được sung sướng như anh... Vì cảnh nhà sa sút, tôi phải đi làm ‘chạy gạo’ ngay sau khi ở trường Bưởi ra với mảnh bằng “đíp-lôm” như anh, từ tháng 7-1918. Tôi nặng gánh gia đình lắm: một bà nội, một mẹ, một cô, bốn em nhỏ còn đi học...”

Anh Tam rất thông cảm, ái ngại, an ủi tôi: “Nếu vậy anh có thể vừa đi làm, vừa tự học thêm để thi tham tá nâng cao địa vị lên...”

Tôi cười chua chát: “Địa vị gì ở thời buổi nô lệ này hở anh! Tôi có làm chơi đôi câu đối tức cảnh, đọc anh nghe:

“Học rồi thi, thi đã đỗ, đỗ phải đi làm, thời buổi văn minh vòng sỹ hoạn;  
Thông với phán, phán lên tham, tham dù nhảy sếp, con nhà sai phải giống vong nô.”

Lương càng cao càng như cái nút dây thắt chặt thêm, cột mình vào cái nghề làm thuê viết mướn. Tôi vào đời, cực chẳng đã mà phải làm cái nghề này, thôi thì miễn là đủ sống. Bà mẹ tôi rồi cũng phải xoay xở buôn bán thêm vào. Tôi chán ngấy học gạo rồi, chỉ muốn cho tâm hồn được thanh thoi đôi chút. Ngoài hai buổi ‘sáng xách ô đi, tối xách về,’ thì nghỉ ngơi, xem sách, đánh đàn, làm thơ để di dưỡng tính tình, chứ cứ chạy đuổi cái bả vinh hoa, cái mồi phú quý, thì biết thế nào là cùng... Có người bảo tôi tư tưởng thế là gàn. Nhưng thôi, gàn cũng được, chứ vùi đầu vào sách kinh tế tài chính để lại ra đường đầu với hai kỳ thi văn hóa và chuyên nghiệp thì tôi xin vái cả nón!”

Anh Tam tỏ ra vẻ tán thành cái gàn của tôi. Nghe tôi nói thích làm thơ, anh hỏi tôi đã tiến tới trình độ khá chưa và ngộ ý muốn xem sáng tác của tôi. Tôi đáp: “Tôi muốn học đời thơ Tản Đà mà tôi rất mê, nhưng trong bước chập chững thơ tôi còn non lắm. Tôi lấy câu thơ của Tản Đà ‘cuộc nhân thế câu cười tiếng khóc’ làm hướng sáng tác, nhưng xin thú thực chưa đạt, câu cười chưa được sáng khoái, tiếng khóc chưa được lâm li.”

Tôi hỏi anh Tam về việc viết văn của anh, mới biết anh đang viết dở tiểu thuyết *Nhò Phong* và dự định viết một truyện dài nữa, *Người quay tơ*.

Cuộc trao đổi tâm sự buổi đầu giữa anh Tam với tôi có chiều tâm đắc, và từ đó chúng tôi thành đôi bạn tâm giao, động viên và khuyến khích lẫn nhau. Anh Tam tuy mới ra trường nhưng xem

ra học rộng, đọc nhiều, nhớ kỹ. Có khi, trong buổi giảng, anh ngừng việc cộng số, làm “năng-đa” tán chuyện triết lý. Một hôm, không hiểu câu chuyện gì, anh nói đến vấn đề “gạn đục khơi trong” của học thuyết Mạc - Địch. Dĩ nhiên, các bạn đồng sự của tôi không thích thú lắm câu chuyện triết lý mệt óc đó. Để anh Tam khỏi bị ngưng như người thuyết minh giữa sa mạc, tôi làm ra bộ lắng tai nghe... Khi anh dẫn đến câu “Nước trong ta giặt giải mũ, nước đục ta rửa chân...,” tôi bất tỉnh lịm, ra về bắt chuyện, nói tiếp luôn “nước đá ta cho vào rượu bia ta uống!” Câu khôi hài ấy khiến cả buổi giảng cười ồ... Câu phá quấy của tôi không làm anh Tam giận, anh cười to hơn mọi người và bảo tôi: “Khá đấy! Anh nên làm thơ hài hước đi, anh có khiếu về trào phúng đấy.” Một lời đã biết đến nhau... Câu nói của anh thế mà thấm vào tâm trí tôi.

\*

(...)

Hai năm sau, anh Tam xin thôi việc, để sang Pháp du học. Ở Pháp độ hai năm, anh về nước với mảnh bằng cử nhân khoa học. Tôi lấy làm lạ: anh muốn trở thành văn sĩ sao lại đi lấy bằng cách trí? Hỏi anh, anh nói rằng: anh sang Pháp chủ yếu là nghiên cứu nghề làm báo để khi về sẽ mở một tờ báo thể tài mới, khác hẳn các báo. Còn cái bằng cử nhân khoa học? Chỉ là cái cứu cánh để phòng xa, nếu làm báo thất bại sẽ ra làm giáo sư cũng tốt. Thế là “tiên vi báo, cáo vi sư,” anh muốn bắt cá hai tay. Chu đáo thật!

Ít lâu sau, anh tính chuyện mở một tờ báo trào phúng lấy tên là *Tiếng cười*. Anh thấy báo chí của ta bấy giờ chán ngắt, nếu không là báo thông tin “chó chết” thì là báo lý luận suông. Nước ta chưa có một tờ báo nào chuyên môn về trào phúng. Tiếng cười ra đời chắc sẽ được hoan nghênh như một cuộc cách mạng trong làng báo quốc ngữ. Hiện anh đang đi tìm bạn cùng chí hướng để tổ chức tòa soạn, và xin tôi nhận một chân trợ bút về mục thơ trào phúng, ngón sở trường của tôi mà anh đã khám phá ra. Yêu cầu đó thật là hợp với sở thích, với ước mong của tôi. (...)

Mãi đến khi anh Tam rủ tôi vào tòa báo *Tiếng cười* thì cá mới thực gặp nước; tôi miễn phục anh Tam có con mắt tinh đời, biết người, biết cửa, nên vui sướng nhận lời cộng tác với anh.

\*

(...)

Chúng tôi đã sáng tác được khá nhiều cho báo *Tiếng cười*. Nhưng vẫn chưa được giấy phép ra báo. Anh Tam có đi thăm dò tin tức, thì ở sở Báo chí của Phủ Thống sứ người ta bảo rằng: “còn xét!” Một tháng, hai tháng, ba tháng, vẫn cứ “còn xét.” Chúng tôi bảo nhau: cái kiểu kéo dài “còn xét” này, có nghĩa là nó không muốn cho phép. Nhưng nó sợ lá không muốn công khai từ chối vì không có lý do chính đáng. Chẳng qua nó sợ tờ báo trào phúng, nó sợ người chủ trương tờ báo đó là tay đã sang Pháp về mà phàm những người chân chính ở Pháp về đều có tư tưởng bài Pháp thực dân; nó sợ tờ báo cười tung trời sẽ làm đảo lộn cả trật tự của cái xã hội thối nát mà chúng nó muốn duy trì để dễ cai trị.

Anh Tam đâu có chịu bó tay. Anh xoay và đã xoay rất cừ. Bấy giờ, nhân dịp có tờ *Phong Hóa* của anh Phạm Hữu Ninh quản trị, anh Nguyễn Xuân Mai, giám đốc, chính trị, loại báo vô thưởng vô phạt, đang sống dở chết dở vì không ai buồn đọc, sắp sửa phải đình bản. Anh Tam đề nghị với hai anh nhường lại tờ báo cho mình làm chủ bút, hai anh vẫn đứng tên quản trị và

giám đốc chính trị làm vì, mỗi tháng lĩnh mấy chục bạc lương (tức là tiền cho thuê báo). Tất cả đều hỉ hả: anh Ninh và anh Mai trút được gánh nặng mà báo khỏi đình bản; anh Tam sẵn có tờ báo thay cho tờ *Tiếng cười* chắc là không được phép xuất bản.

Thế là tờ *Phong Hóa* nọ được tổ chức lại hoàn toàn từ hình thức đến nội dung, thay da đổi thịt, biến thành tờ báo trào phúng đầu tiên của làng báo ta. Tất cả những dự định cho báo *Tiếng cười*, anh Tam dồn cả cho báo *Phong Hóa* mới, ra đời vào khoảng đầu tháng 7-1932, đánh dấu một cuộc cách mạng báo chí ở nước ta. (...)

Từ một tờ báo không ai biết đến, nó trở thành một tờ báo được mọi tầng lớp quần chúng hoan nghênh nhiệt liệt ngay từ số đầu, và nổi tiếng khắp ba kỳ, là vì nó đáp ứng đúng nhu cầu của trí thức, của bình dân, nó đem lại niềm vui sống khi người ta đang buồn chết vì khổ sở; nó vạch mặt làm bia chế giễu những kẻ tai to mặt lớn, sống trên áp bức bóc lột dưới cúi luồn xu nịnh mà người bình dân căm ghét; nó bàn đến và tìm cách thực hiện một cuộc đời tươi sáng thay vào cuộc sống tối tăm, bùn lầy nước đọng; nó phát huy một lối văn quốc ngữ trong sáng, đánh rập các thứ văn lai căng hoặc đặc sệt những danh từ Hán học. Nó không làm cách mạng nhưng nó làm công việc khai phá, dọn đất cho cách mạng, gieo hạt sau này. Điều đó có lẽ bọn thống trị chưa biết, vì *Phong Hóa* không đập thẳng vào Tây mà chỉ đã kích bọn quan lại cường hào tay sai của Tây, thì Tây cứ để cho làm xì hơi tức khí của dân chúng vào bọn này. Một mặt công chúng bị đánh lạc hướng, quên kẻ thù chính; một mặt bị ru ngủ bởi tiểu thuyết lãng mạn tiểu tư sản đều có lợi cho Tây cả, *Phong Hóa* không bị cấm vì thế.

*Phong Hóa* có những mục hấp dẫn, hợp với “khẩu vị” quần chúng.

“Từ cao đến thấp” nói về người; “Từ nhỏ đến lớn” nói về việc; “Bàn ngang” nói ngược mà hiểu ra xuôi; (ba mục này Tú Ly tức Nguyễn Tường Long phụ trách).

“Vui cười,” mẩu truyện khôi hài, có duyên và phong phú (cả tòa soạn phụ trách và quần chúng đóng góp).

“Những hạt đậu dạn” vạch làm trò cười những câu văn viết sai, viết ẩu, ngớ ngẩn, lố lăng, nhặt ở các sách báo (Nhất Dao Cạo tức Trần Khánh Giư phụ trách).

“Cuộc điếm báo” bên những điều sai trái, lố bịch nhặt trong các báo (Nhị Linh tức Trần Khánh Giư phụ trách).

“Giòng nước ngược” thơ trào phúng (Tú Mỡ phụ trách).

Những mục trên đây nhằm cười đời một cách hóm hỉnh, thanh nhã mà chua cay, với trí tuệ trào lộng đặc biệt Việt Nam.

Ngoài ra, về văn chương có:

Những phóng sự về mặt trái xã hội; những truyện dài, truyện ngắn về tình yêu lãng mạn mà trong trắng, về xung đột giữa cái mới và cái cũ (của Khải Hưng tức Trần Khánh Giư, Nhị Linh tức Nguyễn Tường Tam, Thạch Lam tức Nguyễn Tường Lân, Thế Lữ v.v...).

“Thơ mới” khởi đầu bằng bài *Tình già* của Phan Khôi và mấy bài của Lưu Trọng Lư. Sau Thế

Lữ nổi bật trong một bài giới thiệu của Nhất Linh, rồi Xuân Diệu, Huy Cận, Huy Thông làm nổi đình đám phong trào thơ mới ngày càng lên như điều gặp gió.

Trước đây, lúc chuẩn bị ra báo, tôi đã thấy các anh làm việc không biết mệt. Nay báo *Phong Hóa* ra hằng tuần với nội dung súc tích như vậy, tôi lại càng thấy các anh có một sức làm việc ghê gớm, đáng phục: làm ngày, làm đêm, nhất là làm đêm, tốn khá nhiều cà phê, thuốc lá, làm việc đến rạc người, hom hèm, xanh xám như Khái Hưng ai không biết cứ tưởng là “dân làng bẹp” (nghiện thuốc phiện).

Riêng tôi, công chức viết báo nghiệp dư, ngày hai buổi tốt nhất đã cố gắng hiến cho công sở, tôi cũng noi gương các anh hết sức tranh thủ thời gian để viết: đi đường từ nhà đến sở, từ sở về nhà, óc phải suy nghĩ, cấu tứ, tìm vần; về nhà, còm nước xong buồng đĩa bát, lại ngồi vào bàn, viết cả buổi trưa, buổi tối. Có khi nhuận trí, viết một mạch, có khi tắc đành gác bút đi nằm, nhưng đầu óc vẫn thao thức, có đêm chưa ngủ - vần thơ bật ra, liền nhồm dậy, bật đèn viết cho đến khuya. Cái lối làm việc như thế, cố nhiên “bà Tú nhà tôi” không bằng lòng, lo tôi ốm, khuyên can chẳng được thì gắt, dọa sẽ tìm đến “bác Tam” để phản đối. Nhưng tôi không thể làm khác được, đành cứ cười trừ; lắm khi làm xong một bài thơ, bài phú, một phờ, nhưng được cái đang sức trai, không quy... Tôi rất muốn được như các anh sống để mà viết, viết để mà sống, nhưng ngẫm xưa nay thơ không nuôi nổi người phụng sự nó, hưởng chi tôi lại nặng gánh gia đình, nên chưa dám bỏ mồi bắt bóng, bỏ nghề “thầy phán fi-năng” theo hẳn nghề viết báo.

Đối với tòa soạn, tôi tiếng là chân trong nhưng vẫn làm việc ở nhà. Tối thứ bảy, tôi đến họp với anh em. Cuộc họp rất “gia đình.” Trên căn gác ẩm cúng nhà số 80 đường Quan Thánh, chúng tôi quây quần, thân mật như hồi ở Ấp Thái Hà: ăn phở, phở của bác phở rong phố Quan Thánh rất ngon, đã khiến tôi làm bài thơ thú vị *Phở đức tụng*; uống cà phê của chị Khái Hưng pha tuyệt khéo; đốt thuốc lá khói um cả căn gác, mùa rét đốt lò sưởi, củi nổ lách tách, anh em ngồi châu ngọn lửa ấm áp, tán chuyện thời sự, nảy ra đề tài viết bài cho số báo tới.

Dạo Khái Hưng và Nhất Linh viết chung truyện dài *Đời mưa gió*, trong buổi họp tối thứ bảy, hai anh bàn nhau kỳ này nên cho hai nhân vật chính (Tuyết và Chương) đi đâu, làm việc gì đột nhiên trái chứng trái khoáy, rồi mỗi kỳ mỗi anh thay phiên nhau chấp bút. Công việc sáng tác tập thể của các anh là như vậy.

(...)

Anh Khái Hưng đi thăm chùa Tiêu, nhìn những bệ thờ xây cuốn, nhìn dưới ngôi tháp mộ có vẻ huyền bí, nảy ra tưởng tượng dưới đấy có thể là những hầm bí mật xưa che giấu hoạt động bí mật của một cuộc khởi nghĩa nào đó. Tiểu thuyết lịch sử *Tiêu Sơn tráng sỹ* của anh đã xuất bản từ ý nghĩ đó.

Một lần đi chơi Trung Hà (Sơn Tây) chúng tôi rẽ vào thăm Tản Đà ở làng Khê Thượng, nhưng không may hôm ấy nhà thơ đi Hà Nội vắng:

Tiểu đồng nói: bác vừa xuôi  
Đi chơi Hà Nội chừng đôi ba ngày  
Ra đường gặp gái không may  
Hay là Hiếu ấy Hiếu này vô duyên?

Chúng tôi bèn đem rượu và đồ nhắm lên một sườn đồi chén:

Ngồi trông núi Tản, sông Đà  
Tưởng chừng bác Ẩm như là có đây,  
Rót đây cốc rượu nâng tay,  
Vắng ai mời vọng đưa cay cũng tình...

Bài thơ Thăm Tản Đà vui, đầy tính tứ mà tôi trích mấy câu trên đây, được nhà thơ thích thú, và từ đó hai Hiếu gắn bó với nhau, có một đôi lần xướng họa.

Đối với Tản Đà, báo *Phong Hóa* hay có những bài thơ châm chọc, bức tranh biếm họa, câu văn bông lơn, những cái không hợp thời của nhà thơ, nhất là cái nét nghiện rượu. Nhưng Tản Đà là người biết đùa, không giận. Một hôm, sau khi đọc bài thơ *Giời đây Nguyễn Khắc Hiếu* nhà thơ thân đến tòa soạn, cười ngất phê bình: “Bài thơ thú lắm, nhưng mà xược!” Anh Khái Hưng hỏi: “Thực tình anh có giận chúng tôi không?” Tản Đà cười khà đáp: “Chúng ta ví như những vai hề trên sân khấu, có khi giễu xỏ nhau ở rạp hát để thiên hạ mua vui. Nhưng diễn xong trò, ta vẫn là ta, bạn đồng nghiệp cả, việc quái gì mà giận nhau!”

Từ đó, chúng tôi lại càng quý mến Tản Đà và đi lại cùng nhau thân mật hơn. Đến thời *Ngày Nay* khi Tản Đà đã qua nhiều lần thất bại trong nghề làm báo, thể theo lời mời của anh Tam, nhà thơ cộng tác với báo trong mục làm thơ Đường. Ở đây lại rõ cái tài của anh Tam biết thích dụng nhân tài.

(...)

Báo *Phong Hóa* ngày càng được bạn đọc tin yêu, số in tăng vọt lên đến 1 vạn, con số kỷ lục. Sách của “Tự lực văn đoàn” ra nghìn nào hết nghìn ấy, có quyển in lại đến lần thứ tám. “Tự lực văn đoàn” thực hiện được hai giải thưởng về văn, hai giải thưởng về thơ, đặc biệt là có một giải khuyến khích về thơ tặng một phụ nữ, cô Anh Thơ, trong nhóm “Sông Hương” (tỉnh Bắc Giang), tác giả tập *Bức tranh quê*, một tập thơ mới có màu sắc, có hồn thơ riêng biệt: chỉ tả cảnh với những nét thơ mộc mạc nhưng trong sáng, không nói ra sự đối cảnh sinh tình của tác giả, dành phần kết luận cho người đọc.

Buổi phát giải thưởng tại Tòa báo thân mật mà không kém phần long trọng: bàn kê hình chữ T.L. Tiệc trà có một điểm cầu kỳ là những chiếc bánh kem thừa riêng cho khách quý được giải thưởng, tên khách, viết bằng đường màu, nổi bật trên chiếc bánh.

Tôi nhớ nhất là Tú Mỡ đã được hân hạnh trao giải thưởng cho nữ thi sĩ Anh Thơ, hôm ấy mặc áo lụa tím, cổ đeo kiềng vàng, duyên dáng rất... anh thơ.

Và tôi còn nhớ mãi: sau khi tiệc tan, khách đã về hết, chỉ còn mấy anh em nhà, anh Tam nói một câu rất tình tứ: “Chúng ta chiếu cố đến chị em phụ nữ mà tặng giải khuyến khích cho cô Anh Thơ, nay mới biết thật là đích đáng, về thơ cô đẹp và đôi mắt cô cũng đẹp (nguyên văn nói bằng tiếng Pháp “pour les beaux yeux de mademoiselle”).”

Sau cuộc tặng thưởng văn chương đó “Tự lực văn đoàn” càng được tin nhiệm trong giới văn học.

(...)

Báo *Phong Hóa* ngày càng được cảm tình của công chúng bình dân, họ coi đó là tờ báo của



mình, độc giả ngày càng nhiều và gửi bì đến đóng góp ngày càng lắm. Được sự hỗ trợ của quần chúng, bộ biên tập càng hăng hái, càng viết mạnh bạo hơn, đi đúng vào tâm lý quần chúng, yêu cái gì quần chúng yêu, ghét cái gì quần chúng ghét. Quần chúng càng có cảm tình thì bọn thống trị càng để ý như cú dòm nhà bệnh, nhưng vẫn không tóm được cái gì sơ hở để đóng cửa báo, vì tòa soạn luôn luôn đề cao cảnh giác và có đủ mưu kế để “chơi nhau” với “mụ đầm kiểm duyệt.”

Tuy vậy anh Tam hiểu biết tình thế bất trắc và đề phòng một ngày xấu kia, báo có thể đột nhiên bị đóng cửa, nên xoay xở cho ra một tờ báo nữa làm “bánh xe sơ cua,” tờ *Ngày Nay*, một tờ báo hiền lành, với nội dung văn chương, khoa học, xã hội, mỹ thuật, chính trị thường thức v.v... Số đầu tiên ra ngày 27 Janv. 1935.

Hai tờ báo của “Tự lực văn đoàn” đi song song với nhau một thời gian không dài lắm. Vào khoảng 1936, cái tai nạn bất ngờ mà anh Tam phòng trước xảy đến: *Phong Hóa* bị đóng cửa, nghe đâu chỉ vì đã đăng truyện “thần thoại tân thời” *Hậu Tây du*, truyện thực ra chẳng có gì quái ác, chỉ là một thứ truyện khôi hài nhạo nhại truyện *Tây du* của Tàu, với những nhân vật mới trong triều đình Huế như Phạm Quỳnh, Nguyễn Tiến Lãng v.v... phò hoàng đế Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương sang Tây. (...)

Có thể nói *Ngày Nay* là hình ảnh chân thực của tâm trí mọi tầng lớp bình dân trong nước, là người bạn tri kỷ, vui vẻ khuyên nhủ mọi người, mách bảo những sáng kiến hay, cần thiết cho cuộc đời mới. Việc biên soạn do những cây bút cũ của *Phong Hóa* cùng nhiều nhà văn mới hợp thành một đội ngũ hài hòa.

(...)

Mỗi năm số báo Tết là cả một sự nhộn nhịp phi thường; làm việc chúí mũi, chúí tai, nhưng vui thực là vui, vui quên cả mệt. Có một lần, tôi cùng với Thế Lữ làm chung phần thơ ca cho số Tết 1939, tại nhà riêng anh ở phố Thái Hà, làm hì hục suốt cả một đêm cho kịp ngày mai báo lên khuôn, làm xong mới thấy phờ người... Nhưng bao nhiêu công khó nhọc được đền bù bằng sự vui sướng, thấy cảnh tấp nập của ngày báo phát hành. Tòa báo bận rộn như một nhà có việc vui mừng, các trẻ em bán báo đến lĩnh báo vui tíu tít như một bầy chim sẻ, rồi tản vù đi các phố, tiếng rao lanh lảnh “*Ngày Nay* số mùa Xuân ơ...!” Các bạn đọc sẵn đón món quà Tết hằng năm không thể thiếu... (...)

Thời kỳ trước *Phong Hóa*, tôi mới học nghề, thời *Phong Hóa* tôi vào nghề, và thời kỳ *Ngày Nay* tôi đã tương đối lành nghề. Được học hỏi anh em trong thực hành, cầm cán bút vững chắc hơn, ngoài thơ trào phúng, tôi còn muốn làm cả món trữ tình nữa. Nhưng sau khi viết thử vài đoạn đầu một bài trường thiên nhan đề *Tháng ngày qua* (nói về lòng người thay đổi với thời gian), thấy không được đăng, tôi hỏi, thì anh Tam nói thực ngay, không cần úp mở. “Dở quá! Anh cứ nên chuyên về thơ, trào phúng, tốt hơn.” Tôi còn thử viết cả phóng sự nữa, viết những bài tường thuật trào lộng theo kiểu Nhất, Nhị Linh, Lê Ta... Thế mà viết được mới cừ chớ! Mấy bài: *Đi xem hội chợ Yên Bái, Chợ Phiên Việt Nam, Ông X. nói chuyện Thơ Mới bằng tiếng Tây ở Hội Trí tri, Cuộc đá bóng của phụ nữ ở bãi Bắc Qua* được đăng báo và các anh khen “chơi được!” khiến Tú Mỡ thỉnh thoảng lại cao hứng khoác áo “Lồng phóng viên” viết đổi tay.

(...)

“Tự lực văn đoàn” khi ra đời chỉ có chủ định làm việc văn chương. Nhưng hoàn cảnh thúc đẩy, thời kỳ này một số anh em bước vào đường làm chính trị, dù muốn hay không muốn. Một buổi tối họp mặt, anh Tam bảo tôi: “Đã đến lúc chúng ta phải hoạt động chính trị để giành lấy chính quyền. Cái chính phủ Trần Trọng Kim này không làm nên trò trống gì đâu. Nhật không nuốt nước ta được, vì Mỹ không để cho nó chiếm cái cửa ngõ Á Đông. Chúng ta cần phải vào một tổ chức cách mạng để khi thời cơ đến, sẽ đứng ra giành chính quyền. Hiện giờ anh em trong đoàn đã vào đảng Việt Cách hoạt động bí mật, anh cũng nên vào...”

Tôi thú thực: “Tôi không biết làm chính trị. Trước đây anh Sắc đã rủ tôi vào Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tôi chỉ xin đứng ngoài ủng hộ; khi cần đến việc gì tôi có thể giúp được, tôi sẵn lòng làm ngay. Bây giờ cũng vậy thôi.” Anh Tam cũng không nài ép. Tôi hỏi lại anh: “Sao anh không vào Việt Minh?” Anh trả lời: “Việt Minh là cộng sản. Họ chủ trương giành chính quyền bằng súng, sẽ gây ra chiến tranh chết chóc và tàn phá. Vả lại Mỹ sẽ chống cộng, Mỹ vừa giàu vừa mạnh. Ta đi với một đảng thân Mỹ rất có lợi, ta sẽ đấu bằng chính trị, không phải bằng đổ máu ít ra cũng giành được quyền tự trị. Mỹ nó chả cần cướp nước để cai trị như Tây. Ta đi với Mỹ để cho nó buôn bán với ta, đem tiền của mở mang kỹ nghệ, nó có lợi mà ta cũng có lợi...”

(...)

Đến khi Cách mạng tháng tám thành công, làm xong Tổng tuyển cử, thành lập chính phủ Liên hiệp, trong đó anh Tam được ghé Bộ trưởng ngoại giao, anh Long Bộ trưởng kinh tế, tôi khắp khởi mừng “Tự lực văn đoàn” có cơ hội phục, tan rồi lại hợp. Nhưng tôi đã mừng hụt. Thế lực nước ngoài chi phối các đảng phái phản động, khiến những kẻ cơ hội xông ra tranh quyền cướp vị, đi tới phần nước hại dân.

(...)

Ô hô! Người bạn tri ngộ cũ của tôi! Trí tuệ thông minh như thế, ưa hoạt động như thế, yêu đời như thế, có chí lớn như thế, yêu nước như thế, chỉ vì làm đường mà đến nỗi tai hại như thế, chết thê thảm như thế!

Viết bài hồi ký này đến đây, tôi không khỏi bùi ngùi tiếc nuối! “Tự lực văn đoàn” có những ước mơ tốt đẹp. (...)

Ồi! “Tự lực văn đoàn” nay đã thuộc về dĩ vãng. Nhiều anh đã là người thiên cổ, chỉ còn sót lại ba chúng tôi, Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu. Kể về công, anh em đã thực hiện được mục đích của đoàn, điều chính là làm giàu thêm văn sản trong nước, đã có một đóng góp đáng kể vào văn học Việt Nam, tạo cho đoàn một tiếng tăm vang dội một thời, một thành tích mà các văn đoàn khác ra đời sau không đạt được, một chân giá trị riêng trong một giai đoạn nhất định mà giới văn học ngày nay và ngày mai phải công nhận. Đường lối “Dân tộc, khoa học, đại chúng” mà Đảng ta nêu lên trong Đề cương văn hóa, “Tự lực văn đoàn” đã thực hành từ trước. Quan điểm “Nghệ thuật vị dân sinh,” tuy trên giấy trắng mực đen đoàn không nêu, trong tôn chỉ, nhưng trong thực tế, anh em đã hành động theo quan điểm đó (...).

*Láng, 12 tháng 8 năm 1969*

*Nguồn: “Nhất Linh, người chiến sĩ - người nghệ sĩ”, Nhiều tác giả, Thế Kì xuất bản, 2004*

## Búng ruồi

Cụ Ân nghiêng người nhắc cái vung nồi cá kho dứa đặt trên cái hoả lò con nhìn vào trong nồi và hít mũi mấy cái. Lửa cá kho này cụ thấy ngon hơn mọi lần. Trong đời cụ, cụ chỉ thích nhất ăn cá kho dứa, mùa nào không có dứa tươi thì cụ nấu cá với dứa hộp và Hải đi Hà Nội mua đạn bao giờ cũng nhớ mua mấy hộp dứa biếu cụ. Độ trước khi cụ Ân ông còn sống bắt cụ rời nhà quê lên ở trên tỉnh, cụ được ném đủ các thứ sơn hào hải vị nhưng cá kho dứa cụ vẫn thấy ngon nhất. Cá kho ăn lại đỡ tốn, mỗi miếng cá bé tí cũng ăn được bao nhiêu là cơm. Vì thế hễ cứ lần nào có người biếu thì cụ lại có nồi cá kho. Biết tính cụ nên có ai biếu cụ là biếu cá và phải là cá còn tươi nguyên. Cụ tự tay kho lấy và kho xong thì cụ treo ngay trên giường cụ ngồi, vừa tầm tay với.

Cụ đập vung nồi và tay lại cầm lấy cái que đập ruồi. Chỉ trừ lúc già trâu ở cối, còn thì lúc nào tay cụ cũng cầm que đập ruồi. Cụ ghét và sợ ruồi lắm. Nhưng ở chung quanh chỗ cụ ngồi thì lại có đủ các thứ để nhử ruồi đến thật nhiều; ngoài nồi cá, lại có những sâu cá mắm, những chai mật ong và những quả chuối bao giờ cũng chín đen chín nát. Vì cụ bại một chân đi phải chống nạng nên ít khi cụ đi lại. Giang sơn cụ và cả đời cụ vì thế thu hẹp trong phạm vi cái giường cụ ngồi. Tất cả những thứ gì cụ cần dùng đều để ở trên giường và ở cái tủ chè cạnh giường. Chỉ trừ có số tiền cụ để dành được là cụ giấu ở chỗ khác.

Vì cụ không đi lại được nên chỉ đánh được những con ruồi ở trên giường. Để bắt ruồi chung quanh giường cụ nuôi cò ruồi, nhưng con cò không được bắt ruồi trên giường. Có con ruồi nào vừa bay đến đậu trên chiếu mà con cò định mổ thì cụ đã nhanh tay đập tranh trước; đập xong cụ hất ruồi xuống đất cho cò ăn. Lần nào con cò nhanh hơn mổ cướp của cụ một con ruồi trên chiếu là cụ lấy cán que đập ruồi đập vào đầu con cò một cái để phạt nó hỗn. Có một con cò lâu dần hiểu được chỗ đó nên không bao giờ mổ tranh ruồi của cụ; cụ thích lắm và khoe với tất cả mọi người, nhưng sau con ấy bị chó cắn chết mất.

Gian nhà cụ ngồi thành thử chia ra ba tầng rõ rệt. Tầng trên là cái giá treo đựng các thức ăn; tầng giữa là cái giường cụ với đủ các thứ đồ dùng như ống nhỏ, ống vôi, hoả lò, than củi, ấm nước, chăn gối; tầng dưới cùng là cái nền nhà trống không với một con cò ung dung đi qua đi lại.

Mùa đông ít ruồi, nên con cò đứng yên lặng đầu đặt trên cánh thiu thiu ngủ dưới nắng ở chỗ bực cửa. Cụ Ân đưa mắt tìm nhưng không thấy một con ruồi nào, thấy có con nhện con, cụ đập nó một cái và hất xuống đất. Con cò nghe tiếng đập, mở mắt, ghéch mỏ nhìn vào rồi lại đặt đầu trên cánh nhắm mắt ngủ. Cả cái áp rộng, không có một tiếng động. Hai vợ chồng Hải hôm ấy sang bên Bằng thăm một người anh cả và cho cả hai đứa con đi. Bác Huệ làm vườn thì ra bới khoai ở đâu phía sông.

Cụ Ân bỗng lắng tai nghe. Hình như có tiếng người gọi cổng. Tiếng gọi lần thứ hai to hơn; gọi tên bác Huệ nhưng tiếng người thì lại là tiếng người lạ, chưa từng nghe thấy lần nào. Cụ Ân đã gần bảy mươi tuổi nhưng tai cụ còn sáng lắm. Chỉ nghe tiếng gọi cũng biết được người gọi cổng là ai và ít khi cụ lầm. Lần này cụ gọi bác Huệ đến, dặn cẩn thận xem đích xác là ai và báo cụ trước rồi mới được mở cổng. Cụ nghĩ đến số bạc để dành của cụ. Nhà có súng nhưng Hải hôm nay lại đi vắng cụ cần đề phòng.

Một lúc bác Huệ vào trình:

- Bẩm cụ lớn, cậu giáo Đông ạ.

- Cậu giáo Đông nào?

- Bẩm cụ lớn, cậu giáo Đông, con cụ trợ tá Tiên Yên. Hồi cụ lớn nhà ngồi ở phủ Tiên Yên thì cụ thân sinh ra cậu giáo làm trợ tá. Cậu ấy lúc đó còn bé nhưng con cũng còn nhớ mặt.

Sự thực bác Huệ không nhớ được mặt vì ông giáo Đông không bao giờ là con ông trợ tá Tiên Yên cả. Cụ Án hết lo ngại:

- Mời ông ấy vào.

Bác Huệ mở cổng, nhìn Đông từ đầu đến chân:

- Giá đi ngoài phố gặp cậu thì cháu quả không sao nhận ra được. Cậu nói tên ra, cháu nhớ lại rõ lắm.

Bác Huệ khép cửa rồi cuống quýt đưa ông giáo Đông vào. Bác mừng lắm vì bất cứ một sự gì có liên quan đến đời bác lúc đi hầu cụ Án ở các huyện phủ cũng làm bác vui sướng như được sống cái thời vinh quang đã qua.

- Bẩm cậu, quan lớn Trợ nhà ta...

Đông vội vàng đáp:

- Thầy tôi đã mất.

Nói thế, nét mặt Đông cũng buồn hiu như là cha mình chết thật rồi. Bác Huệ thấy câu hỏi của mình làm Đông buồn vội nói sang chuyện khác:

- Bẩm cậu, thuở bé cậu hay sang bên vườn hái lựu lắm.

- Bây giờ tôi cũng vẫn còn thích ăn lựu như thuở bé.

Đông nghĩ cần phải lấy lòng bác Huệ:

- Bác trẻ lâu nhỉ. Tôi trông bác vẫn y nguyên như ngày trước.

Vào đến nhà, Đông đi thẳng đến chỗ cụ Án ngồi, hai tay giơ ra đằng trước, tươi cười nói:

- Bác còn nhớ cháu không? Cháu trông bác vẫn thế, chỉ khác cái tóc bạc. Cháu về đây mấy tháng mà đến hôm qua mới biết bác là bác Án Tiên Yên. Cháu mừng quá vội vào thăm bác.

Cụ Án thì không nhớ lại một tí gì, cả đến ông Trợ Tiên Yên cụ cũng không nhớ là ai và nếu có ông Trợ Tiên Yên thì cụ có được nhìn mặt ông ta hay không cụ cũng không biết. Cụ mời:

- Ông ngồi đây.

Đông thân mật ngồi ngay xuống giường. Mắt chàng đưa nhìn nải chuối treo trên giá.

- Bây giờ bác còn nhiều chuối như trước nữa không?

Đông thân mật mở cái nồi cá, nói:

- Thơm nhỉ.

- Cá kho dưa dấy.

- Cá kho dưa thì ăn ngon lắm. Cháu vẫn thích nhất cá kho dưa. Hôm nào lại, bác cho ăn nhé.

Cụ Án nhìn Đông tươi hân nét mặt, nói:

- Có phải không. Yếu tôi ăn nhiều lần, ăn nhạt phèo mà tốn bao nhiêu là tiền... Bây giờ ông làm gì?

Đông đưa mắt thấy bác Huệ vẫn đứng ở bực cửa:

- Thừa bác cháu dậy học.

Cụ Án rót nước chè ở cái ấm vào một cái chén đã cáu ghét.

- Nước chè mạn kinh niên dấy.

Đông nhấp một hớp nhỏ và mỉm cười. Có lẽ vì là chè mạn kinh niên nên như có mùi thiêu.

Cụ Án đập một con ruồi trên áo Đông rồi gạt xuống cho con cò đứng đợi ở dưới. Đông giật mình nhìn xuống áo. Cụ Án vội nói:

- Tôi đập bao giờ cũng có ngữ chỉ vừa chết chứ không bao giờ nát con ruồi. Ông không sợ bẩn áo.

Một lúc sau lại có con ruồi đậu trên thành chén của Đông. Cụ Án giơ que rình đợi nó bay xuống chiếu để đập. Đông đưa tay hất một cái bỏ ra chiếu một con ruồi chết. Cụ Án nhìn Đông lấy làm ngạc nhiên lắm.

- Thừa bác, cách bắt ấy cũng không khó gì. Cần phải đón đầu nó, con ruồi tự khắc vào nằm trong tay mình.

Cụ Án giơ que đập thêm con ruồi một cái rồi hất xuống đất. Đông đưa mắt tìm và thấy một con ruồi đậu ở trên cái que bình vôi, giơ ngón tay búng một cái, con ruồi rơi lặn xuống chiếu. Cụ Án nhìn, mỉm cười một cách ngây thơ như đứa trẻ con:

- Hay nhỉ.

- Thừa bác, cháu mà ngồi đây một buổi chiều thì nhà này bói cũng không ra một con ruồi nào nữa.

Nhưng Đông nghĩ thầm mình đến đây không phải để búng ruồi cho cụ Án. Vẫn thấy bác người nhà cứ đứng ở bực cửa nghe chuyện, chàng tức mình lắm nhưng không nghĩ được cách nào để làm cho bác ta đi chỗ khác. Trong lúc đợi, Đông xoay câu chuyện về đạo Tin lành:

- Thừa bác, bao giờ cũng thế ở lành thì gặp hiền. Đạo Tin lành cả nước Mỹ theo, vì thế họ vẫn mình gấp hai nước Pháp. Cả người Tàu bây giờ cũng bỏ đạo Phật, đạo Khổng, theo đạo Tin lành, bác ạ.

Rồi Đông mở cặp rút ra mấy cuốn sách về đạo mở qua cho cụ Án xem tranh vẽ. Cụ Án nói:

- Tôi bây giờ già rồi chẳng hiểu gì cả.

Đông không cần cụ Án hiểu hay tin đạo: trông vẻ mặt cụ nhìn Đông thấy rõ là cụ đã tin mình lắm. Nhưng sao bác người nhà đứng kia lâu thế? Đông dăm dăm nhìn vào gáy bác Huệ và thâm ra lệnh:

- Đi đi! Đi đi!

Chàng có nghiên cứu về thuật thôi miên và đã có lần làm một đứa trẻ con ngủ thiếp đi. Nhưng còn nhìn vào gáy một người và bắt người ấy đi thì chàng không dám tin là công hiệu. Bác người nhà vì thế vẫn đứng yên và Đông lại phải kéo dài câu chuyện về đạo Tin lành.

Sau cùng cụ Án bảo bác Huệ:

- Bác ra dỡ nốt chỗ khoai để chóc nửa luộc một mẻ. Cậu Ấm vợ Ấm đi về chắc là đói bụng.

Đông nhẹ hẫng người. Chàng kéo dài thêm câu chuyện về đạo một lát cho cụ Án khỏi nghi rồi chuyển sang việc để dành tiền.

- Thừa bác cháu dậy học cũng không kiếm được bao nhiêu, lại cần đi nơi này nơi khác, tốn kém quá. Nhưng không đi không được, đức Chúa Trời không cho. Cũng may ông chủ nhất công ty Công Ích để dành tiền lại là một người theo đạo Tin lành, ông ấy cho cháu giữ độc quyền cả một tỉnh này. Nhờ thế cháu được ít hoa hồng, đủ chi dùng trong lúc vì Chúa Trời phải đi đây đi đó.

Rồi chàng vừa đặt tay lên cái cặp da vừa giảng giải về cách thức để dành tiền, về lợi ích của nó và thấy cụ Án chú ý nghe. Chàng rút các giấy má của hãng Công Ích ra đưa cụ Án xem:

- Thừa bác, đây là giấy để dành tiền của cụ Hoàng làng Trò. Cụ muốn có cái vốn chắc chắn cho cậu con út; đưa cho cậu con thì sợ cậu tiêu mất, để dành vào công ty thì tháng tháng có lãi mà nếu mở sổ trúng thì vốn tăng gấp đôi gấp ba ngay.

Đông mở tờ nhật trình cũ:

- Tháng vừa rồi, báo có đăng ông Tổng Nghi Xương trúng số một trăm.

Cụ Án hỏi đột ngột:

- Báo có đăng cơ à? Trúng một trăm cơ à?

Đông nhìn cụ Án ngẫm nghĩ không biết cụ Án hỏi thế thì việc đáng tin hay là cụ sợ trúng số nếu đăng trên báo, ai cũng biết cụ có tiền để dành. Chàng nói:

- Đăng trên báo là tùy ý riêng người ấy có bằng lòng không, còn hãng thì cần phải đăng báo để tỏ ra mình không có gì khuất tất. Mỗi lần xổ số có đủ hết các quan tây, quan ta ở tỉnh chứng kiến. Cụ Sứ Ê-đà...

Cụ Án nhắc lại:

- Cụ Sứ Ê-đà à? Cụ ấy có về chơi đây một lần hồi còn mồ ma ông nhà tôi. Cụ ấy bắt tay tôi làm tôi ngỡ ngàng quá. Cụ ấy ăn được cả mắm tép nữa.

Rồi cụ Ân nói mãi về ông Sứ Ê-đà và quên cả câu chuyện để dành tiền. Đông phải đưa câu chuyện quay về việc cũ.

- Cụ Ê-đà, thưa bác, bây giờ đứng đỡ đầu cho hãng Công Ích. Đây bác xem.

Đông vừa nói vừa chỉ vào chữ tên Edouard viết ở góc giấy. Cụ Ân không biết đọc chữ nhưng cũng nhìn chăm chú vào mấy chữ dưới ngón tay Đông.

- À, cụ Sứ Ê-đà đấy à? Cụ còn sống.

Cụ Ân vừa nói vừa lặng yên đập một con ruồi ở vành khay mà con cò định mổ tranh.

Đông đáp:

- Vâng, cụ ấy năm nay bảy mươi sáu. Trông cụ cũng còn hồng hào khỏe mạnh lắm. Cụ ấy ngày nào cũng uống rượu và thỉnh thoảng lại bắt chấu hầu rượu.

Đông và cụ Ân cùng ngừng đầu lên một lượt. Hải chạy vào mặt hầm hầm tức giận:

- Thưa đẽ, thế nào mà công ngõ lại mở tung cả ra thế kia?

Đối với tất cả mọi người trong áp việc quên đóng công là một tội to lắm.

Cụ Ân nói:

- Cái bác Huệ thế thì thôi.

Rồi cụ cất tiếng gọi bác Huệ lên. Hải lúc đó mới để ý đến Đông và gật đầu chào nhưng chàng không cất tiếng vì không biết Đông là ai và không hiểu vì lẽ gì tự nhiên lại ngồi nói chuyện với cụ Ân. Đông vội thu các giấy má đút vào cặp nhưng Hải cũng đã nhìn được hai chữ Công Ích ở góc giấy.

Bác Huệ lên chấp tay đứng đợi:

- Bẩm cụ Lớn gọi con.

Thấy nét mặt đầy tức giận của Hải, Đông yên trí thế nào khi bác Huệ lên Hải cũng mắng cho một trận, nhưng chàng ngạc nhiên thấy Hải cứ đứng yên, còn cụ Ân chỉ nói rất ngọt ngào với bác Huệ:

- Bạn sau đừng có thế nữa.

Bác Huệ cúi đầu miệng lầm bầm "dạ, dạ", bác chịu nhận lỗi nhưng bác không biết là lỗi gì và cả Hải cả cụ Ân cũng không ai nghĩ đến chỗ chưa bảo cho Huệ biết.

Đông thấy cụ Ân "mắng" thế xong, thì cả cụ và Hải đều hết tức giận. Cụ Ân nói với Hải:

- Này Ấm ạ, để dành tiền hay đáo đẽ, chỉ tiếc là nhà không có tiền để để dành.

Đông không thấy cụ Án giới thiệu mình với Hải là con ông Trọ Tiên Yên. Cụ nói thế vô tình bảo cho Hải biết chàng đến để cổ động bán phiếu. Chàng cho thế là may, vì nếu Hải hỏi lâu về ông Trọ thì sự nói dối của chàng sẽ lộ.

Đông lấy làm mừng là đã nói kịp với cụ Án những điều cần nói. Chàng biết chắc là cụ Án có tiền để dành đúng như lời bà Ký Án đoán. Cụ lại có tính hà tiện: cá kho dưa ngon hơn yến, nước trà thiu và những quả chuối để đã đen nát đủ chứng tỏ điều đó và như thế tất cụ tham lợi. Bác Huệ mới quên đóng cổng có một lúc mà cả nhà đã xông xao, vậy chắc cụ lúc nào cũng lo sợ kẻ cướp. Cụ lại sợ đăng tên lên báo, như thế là cụ tỏ ý muốn để dành tiền để mong trúng số. Còn tin thì chắc là cụ tin rồi, tin vì có cụ Sứ Ê-đà.

Đông định đứng lên cáo thoái thì vừa lúc đó mợ Ấm ở nhà trên đi xuống. Nàng không để ý đến Đông, cười bảo chồng:

- Cái súng hầy còn nguyên, cậu ạ.

Đông nhìn mợ Ấm và thấy nàng đẹp không kém gì Mùi; nàng đẹp một cách phúc hậu. Mới trông thoáng và chỉ nghe mợ Ấm nói một câu thôi, chàng cũng đã biết chắc là mợ Ấm ngây thơ như trẻ con, hay ngây ngô thì đúng hơn. Lúc mợ Ấm cười, mợ không há miệng, chỉ cười ở trong mũi, nghe như tiếng gù của chim bồ câu và Đông thấy tiếng cười ấy hơi giống như tiếng rên của những người đàn bà chàng được ôm trong tay. Đông lại không định bụng đi ngay nữa. Chàng nhắc chén chè và uống hết chỗ nước chè thiu một cách khoan khoái. Chàng nói với Hải, mắt vẫn không nhìn mợ Ấm:

- Nghe nói ông bắn giỏi lắm?

Hải chưa kịp trả lời, Đông đã nghe thấy Duyên cười và cũng cười như lúc nãy. Hải đáp:

- Ở nhà quê không có việc gì thì đi săn lắm nhằm cho vui.

Mợ Ấm nói:

- Nhà tôi hay đi bắn vịt trời.

Đông thấy mợ Ấm không để ý gì đến mình; mợ Ấm nhìn chàng, rõ ràng nói chuyện với chàng nhưng vẫn coi như là chàng không có đấy hay có đấy nhưng chỉ là một người quen đã lâu lắm không cần để ý. Vì thế mợ Ấm cũng không chào hỏi gì Đông, và Đông cũng nghĩ không cần đứng lên chào. Đông nói với mợ Ấm:

- Thịt vịt trời ngon lắm, nhưng phải biết cách làm... ngon nhất là vịt trời nấu sốt cay.

Duyên ngắt lời hỏi:

- Nấu vịt trời có cần cho sả không, ông?

- Thừa bà không. Cần phải cho rượu vang hay rượu trắng. Thế thường bà nấu vịt trời với gì?

Mợ Ấm đáp:



- Thường thường ấy à? Thường thường thì tôi chỉ nấu vịt nhà.

Nàng lại cười và đưa mắt nhìn chồng. Đông thầm nghĩ vợ Ấm có vẻ hóm hỉnh chứ không ngây ngô như lúc nãy chàng tưởng. Chàng nhìn Hải và nói:

- Để hôm nào tôi đi Hà Nội tôi cũng lấy cây súng của tôi về đây cùng ông đi bắn vịt trời cho vui. Bắn vịt trời thì vui lắm nhưng phải cái lợi bùn khô. Có lần tôi đi bắn suýt bị sa lầy, phải gọi người đến kéo lên.

Chàng vừa nói vừa cười. Chàng không có súng nhưng có thể mượn súng của bạn. Bắn vịt trời ở vùng nhà quê này thì chẳng sợ ai khám. Có cùng đi bắn với Hải thì mới có dịp gặp vợ Hải luôn được. Bà Ký Án nói vợ Ấm cũng có của riêng; nếu không có cách gì năng đi lại luôn thì không tài nào gặp riêng được một người đàn bà trẻ đẹp mà lại sống cấm cung như nàng.

Mợ Ấm thấy Đông nói đến sa lầy, sợ hãi bảo chồng:

- Thôi, cậu đừng đi bắn vịt trời nữa, sa lầy chết.

Hải cũng sợ hãi vì thấy Đông nói định đi bắn vịt với mình; vì thế chàng nói với vợ:

- Phải đấy, tôi không nghĩ đến sa lầy.

Cụ Án cũng chợt nghĩ đến chỗ máy đưa con trước đều chết về tai nạn:

- Thôi Ấm cũng đừng đi săn nữa. Để đạ giữ trộm cướp còn hơn.

Đông thấy mình nói hớ một tí mà mưu mô thành hồng cả. Chàng không bực mình vì câu nói làm mất dịp đi lại gặp mợ Ấm; thực ra nghĩ lại chàng thấy sự làm thân với Hải một người đàn ông là con và chồng hai người đàn bà có tiền, là một sự rất nguy cho công việc bán phiếu. Chàng sẽ tìm cách khác để có được cả người đàn bà, cả tiền. Chàng bực mình chỉ vì chàng đã cố tránh nói hớ mà vẫn không tránh khỏi. Trong nghề chàng một câu nói hớ có thể làm mất hàng chục bạc là thường. Chàng vác cặp đứng lên và từ lúc Hải về cho đến lúc đó, chàng mới lại nói với cụ Án:

- Thôi bác cho cháu xin phép. Hôm nào thông thả cháu lại xin đến hầu bác và ăn chuối, ăn cá kho.

Cụ Án hỏi:

- Ông giáo ở đâu?

- Thưa bác cháu ở ngoài Xóm Cầu Mới.

Đông nhớ lại mình đã nói chuyện với cụ Án là có hai nhà, một nhà ở phố Phủ và một nhà ở Xóm Cầu Mới; trước kia cụ không để ý đến chỗ ở của mình mà bây giờ cụ lại để ý. Đông biết chắc là cụ sẽ mua phiếu.

Chàng cúi xuống búng một con ruồi ở mép khay, vắt xuống và hất tay để bắt một con ruồi đang bay. Ruồi đang bay ít khi bắt được thế mà lần này may quá, chàng hất có một cái đã bắt ngay được nó. Chàng cười đưa cho cụ Án xem con ruồi nằm trong kẽ tay rồi lại thả cho nó bay đi. Cụ Án nhìn rồi cất tiếng cười như trẻ con bảo con trai và con dâu:

- Ông ấy giỏi hơn cò ruồi nhiều.

Đông cũng cười sung sướng, chàng sung sướng vì cái may bắt được ruồi là cái triệu chứng báo trước sẽ lấy được tiền của cụ An. Hai vợ chồng Hải thì không cười gì cả: thấy ông bán phiếu để dành tiền lại dám gọi mẹ mình là bác, tự xưng là cháu, đòi đến ăn chuối ăn cá kho và bắt ruồi nghịch với mẹ mình, cả hai người đều ngỡ ngác nhìn Đông như nhìn một con vật lạ. Đông thì tưởng họ ngỡ ngác vì phục cái tài bắt ruồi bay của mình.

## Bài văn truy điệu Vũ Hoàng Chương

*Than ôi! Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi; việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.*

*Muốn gào to hồn phách anh linh; để vọng khắp giang sơn tam biển.*

*Nhớ xưa tiên sinh: Chào đời khi gió nổi Đông du; mài thép dưới trăng mờ Thế chiến.*

*Nghiep truyền gia giáo, thuở nhập môn từng đất Bắc vui quê; vai nặng quốc thù, bước du học lại trời Tây vượt biển.*

*Rèn chí đấu tranh; đua tài hùng biện.*

*Chí khí ngày kia một kiên cường; tài năng ấy càng thêm phát triển.*

*Bao năm xuất ngoại, đã lưu tâm tại chỗ, từng mưu lừa chước dối thực dân; một sớm hồi hương, lại ngửa mắt trông ra, cả tấn kịch trò hề phong kiến.*

*Thi văn đoàn Tự lực thế tất phải xung phong; mà tuần báo Ngày nay phải kịp thời xuất hiện.*

*Vì dân vì nước đẩy mạnh phong trào; có chí có gan thiếu gì phương tiện.*

*Nào hia với hốt, phá cho tan trò hoạn lộ thanh vân; nay cấp mai bằng, cười đến tỉnh lữ thư sinh bạch diện.*

*Từ đó tiên sinh: Lấy văn đàn làm nơi bá tánh, cò phất dọc ngang; giữa chính trường cao giọng lập ngôn, bút mài sắc bén.*

*Làm sống lại tinh thần Yên Bái, nửa bước không lùi; cuốn ào lên tâm huyết Quốc dân, một dòng thẳng tiến.*

*Bôn ba nơi hải ngoại, Hàng Châu, Quỳ Châu, Liễu Châu; đối lập mọi cường quyền, chống Pháp, chống Cộng, chống Diệm.*

*Ai hay: Gió gọi chưa lên; giờ nghe đã điểm.*

*Giữa cao trào Phật giáo, để hoàng dương chính pháp, lừa từ bi vừa thượng toạ thiêu thân; nêu đại nghĩa Nho gia, nhằm cảnh cáo độc tài, chén tân khổ cũng tiên sinh tuyên chiến.*

*Sét ngang tai, bạo lực thấy ghê hồn: Trời cúi mặt, không gian chờ nẩy điện.*

*Lửa-Cách-Mạng dâng về thư tuyệt mạng, thôi rồi tay lãnh tụ! Khấp các giới: thức giả, bình dân, sinh viên, đồng chí, cùng dạt dào tim vỡ máu sôi; Người-Quay-Tơ đành bỏ trống guồng tơ, đâu nữa mặt kinh luân? Cả bốn phương: Cà Mau, Thuận Hoá, Bến Hải, Nam Quan, nghe giục giả sông đời núi chuyển.*

*Nhưng đau đón thay: Phút hạ huyết sủng gươm vây kín, muôn dòng châu đứt nối chưa tròn; buổi cầu siêu hương khói âm thâm, bao tiếng khóc dở dang còn nghẹn.*

*Cho nên hôm nay: Mừng quốc gia vừa khắc bạo trừ hung; đẹp hy vọng sẽ hà thanh hải yến.*

*Dân chúng thủ đô hướng về tiên sinh: Lễ Truy điệu mở đầu năm dương lịch, chạnh tường còn dâu bãi bể, đốt hương lòng toả khắp mười phương; vườn Tao Đàn rung hết đợt âm giai, trông ra ngọn cỏ lá cây, hoà nước mắt vẩy quanh một chén.*

*Mong cảm tới tiên sinh: Dám nề chi u hiển.*

*Hỡi ơi: Tố Đoạn-tuyệt thành hồ đoạn tịch, mộng dẫu chơi vui nửa cuộc, sử còn thom danh liệt sĩ Tường Tam; Phượng Nhất Linh hê thiên nhất phương, lầu tuy ngơ gác bên sông, gió vẫn nổi tiếng vãn hào họ Nguyễn.*

(Sài Đô, 5-1-1964)

## Bác Hòa hàng cơm

Bến Cháy có độ mười nóc nhà và trong đó có hàng cơm của bác Hoà. Mỗi lần Căn kéo xe đến vùng lân cận đấy, vì xa Xóm Cầu Mới đêm tối không về được nên thường phải ngủ trọ ở hàng cơm bác Hoà, sáng hôm sau đón khách mới để khỏi phải kéo xe không về. Vì bến Cháy xa, nên họ hoàn lắm mới có khách.

Lúc kéo xe qua, thấy bác Hoà ở trong ngưỡng mặt nhìn ra, tự nhiên Căn thấy vui vẻ như là vẫn mong đợi được gặp mặt nàng từ lâu, tuy những lúc thường Căn không bao giờ nghĩ đến bác ta cả. Chàng cũng thấy thích là đến gần nửa năm không gặp mà bác ta nhận ngay được mình, nét mặt bác tươi hẳn lên tỏ vẻ vui mừng:

- Bác Căn lát nữa ra đây nhé!

Rồi bác Hoà chào người khách ngồi trên xe:

- Ông Chánh đi Hải Phòng về.

Căn để ý đến chỗ Hoà hỏi mình trước rồi mới chào ông Chánh sau. "Khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ khách". Thế mà bác Hoà lại nhớ cả tên mình và gọi mình không chút lưỡng lự như quen thuộc từ đã lâu lắm.

Hoà ngồi nhìn theo cho đến khi cái xe khuất sau bụi tre đầu con đường rẽ vào làng Me. Bây giờ đã chiều, mà con đường ra ga ngập nước, rất có thể không có khách nào đêm nay. Hoà bế đứa con lên bốn của mình, đặt ngồi trên cái ghế đầu rồi đi thổi cơm chiều.

Hoà goá chồng đã gần bốn năm nay từ trước khi đẻ đưa con đầu lòng. Lần đầu tiên gặp Căn bác đã thấy mình mê ngay không để ý gì đến chỗ nàng hơn Căn đến sáu bảy tuổi. Vừa làm cơm Hoà vừa loay hoay xếp đặt cách thức tiếp đãi Căn. Nàng nghĩ:

- Kéo ông Chánh đến tận làng Me, ra đến đây chắc vừa tối.

Thối cơm xong, trời đã tối, nàng lên đèn mà cũng chưa thấy Căn ra.

- Ngộ có việc gì ngăn cản không ra được chăng?

Nàng nhìn về phía bụi tre, ngồi yên đợi. Một người khách vác một cái tay nải vào ngồi ở ghế, lật bát nước chè. Hoà rót nước xong mới nhận thấy mình không đon đả chào hỏi gì người khách như lúc thường. Nàng nhìn người khách ngẫm nghĩ, cố nhớ xem người này đã có lần nào đến ngủ trọ chưa. Đã nhiều đêm nhà chỉ có mình nàng với một người khách đàn ông, nên nàng đã quen rồi và tuy có một vài người khách sàm sỡ song nàng không bị sa ngã bao giờ; nhưng nàng vẫn không ưa những đêm như thế vì sáng hôm sau nàng không khỏi thấy ngượng ngượng với những người bên hàng xóm. Nàng cũng biết là họ cho nàng làm cái nghề cơm này không hợp với cảnh một người đàn bà goá, nhưng không làm thì không có cách gì nuôi thân nàng và nuôi con. Nhưng lần này thì nàng lại chỉ mong cho ông khách này không ngủ trọ ở đây.

Hoà nghĩ nếu hỏi ông ta thì biết ngay nhưng nàng không hỏi. Nàng thấy người khách nhìn vào trong nhà, rồi lại nhìn cái tay nải. Uống xong bát nước người ấy một tay cầm lấy đầu tay nải một tay móc túi lấy tiền. Lúc giơ tay nhận tiền nàng thấy bàn tay mình hơi run run. Bỗng nàng thấy người khách đến đường cái đứng dừng lại một lúc, lưỡng lự rồi quay trở vào.

- Bác bán cho một bao diêm.

Hoà thở nhẹ một cái. Lần này thì người khách đi thẳng. Cái sợ có người khách ngủ trọ và cái vui thoát được người khách lại làm cho nàng hồi hộp hơn. Tuy đã quá giờ đóng cửa, nàng cũng đợi một lúc lâu mới dám đóng. Nàng trải cái chiếu mới lên giường, bưng mâm cơm đặt ở giữa, rồi lấy một chai rượu con và hai cái chén đặt ở cạnh mâm. Nàng ra sau nhà múc một chậu nước đặt trên ghế, cạnh chậu vắt sẵn cái khăn mặt mới. Nàng đưa mắt nhìn mâm cơm và cái chậu thau. Tuy thường thường nàng vẫn bưng mâm, thau hầu khách như thế nhưng chỉ đêm nay nàng mới thấy là nàng nghĩ đến công việc mình làm, đến từng cử chỉ một. Mâm cơm sang bằng mâm cơm dọn cho người khách sang nhất.

Dọn cơm xong, nàng vào buồng, lục rương lấy ra cái váy sồi và cái áo the hoa mà nàng đã mặc hôm cưới, rồi nàng thay quần áo và lấy gương ra soi ngắm nghía mặt mình. Nàng thấy nàng đẹp và mím môi ngắm nghía mình một lúc lâu. Rồi nàng đi ra ngoài nhà, ngồi đợi và nghe ngóng tiếng bên ngoài. Thăng Lương con nàng vẫn ngồi yên trên cái ghế đầu. Nó gọi mẹ đòi ăn nhưng nàng bảo nó đợi; con nàng còn thức thì nàng ăn cùng mâm và uống rượu với Căn tự nhiên hơn. Bỗng Hoà đứng dậy cầm một cái chén ở mâm cơm đem cất đi; nàng thấy để đến hai cái chén có vẻ lộ quá.

Có tiếng xe lăn lạch cạch ở đầu phố, Hoà ngồi thẳng người lắng tai nghe. Nàng cũng có cái cảm tưởng như là ngày trước lúc nàng ngồi đợi chồng về ăn cơm. Rồi nàng mỉm cười ngẫm nghĩ:

- Nhưng mà chồng trước ngồi trên xe cơ!

Cái xe mỗi lúc một gần và đỗ lại ở sân rồi có tiếng nón quạt. Hoà cất tiếng hỏi:

- Sao về muộn thế?

Tiếng nàng có niềm về trách móc một cách thân yêu và nàng vừa nói vừa lắng tai nghe tiếng của mình. Hoà đứng lên mở cửa, đợi Căn vào rồi thông thả cài then. Căn đưa mắt nhìn mâm cơm sang và cái chậu thau với chiếc khăn trắng còn mới nguyên, không phải để dành cho hạng khách phu xe ăn cơm dưa cà như chàng.

- Hôm nay có khách nào thế?

- Không có khách nào cả.

- Thế mâm cơm?

Hoà yên lặng và lấy tay chỉ vào Căn rồi lại chỉ vào mình như người câm làm hiệu. Căn thấy là lạ cũng không nói, chỉ gạt nhanh một cái và mở to mắt để tỏ vẻ ngạc nhiên. Chàng cũng thấy thích bất chước Hoà làm người câm. Hoà gật gật đầu một lúc mấy cái. Căn mỉm cười nhìn nàng một lúc và nàng cũng mỉm cười lại, rồi nàng cất tiếng nói nhưng rất khẽ:

- Hôm nay nhà tôi có giỗ.

Căn nhìn vào mâm cơm:

- Thảo nào, thảo nào cơm sang thế này.

Lúc đó chàng mới để ý đến bộ quần áo khá sang của Hoà, không phải quần áo để mặc lúc thường nhật. Hoà nói:

- Bác đến vừa may.

Nàng chỉ cái chậu nước, bảo Căn:

- Mời bác đi rửa mặt cho mát.

Thấy vẻ mặt ngờ ngác của Căn nàng tiếp theo:

- Hôm nay bác là khách đến ăn cỗ cơ mà. Phải thịnh soạn một tí chứ.

Căn lau mặt thông thả, rồi cầm chậu thau định đem đổ. Hoà đã chạy ngay lại đỡ lấy chậu thau. Căn giằng lại:

- Bác để tôi rửa chân. Hôm nay ăn cỗ cơ mà.

Không có guốc đàn ông, Hoà đưa cho Căn đôi guốc của mình. Căn rửa xong chân đi vào, vừa đi vừa gõ guốc xuống nền đất cho kêu coong coong; chàng thấy hơi là lạ ở hai bàn chân sạch và hơi man mát, đã lâu lắm mới lại đặt chân lên guốc. Trước mặt chàng dưới ánh đèn lại có mâm cỗ sang, lại có cả rượu nữa. Nét mặt Hoà dưới ánh đèn đương nhìn chàng đi lại, chàng thấy có vẻ êm dịu và vui lắm. Lúc này mới trông mặt Hoà chàng vui vui trong lòng không phải vì chàng coi Hoà như một người đàn bà mà chàng thấy muốn yêu: ngay từ lần đầu tiên gặp Hoà,

Căn để ý đến nàng không phải vì nhan sắc, Hoà không đẹp lại hơn tuổi nhiều quá. Nhưng nét mặt người bán hàng cơm ấy có cái gì hợp với chàng lắm; chàng mới nhìn đã thấy thân ngay như một người chị cả hiền từ và tốt bụng.

Căn cười lên một tiếng rồi nói:

- Nào bây giờ ăn cỗ của bà chị.

Chàng ngồi lên trên giường, xếp bằng tròn rồi chống tay vào đùi, cúi mặt nhìn mâm đồ ăn, cười xoà một tiếng. Hoà lấy hai tay bưng bát đĩa cho chàng rồi rót rượu vào chén trước mặt Căn.

- Mời bác xơi tí rượu. Cả ngày đi chắc mệt.

Căn mỉm cười vì lần đầu được người hầu hạ mình cung kính như thế, và chàng thấy hơi có cái gì lạ trong những cử chỉ hơi quá lễ phép của bà hàng cơm.

- Bà cũng xơi một chén chứ?

- Tôi không biết uống.

- Uống một tí thôi không sao.

Căn bước vội xuống giường với cái chén rồi rót rượu đưa cho Hoà:

- Mời bà.

Hoà cầm lấy chén, tay run run.

- Nể bác quá.

Bỗng Căn cảm thấy có cái gì khang khác ở trong nhà.

Hoà hỏi:

- Cái gì thế bác?

Căn quay nhìn đứa bé ngồi trên ghế đầu; đứa bé ngồi xếp bằng tròn trên cái ghế, yên lặng, hai mắt mở to. Bây giờ chàng mới nhận ra là từ lúc chàng mới vào nhà nó cũng ngồi yên như thế. Đầu nó lại cạo trọc nên trông như một nhà sư đương ngồi tụng kinh. Hoà hiểu ý Căn, vội nói:

- À thằng Lương.

Rồi Hoà nói cho Căn biết là tìm được cách ấy tiện cho nàng lắm; những lúc bận tay nàng cứ đặt nó ngồi trên cái ghế đầu và nó cứ ngồi yên thế hàng giờ đồng hồ. Hễ nó xuống đất là vớ được cái gì nó đập cái ấy ngay. Cả vùng này ai cũng gọi nó là "sư cụ".

Căn cười đứng lên bế nó:

- Mời sư cụ lại xơi cơm với chúng cháu.

Rồi Căn đặt nó ngồi cạnh mình. Hoà vui mừng vì thấy Căn có vẻ thích đứa bé lắm, Căn vừa ăn

vừa gấp cho đứa bé ăn. Chàng đã uống đến chén thứ hai nên cười đùa với đứa bé vang cả nhà. Hoà vẫn chưa nhấp một hớp rượu nào. Nàng không dám tự mình uống, còn Căn thì mãi chơi với đứa bé nên không nghĩ tới mời nàng.

- Thôi bác đưa cháu đây, tôi cho nó ăn rồi cho nó đi ngủ.

Nàng thấy con nàng như cướp mất cả Căn. Lúc đặt xong đứa con đi ngủ, ở trong buồng bước ra, Hoà đứng dừng lại: Căn ngồi che lấp ánh đèn xoay lưng về phía nàng, một bên má và một bên cổ hơi hồng hồng; nàng đứng lại nhìn trộm Căn lâu lắm và có cái cảm tưởng như người ngồi ở mâm là chồng nàng đang ngồi đợi nàng ra ăn cơm. Nàng thông thả đi ra phía giường, đi thông thả lắm, và vén áo nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh mâm, mặt cúi xuống. Không phải nàng ngượng nên có những dáng dấp ấy, nàng làm thế chỉ vì nàng thấy thích làm thế. Nàng nhớ lại độ mới lấy chồng, có một đêm ở trong buồng ra, chồng nàng cũng ngồi ăn cơm xoay lưng vào nàng che lấp ánh đèn như Căn hôm nay.

- Mời bà xơi rượu đi chứ. Chén còn đầy nguyên thế kia?

Hoà cầm lấy chén rượu rồi ngừng nhìn Căn:

- Mời bác.

Nàng nhắc chén uống một hớp to rồi ngừng lại. Nàng thoáng vắng nghe lời của chồng nàng một hôm nào nói với một người bạn trong khi hai người bàn về một chuyện trai gái gì đó:

- Cố nhiên, đàn ông thì bao giờ họ từ chối.

Rồi nàng dốc chén uống một hơi cạn, khiến Căn mở to mắt nhìn một cách kinh hãi:

- Bà uống rượu giỏi nhỉ.

Hoà thở hà một tiếng mạnh, giơ tay vuốt ngực, mỉm cười:

- Tôi sợ uống rượu lắm nên phải uống thế cho chóng xong đi.

Nàng đã say bâng hoàng nên mạnh bạo hơn, mời Căn và giục Căn ăn luôn miếng. Có lần tìm được một miếng ngon, nàng gấp bỏ vào bát Căn, dịu giọng nói:

- Bác xơi.

Rồi nàng hỏi về Căn, về gia đình Căn:

- Sao lâu lắm bác không kéo xe về vùng này?

Căn mỉm cười nói:

- Nếu cứ đến đây có cỗ ăn như thế này thì tôi muốn đến luôn, nhưng ít khách về vùng này lắm.

Thấy Hoà hỏi về nhà mình, chàng sực nghĩ đến chồng bà hàng cơm, và hơi lầy lăm lẹ là nhà có giỗ mà ông ta lại đi vắng:

- Ông nhà đi đâu giờ chưa về?

Hoà hơi khó chịu vì câu hỏi ấy đã cho nàng biết là Căn không để ý gì đến nàng; tuy mấy lần trước Căn đến ngủ trọ nhà có đông khách nhưng nếu Căn để ý một tí tất phải nhận ra là nàng đã goá chồng.

- Thầy cháu mất đã lâu, ngay từ khi chưa sinh cháu Lương.

- Thế à?

Tuy không nhìn thẳng nhưng Hoà nhận thấy có vẻ gì khác trên nét mặt Căn. Căn đưa mắt nhìn chung quanh nhà rồi lại nhìn ra cửa. Nàng biết là Căn đã để ý đến sự nàng goá chồng và cả nhà hôm nay chỉ có mình nàng với chàng.

Căn cũng để ý đến chỗ đó; thấy một đêm ngủ chung nhà mà chỉ có mình với một người đàn bà goá, Căn cũng thấy hơi bất thường và thấy hồi hộp trong lòng. Hai người lại ngồi ăn cùng một mâm và uống rượu với nhau nữa. Căn nhắc chén để lên môi nhìn trộm nét mặt Hoà một lúc, lần này chàng uống một hụm khá to hơn mọi lần.

Căn cũng không hỏi thêm về cái chết của chồng Hoà. Chàng mong bữa cỗ giỗ hôm nay không phải là bữa cỗ giỗ chồng bà ta và vì nghĩ thế chàng mới để ý nhìn lên bàn thờ. Nhìn kỹ bàn thờ, Căn cúi đầu vờ gấp đồ ăn để tránh cái nhìn của Hoà và để chàng có thể mỉm cười được một cái cho tự nhiên. Căn muốn uống cho thật say.

Ăn xong, Căn đứng lên giúp Hoà dọn mâm. Chàng lại rửa bát nhưng Hoà nhất định từ chối và sau cùng vì Căn cứ nhất quyết, nàng phải để Căn cùng rửa bát đĩa với mình. Tay hai người hễ có dịp là đụng vào nhau và nhiều lúc đụng vào nhau lâu hơn là sự cần bắt buộc; như là lúc cất bát đĩa vào chạn, việc ấy đáng lẽ chỉ một người làm tiện hơn, nhưng Căn cứ đứng cạnh rửa bát cầm từng chiếc một đặt vào tay Hoà để nàng cất, cất từng cái một, vào trong chạn bát.

- Ăn cỗ có khác. Lắm bát đĩa quá. Tôi mời cả tay.

Nhưng Hoà cứ yên lặng giơ tay đón, không cản Căn. Căn nói tiếp:

- Bà bảo không biết uống rượu, thế mà vẫn không đánh vỡ một đĩa nào. Tài thật.

Cất xong bát đĩa, Hoà cầm đèn đưa Căn lên nhà rồi nàng ra đóng nốt cái cửa sau xuống bếp. Căn nhà như chập hẵn lại.

- Bây giờ mời bác đi nghỉ.

Hoà lắng tai nghe bên ngoài. Cả phố chắc nhà nào cũng đã ngủ; không có tiếng trẻ con chơi đùa nữa. Nàng ra lấy chổi phát trần quét giường, đặt cái gối ngay ngắn ở giữa rồi đứng lên giường mắc màn. Chiếc màn nâu dày, nên ngồi ở ngoài Căn chỉ nhìn thấp thoáng bóng nàng. Chàng chăm chú để ý đến từng cử chỉ một của Hoà trên giường. Sao nàng lại giắt màn lâu thế. Chiếc màn vá rất nhiều mảnh nhưng vẫn còn nhiều chỗ hở. Nàng không cần phải giắt một cách quá cẩn thận như thế. Như lúc khác thì Căn đã cất tiếng nói đùa một câu về chỗ đó, nhưng chàng chỉ ngồi yên và chàng lại cố giữ mình không cất một tiếng nói nào. Sau cùng một bàn tay Hoà lộ ra ở cửa màn:

- Thôi mời bác đi nghỉ. Đêm đã khuya rồi.



Nghe tiếng Hoà nói một cách thông thả và ấm cúng, từ trong màn đưa ra, Căn biết là nếu chàng đi vội một tí để đến lúc đến cửa màn vừa gặp Hoà ở trong màn bước ra thì hai người tất sẽ cầm lấy tay nhau tự nhiên. Nhưng Căn vẫn ngồi yên ở giường không nhúc nhích.

Hoà bước xuống đất đi về phía Căn ngồi và nhắc lại:

- Mời bác đi nghỉ.

Rồi nàng ra chỗ chõng nước, cúi xuống loay hoay xếp dọn các thứ, yên lặng không nói gì với Căn nữa. Căn vào giường đặt mình nằm, cầm cái quạt phe phẩy. Chàng tự trách mình sao đối với Hoà chàng lại nhút nhát thế. Chàng biết là nếu cứ nói đùa luôn với Hoà chắc rất dễ dàng có dịp cầm tay nàng nhưng tự nhiên chàng lại sợ không dám nói đùa với Hoà nữa. Như những lúc hút thuốc lào, chàng rất có thể nhân cái cớ hút vào thì mê man bất tỉnh để đùa Hoà và thử ý nàng, nhưng bao nhiêu cơ hội chàng đều bỏ qua. Lại còn lúc Hoà bỏ màn nữa, sao chàng không chạy đến tranh bỏ màn, để đến nỗi bây giờ phải nằm suông thế này. Thật là bực mình.

Xếp dọn xong, Hoà cầm cây đèn rồi rón rén đi về phía giường Căn, đi thật nhẹ bước như sợ Căn đã thiêm thiếp ngủ. Nàng đặt đèn ở cái ghế cạnh đầu giường Căn. Căn liếc nhìn tự hỏi:

- Tại sao lại phải để đèn ở đây?

Chàng thấy Hoà nhìn nhanh về phía giường rồi cúi xuống. Chắc nàng định tắt đèn, chàng nghĩ thế và toan ngồi thẳng dậy. Nhưng Hoà không tắt đèn và vì thế Căn cứ nằm yên; nàng thông thả vịn cho thấp ngọn đèn, nhưng nàng không vịn bé quá đợi cho ngọn lửa đứng yên rồi đi về phía buồng. Căn lắng tai nghe nhưng không thấy nàng đóng hay khép cửa buồng lại. Căn lại nhìn ngọn đèn và ngẫm nghĩ:

- Nhà không có giỗ lại nói dối là có giỗ để ngồi uống rượu với mình, nhưng sao một người đàn bà goá đêm hôm nhà không có ai, rất có thể vì say rượu, nhưng sao uống nhiều mà vẫn tỉnh và cố giữ cho tỉnh rượu. Lại còn cái ngọn đèn!

Ngọn đèn tuy vịn nhỏ thật nhưng nếu Hoà có ý gì thì không đời nào lại để đèn như muốn ngằm bảo chàng cứ ngủ yên đi đừng có nghĩ ngợi lời thôi. Nhưng tại sao nàng lại không đóng cửa buồng riêng lại, như thế chắc chắn hơn là để đèn sáng.

- Hay là buồng không có cửa?

Căn ngồi thẳng lên và nhìn về phía cửa buồng. Rõ ràng có cánh cửa. Căn ngồi lâu lắm nhìn vào chỗ bóng tối trong buồng ở sau cái cánh cửa mở rộng như muốn mời chàng vào. Chỉ đứng lên đi một vài bước rồi đứng lại ở cửa gọi bác ta, và tùy theo tiếng bác ta trả lời lại là có thể biết chắc được. Không có gì nguy hiểm cả. Nếu bác ta trả lời lại tỏ vẻ ngạc nhiên về cử chỉ của mình thì có thể nói là...

Căn loay hoay nghĩ xem viện có gì cho tự nhiên nhưng loay hoay nghĩ mãi mà không tìm ra được có gì cả; chẳng lẽ đêm hôm lại đến gọi một người đàn bà goá dậy chỉ để than phiền là màn thủng nhiều chỗ mà trí Căn lúc đó lại chỉ nghĩ ra được có cái có màn thủng. Căn mỉm cười một cái rồi lại nằm xuống và đành tự an ủi mình bằng cái thú đợi Hoà ra; không có hy vọng gì lắm nhưng chỉ còn cách ấy thôi; như thế chàng lại có thể nếu giấc ngủ đến thì cứ ngủ đi không tai hại gì. May ra được một giấc mơ mà nếu ban đêm giấc mơ không đến thì lúc biết trời đã sáng rồi không phải băn khoăn nữa.

- Hay là mình tắt đèn đi.

Căn thấy việc tắt một cái đèn mà nàng cứ muốn để cho sáng một cách vô lý cũng đủ khiến cho nàng nghĩ ngợi chú ý mà không có gì nguy hiểm cho chàng cả. Căn đưa mắt nhìn ngọn đèn toan ngồi dậy. Bỗng chàng thấy thoáng có bóng Hoà ở cửa buồng, rồi Hoà đi về phía giường chàng. Căn vội vất tay lên che ngang mắt để có thể nhìn nàng mà nàng không biết. Quả tim chàng đập mạnh.

Hoà từ lúc vào buồng vẫn không nằm xuống; nàng ngồi yên ở cạnh giường, người hơi nghiêng về một bên vì như thế nàng có thể trông qua cửa buồng nhìn ra chỗ Căn nằm. Ánh ngọn đèn mà nàng định tâm đặt ở phía bên kia chiếc màn khiến nàng nhìn thấy Căn rất rõ ràng. Lâu lắm Căn không phe phẩy quạt nữa, có lẽ Căn đã ngủ rồi chăng. Nhưng không Căn chưa ngủ vì nàng thấy Căn hơi quay đầu như ngược nhìn ngọn đèn. Câu nói của chồng vắng bên tai nàng; nhưng từ tối đến giờ nàng thấy Căn say rượu mà vẫn nghiêm trang quá. Nếu Căn có gì thì sao lúc nàng đến cạnh giường vặn nhỏ đèn, Căn không cất tiếng hỏi một vài câu để nàng có thể đứng lại lâu hơn. Căn có thể vờ say rượu nhưng Căn vẫn cố giữ đứng đấy. Dầu sao Hoà cũng biết chắc là nếu bây giờ nàng lại bước ra tìm cơ lấy một vật gì để đến gần chỗ giường Căn nằm và hỏi Căn một vài câu chuyện thì chắc Căn sẽ biết ý nàng. Nhưng Hoà vẫn ngồi yên và đợi.

Bỗng nàng thấy Căn ngồi dậy nhìn về buồng mình. Hoà vội ngồi thẳng lên để che mặt khuất sau cánh cửa, tưởng như Căn có thể nhìn thấy mình được, quả tim nàng đập mạnh và Hoà lặng người đi, nhắm mắt lại, lấy tay sờ xuống chiếu rồi đặt mình nằm xuống cố tránh để không có một tiếng động nhỏ nào. Một lúc lâu, Hoà lại hơi mở mắt nhìn ra phía cửa buồng nhưng vẫn không thấy Căn vào. Nàng ngồi dậy nghiêng người nhìn và vừa lúc đó thấy Căn lại nằm xuống. Nàng đứng thẳng lên rồi đi ra phía cửa buồng như người đi trong một giấc mơ; nàng dừng lại một lúc trước ánh sáng ở nhà ngoài rồi đi về phía giường Căn. Nàng dừng lại ở cạnh giường rồi giơ tay mở một bên mép màn nhìn vào trong. Căn lúc đó đương nằm vất tay ngang trán nên nàng không biết rõ Căn nhắm mắt hay đương nhìn mình. Không thấy Căn động dậy, Hoà ngồi xuống cạnh giường, ngồi rất nhẹ; nàng thả tay bỏ rơi cửa màn, hất nhẹ một cái cho hai mép cửa màn khép lại rồi nàng nhắm mắt và đặt mình nằm xuống cạnh Căn. Nàng thấy một bàn tay Căn đương đặt lên vai nàng. Nàng mở mắt ra thấy Căn đương nhìn mình hơi mỉm cười; nàng giơ tay nắm lấy bàn tay Căn đương đặt trên vai mình và mỉm cười với Căn. Lúc đó nàng không còn thấy gương mặt gì nữa. Căn cũng vậy, và cả hai người đều cảm thấy như là thân nhau đã từ lâu rồi.

Căn cất tiếng nói trước:

- Nằm sát vào đây.

Rồi chàng cho tay xuống đặt lên đùi nàng, nhưng chàng ngạc nhiên thấy nàng bẻ gập tay chàng lên, có vẻ giận. Tuy thế Căn lại thấy chính nàng tự ý nằm sát vào Căn và đặt tay lên người chàng, rồi nàng lại gục đầu vào ngực chàng, tựa quạu đầu mấy cái như đứa bé nằm trong lòng mẹ. Rồi nàng lại ngửa mặt nhìn Căn nói:

- Này.

Mắt nàng mở to và Căn thấy nàng không nói thêm gì nữa.

Chàng hỏi:

- Này... cái gì?

- Lạ lắm cơ, nhưng mà thẹn lắm không nói được.

Căn đặt tay lên người nàng nhưng lần này cũng bị nàng bẻ tay gập lên. Căn nói:

- Thẹn gì, nằm với nhau như thế này còn thẹn gì.

Chàng thấy Hoà nắm mạnh một cái vào người mình rồi nói:

- Thế này nhé, đằng ấy phải thề làm theo thế nhé. Thề đi đã.

Căn mỉm cười thấy hơi là lạ:

- Tôi xin thề. Nhưng thề cái gì mới được chứ!

Tay Hoà đưa lên vuốt má Căn:

- Nào thì nói, thế này nhớ. Tôi với đằng ấy bây giờ coi nhau như hai người bạn, ở với nhau cả đời. Nhưng không bao giờ...

Nàng ngừng lại, tìm lời nói. Căn hỏi:

- Không bao giờ cái gì?

- Thôi không cần nói, đằng ấy hiểu rồi... Tình thoảng đằng ấy lại đến đây, tôi làm cơm cho mà ăn, xong rồi đến đêm lại nằm với nhau nói chuyện suông như thế này và thề không bao giờ... Đằng ấy hiểu rồi chứ?

Căn lại thấy người nàng đè mạnh vào người chàng. Căn mỉm cười một mình, rồi nhìn Hoà gật gật.

- Tôi hiểu rồi! Tôi thề không bao giờ...

- Đằng ấy thề rồi cơ mà; đã thề rồi mà thề lại thì hỏng. Đằng ấy có thích thế không?

- Thích hay không thích nhưng đã thề rồi cơ mà.

- Thế thì được. Bây giờ tôi nói cho mà nghe.

Căn cảm thấy có cái gì là lạ trong người đàn bà goá này nó như kích thích chàng bằng một cái thú khác thường và mới mẻ. Hoà ngỡ cho Căn biết là nàng đã mê ngay Căn từ lần đầu tiên gặp, nàng tả những nỗi buồn vui của nàng khi Căn đến và đi. Căn ngạc nhiên thấy khác hẳn lúc thường, nàng nói chuyện khéo lắm, nói về những chuyện yêu thương và nàng nói có duyên tề khiến Căn lúc nghe thì không nhin cười được lúc thì cảm động phiêu phiêu cả người. Chàng thấy mình mê Hoà nói chuyện, mê cả cái giọng nói của nàng nữa, lúc thủ thỉ chuyện trò có một thứ duyên đầm ấm. Như về hôm đầu tiên chàng đến hàng cơm, nàng nói:

- Con mắt đằng ấy cứ mỗi lần nhìn người ta thì lại khiến người ta hết cả hồn cả vía, rùn cả người đi như là cua gập éch hay là éch gập rùn. Đổ cả nước sôi lên ngón tay mà hôm sau mới biết là bỏng. Bỏng đến mấy hôm mới khỏi, đau chết người nhưng mà thích đáo đẽ. Đến hôm khỏi là thấy tiêng tiếc và nhớ đằng ấy hơn. Một tháng sau, đúng ra là ba mươi ba ngày, đằng ấy

lại đến. Lại muốn rót nước sôi vào ngón tay một lần nữa, nhưng không dám, sợ đau. Nhưng lần này thì mê đặc rồi. Sao lần thứ hai đến lại cứ hay nhìn người ta luôn thế, nhìn trừng trừng như là chính đảng ấy mê tở chứ không phải tở mê đảng ấy. Hỏi thực đảng ấy chắc cũng mê đảng này?

Nàng lay lay vai Căn giục trả lời; chàng mỉm cười, gật:

- Ừ, cũng phải nói là mê đặc.

- Thế sao không đến luôn.

- Không có khách thì đến thế nào được.

- Đảng ấy nói dối rồi, nếu cũng mê đặc thì trời long đất lở cũng đến được. Mình đi rồi, mình là mình ấy chứ không phải là mình này, mình này đêm ngày ốm tương tư buồn thờ thẫn đến nửa tháng, cơm chẳng buồn ăn, đầu tóc bờ phờ, mặt xanh xao làm hàng xóm người nào hể nhìn mình là có vẻ nghĩ ngợi, có vẻ lo lắng; nhưng không phải họ lo đảng này chết đâu, họ muốn đảng này chết lắm, hạng đàn bà goá mà cứ ngủ chung với khách trọ đàn ông, chung nhà này, rồi chỉ ông vua bếp là biết rõ, biết đâu không chung giường chung chăn, chung một trăm thứ bà dần nữa. Họ có vẻ lo lắng là vì họ lo mình có thai, đẻ ra một lũ "sư cụ" nữa, mỗi "sư cụ" ngồi ở một ghế đầu, để tụng kinh sám hối cho bà mẹ hư thân.

Nói đến đây nàng gác chân lên đùi Căn:

- Nói chứng minh có ông vua bếp, đêm nay là đêm đầu tiên ngủ với khách trọ. Bây giờ thì họ nghi không oan nữa.

Thấy tay Căn đặt lên đùi mình, Hoà cầm lấy bẻ gập cánh tay đưa lên đặt trên vai. Căn nhận thấy nàng có sức khoẻ lạ thường những lúc nàng cầm tay chàng bẻ gập lên.

- Nay nếu đảng ấy cứ nhất định muốn có sư cụ thì tuyệt tình nhân nghĩa ngay bây giờ cho mà xem. Tôi sẽ hô hoán đánh thức cả xóm dậy. Họ sẽ chạy đến và từ giờ trở đi cả xóm ai cũng phục goá này đơan chính; xưa nay họ vẫn lấy làm lạ là bao nhiêu lần ngủ chung với khách trọ mà không xảy ra một chuyện lung tung to tiếng nào, vì thế họ chắc chỉ toàn xảy ra những chuyện lung tung lặng tiếng, chết điếng người đi.

Căn véo vào tai Hoà một cái:

- Con khỉ. Cứ nói chuyện thế thì ai chịu nổi.

- Đã thề rồi cơ mà?

Nói thế Hoà lại ôm người Căn chặt hơn.

- Bây giờ đảng này kể cho đảng ấy nghe về chuyện các bác khách trọ định tán tỉnh đảng này. Nhiều chuyện hay lắm cơ. Nhưng thôi để hôm khác. Bây giờ nói chuyện riêng chúng mình đã. Nay mình không biết goá chồng khó chịu lắm cơ. Nhất là mỗi buổi chiều đến, trời tranh tối tranh sáng, lên đèn ngồi ăn cơm một mình nó lạnh lẽo thế nào ấy. Thành thử chiều nào tôi cũng nhớ mình.

Rồi nàng cất tiếng hát rất khế. Căn thấy giọng nàng hát hay quá:

- Sao đằng ấy hát hay thế. Hát nữa đi.

- Chuyện! Lúc còn con gái, đằng này có đi hát đám mấy năm. Lấy chồng thì thôi.

Căn nói:

- Tôi cũng biết hát.

Rồi chàng cũng cất tiếng hát theo giọng "gửi thư".

- Ô đằng ấy hát lại hay hơn tôi nhiều. Tối nào chúng mình cũng hát cho nhau nghe. Thích quá nhỉ.

Căn mỉm cười:

- Tối nào cũng hát? Mai tôi phải về cơ mà. Đằng ấy làm như chúng mình là vợ chồng rồi.

- Thế này không là vợ chồng à. Lại thích hơn là vợ chồng nữa.

- Chết chửa hát thế này ai nghe thấy thì chết.

- Không sợ ai nghe thấy đâu. Đầu nhà này thì cách vườn rau, đầu nhà kia thì cách cái ao. Chúng mình tha hồ tự nhiên. À nhân nói đến chuyện vợ chồng tôi lại nghĩ đến độ ấy, cứ chiều chiều nhớ mình, tôi lại ngồi nhìn về cuối phố, nhìn con đường đi Phủ Lệ. Hễ thấy cái xe tay nào từ phía ấy đi đến là lại chết lặng người đi một lúc. Sao gặp bao nhiêu khách trọ mà tôi không thấy một người nào nhìn vừa mắt cả. Nhìn mình đầu tiên tôi muốn mình là chồng tôi ngay.

Giọng nàng Căn thấy trở nên nghiêm trang:

- Nhưng tôi nghĩ, này đằng ấy đừng cãi vội, tôi nghĩ tôi già rồi năm nay đã hai mươi sáu (nàng nói bớt đi hai tuổi) nên cứ tương tự muốn lấy mình thì tương tự đến chết mắt. Thấy độ ấy mình nhìn tôi hình như có vẻ yêu, nhưng tôi không dám mong hão. Thế rồi một hôm tôi nghĩ đến cô Thuý Kiều...

Căn hơi ngơ ngác:

- Cô Thuý Kiều?

- Đằng ấy không nhớ giai đoạn tái hồi Kim Trọng à?

Rồi nàng khe khẽ ngâm:

- Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.

- Đằng ấy nhớ Kiều nhỉ?

- Chuyện! Đọc mãi.

Căn ngạc nhiên:

- Đàng ấy đọc được truyện?

Hoà cười và cũng muốn khoe với Căn:

- Thuở bé tôi học mãi chữ nho, thầy tôi là ông thầy đồ.

Hoà thấy bàn tay Căn đang nắm lấy vai mình tự nhiên thả lỏng ra, nàng biết là Căn ngạc nhiên lắm khi biết nàng là con gái một ông đồ. Nàng nói tiếp:

- Thôi bây giờ nói về Thuý Kiều, Kim Trọng. Hai người lấy nhau, nhưng cả đời chỉ là bạn sông như chúng mình bây giờ. Thế rồi tôi nghĩ đến cách có được mình làm chồng, nhưng chỉ riêng hai người biết với nhau thôi. Tôi chỉ mong thỉnh thoảng được mình đến nằm với nhau nói chuyện như hai vợ chồng... nhưng cũng sông như Thuý Kiều, Kim Trọng.

Hoà bít chặt lấy hai vai Căn, mở to mắt nhìn thẳng vào mắt Căn:

- Ngờ đâu, bây giờ... như thế này... có được anh làm chồng. Chồng của em đây.

Căn thấy hai con mắt nàng ướt nước mắt, chàng lay vai nàng một cái như để hỏi. Hoà cúi mặt xuống chiếu, mím môi lại như cố giữ cho khỏi khóc, nhưng nước mắt lại trào ra nhiều hơn. Căn giờ hai bàn tay áp lấy hai bên má nàng và nhìn thẳng vào hai con mắt long lanh ướt. Hai con mắt Hoà, chàng mới nhận ra là cũng có vẻ đẹp riêng, lòng chàng cũng đã đổi khác, chàng bắt đầu đã thấy hơi hơi yêu Hoà như yêu một người vợ. Chàng ngạc nhiên vì cái may được gặp một người đàn bà lạ lùng như Hoà và sao nàng lại nghĩ ra được cái lối vợ chồng kỳ quặc nhưng rất lý thú này. Tuy nàng lúc còn con gái đã đi hát mấy năm, goá chồng mà lại thường ngủ cùng nhà với khách trọ đàn ông, tự nhiên lại đến nằm cạnh chàng trước cửa chỉ và lời ăn tiếng nói đã thoã, nhưng Căn vẫn tin là ngoài chàng ra nàng chưa biết một người đàn ông nào khác, đúng như lời nàng nói. Nàng lại là con gái một ông đồ. Trong lòng yêu của Căn có lẫn thêm lòng trọng nể Hoà. Chàng dịu giọng hỏi:

- Em... tên con gái em là gì nhỉ?

Nghe Căn gọi mình là em, nàng thấy nàng như trẻ hẳn ra. Lúc này xưng em với Căn nàng thấy ngỡ ngàng lắm, thế mà Căn lại gọi nàng là em được mà giọng vẫn tự nhiên. Nàng cho là nàng tuổi cao nhưng nét mặt chắc còn trẻ. Nàng đáp lại và lần này nàng có ý nói dần vào mấy tiếng nàng xưng em với Căn:

- Em ấy à? Tên em... em tên là Xuân.

- Tên em là Xuân à? Thích nhỉ. Thảo nào mà nét mặt em còn xuân thế.

- Giểu nhau làm gì, đàng này già rồi còn gì nữa.

Hoà cãi lại để cốt gọi Căn nhắc lại lần nữa là Căn thấy nàng còn trẻ.

- Đàng ấy hai mươi sáu cơ mà. Tôi trông tôi tưởng chỉ độ hai mươi hai.

- Thật à? Cha đời đũa nào nói dối nhé!

Căn lay vai Hoà một cái, gật gật nhưng chàng tránh không cất tiếng thề. Hoà nói:

- Nay ban tối lúc ăn cơm, uống rượu rồi dọn giường bỏ màn, tôi tưởng y như là đám cưới chúng mình. Thế mà hoá ra đám cưới thật...

Nàng lấy chân cặp chặt lấy người Căn và kéo đầu Căn đặt vào ngực mình:

- Thích quá nhỉ, bây giờ quả nhiên em có người chồng nằm cạnh.

Căn úp mặt mình vào hai bầu vú của Hoà và thấy có mùi hăng hắc của vải yếm mới nhuộm nên chàng nhắm mắt lại và mỉm cười nghĩ thầm:

- Thế này mà lại bảo là nằm cạnh.

Bỗng Hoà bỏ người Căn ra ngồi dậy mở màn đi xuống đất. Nàng ra cạnh chõng nước lấy ấm rót vào chén. Nàng uống thong thả vừa uống vừa đưa mắt nhìn quanh. Cái mái nhà, cái cột nhà, bức tường đã lở nhiều chỗ và cái giường trong đó có một người đàn ông nằm; đứng riêng một mình ở ngoài nhìn vào nàng nhận thấy rõ ràng hơn đây là sự thực và nàng lại cảm thấy mạnh hơn cái sung sướng nó đương thấm trong khắp thân thể nàng và làm run run ở bàn tay cầm chén nước. Nàng ngừng uống, nghiêng tai nghe ngóng, hai mắt yên lặng mở to, ngạc nhiên, ngờ ngác trước sự sung sướng của mình.

Nàng rót chén nước khác rồi đi lại phía giường:

- Anh dậy xoi nước.

Căn ngồi dậy toan giơ tay đỡ, thì Hoà ngồi xuống, nghiêng người cầm chén đưa lên môi Căn và dốc chén cho Căn uống. Nàng ôm lấy người Căn và ngửi thấy mùi mồ hôi ở lưng áo Căn xông lên. Nàng thấy ngồi ôm nhau lại có một cái thú là lạ hơn là nằm ôm nhau.

- Anh xoi thuốc.

Nàng đem cái điếu lại, dặt thuốc và đánh diêm cho Căn hút. Chồng nàng trước kia cũng nghiện thuốc lào, tuy nàng không ưa gì mùi thuốc nhưng nàng cũng thích Căn hút để có mùi thuốc ở trong màn.

Khi Căn say, nàng đặt đầu Căn vào ngực, ôm lấy lưng chàng đợi chàng tỉnh. Căn mở mắt mỉm cười và cứ nằm yên thế trong lòng Hoà. Có một thứ gì êm dịu từ ở người Hoà đưa ra bao phủ lấy chàng. Nằm dựa đầu vào ngực Hoà, chàng chỉ nhìn thấy cái cổ nàng và một bên cằm; chàng giơ tay khế bá vai Hoà và làm hiệu để nàng cúi xuống nhìn mình. Chàng muốn nhìn hai con mắt của Hoà để xem lại là có đẹp không. Chàng lại thấy đẹp hơn và nét mặt nàng nữa chàng cũng bắt đầu thấy có một vẻ đẹp kín đáo, một thứ duyên riêng mà trước kia chàng chưa nhận thấy.

- Thôi chỉ còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi.

- Cũng chẳng sao. Thế một hai tháng sau đăng ấy lại đến nhớ.

Căn gật gật:

- Đến sớm hơn cũng chưa biết chừng.

- Đừng đến nhiều quá, người ta sinh nghi.

Chính nàng, nàng phải định tâm trước là một hai tháng mới gặp Căn một lần; định trước thế nàng không sợ buồn những lúc xa Căn lâu và thất vọng vì Căn chẳng đến.

Căn hỏi:

- Này, sao lúc này đặng ấy lại để đèn sáng.

Hoà cười:

- Không để đèn sáng thì làm thế nào biết được ông khách trẻ này ngồi dậy, nhìn trừng trừng vào cửa buồng người ta, quả tim cu cậu chắc đập như trống làng, cu cậu muốn mò vào lắm nhưng lại sợ, nên lại đành nằm xuống vuốt bụng thờ dài. Đối với một ông khách trọ thế mà bây giờ được bà hàng cơm tự ý đến nằm xuống bên cạnh thì còn gì ngon hơn nữa. Vì nghĩ thế nên đặng này mới đủ bạo để đến nằm bên cạnh đặng ấy. Lúc buồng màn, sao mình không để ý là tối ngồi lâu lắm ở trong màn.

- Có, nhưng không dám vào.

- Lúc ấy em đợi đặng ấy đến. Em thấy như là trước kia mỗi buổi tối buồng màn đợi chồng về. Nhưng lâu lắm, lại phải chuồn ra và tức cu cậu lắm.

Căn cười rồi ngồi dậy:

- Đặng ấy để đèn sáng cũng lấu đấy, mưu mô của đặng ấy có vẻ chắc chắn nhưng giá nếu đặng ấy lúc đó mà tắt đèn thì có phải đã thành vợ chồng sớm hơn được đến nửa giờ.

Hoà nghĩ ra:

- Ừ nhỉ, lúc đó mình cứ sợ tắt đèn mà cu cậu vẫn còn nhát thì thật là hết. Chẳng lẽ tắt đèn, không thấy có gì rồi lại ra thắp đèn lại. Vô lý và thẹn chết. Nhưng mình không nghĩ ra là tự nhiên đem cái đèn đặt bên cạnh giường khách trọ rồi lại thôi cho tắt; ông khách trọ cho dầu ngu độn như đặng ấy đi nữa tắt cũng phải hiểu chứ?

Hoà đặt Căn xuống giường, để chàng gối vào đầu tay mình rồi nói:

- Thôi bây giờ ngủ đi. Phải ngoan đấy.

Nhưng cũng đến hơn nửa giờ sau hai người mới ngủ được.

\*

Lúc Hoà tỉnh dậy thì đầu Căn vẫn đặt trên cánh tay nàng. Hoà kéo tay ra rất khẽ để Căn không thức giấc, rồi nàng ngồi dậy, nghiêng người, chống hai tay nhìn ngắm Căn ngủ. Nàng mỉm cười với Căn và hất hất cằm mấy cái như điệu bộ nói với một đứa trẻ con. Sau một giấc ngủ, tỉnh dậy nhận rõ Căn nằm đấy, nàng có cái cảm tưởng như độ nào để thằng Lương, sau một cơn mê man nàng được cái thú lần đầu tiên ngắm đứa con nằm cạnh mình. Nàng cầm hai tay Căn kéo ngồi dậy:

- Dậy đi thôi, mình.



Căn thức giấc và bốn mắt nhìn nhau một lúc như ngờ ngạc hỏi nhau không biết nằm mê hay sự thực. Hoà mỉm cười cúi mặt xuống rồi gục đầu vào ngực Căn.

- Tôi đi làm cơm mình ăn sớm rồi về, như thế cả xóm không biết là mình ngủ đây đêm qua.

Căn nói:

- Phải đấy, như thế độ năm mười hôm nữa tôi lại đến được mà không sợ gì.

Tuy thích nhưng Hoà cũng vội cảnh:

- Không được, nhiều nhất cũng chỉ một tháng một lần thôi.

Rồi nàng xuống bếp lấy nước đem lên cho Căn rửa mặt. Nàng đi vào buồng lấy gạo thổi cơm. Khi Hoà đi ngang qua trước mặt Căn, Căn ngừng rửa mặt, gọi:

- Này.

- Gì thế mình.

- Không có gì cả.

Chàng mỉm cười vì chàng gọi thế chỉ cốt Hoà quay mặt lại để chàng nhìn. Chàng nhận thấy nét mặt Hoà sáng nay lại đẹp hơn lên một tí.

Bữa cơm hôm nay tuy không sang như hôm qua, nhưng cũng nhiều thức ăn. Bữa cơm hôm nay lại khác hôm qua ở chỗ hai người không ngồi hai bên mâm mà lại ngồi cả về một phía. Ăn cơm uống nước xong, sắp đến lúc Căn phải đi, hai người đều trở nên tự lự ít nói. Căn cầm tay Hoà bảo ngồi xuống giường, rồi chàng ngồi xuống cạnh. Cả hai đều không nghĩ đến ôm lấy người nhau hay nhìn nhau nữa; họ ngồi thế lâu lắm, rồi Căn nói:

- Tháng sau không có khách đến đây tôi cũng đến.

Chàng lấy làm lạ là lúc từ biệt nhau lại không tìm được câu gì thân yêu để nói. Hoà ban đêm nói chuyện khéo thế mà bây giờ cũng không buồn nói gì cả như bản khoán nghĩ ngợi gì. Căn thấy nàng cứ nhìn vào buồng luôn. Ngồi một lúc lâu rồi Hoà đứng lên đi vào buồng. Căn nghe có tiếng mở hòm rồi có tiếng nàng gọi chàng vào.

- Cái gì thế?

Căn vừa hỏi vừa bước lại phía góc buồng tới chỗ Hoà đang đứng. Hoà yên lặng đặt vào tay Căn mấy đồng bạc đồng:

- Mình cầm lấy.

Từ lúc nghe tiếng lục rương, Căn cũng đoán biết nhưng chàng cũng giật nảy mình một cái:

- Chết chửa tôi không lấy đâu.

Thấy Căn cứ khăng khăng từ chối mãi, Hoà nói có vẻ giận:

- Vợ chồng mà sao mình lại cứ ngại. Đàng ấy hai cha mẹ đều nghèo, mình cầm lấy giúp thêm ít nhiều cho em vui lòng. Em không giàu nhưng cũng có vốn để dành. Gọi là có ít tiền của cô nàng dâu mới mà!

Nàng nói đùa rồi cất tiếng cười để cho Căn khỏi ngượng khi nhận lấy tiền. Căn biết là nếu nhất định không lấy, Hoà sẽ tủi thân tưởng là chàng nghĩ nàng cho tiền chàng như thế là khinh chàng. Hoà tiếp theo:

- Nhưng đừng nói thầy bu là của em nhé!... Hừ, nói đến hai tiếng thầy bu sao mà ngượng mồm thế!

Căn mở nắp cái ví dây lưng và mặc dầu không muốn lấy, tay chàng cũng run run khi cho tiền vào ví.

- Năm đồng bạc. Cả một cái vốn liếng to.

Từ thuở bé đến giờ, Căn chưa bao giờ có một cái vốn to như thế. Ra đến cửa buồng sáng, Căn thấy Hoà đứng lại, và quay mặt đi đưa vạt áo lên lau mắt. Rồi nàng ngửa mặt hai con mắt còn ướt chớp mau có vẻ tươi cười nhìn chàng:

- Thôi mình về. Tháng sau lại đến nhé.

Nét mặt Hoà lúc đó Căn thấy đẹp hẳn và chàng lấy làm lạ sao trước kia chàng lại không nhận thấy; lòng chàng lúc đó cũng cảm thấy đã yêu Hoà mê man.

Hoà ra mở cửa, nhìn hai bên rồi làm hiệu cho Căn ra. Căn vác áo xe rồi đi về phía cửa. Lúc sắp bước ra chàng ngừng lại nhìn Hoà. Hoà đứng nép sau cánh cửa, yên lặng nhìn lại chàng rồi nàng sẽ hást cầm một cái và mỉm cười như nhắc lại lời hẹn. Căn gật gật đầu rồi bước ra ngoài phố. Trời đã sáng nhưng các nhà ở bên còn đóng cửa hết. Căn kéo xe thật thong thả và vì nhớ đường có nhiều cỏ nên tiếng kêu cũng không đến nổi to lắm. Sao lòng chàng lại vui một cách dòn dập đến thế.

Đi đã xa và khuất hẳn không trông thấy bến Cháy đâu nữa, lại thấy cả quãng đường vắng ấy không có bóng người, Căn ngừng xe lại. Chàng đặt xe bên đường, rồi lên ngồi trên xe, chân bắt chữ ngũ, ngả lưng vào thành xe ngửa mặt nhìn trời và mỉm cười. Chàng cho tay mở cúc cái ví rồi nhắm một bên mắt nhìn vào trong và mỉm cười một cái nữa.

- Cuộc phù thế nhân sinh ơi! Năm đồng bạc!

Chàng thong thả rút từng đồng bạc ra, vừa rút vừa đếm:

- Một, hai, ba, bốn, năm...

Chàng như đếm cái sung sướng của mình.

Đồng bạc nào cũng còn mới nguyên cả. Căn nghĩ chắc tiền Hoà để dành và xem tình trạng cửa hàng Hoà, thì số tiền để dành của nàng cũng không quá hai ba chục bạc. Thế mà Hoà lại cho chàng những năm đồng bạc, đó là triệu chứng chắc chắn là Hoà yêu chàng lắm.

Căn tung những đồng bạc lên cao rồi giơ tay đón bắt và sóc sóc trong lòng bàn tay. Các đồng

bạc sáng sửa kêu coong coong nghe rất vui tai. Rồi Căn yên lặng ngẫm nghĩ về cuộc tình duyên mới mẻ với Hoà, mắt vẫn không rời những đồng bạc; cuộc tình duyên ấy cũng đầy hứa hẹn và chắc nịch như những đồng bạc trắng của nàng, nó đương đè nặng trên lòng bàn tay chàng, đến thích.

## Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam Trương Bảo Sơn

Để tưởng niệm Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, tôi không có ý nói về sự nghiệp văn chương hay chính trị của ông, việc này đã được nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu viết. Tôi chỉ xin kể những kỷ niệm riêng mà tôi và gia đình tôi còn nhớ được về ông.

Những kỷ niệm của tôi về cố văn hào rất nhiều, vì ngoài gia đình của ông, có lẽ, có thể nói gia đình tôi đã có cái hân hạnh được thân cận, làm việc với ông nhiều nhất, khi ở Trung Hoa, Hong Kong, khi ở Sài Gòn, Đà Lạt.

Khi ở Hong Kong, ông đã sống với gia đình tôi, về nước, ở Sài Gòn gần như hàng ngày ông đến với chúng tôi cùng làm việc, ăn nhậu, hoặc đi chơi đây đó. Khi ông ở Đà Lạt, trong gia đình một ông bạn thân là Lê Đình Giỏi, những ngày cuối tuần hoặc nghỉ lễ, chúng tôi thường lên thăm ông.

Cơ duyên nào đã khiến tôi được gặp gỡ để rồi trở nên một đồng chí thân tín của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, người tôi hâm mộ từ thập niên 1930, khi mới 14-15 tuổi, mê đọc những báo *Phong Hóa*, báo *Ngày Nay*, và những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn?

Lần đầu tiên tôi được gặp ông, tiếp xúc với ông là ở Chiến Khu của Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD), trong tỉnh Vĩnh Yên, sau khi ông từ chức Bộ trưởng Bộ ngoại giao trong chính phủ Liên Hiệp kháng chiến, trên đường ông đi sang Trung Hoa, ở Côn Minh, Trùng Khánh, rồi Thượng Hải, nơi đây tôi gặp ông lần thứ hai vào cuối năm 1946.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam người dong dong cao gần 1m80, trán cao, mắt sáng với đôi lông mày rậm, mũi cao, thẳng, đầu mũi thường hoe đỏ khi ông uống nhiều rượu. Ông để ria mép trông như người Âu. Hồi đó ông thường mặc một bộ quân phục Mỹ bằng gabardine màu kaki, ngoài khoác áo da, đi giày botte, trông như một quân nhân hơn là một văn gia chính khách. Ngoài bộ quần áo ấy, ông chỉ mang theo một bộ nữa để thay đổi xếp trong một cặp da, chung với những giấy tờ cần thiết, thể thoi.

Ở Thượng Hải, chúng tôi ở chung với các ông Trần Văn Tuyên, Phan Quang Đán, Nguyễn Văn Hợi và Nguyễn Gia Trí. Trời mùa đông lạnh dưới không độ, có ngày tuyết rơi lất phất, căn nhà chúng tôi ở không có sưởi, chúng tôi ngủ trên những ghế bố, không chăn, không nệm, Nguyễn Tường Tam mặc nguyên bộ áo nói trên nằm ngủ, trong khi tôi phải lót giấy bằng giấy báo và mặc cả pardessus dày cộm mà vẫn rét cóng, đủ biết ông có sức khỏe chịu đựng nhiều hơn tôi.

Khoảng một tháng sau, có cụ Nguyễn Hải Thần, các ông Nguyễn Bảo Toàn, Lưu Đức Trung, Tạ Nguyên Hải, người từ trong nước ra, người từ Quảng Châu tới, hội họp và tổ chức thành một mặt trận mang tên là Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Việt Nam, mục đích ủng hộ cựu hoàng Bảo Đại đương đầu với Việt Minh và Pháp. (Mặt Trận có chụp một bức hình làm kỷ

niệm, trong hình có ông Trịnh Hưng Ngẫu tình cờ tới chơi chứ không phải là thành viên của Mặt Trận).

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thường ít nói, nhưng những đề nghị, lời bàn của ông phần nhiều được mọi người tán thành. Ông hút nhiều thuốc lá hạng nặng, hai ngón tay trở và giữa các ngón thuốc. Người ta đồn ông nghiện thuốc phiện, hoàn toàn sai lầm, vì trong nhiều năm sống chung với ông, tôi không hề thấy ông hút bao giờ. Ngay tôi cũng bị người ta đồn bậy là nghiện thuốc phiện, suýt hụt lấy vợ. Trái lại ma túy là thứ tôi ghét thậm tệ, thực dân Pháp với sự tiếp tay của một số người Trung Hoa đã nhập cảng vào Việt Nam để đầu độc từ quan lại, tổng lý tới dân lành, hại không biết bao nhiêu là đồng bào của chúng ta.

Khi được tin cựu hoàng Bảo Đại tới Hong Kong, các thành viên Mặt Trận kéo nhau xuống đó, nhưng đã không thu được kết quả mong muốn.



Các chính khách Việt Nam lưu vong chụp hình chung với cựu hoàng Bảo Đại và Nam Phương hoàng hậu tại Hồng Kông 1947. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là người thứ tư, hàng thứ ba từ trái sang. Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long là người ở góc bên trái, hàng sau cùng.

Ông Bảo Đại đã không giữ lời cam kết với Mặt Trận là khi quyết định một việc quan trọng về Việt Nam, đôi bên phải tham khảo ý kiến của nhau và lấy quyết định chung, nhất là trong việc điều đình với Pháp phải đòi cho được Việt Nam tự trị, có quân đội riêng, tài chính riêng trừ ngoại giao đi chung với Pháp. Mặt Trận đã tuyên bố rút lui sự ủng hộ Bảo Đại. Sau đó ông cựu hoàng này đã tự ý ra vịnh Hạ Long ký kết với Pháp, để được trở về làm quốc trưởng một nước Việt Nam tái hồi thuộc địa Pháp và sau chia đôi với Việt Minh bằng con sông Bến Hải, như chúng ta đã thấy.

Ông Nguyễn Gia Trí và tôi từ Thượng Hải xuống Hong Kong vào khoảng tháng 9-1947, được hai anh em ông Võ Văn Hải (sau là bí thư của ông Diệm) và Võ Văn Lãng mượn cho một gian

lều vách ván, lợp giấy bồi sơn hắc ín, không điện không nước ở lưng chừng một ngọn núi đá, trông sang trường đua ngựa Happy Valley. Hàng ngày hai ông này còn đem cơm cho chúng tôi, cho tới khi chúng tôi kiếm được sinh kế. Ông Trí lo vẽ tranh, tôi đi kiếm việc làm và đã được tuyển vào một công ty hàng hải của Hòa Lan. 1948, vợ và con tôi, lúc đó mới ba tuổi đã bắt được liên lạc với tôi và từ Hà Nội đã sang ở với chúng tôi.

Sau khi hội nghị Hong Kong tan rã, căn lều lại có thêm ông Đỗ Đình Đạo, nguyên tư lệnh Chiến khu Ba của VNQDD, và Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tới ở chung. Ngay sau lều, có một hốc đá, rộng mỗi bề khoảng năm mét, ông Tam đã thu dọn ngủ trong đó. Chúng tôi gọi nó là động tiên, bước sâu vào độ ba thước đã phải khom lưng, tuy nhiên ông Tam cũng kê được một cái giường nhỏ, một cái giường cùng vài chiếc ghế thấp. Ông lấy ba hòn đá xếp thành một cái bếp, thỉnh thoảng trở tài nấu cơm tây cho chúng tôi ăn. Phải nói ông có tài làm vài món rất ngon, nhất là biftek Châteaubriand và món bouillabaisse, ông trình bày món ăn cũng rất đẹp mắt với những lá rau, lá hành xanh hoặc củ cải đỏ cắt thành bông hoa.

Cạnh trường đua ngựa Happy Valley, có một bãi đất rộng, cứ tối đến, người đứng từ đằng xa thấy hàng trăm ánh sáng nhỏ lập lòe như đom đóm và những bóng người “mờ mờ nhân ảnh” di động như bóng ma trôi một nghĩa địa. Thực ra đó là một thứ chợ trời, người ta ngoài trò coi bói bài, bói chim, bày bán nhiều món nhậu hải sản, như ngao, hến, sò ốc, cá mực v.v... trên những chiếc trống, những chiếc bàn đóng thô sơ hẹp và thấp như một kiểu bàn salon ở Canada. Bàn nào cũng có một ngọn đèn dầu, gió bãi thổi chập chờn. Rất đông khách nhậu nhẹt, ngồi trên những chiếc ghế thấp lè tè. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thích rủ anh em xuống núi đến đó thưởng thức mấy món nhậu bình dân này. Nhất Linh nói ông thích ăn quà rong, như ăn phở gánh ở Hà Nội. Phở gánh là phở người ta gánh đi bán rong trên những vỉa hè. Những chiều đông, ông đứng cạnh nồi nước lèo nghi ngút hơi thịt bò thơm ngon, dùng đũa và thìa hoặc húp xì xụp cái món đặc biệt của Hà Nội băm sáu phố phường này. Ông nói mua đem về nhà, ngồi bàn ăn “tử tế đường hoàng” không thể thưởng thức hết cái thơm ngon của phở bằng cách bưng bát phở lên miệng ăn, trong khi mùi nước lèo bốc vào mũi.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và Đỗ Đình Đạo hàng ngày họa clarinette với nhau ở cửa động. Ông Đạo cũng là một cây clarinette trong một ban nhạc chơi ở mấy tiệm khiêu vũ.

Cũng ở cái động và căn lều này, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam ngồi viết văn và khuyến khích Nguyễn Thị Vinh viết cuốn *Thương Yêu* và Linh Bảo viết cuốn *Gió Bắc*.

Lại cũng ở đây xảy ra mấy việc đáng ghi nhớ:

1. Việc thứ nhất là cái chết của em ông Tam, tức Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long. Năm 1948, bà Long đã từ Hà Nội sang thăm chồng. Sau khi bà về nước, ông Long đến ở với chúng tôi, đợi hôm sau đáp xe lửa về Quảng Châu nơi ông thường trú với người em là ông Nguyễn Tường Bách và vài đồng chí khác. Nhưng rồi chúng tôi đã được tin sét đánh ngang tai: ông Long đã chết bất ngờ trên xe lửa khi đến trấn Thạch Long và đã được thân nhân chôn ở trấn này! Không biết tên ông Nguyễn Tường Long có sự ứng hợp huyền bí gì với cái tên địa phương Thạch Long này không? Ông mất đi là một cái tang chung cho VNQDD, cho nền văn học của nước nhà, nhưng còn là một nỗi đau thương lớn cho Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Ông Tam mất đi một người không những là em ruột, mà còn là một đồng chí thân tín, đặc lực nhất.

2. Việc thứ hai là sự thay đổi lý tưởng của ông Nguyễn Tường Bách, người em út của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Một hôm ông Bách từ Quảng Châu sang Hong Kong đề nghị với chúng tôi bỏ chủ nghĩa Tam Dân. Sau đó, ông Bách lại ở lại Quảng Châu tiếp tục làm việc trong một bệnh viện dưới chế độ Trung Cộng.

Phải chăng hai việc mất hai người em thân yêu như mất hai cánh tay đắc lực, đã làm cho Nhất Linh Nguyễn Tường Tam xót xa đau lòng khiến nhiều đêm ông đã âm thầm khóc một mình và chán nản, ngưng làm chính trị mất ba, bốn năm trời, ẩn cư ở núi rừng Đà Lạt?

3. Việc thứ ba nói ra thật buồn cho tôi. Căn lều vách ván, chơi vơi giữa ngọn núi ở Happy Valley cũng là nơi chi bộ Hong Kong của VNQDD tổ chức cuộc họp mặt giữa hai ông Nguyễn Tường Tam và Vũ Hồng Khanh, người tôi vẫn coi như thần tượng cách mạng của tôi với hy vọng dàn hòa hai đại lãnh tụ này của mình, nhưng đã thất bại vì sự ngoan cố của một người đặt vấn đề tiên quyết là “có chấp nhận ông ta là bí thư trưởng tức tổng thư ký- của Đảng” mới bàn sang vấn đề khác. Điều tiên quyết này không thể chấp nhận được vì toàn ban chấp hành trung ương Đảng ở trong và ngoài nước trong số có cả ông Vũ Hồng Khanh đã chấp thuận và ký biểu quyết cử ông Phan Trâm tức bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ làm Tổng thư ký. Một mình ông Tam không thể tự ý chấp nhận ông Vũ giữ chức vụ bí thư trưởng được. Thế là từ đó sinh xuất ra hai phe, phe ông Vũ và phe ông Tam trong VNQDD. Chi bộ Hong Kong cũng chia thành hai phe, mỗi phe theo một ông, bất cộng tác cho tới ngày hai ông hóa người thiên cổ.

Ở Hong Kong, chúng tôi có giai thoại này, xin kể để quý vị đọc cho vui. Chả là con gái tôi hồi đó mới hơn bốn tuổi, được gửi ăn học nội trú ở trường công giáo ở Macao, một hòn đảo cách Hong Kong vài giờ tàu thủy. Một hôm vợ chồng tôi cùng ông Tam sang thăm cháu, khi trở về bất ngờ bị cảnh sát an ninh xét hỏi, và chỉ cho những người Trung Hoa biết nói tiếng Quảng Đông lên bờ, còn những người nói không sõi, hoặc không hiểu biết tiếng Quảng Đông đều bị đuổi trở lại Macao. Mục đích của chính quyền Hong Kong ngăn chặn những người Bắc phương như Tiên Sinh, Thượng Hải v.v... di cư vào Hong Kong tự nạn cộng sản. Ông Tam bị họ không cho lên bờ, phải trở lại Macao. Nhưng trưa hôm sau, chúng tôi thấy ông lững thững về, đầu từ xưa bao giờ cũng để trần, nay đội xùm xụp một chiếc mũ và nét mặt có cái gì là lạ. Chúng tôi nhìn kỹ và cười bò ra: bộ ria mép của ông đã bị cạo nhẵn. Ông cười và giải thích ông phải hóa trang để bòn cảnh sát an ninh khỏi nhớ mặt và đuổi về Macao lần nữa.

Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Việt Nam thành lập ở Thượng Hải giải tán. Thành viên mỗi người đi một nơi. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam năm 1950 về Hà Nội, năm sau vào Sài Gòn, sống với gia đình người anh là ông Nguyễn Tường Thụy. Sau ông Trí, gia đình tôi mãi tới 1952 mới về nước, ở Hà Nội ba tháng, rồi theo lời ông Tam, kéo nhau vào Sài Gòn.

Ở đây ông Tam đã mượn sẵn cho gia đình một căn nhà vách ván, nằm sâu trong một cái hẻm đường Hai Bà Trưng (hồi đó còn mang tên tây mà tôi đã quên mất; số nhà thì dài thòng, tôi phải đặt thành về để bà con, bạn bè và chính tôi dễ nhớ. Câu về là: “Ba trăm hai tám, tám hai A (328/82/A), bác đến thăm tôi nhớ số nhà.”

Ông Tam còn tặng chúng tôi tiền nhà tháng đầu và hai cái giường cùng một bộ bàn ghế bằng tre, tôi rất thích, giữ gìn và dùng mãi đến ngày tôi bị chế độ Ngô Đình Diệm bắt giam và đày

Côn Đảo.

Từ ngày vào Sài Gòn, ông Tam ở nhà ông Thụy, giám đốc Bưu điện. Ông ở trong một gian phòng nhỏ với con trai út là Nguyễn Tường Thiết. Ông cho tái bản một số tác phẩm cũ và xuất bản những tác phẩm mới của ông và vài ba văn hữu, in tại nhà Nguyễn Đình Vượng và giao nhà Nam Cường phát hành.

Tuy làm việc đầy, nhưng ông xuống tinh thần, như người thất chí, chán đời, mệt mỏi chỉ tiếp một số bè bạn thân. Ông tuyên bố không làm chính trị nữa và đưa con lên ở Đà Lạt, lấy thú đi rừng kiếm lan chơi lan để giải buồn.

Ông tìm được nhiều loại lan. Trừ những loại đã có tên nhiều người biết, ông đặt tên cho những loại bông lạ theo hình dáng, màu sắc của nó. Những ngày nghỉ, gia đình tôi thường lên Đà Lạt thăm ông, thấy trong nhà, nền vách la liệt các loại lan. Chúng tôi theo ông đi tìm lan, mới thấy ông đi bộ rất nhanh và dai sức. Mắt ông lại tinh nên thường trông thấy lan trên những cây cao trước chúng tôi.

Ông yêu lan, mê lan đến độ bụng cả chậu lan Thanh Ngọc lên giường ngủ chung và tặng lan hai câu thơ:

Sắc trong Thanh Ngọc, hương thơm mộng  
Một thoáng mơ tiên, thoảng xuống trần

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chơi lan đến độ vô tình đã gây thành phong trào chơi lan ở Đà Lạt cùng vài tỉnh lân cận.

Khoảng 1955, nhân ông cậu bà Tam và bác sĩ Nguyễn Sĩ Dinh, một bạn thân khác của ông, tậu được một miếng đất ở làng Fin Nôm cách Đà Lạt độ 30 cây số, ông Tam đã đến đây, tự vẽ kiểu và dựng một ngôi nhà gỗ lợp lá theo kiểu “Nhà ánh sáng” bên cạnh suối Đa Mê. Ông thường mắc võng giữa hai thân cây, để nằm hoặc ngồi viết, hoặc thổi hắc tiêu. Có lần chúng tôi lâu không lên thăm ông, đã nhận được hai câu:

Người đi lâu chữa thấy về  
Nhớ người lòng suối Đa Mê gợn sầu...

Rồi một hôm đến thăm ông, chúng tôi thấy ngôi nhà lá của ông nằm tả tơi, cột kèo lẩn lóc khắp mặt đất. Nó đã không đứng vững trong một trận mưa to gió lớn.

Ngay sau khi tới Sài Gòn, tôi và một số đồng chí đã tổ chức một chi bộ lấy tên là Chấn Hưng QĐĐ, nhưng không phát triển được ở miền Nam, vì đồng bào hồi đó tin tưởng ở Việt Minh. Có người nói Việt Minh đã lấy lại được độc lập cho nước nhà rồi, các anh còn chống đối cái gì! Nước đã độc lập rồi, sao các anh không ở ngoài đó, vào đây làm gì? Hay: các anh QĐĐ bị thua rồi phản tuyên truyền làm gì có chuyện con tố cha mẹ, vợ tố chồng vô lý như vậy! Tuy nhiên chúng tôi lại được anh em miền Trung hưởng ứng, có người đã mở trường đặt tên là Chấn Hưng. Do đó mỗi lần gặp ông Tam, tôi vẫn báo cáo công tác của chúng tôi. Nhân vụ nhà Fin Nôm sập đổ, tôi nói đùa là Trời không muốn ông ở Đà Lạt và đề nghị ông trở lại Sài Gòn lãnh đạo chúng tôi.

Tới 1957, một phần có lẽ vì sức khỏe đã bình phục, một phần những chuyện buồn theo thời

gian đã nguôi ngoai, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã hạ sơn, từ giả Đà Lạt, trở lại Sài Gòn, hoạt động cả về chính trị lẫn văn hóa, để không còn bao giờ có dịp trở lại Đà Lạt nữa.

Về chính trị, Nguyễn Tường Tam cùng chúng tôi cải thiện chi bộ cốt cán Chấn Hưng, trao những nhiệm vụ quan trọng cho các đồng chí trẻ tuổi. Ông giữ công tác liên lạc với các nhân sĩ, chính khách, các lãnh tụ đảng phái và tôn giáo (như các cụ Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Trần Văn Văn, các bác sĩ Phan Huy Quát, Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Hữu Phiếm, linh mục Hoàng Quỳnh, v.v...)

Đối với cố T.T Ngô Đình Diệm, thoát tiên chúng tôi rất kính trọng thái độ của ông ở Hong Kong, khi từ chối chức vụ Thủ tướng cựu hoàng Bảo Đại và Pháp muốn trao cho ông, vì ông cũng đòi hỏi Pháp chấp nhận quy chế tự trị của Việt Nam, với điều kiện Việt Nam có tài chính và quân đội riêng, chỉ có ngoại giao cùng chung với Pháp; nhưng Pháp không chịu, tức thì ông Diệm đã rũ áo đi ngay khỏi Hong Kong.

1954, ông Diệm về nước làm thủ tướng, chúng tôi rất mừng và nhiệt tâm ủng hộ, nhưng chỉ sau khoảng nửa năm, chế độ của ông càng ngày càng lộ ra là độc tài độc đoán, nhất là sau khi ông truất phế Bảo Đại. Do đó chúng tôi vừa chống cộng sản, vừa chống chế độ Ngô Đình Diệm và tham gia cuộc nổi dậy năm 1960 của nhóm quân nhân Thi Đông.

Ở đây tôi xin mở dấu ngoặc để nói về việc làm truyền đơn trong vụ biến cố này. Khi thảo truyền đơn, trong danh sách những người ký tên, chúng tôi đã để tên Nguyễn Tường Tam lên đầu, rồi mới tới tên các cụ Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Trần Văn Văn, Nguyễn Xuân Chữ v.v... ông Tam đã sửa lại để tên ông sau tên ông Chữ. Trước sự ngạc nhiên của tôi, ông giải thích: “Anh đừng quên người ta vẫn nói miền Nam của người Nam, mình là người Bắc di cư, phải lưu tâm và tôn trọng điều đó.”

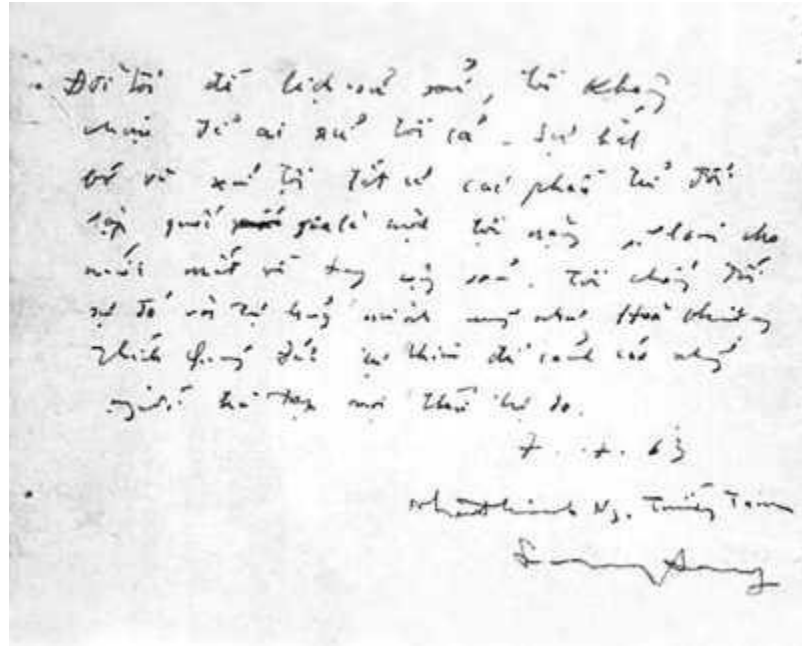
Cuộc đảo chánh thất bại, các đồng chí của ông Tam bị bắt gần hết. Ngoài ra ông Diệm còn cho bắt giam hết các nhân sĩ và lãnh tụ đảng phái và giáo phái khác, không trừ một ai, nhưng... trừ Nguyễn Tường Tam!

Sao có sự lạ lùng như vậy?

- Phải chăng vì Ngô Đình Diệm kính nể Nguyễn Tường Tam?
- Phải chăng Ngô Đình Diệm cho rằng đã chặt hết tay chân của ông Tam đi rồi thì ông Tam không còn làm gì được nữa?

Không bị bắt giam, nhưng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã bị đòi ra trước tòa án quân sự để xét xử, ngày 7-7-63. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã không chịu để cái chế độ độc tài thối nát xét xử ông. Đúng ngày đó, ông đã dùng độc dược tự sát, để lại di chúc như sau:





Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập là một tội nặng, sẽ làm mất nước vào tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.  
Ngày 7-7-63, Nguyễn Tường Tam.

Cùng chiều hôm đó, một luật sư vào khám Chí Hòa báo tin cho luật sư Lê Ngọc Chấn, cùng bị giam chung với bọn đảng phái chính trị và quân nhân bị bắt sau cuộc đảo chính hụt 1960, chúng tôi vô cùng đau khổ và thương tiếc Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã bàn nhau để tang ông ngày hôm sau khi bị đưa ra trước tòa án quân sự. Một anh em đã hy sinh một chiếc áo đen, cắt thành băng đeo ở cánh tay trái. Vừa trông thấy chúng tôi, ủy viên chính phủ Lê Nguyên Phu nói ngay: “Bọn Quốc Dân Đảng để tang Nguyễn Tường Tam.” Nhưng không phải chỉ có “bọn QĐĐ” mà tất cả các chính trị phạm khoảng ba chục người hôm đó đã đeo băng đen, trừ một người là ông Phan Quang Đán!

Sau khi chúng tôi đứng nghiêm chỉnh trước mặt “ba tòa quan lớn” cụ Phan Khắc Sửu đã giơ tay nói: “Xin phép cho chúng tôi mặc niệm Nguyễn Tường Tam.” Chánh án Lê Xuân Khoa (nếu tôi nhớ đúng tên) và Ủy viên Lê Nguyên Phu đều không có phản ứng, sau khi buộc tội đã kết án chúng tôi mỗi người năm năm đày Côn Đảo.

Chiều ngày Nhất Linh Nguyễn Tường Tam được đưa vào nhà xác, vợ con tôi đã tới nhìn mặt ông lần cuối. Con gái tôi đã đem theo một chiếc sáo, đứng bên cạnh xác “Bác Tam của nó” thổi một bài vĩnh biệt Bác.

Về văn hóa, sự nghiệp của Nhất Linh, thiên tài của văn hào như thế nào, quý vị đã đọc tác phẩm của ông tất đã biết nhiều, sách báo cũng đã đề cập tới, tôi xin phép chỉ kể hầu quý vị những chuyện ở bên lề.

Nhất Linh chủ trương tìm nhân tài và gây dựng nhân tài, khuyến khích những người ông biết là có khả năng viết văn hay làm thơ. Ngoài những Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Bình Nguyễn Lộc, đã có những bạn trẻ như Nhật Tiến, Tường Hùng, Phương Khanh, và những bạn khoảng 20 tuổi trở lại như Trần Dạ Từ, Lê Tất Điều, Trần Tuấn Kiệt và một số bạn khác tôi đã quên mất tên, ngày nay đều là những văn gia, thi sĩ nổi tiếng.

Trong ban biên tập *Văn Hóa Ngày Nay*, Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và tôi được Nhất Linh trao lại cho việc đọc và tuyển lựa những bản thảo văn thơ đưa ông duyệt lại trước khi in. Tường Hùng và Tô Hoàng giữ việc trình bày bài vở. Nhất Linh tự vẽ bìa.

Nhất Linh ăn mặc rất giản dị và khiêm tốn như bản tính của ông. Không bao giờ mặc sơ mi cộc tay, tay áo dài thường xắn cao lên, quần rộng, thắt lưng da lỏng lẻo.

Ông đi đâu cũng xách một cái cặp lớn đựng giấy tờ, bản thảo, vài gói thuốc lá Bastos, với một bộ đồ ngủ để tiện đâu ngủ đấy. Ông không dùng máy quẹt lửa, chỉ ưa dùng diêm que. Cây viết của ông hiệu Parker 51, màu xanh, chữ ông viết nhỏ ly ty như đàn kiến bò rất ngay ngắn nhưng khó đọc trên những trang giấy trắng không kẻ dòng mà ông đặt thợ đóng thành những tập 200 trang, bìa dày. Túng lẫm ông mới dùng vở 200 trang có dòng kẻ, bán sẵn ở các tiệm sách.

Nhất Linh làm việc rất mê say, bất kể ngày đêm, không kêu mệt. Ông tôn trọng văn của người khác, không tự ý sửa văn của người khác mà không có ý kiến của tác giả. Ông thường đề nghị và để tùy tác giả sửa hoặc không sửa.

Tiền nhuận bút ông trả cao hơn các nhà xuất bản khác 20 hoặc 50%. Thơ cũng được hưởng nhuận bút, ông giải thích làm một bài hay chỉ có bốn hoặc tám câu không khác gì viết một truyện ngắn, có khi còn khó hơn vì tư tưởng phải xúc tích, cô đọng, trong một phạm vi quá hẹp và quy tắc gò bó.

*Văn Hóa Ngày Nay* ra được 11 số thì đình bản, mặc dầu được độc giả khắp nơi hoan nghênh. Ôi, chỉ vì nó được hoan nghênh quá xá mà chết non. Nguyên do như thế này:

Trước hết tập *Văn Hóa Ngày Nay* không được chế độ Ngô Đình Diệm cho phép xuất bản như một tạp chí mà chỉ là một giai phẩm phát hành không có định kỳ. Vì không có định kỳ nên Bộ Thông Tin kiểm duyệt cố tình để lâu mới trả bản thảo để in. Ông Hoàng Nguyên, chủ sự phòng kiểm duyệt đã nói với tôi rằng ông tuy có nhiều cảm tình với chúng tôi, nhưng không thể làm trái lệnh cấp trên là cản trở tờ *Văn Hóa Ngày Nay* ra đúng hạn kỳ (tỷ dụ như đúng ngày mùng một mỗi tháng) để độc giả nhớ ngày mua báo. Hơn nữa bài vở phải kiểm duyệt kỹ, nhất là bài của Nhất Linh và Bảo Sơn.

Sau nữa, ngoài chế độ kiểm duyệt, phản quyền tự do ngôn luận này ra, chế độ Ngô Đình Diệm còn có một thủ đoạn hiểm độc nữa là nhà nước giữ độc quyền phát hành báo chí, kể cả giai phẩm. Ngô Đình Diệm đã có sáng kiến đặt ra Nhà Phát Hành Thống Nhất, bắt tất cả mọi báo chí phải đưa cho công sở này phân phối. Tập *Văn Hóa Ngày Nay* bán chạy như tôm tươi mấy số đầu, đã bị ế dần đi. Nhà Phát Hành độc quyền của chính phủ đã thi hành độc kế không gởi đủ số báo cho các tiệm sách đã đặt mua. Chúng tôi khi buộc báo thành từng bó đã cố ý đánh dấu riêng, khi nhận báo từ Nhà Phát Hành trả về, thấy những dấu ấy vẫn còn y nguyên, tức là Nhà Phát Hành đã không làm đúng nhiệm vụ, đã giữ báo của chúng tôi trong kho, không phân phối đi. Có những tiệm sách đến điều đình mua thẳng báo với chúng tôi để có đủ báo bán,

nhưng chúng tôi phải từ chối, sợ bị chính quyền gài bẫy. Đã nghèo lại bị thua lỗ, chúng tôi đành đành bản tờ *Văn Hóa Ngày Nay*.

Mấy tháng sau, tôi đứng tên xin ra tờ *Tân Phong*, cũng chỉ được phép xuất bản như một giai phẩm không định kỳ, cuối cùng cũng chịu chung số phận như tờ *Văn Hóa Ngày Nay*.

Nhờ được thường xuyên ở gần Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, nên tôi hiểu biết rõ con người ông. Ở ông có hai con người, không phải hai con người như nhà văn Võ Phiến đã nhận định là một con người Nhất Linh khi còn trẻ viết tiểu thuyết có chủ đề, theo nghệ thuật vị nhân sinh và một con người khi về già chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật.

Tôi muốn nói ở Nhất Linh Nguyễn Tường Tam có một con người Nhất Linh làm văn hóa và một con người Nguyễn Tường Tam làm chính trị cách mệnh. Mỗi con người ấy đã làm việc một cách cần cù, mê say theo một triết lý tôi gọi là triết lý tuyệt hảo.

Tại sao lại gọi là tuyệt hảo?

Vì con người Nhất Linh khi làm văn hóa đã để hết tâm trí thời giờ và tiền bạc làm công việc cho thật hay, thật đẹp, thật tuyệt hảo.

Và khi con người Nguyễn Tường Tam làm cách mệnh và chính trị, cố đem hết khả năng ra làm việc một cách nghiêm chỉnh cho thật hoàn hảo.

Tôi cần nói rõ ngay rằng ông chỉ làm tuyệt hảo riêng từng việc một, không thể cùng một lúc cả hai việc văn hóa và chính trị. Làm một lúc cả hai việc như vậy kết quả không thể như ý ông, không thể tuyệt hảo được. Khi nghĩ làm văn hóa và chính trị, ông cũng đã chơi lan một cách tuyệt hảo.

Trong thập niên 1930, Nhất Linh đã ra báo *Phong Hóa* và báo *Ngày Nay* tuyệt hảo, đã tổ chức Tự Lực Văn Đoàn một cách tuyệt hảo, và đã viết trên mười cuốn tiểu thuyết tuyệt hảo, vì ông chỉ làm một công việc là văn hóa thôi.

Trong thập niên 1940, Nguyễn Tường Tam không làm văn hóa, đã tổ chức đảng Dân Chính, rồi đứng ra thống hợp bốn đảng: Dân Chính, Duy Dân, Đại Việt và VNQDD một cách tuyệt hảo để chống thực dân và cộng sản. Ở đây tôi phải nói thêm rằng từ khi sát nhập Dân Chính đảng vào VNQDD, Nguyễn Tường Tam không bao giờ nhắc tới Dân Chính Đảng, không bao giờ rời bỏ hàng ngũ VNQDD. Ông hoàn toàn hoạt động, phục vụ dưới ngọn cờ Sao Trắng, tuân thủ chính cương, chính sách của VNQDD, cũng như không bao giờ đòi hỏi chức vụ này hay chức vụ khác. Trước sau, ông chỉ giữ mỗi chức vụ ngoại giao do Ban Chấp Hành Trung Ương ủy nhiệm cho ông. Ông cũng không bao giờ cậy quyền thế, uy hiếp người khác, ông tôn trọng đường lối dân chủ, tập đoàn lãnh đạo, cá nhân phụ trách của Đảng, cho nên được mọi người kính mến, tôn phục. Nguyễn Tường Tam đã làm cách mệnh và chính trị một cách tuyệt hảo.

Nhưng... từ giữa thập niên 1950 đến 1963, con người Nhất Linh và con người Nguyễn Tường Tam đã cùng làm việc một lúc, vừa làm chính trị, vừa làm văn hóa. Tuy Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cũng đem hết tâm trí, đem hết khả năng ra làm, những mong kết quả cũng tuyệt hảo như hai giai đoạn trước, nhưng có phải sức người có hạn, sự thế vạn xoay, hay mệnh trời đã định, cho nên ông đã thất bại về chính trị, đến nỗi phải tự hủy mình chăng?

Dẫu sao cái chết của ông cũng tuyệt hảo như cuộc đời của ông vậy.

Trong phần trên, quý vị chỉ thấy tôi khen Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, kể ra những đức tính tốt của ông, triết lý tuyệt hảo của ông, chắc có vị cũng muốn biết ông có những thói hư tật xấu gì. Tôi xin kể một vài điều.

Trước hết Nhất Linh Nguyễn Tường Tam nghiện thuốc lá hạng nặng và nghiện rượu nhất là la-de. Chính ông “xui” tôi hút thuốc lá. Ông nói làm chính trị cần hút thuốc lá, có cái lợi là mỗi khi gặp vấn đề gì khó trả lời ngay mình có thể rít vài hơi thuốc, rồi từ từ nhả khói ra, để có thời giờ suy nghĩ kỹ. Tôi đã “nghe đại,” không những hút thuốc lá mà hút pipe và cigar. Còn rượu thì nói đáng của đáng tội, tôi cũng thích nhậu với bè bạn - thích thôi chứ không nghiện và biết tự hạn chế- nên trong nhà thường trữ sẵn dăm ba chai vang và la-de. Tôi thích nhất rượu Bénédicte và Cointreau, nhưng mắc quá nên ít mua. Một sáng, ngồi uống cà phê với Nhất Linh, tôi đem chai Cointreau mới mua hôm trước ra khoe. Ông đã mở chai rượu ra rót vào ly cà phê của ông. Uống một hai ngụm, ông lại rót thêm rượu, như thế hết hơn một phần ba chai rượu nặng 40 độ. Tôi nói: “Thế này thì anh uống rượu chứ có uống cà phê đâu.” Ông đáp: “Đúng thế. Cointreau pha chút ít cà phê ngon thật, chẳng kém gì cà phê rum của chị Long.” Bà Long tức vợ Hoàng Đạo, là em dâu ông, nhưng ông quen gọi là chị Long, anh Long.

Viết đến đây, tôi lại nhớ có lần Tường Hùng hỏi ông, trong lúc hội họp, như họp Văn Bút, thì có nên xưng chú cháu với nhau không. Ông đáp nên gọi anh em như mọi người, cũng như trong Đảng ông vẫn gọi anh Long, anh Bách, hai người em ruột của ông.

Quần áo ông chỉ có vài bộ đủ mặc, không bao giờ ủi, tôi thấy ông có vẻ ngược mặc quần áo mới hay là ủi thẳng tắp.

Ông không chịu học lái xe, chỉ đi tắc xi và nhất là xe của mấy người bạn thân khi đi chơi xa. Nhiều hôm, ăn cơm tối xong, thấy trời sáng trăng đẹp, chúng tôi rủ nhau đi Vũng Tàu, ngồi chơi bãi biển đến một hai giờ sáng mới về. Có đi khỏi Sài Gòn, ông và bạn bè mới có hứng làm thơ.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam còn thói xấu này, có thể coi là xấu lắm, chính ông và bà Tam đã kể ra vợ chồng tôi mới biết mà chẳng biết con cái ông có biết không? Ấy là ông ít sống với gia đình; người không ưa có thể bảo là ông bỏ bê gia đình vợ con. Ông hết đi Tây du học, đi Pháp chữa bệnh, lại đi Tàu làm cách mệnh, đi Đà Lạt dưỡng sức chơi lan, một hai năm, ba bốn năm mới về nhà. Và mỗi lần về là dính một bé trai hay một bé gái, dính tất cả đến 13 lần. Việc nuôi nấng săn sóc con cái, gần như ông phó mặc cho bà, thường ví bà như bà Phan Bội Châu. Bà Tam đã buôn bán cau khô, nuôi những bầy con với một chồng. (Tuy sinh 13 lần, nhưng chỉ nuôi được có bảy con, 5 trai và 2 gái). Ông bà cho biết khi kết hôn đã ký “thỏa ước” với nhau bà lo việc trong nhà, ông lo việc xã hội, người nọ không được can thiệp vào công việc của người kia. Thỏa ước này đã được cả hai ông bà tôn trọng đến đầu bạc răng long, sang tận bên kia thế giới.

Hàng năm cứ tới ngày “song thất” tôi lại nhớ tới Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ tôi kính trọng, một bạn đồng tâm đồng chí thân mến của tôi và của cả gia đình tôi. Hôm nay tôi hân hạnh kể hầu quý vị những kỷ niệm riêng của tôi với ông, gọi là đốt nén hương lòng tưởng niệm ông.

## Bóng người trên sương mù

Viết theo chuyện một người bạn kể lại.

Ở ngoài, đêm tối như mực. Trong toa hạng nhì, riêng tôi ngồi đối diện với Trạch, một người bạn cũ, tình cờ gặp vì cùng đi một chuyến xe. Mười năm trước, bạn tôi còn là một người cầm lái xe lửa, cũng hàn vi như tôi; bây giờ gặp nhau trong toa hạng nhì, hai người cùng ngạc nhiên và cùng mừng cho nhau.

Lúc nói chuyện, tôi thấy bên cạnh bạn có cái hộp khám rất đẹp, liền cầm lấy xem, rồi tình cờ mở hộp ra; bạn tôi như có ý không bằng lòng, nhưng vì nể tôi nên không nói gì. Tôi nhìn vào hộp thấy rất lạ: hộp bịt kín, ở trong có một con bướm rất to, hai cánh đã xơ xác. Tôi hỏi bạn:

- Con bướm này vùng tôi thường thấy luôn, quý gì mà anh giữ cẩn thận thế này?

- Vâng, bướm thường, nói cho đúng thì chính là một con ngài, nhưng đối với tôi...

Vừa nói đến đây, xe rầm rầm đi qua một cái cầu sắt. Bạn tôi lẳng tai nghe rồi nói:

- Xe đi qua cầu N.G.. Tôi bắt con bướm chính ở giữa cái cầu này đã mười năm nay...

Thấy bạn có vẻ khác, tôi đoán có chuyện gì, liền hỏi:

- Con bướm này chắc cũng có sự tích gì đây?

- Vâng, nhưng sự tích buồn... chuyện đã ngoài mười năm: mười năm trước độ anh đi Saigon thì tôi còn là anh cầm lái tàu hỏa. Chính độ ấy tôi chạy con đường này, tình cảnh tôi độ ấy anh đã rõ.

- Cũng như tình cảnh tôi...

- Nhưng có một việc tôi không nói anh hay là độ ấy tôi có lấy một người vợ, nhưng giấu nhà, giấu mọi người, giấu anh. Chúng tôi sống trong tình cảnh nghèo khổ mà thật lấy làm sung sướng. Nhưng vì cảnh nghèo, vì nhà tôi không quen chịu được kham khổ nên người một ngày một yếu dần.

Về sau nhà tôi bị bệnh nặng mà tôi thì vẫn phải đi làm, không ai trông nom ở nhà. Một đêm nhà tôi yếu quá ngất người đi mấy lần, mà chính đêm ấy là đêm tôi được ông Chánh cử đi cầm lái chuyến xe riêng chở quan Toàn Quyền. Thật là một dịp rất hay cho tôi. Nhưng tôi biết không thể nào đi được, liền vào kêu với ông Chánh, nói là vợ ốm. Ông Chánh đập bàn đập ghế, gắt:

- Tôi không biết! Một là mười giờ đêm nay anh phải có mặt ở ga, hai là từ giờ này trở đi anh đừng bước chân tới đây nữa. Thôi anh ra!

Lời ông Chánh nói quả quyết, tôi phân vân không biết nghĩ ra sao: lúc về nhà, ngồi ở đầu giường, nhìn đến vợ mới biết rằng không đi được, dầu có mất việc làm cũng không cần.

Nhà tôi thấy tôi có vẻ lo nghĩ, hỏi nguyên cớ vì sao, tôi liền đem việc ấy kể lại cho nhà tôi nghe. Nhà tôi nghe xong, vẻ mặt tươi hẳn lên bảo tôi rằng:

- Thế cậu đi chứ! Việc gì phải ngần ngại! Tôi không việc gì đâu, đã thấy đỡ nhiều. Chiều mai về mua cái gì làm quà cho tôi đấy.

Tôi thấy nhà tôi cười nói vui vẻ, tôi vững tâm, thay quần áo ra ga. Đến ga đúng mười giờ.

Nhưng khi cho xe chạy rồi, tôi mới thấy lo, tôi mới biết là tôi liêu. Lúc đó tôi có cái cảm giác lạ lắm: hình như tôi đi thế này, lúc về chắc không nhìn thấy mặt vợ tôi nữa. Tôi cố định trí để cảm máy, nhưng chỉ được một lúc thôi.

Bỗng cả chuyến xe lửa nghiêng về một bên, rồi lắc lư như muốn đổ. Người "ét" của tôi vội bỏ cái xẻng xúc than, níu lấy tôi nói:

- Ô hay! hôm nay ông làm sao thế? Chỗ ấy đường cong nguy hiểm thế mà ông không hãm máy. Ông ngu à?

Tôi không ngủ nhưng người tuy ở đây mà trí còn nghĩ đến người vợ nằm đợi chết một thân, một mình trong gian nhà nhỏ kia. Mắt tôi hoa lên, mồ hôi ra ướt đầm cả người.

Xe đi vào khe núi, hết cao lại xuống thấp như có vẻ nhọc nhằn. Tôi thò đầu ra cửa nhìn thẳng trước mặt, nhưng đêm ấy sương mù dày trời, không nhìn rõ gì cả, chỉ một màu trắng xóa dưới ánh hai cái đèn ở đầu toa.

Bỗng tôi thấy... rõ ràng, tôi thấy in trên sương mù một cái hình người đàn bà mặc áo rộng đứng dang tay. Tôi dụi mắt tưởng mình trông hoảng, nhưng không, hình người đàn bà vẫn đấy. Tôi gọi người "ét" lại cửa toa, bảo ông ta nhìn rồi hỏi:

- Bác có thấy gì không?

Vừa nói xong hình người vụt biến mất. Bác "ét" thò đầu ra và bảo tôi:

- Chỉ thấy sương mù! Ông lại mê ngủ rồi.

- Không rõ ràng tôi thấy có hình người đàn bà in trên sa mù nhưng vừa biến mất.

Người "ét" cười ra vẻ không tin, lấy xẻng xúc than cho vào lò, còn tôi vẫn đứng nguyên chỗ cũ đăm đăm nhìn thẳng trước mặt. Được một lát, hình người đàn bà lại hiện ra, lần này rõ ràng hơn, hai tay ngăn thẳng như muốn ngăn đường không cho xe chạy lên nữa.

Tôi gọi người "ét" nhưng bác ta làm bộ không nghe thấy cứ cầm đầu xúc than cho vào lò. Tôi biết tôi không mê, tôi biết là cái hình người ấy có thật, mà ai cũng phải thấy. Tôi đến cầm lấy tay bác "ét" kéo bác ra xem rồi bảo, cả quyết:

- Nhìn xem!

Bác ta há hốc mồm giương to đôi mắt, hốt hoảng nói:

- Lạ thật!... ma ông ạ!

Xe tiến đến đâu, cái hình người lại đến đấy, có lúc mờ, lúc rõ, lơ lửng giữa lưng trời. Rồi cái hình người ấy vẫy hai tay một cách thong thả, như có ý bảo chúng tôi đừng tiến lên nữa, có sự gì nguy hiểm.

Tôi bảo bác "ét":

- Bác này, có sự gì lạ sắp xảy ra.

- Vâng, sao cái hình lại như lấy tay làm hiệu bảo ta đứng lại.

Cái hình người trước còn vẫy tay thong thả, sau vẫy thật nhanh như người tỏ ý thất vọng, vì bảo chúng tôi mà chúng tôi không nghe.

- Hay ta dừng xe lại xem sao, chắc là ma!

- Không được, tự nhiên vô cớ.

Còn tôi lúc bấy giờ hai tai ù như người mất trí khôn: tôi văng vẳng nghe có tiếng người ở thật xa đưa lại, tiếng một người đàn bà bảo tôi:

- Đổ lại! Đổ lại!

Tôi lắng tai, tay nắm chặt lấy cái "phanh" như định hãm rồi lại không hãm. Một lát, tôi lại nghe thấy tiếng người đàn bà, rõ hơn lần trước, giục tôi:

- Hãm lại! Hãm ngay lại!

Lúc bấy giờ tôi không biết gì nữa, nhắm mắt hãm phanh lại thật mạnh. Các toa rung một cái, bánh xe kêu rít lên trong đêm thanh vắng. Xe chạy từ từ một quãng rồi đổ hẳn. Tôi chưa kịp bước xuống, đã thấy người "xếp tanh" cầm đèn lên hỏi:

- Việc gì thế?

Tôi luống cuống không biết trả lời làm sao, vì nói thật ai tin mình. Tôi trả lời một cách mập mờ:

- Chắc có sự gì lạ. Để tôi cầm đèn đi xem đã.

Lúc bấy giờ mấy ông quan hầu quan Toàn Quyền cũng vừa đến, rồi thấy lạ, đi theo chúng tôi. Vừa đi được một quãng thì nghe trước mặt có tiếng nước chảy ầm ầm. Tôi định tâm mới nhớ ra rằng đó là cầu N.G..

Mấy đêm ấy mưa lũ, nước chắt chày xiết, nên mới réo to như vậy. Đến bờ sông, giơ đèn lên soi, mấy người đều kinh hoảng: cái cầu N.G. bị nước nguồn chảy về xoáy gãy làm đôi.

Một tí nữa, nếu không hãm kịp thì cả một chuyến xe riêng chở quan Toàn Quyền đâm nhào xuống sông sâu, chắc không sống sót một ai; tưởng không có cái tai nạn nào ghê gớm hơn, thế mà chính vì tôi nên mới không có cái tai nạn ấy. Tôi đứng ngăn người không hiểu sao cả.

Người "xếp tanh" mừng cuống quít, hỏi tôi:

- Sao ông biết mà hãm?

- Tôi cũng không hiểu.

Mấy người quan hầu có vẻ mừng lộ ra mặt, xúm xít quanh tôi hỏi dồn, tôi không biết trả lời ra sao, một lát, mọi người đứng giãn ra, quan Toàn Quyền đến, ngài không nề tôi là người lao động, trong lúc mừng quá, ngài giơ tay bắt tay tôi, cái bàn tay đầy bụi than, rồi ngài tỏ lời khen. Tôi chắc rồi sau thế nào cũng được trọng thưởng, nhưng trọng thưởng lúc đó đối với tôi cũng như không. Tôi chỉ nghĩ đến nhà tôi ở nhà, không biết ra sao. Tôi đi trở lại và thoáng thấy cái gì bám ở cái đèn để đầu toa, nhìn kỹ thì ra một con bướm thật to, vướng vào đèn, đương đập cánh để tìm đường thoát. Chính là con bướm trong cái hộp này đây.

Trông thấy con bướm tôi thốt nghĩ ra ngay. Chính phải rồi, chính cái hình người đàn bà lúc nãy là cái bóng con bướm này in lên trên sường mù, đầu con bướm là đầu hình người mà hai cánh con bướm đập là hai cái tay người vậy.

Tôi bắt con bướm rồi định thả cho nó bay đi, sau nghĩ con bướm đã giúp mình được việc, nên giữ lại làm kỷ niệm. Tôi nhìn vào đồng hồ trong toa, thấy kim chỉ đúng hai giờ đêm...

Hôm sau tôi vừa về tới cổng nhà thì thằng nhỏ chạy ra báo tin nhà tôi mất, mất vào khoảng một giờ đêm qua.

Tôi không hay tin nhảm; tôi chắc đó chỉ là một sự tình cờ, một sự ngẫu nhiên, nhưng tôi vẫn yên trí rằng linh hồn nhà tôi đã nhập vào con bướm này để phù hộ cho tôi tránh được tai nạn hôm ấy. Nhưng tránh được tai nạn mà làm gì, tôi thoát được thân tôi mà làm gì, giàu sang phú quý bây giờ đối với tôi cũng như không, tôi cũng chỉ như con bướm này, xác đầy mà hồn tận đâu đâu.

Bạn tôi kể xong câu chuyện, đậy cái hộp khảm lại, rồi lại thẩn thờ nói:

- Bây giờ chỉ còn lại cái xác bướm không hồn!

*Nhất Linh*

*Rút từ tập truyện ngắn Anh phải sống,*

*Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1934*

## **Đề trả Nhất Linh Nguyễn Tường Tam về cho lịch sử Trần Thanh Hiệp**

**Lời giới thiệu:**



Nhất Linh là khuôn mặt lớn của Tự Lực Văn Đoàn và văn học Việt Nam thời tiếp xúc với Tây phương và trong cơn chuyển mình của lịch sử nửa đầu thế kỷ 20. Là nhà văn đồng thời Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cũng là chiến sĩ cách mạng nhiệt thành. Ông dấn thân vào hoạt động chính trị cách mạng vì lý tưởng chứ không vì mưu cầu danh lợi, địa vị. Có thời Nhất Linh Nguyễn Tường Tam rời bỏ tất cả về Suối Đa Mê ở Lâm Đồng trồng lan, làm thơ, vẽ tranh, chơi nhạc. Nhưng rồi ông trở lại lao mình vào cơn lốc chính trị, và tháng 7 năm 1963 đã dùng cái chết để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm bạo ngược. Có thể nói Nhất Linh trước hết là một nghệ sĩ toàn diện: viết văn, làm thơ, vẽ tranh, chơi nhạc, trồng lan. Ông là một hình ảnh thật đẹp của thời đại. Đẹp lúc viết tiểu thuyết, làm báo. Đẹp lúc về ẩn cư ở Suối Đa Mê. Đẹp khi chọn cái chết uy nghi, liêm liệt.

Vừa qua, hội thảo về Tự Lực Văn Đoàn ở Nam Cali đã một lần nữa làm nổi bật hình ảnh của Nhất Linh. Hôm nay, chúng tôi lại giới thiệu bài của Luật Sư Trần Thanh Hiệp như một đóng góp nhằm soi sáng một vài chỗ trong cuộc đời của nhà văn/nhà báo/ nhà chính trị lỗi lạc này.

Bài được lấy từ website của Hoàng Lan Chi.

LS Trần Thanh Hiệp nhận định về Nhất Linh Nguyễn Tường Tam bằng cách đặt ông vào đúng hoàn cảnh của năm 1963, không phải của năm 2013 này. Phải nói cuộc đời của Nhất Linh NTT còn nhiều khoảng tối mà sự soi rọi không dễ dàng vì ông không để lại hồi ký. Thế hệ sau, con cháu ông và cả hậu duệ Tự Lực Văn Đoàn cũng không làm được gì nhiều. Dựa vào tiểu sử, vào bối cảnh lịch sử của những năm 1930, 1945, 1954 và 1963, LS Trần Thanh Hiệp đã cho rằng cái chết của Nhất Linh, có thể đi theo hai logic đặc biệt và không theo logic chính trị thông thường. Cuối cùng, LS Trần Thanh Hiệp kết luận: “Phong thái lẫm liệt ấy hiếm thấy trong lịch sử Việt Nam hiện đại. Người Việt Nam có thể tự hào đã có một nhân vật Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trong lịch sử”.

*Nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam  
nguồn dcvonline.com*

### **Tự hủy đời mình...**

Trong quyển “Nhất Linh, cây bút trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn”, do Văn Hóa-Thông Tin xuất bản ở Hà Nội năm 2000, Nguyễn Tường Thiết có kể lại rằng, trên đường chở cha vào bệnh viện Grall để cấp cứu, “ (...) tôi thò tay vào túi áo ngủ của cha tôi lấy ra một tờ giấy mà lúc ở nhà tôi không kịp xem. Trên một vuông kẻ ô, cha tôi để lại những hàng chữ cuối cùng trong đời ông. Đọc xong, gần như vô ý thức, miệng tôi cứ lặp đi lặp lại mãi một câu “đời tôi để lịch sử xử”...” Giáo sư Nguyễn Thành Vinh - người hoạt động chính trị ở miền Nam Việt Nam, đầu thập niên 60 được coi như gần với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, trong cuốn hồi ký tập thể Biên Cố 11.11. Từ đảo chính đến tù đày, do Trần Tường tuyển chọn và biên soạn, xuất bản tại Saigon năm 1971, đã ghi lại đầy đủ lời tuyên bố trên như sau:

*«Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử Đối lập Quốc Gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do,»* Nhất Linh Nguyễn Tường Tam - 7-7-1963

### **...để đời sau phán xét!**

“Để lịch sử xử” là một lối nói có thể hiểu theo nhiều cách, tùy hoàn cảnh, tùy thời đại. Lịch sử ở phương Đông có nghĩa gốc là bản sách chép những việc đã qua của một người hay của một nước. Ý chính trong nghĩa này là sự ghi chép (phong tình cổ lục còn truyền sử xanh). Ở phương Tây, nghĩa vượt trội của từ lịch sử không phải là việc ghi chép mà là những kiến thức - nay đã thành khoa học- giúp chọn lựa những điều gì của quá khứ đáng ghi chép để ghi chép. Rồi từ đó người ta tách đối tượng của những công trình nghiên cứu ghi chép quá khứ, coi đối tượng ấy như một thực thể trừu tượng độc lập, có một đời sống riêng biệt, chẳng những trong



dĩ vãng mà cả trong tương lai. Nhà văn nổi tiếng của Pháp, J.P.Sartre, có câu «Chúng ta sống trong lịch sử như cá sống trong nước.» Và nghĩa của từ lịch sử lại rộng thêm khi tiếng này được dùng để chỉ ký ức của loài người, sự phán xét của đời sau. Cách nói «lịch sử sẽ phán xét» (l'histoire jugera) là do hiện tượng trượt nghĩa (như trượt tuyết) này mà có.

Khi viết “để lịch sử xử”, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam muốn nói: để cho lịch sử phán xét hành động của ông. Gần bốn mươi năm đã trôi qua. Nguyễn vọng cuối cùng này của ông đã được thỏa mãn hay chưa? Nhiều người, đồng chí, bạn bè, đồng nghiệp, thân nhân v.v... của ông đã bàn về cái chết của ông. Nhưng không vì thế mà có thể khẳng định rằng “lịch sử đã xử”. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã không chấp nhận cho bất cứ ai - trừ đời sau - được quyền đánh giá việc làm của ông. Nhưng lịch sử - đời sau - là ai? Xử ai, Nhất Linh hay Nguyễn Tường Tam hay Nhất Linh Nguyễn Tường Tam? Xử nghĩa là phán xét, nhưng phán xét về những gì, phán xét như thế nào v.v...? Biết bao nhiêu nghi vấn đã được đặt ra, còn được đặt ra. Chưa có giải đáp nào được coi là thỏa đáng. Sự thật, nói “để lịch sử phán xét” là suy nghĩ theo cách phương Tây. Trong môi trường này, dư luận làm nền tảng cho phán xét của lịch sử đồng thời là con kênh để các sự kiện được lưu trữ vào trí nhớ tập thể.

Việt Nam những năm 2000 không còn là Việt Nam những năm 60. Bước phát triển quốc tế của vùng đất này, phát khởi từ phần nửa sau thế kỷ XX, đã ngày càng gia tăng mức độ phương Tây hóa của nó. Dư luận Việt Nam bây giờ cũng phải lớn lên để tầm nhìn lịch sử của người Việt Nam được mở rộng mà phán xét. Và nó sẽ làm công việc Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã ủy thác. Để lại di ngôn “Đời tôi để lịch sử xử”, ông ký tên Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, một tên gọi kết hợp ông chỉ mới dùng những năm cuối đời. Kết hợp con người làm văn học nghệ thuật và con người làm cách mạng chính trị. Cái chết rất đặc biệt của ông là cái chết của cả hai con người ấy, hay nói đúng hơn, cả hai con người này đã làm ra cái chết ngày 7-7-1963 của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.

### **Lịch sử «chính danh» hay lịch sử «nhân danh»?**

Muốn “để cho lịch sử xử” thì trước hết phải có «lịch sử» đã. Vậy lịch sử là gì? Cho đến nay, dù nhân loại đã bước vào kỷ nguyên khoa học thần kỳ, vẫn chưa có một định nghĩa nào - đúng tuyệt đối về lịch sử - vạch rõ được bản chất của lịch sử. Nhưng người ta tin rằng có một dòng diễn biến khách quan, thị hiện bằng một chuỗi biến cố có vẻ ngẫu nhiên, theo chiều hướng tiến bộ, dưới sức đẩy của ba động cơ là ngẫu nhiên, tuân nguyên và tự do. Tạm gọi thứ lịch sử này là lịch sử «chính danh,» lịch sử viết bằng chữ hoa “Lịch Sử”. Bên cạnh lịch sử chính danh này còn có những lịch sử người ta nhân danh lịch sử chính danh để ghi chép theo một sự quan riêng. Hay lịch sử người ta nhân danh tự do mà làm ra. Tạm gọi những loại lịch sử này là lịch sử “nhân danh”. Do đó có sự cách biệt giữa hai loại lịch sử và đã phát sinh tệ trạng ngụy tạo lịch sử, viết lại lịch sử với những quy mô cá nhân hay tập thể. Một tệ trạng đã gây biết bao thảm họa không thể phai mờ trong ký ức của loài người, và đặc biệt của những người Việt Nam hơn nửa thế kỷ bị chìm đắm trong các tội ác khủng bố, diệt chủng, dưới danh nghĩa giai cấp.

Trong trường hợp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, có những lý do để e ngại rằng vẫn còn những khoảng tranh tối tranh sáng xung quanh cái chết của ông. Những công trình nghiên cứu, ghi chép về thân thể và sự nghiệp của ông chưa đủ để cho lịch sử có thể phán xét thật công bằng công tội của ông, như ông muốn.

Một cá nhân, ở vào một vị thế nào đó trong xã hội -và đây là trường hợp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam- có thể viết cho riêng mình một lịch sử vi mô đóng góp vào việc viết nên lịch sử vĩ mô cho xã hội. Mấy luồng dư luận - chính quyền Ngô Đình Diệm qua bản cáo trạng của Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt truy tố ông về tội «xâm phạm an ninh quốc gia,» những đồng chí của ông có

dính líu vào cuộc binh biến 11-11-60 phải ra tòa - đã không giúp làm sáng tỏ công tội của ông trước lịch sử, không cho thấy rõ lô gích nào đã đưa tới cái chết ngày 7-7-63 của ông. Người đời sau còn phải đẩy cho dư luận đi tới xa hơn nữa, để tìm ra ý nghĩa lịch sử của cái chết này. Dĩ nhiên, ai cũng có quyền nghĩ hay nói về cái chết ấy. Và càng nhiều người nghĩ hay nói thì dư luận càng đầy đủ. Nhưng điều nên tránh là đừng tự cho mình quyền “nhân danh” lịch sử vĩ mô để viết lại, theo chủ quan của mình, lịch sử vĩ mô Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Tốt hơn, nên trả Nhất Linh Nguyễn Tường Tam về thời đại của ông để các sự kiện có tiếng nói. Như vậy ông sẽ được trả về cho lịch sử, điều tương xứng với sự nghiệp, phong cách của ông. Và để cho lịch sử phán xét ông.

### **Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và thời đại của ông**

Muốn trả ông về cho lịch sử, trước hết phải trả ông về cho thời đại của ông. Để xem ông đã đột xuất như thế nào trước thời đại ấy.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam sinh năm 1906 và 57 năm sau, năm 1963, ông tự kết liễu đời mình. Khoảng thời gian này, tuy rất ngắn trên dòng lịch sử, nhưng ở Việt Nam, nhiều biến đổi dồn dập xảy ra, trên khắp các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Nó là sự thể hiện của cuộc vận động Duy Tân đã bắt đầu từ thế kỷ trước, qua một tiến trình trong đó Việt Nam, từ một nước nô lệ lạc hậu, tự chuyển hóa thành một nhân xã độc lập đối với ngoại bang và một chủ thể chính trị trên đường dân chủ hóa nội trị. Hàng triệu người đã góp phần viết nên lịch sử vĩ mô này, bằng những lịch sử vĩ mô của mỗi người hay của mỗi nhóm họp lại. Để phán xét Nhất Linh Nguyễn Tường Tam không thể không tìm hiểu cách đóng góp và sự đóng góp – mà nhiều người thường tự ý thêm hay bớt – của ông vào lịch sử vĩ mô nói trên, qua hai con người Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam. Sự thật khó mà chia phần một cách thật chính xác giữa Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam. Nhất là khi sử dụng quyền tự hủy, ông đã nhân danh cả hai con người Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam. Nếu dưới đây vẫn cứ phân chia thì đó chỉ là để thuận tiện cho sự trình bày mà thôi.

Nhìn dưới độ góc này, Nguyễn Tường Tam đã đột xuất trước thời đại, dưới tên gọi Nhất Linh - nhà văn, nhà báo, nhà hội họa, nhà trí thức, nhạc sĩ v.v...- cha đẻ của một loạt nhân vật hư cấu, những Lệ Nương, Loan, Dũng, Nhung, Nghĩa, Phương, Thái, Triết, Trương, Thu, Mùi v.v... Những nhân vật hư cấu nhưng linh hoạt như đang sống thực ở ngoài đời, tuy chỉ hiện hữu trong tưởng tượng. Những nhân vật, vì vậy, phản ánh được một bộ mặt nhất định của xã hội đương thời, mở ra được một chiều hướng đi lên cho cuộc sống. Trong từ ngữ chuyên môn của văn học, người ta gọi đó là «không gian văn chương» của Nhất Linh. Không gian cung cấp cho xã hội một kiểu mẫu sống, một rung cảm mới và nhất là một ngôn ngữ mới, một văn phong mới. Công trình mở đường này đã khiến cho Nhất Linh được đồng thanh nhìn nhận là người mở đường cho văn học sử Việt Nam vào thời điểm thập niên 30, mang lại cho bộ môn tiểu thuyết một bước tiến bộ theo hướng nghệ thuật, và thổi vào báo chí tiếng Việt một sức sống vươn lên. Trong chừng mực đó, Nhất Linh đã đi vào lịch sử của đất nước.

Còn Nguyễn Tường Tam? Hành trình của con người «làm cách mạng» này không sáng tỏ như hành trình của Nhất Linh. Chẳng những ngoài xã hội mà cả trong gia đình ông, các bạn bè, văn hữu của Nguyễn Tường Tam cũng không ai biết đích xác về những hoạt động chính trị của ông. Theo tiểu sử nòng cốt của ông, do Nguyễn Ngũ Í công bố ở Sài Gòn năm 1966, Nguyễn Tường Tam năm 1939 lập đảng chống Pháp lấy tên là Hưng Việt sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Năm 1942, Nguyễn Tường Tam ra ngoài nước để sang Trung Quốc, đứng vào hàng ngũ phe tranh đấu người Việt xu hướng quốc gia tại Liễu Châu. Ông hoạt động trong Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội với cụ Nguyễn Hải Thần và một thời gian có cả Hồ Chí Minh. Sau đó, ông về Côn Minh tranh đấu dưới màu cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cho đến giữa 1945,

ông có về nước ở vùng Hà Giang nhưng rồi lại quay sang Côn Minh và đi Trùng Khánh. Khi đảng Cộng Sản Việt Nam cướp chính quyền dưới danh nghĩa Việt Minh thì Nguyễn Tường Tam vẫn còn ở ngoài, mãi đầu năm 1946 mới về nước. Tổ chức Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội cũng dời địa bàn hoạt động về Việt Nam.

Để có lực lượng đối lập công khai với chính quyền cộng sản, một Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất ra đời với Nguyễn Tường Tam Phó chủ tịch, bên cạnh Nguyễn Hải Thần, chủ tịch. Vào thời điểm này, dưới áp lực của Trung Quốc, và của tình hình mới do sự hiện diện của quân đội Pháp ở Việt Nam, hai phe quốc cộng ở Việt Nam phải thành lập một chính phủ Liên Hiệp. Nguyễn Tường Tam nhận lời tham gia, giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao. Nhưng ngày 5-3-1946, Nguyễn Tường Tam gửi thư cho Hồ Chí Minh xin từ chức Bộ trưởng Ngoại giao, nói rõ rằng quyết định rút lui của ông chỉ có tính cách «hoàn toàn cá nhân,» không «liên quan gì đến sự đoàn kết các đảng phái.» Bởi vậy, ông không cầm đầu phái đoàn Việt Nam sang Pháp tham dự cuộc đàm phán Việt Pháp tại Hội nghị Fontainebleau. Trước khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ vào gần cuối Tháng 12-1946, Nguyễn Tường Tam lại trở qua Trung Quốc, cùng với cựu hoàng Bảo Đại tìm một giải pháp chính trị tranh thủ độc lập cho Việt Nam.

Việc này không đi tới kết quả cụ thể nào đối với Nguyễn Tường Tam và một số đồng chí cùng lưu vong với ông ở Trung Quốc. Năm 1949, tất cả những người này quyết định giữ vững lập trường không hợp tác với Pháp, cũng không bắt tay với cộng sản Việt Nam, dù để kháng chiến. Một trong những người này, Nguyễn Tường Bách, tác giả quyển Hồi ký nhan đề “Việt Nam một thế kỷ qua” viết rằng : «Đối với ý kiến của chúng tôi đi tìm một con đường mới để thoát khỏi bế tắc, anh Tam không biểu lộ ý nghĩ cụ thể, không tán thành hay phản đối việc chúng tôi làm. Xưa nay, anh không ép buộc ai phải theo ý muốn của mình cả, có thể vì thế mà anh không tổ chức được hàng ngũ đấu tranh có kỷ luật chặt chẽ (...)» Năm 1949, Nguyễn Tường Tam trở về Hà Nội, tuyên bố không hoạt động chính trị nữa. Năm 1953, ông lên Đà Lạt ở ẩn, 1958 trở về Saigon, hoạt động văn nghệ, ấn hành tờ tạp chí Văn Hóa Ngày Nay, được 11 số thì đình bản. Ngày 7-7-1963, ông tự sát vì không chịu để tòa án của chính quyền Ngô Đình Diệm xét xử ông. Mặt khác, ông còn muốn chống lại «Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử Đối lập Quốc Gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản.» Ông minh xác: «Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.»

Trong lịch sử chính trị cận đại Việt Nam chưa có một người làm chính trị nào chọn cái chết như Nguyễn Tường Tam. Trong chừng mực đó, ông cũng đã trở thành một nhân vật lịch sử, nhưng không theo lô gích chính trị. Sự thật, Nguyễn Tường Tam không trực tiếp hay gián tiếp liên hệ gì với nhóm quân nhân đảo chính, ngày 11-11-1960 tấn công Dinh Độc Lập nhằm lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Tội danh «xâm phạm an ninh quốc gia» đã được áp đặt cho ông vì nhu cầu đàn áp. Đã vậy, cũng không có đủ tội chứng để biện minh cho bất cứ một hình phạt nào ông có thể gánh chịu. Sau hết, vào thời điểm chính quyền Ngô Đình Diệm đưa ông ra xét xử trước tòa, trong dư luận quần chúng, chính quyền này đã tới bên bờ vực thẳm của tiêu vong. Cái chết của Nguyễn Tường Tam quả thật không phải là điều tất yếu của tình thế. Nhưng Nguyễn Tường Tam đã chết “để cảnh cáo” một bạo quyền. Như vậy có thể là Nguyễn Tường Tam đã chết theo hai lô gích. Hoặc là lô gích «luân lý» để tỏ bày cái «thượng dũng» của một đáng trọng phu. Phải chăng Nguyễn Tường Tam đã trở lại với nhân sinh quan «Nho phong» mà ông vẫn còn thấm nhuần khi bắt đầu sự nghiệp văn chương của mình? Hoặc là lô gích thẩm mỹ, Nguyễn Tường Tam đã trở thành một «nhân vật tiểu thuyết» của Nhất Linh? Trong các tiểu thuyết của Nhất Linh người ta luôn luôn gặp những nhân vật, vì lý do này hay lý do khác, tính chuyện kết liễu cuộc đời mình một cách bình thường, tự nhiên. Phiên xử ngày 9-7-1963 của Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt là giọt nước làm tràn ly. Như một người viết tiểu thuyết đi tìm chi tiết dựng tác phẩm, Nguyễn Tường Tam đã thân nhiên bố trí cái chết của mình. Chết

như vậy là một vẻ đẹp trong một toàn bộ thẩm mỹ mà tác giả, như Thượng Đế, có toàn quyền sắp xếp. Phải chăng vì vậy mà ông đã ký tên dưới di ngôn của mình là Nhất Linh Nguyễn Tường Tam? Hai con người này đã nhập làm một để lấy một quyết định chốt.

Ba mươi chín năm sau khi Nhất Linh Nguyễn Tường Tam nằm xuống, có lẽ nay và mãi sau vẫn còn những người tưởng nhớ đến ông. Dù muốn hay không muốn, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã là quá khứ mà những lớp người ở Việt Nam lựa chọn làm văn học nghệ thuật hay làm cách mạng chính trị đã mang trong mình. Trọng lượng của quá khứ ấy có thể nặng nhẹ, tùy theo cách đánh giá của mỗi người. Đối với một số người, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã làm xong công việc của một chặng trên con đường đổi mới nghệ thuật (xin xem Thảo Luận, nhà Xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn 1965). Đối với một số người khác - những người duy lịch sử, tự cho mình là Lịch Sử - sự đóng góp của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chỉ đáng kể trong một giới hạn nào đó thôi (xin xem Nhất Linh, cây bút trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn, nhà Xuất bản Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 2000).

Trong trí nhớ tập thể, vẫn còn những khoảng tối trên thân thể và sự nghiệp Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Không dễ gì mà có được một «cây đàn muôn điệu» (văn, họa, nhạc) như ông. Lại thêm một vốn sống thượng vàng hạ cám, phong phú, không phải ai cũng có. Vậy tại sao Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã ngưng sáng tác sau Bướm Trắng, Xóm Cầu Mới, Giòng Sông Thanh Thủy (1961)? Ông có mặt tại nhiều nơi, đã liên tục dấn thân cho cách mạng chính trị từ thập niên 30, lúc nào cũng ở trên cấp bậc lãnh đạo, vậy tại sao ông đã tuyên bố rút lui khỏi chính trường đầu thập niên 50 và hơn một thập niên sau, lại tự sát vì chính trị? Những bí ẩn này gợi ý rằng sự hiểu biết của đời sau về nhân vật Nhất Linh Nguyễn Tường Tam vẫn còn phải bổ sung. Nói như vậy không có nghĩa là chỉ có thể có một thái độ của khách bàng quan, trong khi chờ đợi.

Miền Nam Việt Nam đã mất vào tay Cộng Sản, điều Nhất Linh Nguyễn Tường Tam lo ngại. Tất nhiên không hẳn hoàn toàn do những hành động ông lên án. Nhưng lịch sử đã bắt đầu việc phán xét và sẽ còn tiếp tục phán xét. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam không có ý định để lại cho đời sau một thông điệp với một nội dung nhất định nào. Vào cái tuổi 57 chưa hẳn quá về chiều của cuộc đời, ông đã lấy cái chết của mình để cảnh cáo những người cầm quyền bạo ngược, ngang nhiên chà đạp lên mọi thứ tự do là nhân phẩm, thứ giá trị khiến cho con người khác biệt được với các sinh vật khác. Không phải ai cũng lấy được một quyết định như vậy. Phong thái lẫm liệt ấy hiếm thấy trong lịch sử Việt Nam hiện đại.

Người Việt Nam có thể tự hào đã có một nhân vật Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trong lịch sử.

\*\*\*

**Phụ đính:**



## Nhất Linh và Bướm trắng: Tại sao Bướm Trắng Huỳnh Phan Anh

Tại sao không viết về Nhất Linh theo một chủ đề rõ rệt nổi bật từ toàn bộ tác phẩm ông, công việc đã có nhiều người làm trước đây, trong số đó bài "Hạnh phúc trong tác phẩm Nhất Linh" của ông Đặng Tiến (Bán nguyệt san Văn số 37) là một cố gắng đáng kể. Tại sao không viết về Nhất Linh, về tác phẩm Nhất Linh, xem đó như một công trình đã hoàn tất, đã trở thành một định mệnh, đã đầy đủ cho chính nó, đã dừng lại,

đã đi đến chỗ tận cùng của nó, đã trở thành lịch sử (một thực tại thuộc lịch sử cũng như một thực tại thuộc văn học sử). Tại sao không viết về Nhất Linh bằng cách đặt ông vào một khuôn khổ, một vị trí chắc chắn, căn cứ vào những tác phẩm ông đã viết, đã để lại đầy đủ: biết rằng cái chết của mỗi nhà văn đương nhiên biến những cuốn sách của hắn thành tác phẩm, biến tác phẩm của hắn thành sự nghiệp: biết rằng cái chết của mỗi nhà văn không là cách chấm dứt một sự nghiệp dở dang, ngược lại đó là một cách hoàn thành tốt đẹp nhất.

Tại sao viết về Nhất Linh chỉ căn cứ vồn vẹn trên một cuốn sách lẻ loi tách ra từ một toàn thể, sự nghiệp của tác giả. Và tại sao chọn *Bướm trắng*, Nhất Linh và *Bướm trắng*. Tại sao *Bướm trắng* thay vì *Đôi bạn*, *Đoạn tuyệt* hay *Dòng sông Thanh Thủy*, một cuốn sách này thay vì một cuốn sách nào khác. Có thể xem đây là việc làm liều lĩnh của kẻ ký tên dưới bài viết này không? Liều lĩnh vì sẽ dễ dàng rơi vào chỗ thiếu sót, chủ quan, phiến diện, độc đoán v.v... Bởi vì quan niệm thông thường vẫn thường có khuynh hướng toàn thể hoá các tác phẩm của nhà văn, biến chúng thành một toàn thể hợp nhất và độc nhất, không thể đập vỡ hay chia cắt ra được.

Tại sao Nhất Linh và *Bướm trắng*? Sau đây là lý do chính yếu nhằm biện minh cho cái nhan đề của bài viết và người viết có bốn phần trình bày sơ qua:

Tách rời một cuốn sách khỏi toàn bộ tác phẩm của một nhà văn tức là một cách nào đó phủ nhận sự nghiệp tác phẩm của nhà văn như một toàn bộ cứng nhắc. Nói khác đi là phủ nhận sự nghiệp sáng tác của nhà văn như một dòng liên tục, như một định mệnh chờ đợi hoàn tất, an bài. Một cuốn sách không là một chặng đường, mà là một hướng đi, một lối đi bên cạnh những hướng đi, những lối đi của cùng một người. Mỗi một cuốn sách đều có thứ tiếng nói riêng của nó, một giọng nói riêng của nó, một ước muốn riêng của nó. Một cuốn sách có thể nói khác đi, ngược lại nếu cần với những điều mà tác giả đã nói ở những nơi khác, những cuốn sách khác. Tác phẩm là một hình thái bất liên tục. Để hoàn tất (tạm dùng chữ này) tác phẩm của mình, nhà văn không đi trên một con đường thẳng, êm xuôi, thanh bình. Trái lại hắn không ngớt phải vượt qua chính mình, phải nói không với chính mình, phải phủ nhận chính mình. Hắn phải trải qua những kinh nghiệm, những tìm tòi và khủng hoảng luôn luôn đổi mới. Những cuốn sách hắn viết nên có thể mâu thuẫn, chống đối nhau, nhưng chính tác phẩm hắn hứa hẹn làm nên từ những mâu thuẫn và chống đối đó. Tác phẩm của hắn không đứng lại bao giờ, bởi nó còn những xung đột nội tại phải làm nên từ những mâu thuẫn và chống đối đó. Tác phẩm của hắn không đứng lại bao giờ, bởi nó còn những xung đột nội tại phải giải quyết, bởi nó còn phải trò chuyện không ngừng với người đọc. Không có bảo tàng viện cho văn chương bởi tác phẩm vẫn không ngừng sống, lớn lên. Và công việc của các nhà làm văn học sử chỉ là một ảo tưởng bởi tác phẩm văn chương, thực tại văn chương không bao giờ là một món đồ ù lì, bất động để cho các sử gia mặc tình thu tóm hay phân loại!

Khi Nhất Linh đưa ra những điều mà ông cho là làm lẩn của chính ông trong đời nhà văn của mình<sup>1</sup>, lời thú thật mang ý nghĩa một tác động kiểm thảo can đảm, ngoài ra còn ngầm nói lên một ý nghĩa cần thiết, cốt cán của tác phẩm cũng như của công việc sáng tạo: người ta viết trong sự thức tỉnh thường trực, người ta viết trong khốn khổ, người ta viết để hy vọng lấp đầy những hao hụt của chính tác phẩm mình, và mỗi cuốn sách là một cơ hội đặt một câu hỏi, nêu một câu trả lời, mở ra một viễn tượng. Ta hãy nghe Nhất Linh nói về "cái làm lớn nhất" của ông:

*"... Luận đề tiểu thuyết của tôi có cuốn Đoạn tuyệt, Hai vẻ đẹp, Lạnh lùng (và ít nhiều truyện ngắn). Sự hoan nghênh của những truyện đó, nhất là Đoạn tuyệt, những lời khen ngợi của các nhà phê bình đã làm tôi sau này khó chịu một cách thành thực (...). Sau hai mươi năm, giờ Đoạn tuyệt đọc lại tôi thấy chỉ có một vài đoạn tả mẹ chồng nàng dâu có đôi chút giá trị, còn*

*những cái về xung đột mới cũ (ý định chính của tôi) như việc Loan dọn nhà đi không đem bát hương, Loan để con trai, lời cãi của trạng sư v.v... thì đến nay chẳng còn gì là hay nữa. Về cuốn Lạnh lùng (tuy nghệ thuật cao hơn Đoạn tuyệt) nhưng còn bao nhiêu chi tiết về tâm hồn một người góa trẻ, khao khát yêu đương v.v... tôi đã bỏ qua, không cho tìm kiếm thêm. Độ ấy tôi chỉ coi nhân vật như những quân cờ để đánh một ván bài, họ không phải là cái chính và chỉ dùng những chi tiết nào lợi cho ái ý chúng tôi của mình không theo sát cuộc đời thực là mục đích chính của tiểu thuyết mà đổi cuộc đời thực đi để lại luận đề của mình" <sup>2</sup>.*

Trước khi các nhà phê bình sau này có thể sẽ lên tiếng chỉ trích ông, ông đã nhìn tác phẩm của mình với đôi mắt nghiêm khắc (đã có bao nhiêu nhà văn làm công việc đó?), ông đã là nhà phê bình của chính ông. Điều này chứng tỏ rằng người ta viết không nhất thiết để thoả hiệp với những gì người ta đã viết hay sẽ viết. Mỗi cuốn sách chỉ còn là một giai đoạn không liên tục nằm trong một toàn thể tự nó đã là một mâu thuẫn nội tại.

Biết rằng, như ai kia đã nói, không nhà văn nào giống nhà văn nào, không tác phẩm nào giống tác phẩm nào cho dù là tác phẩm của cùng một con người sáng tạo, tại sao không nhìn ngắm một nhà văn, một tác phẩm như một *giá trị nội tại, tự tại*, không tùy thuộc, không nợ nần gì với những yếu tố bên ngoài. Người ta viết một mình. Và tác phẩm là kết tụ từ một niềm cô đơn tuyệt đối, kết tụ của chính niềm cô đơn tuyệt đối đó. Vấn đề chính yếu của người đọc hay người phê bình có lẽ không phải là tìm xem Nhất Linh đã chịu ảnh hưởng của Tolstoi, của Somerset Maugham, của Jean Eyre, của André Gide v.v... ra sao, không phải đối chiếu từng dòng từng chữ của Nhất Linh với từng dòng từng chữ của một nhà văn nào khác, không phải là cố tình đặt để Nhất Linh bên cạnh một tên tuổi nào khác, gần gũi hay xa lạ...: đó phải chăng là những công việc có phần dễ dãi (mặc dù có thể không dễ dàng) và vô bổ tổ cáo sự thất bại trước tiên của người đọc (người phê bình) đã không tìm thấy ý nghĩa và giá trị chân thật nhất, riêng tư nhất, thân mật nhất của một tác giả hay một tác phẩm: và đó cũng chính là công việc thường thấy trong sinh hoạt phê bình xưa nay, ở bất luận nơi nào.

Nhất Linh và *Bướm trắng*. Sự chọn lựa không tình cờ chút nào. Tôi muốn xem Nhất Linh trước tiên như một tác giả không ngừng *sống* dưới mắt tôi và đang hoàn tất tác phẩm của ông, bởi vì cái chết (của ông) không là cánh cửa khép lại một lần chót sau tác phẩm, trái lại đặt tác phẩm đó vào tình trạng dang dở đời đời. Tôi muốn đọc *Bướm trắng* như một cuốn sách đang viết, đang hoàn tất trong toàn bộ một tác phẩm dường như cũng không ngừng tìm kiếm cho nó một định mệnh. Đọc *Bướm trắng* không là tìm đến một câu trả lời mà là lắng nghe lời hứa hẹn của một tác gia *đang* lên tiếng. Vâng, một tác giả vẫn không ngừng lên tiếng trong tác phẩm của mình, lên tiếng với từng độc giả một tìm đến, trong từng một lần đọc đang diễn ra, lên tiếng từ những bến bờ xa lạ, nhưng lại thân mật gần gũi bao nhiêu.

Hơn nữa, tôi muốn đọc *Bướm trắng* như người ta tìm đến một bộ mặt cô đơn nhất của một đời người, xem nó như một hiện hữu biệt lập: một cách quên đi những tác phẩm còn lại của tác giả. Dĩ nhiên ở đây người ta chỉ có thể có được một cái nhìn thiếu sót về Nhất Linh cũng như *Bướm trắng* chỉ là một cánh cửa của một đền đài. Tại sao không? Ở đây sự thiếu sót của một người đọc, người phê bình lại chính là một dịp may tốt đẹp của tác giả, của tác phẩm mai đây hãy còn là lời kêu gọi. Nếu sáng tạo là một công trình nhất thiết dở dang, thường ngoằn và bình phẩm là những tác động còn tiếp tục mãi mãi. Như vậy đọc và phê bình không có nghĩa là "thanh toán" một lần cho xong một tác phẩm, mà là tạo cơ hội cho những lần đọc khác, những lần phê bình khác, đầy đủ và tốt đẹp hơn, và cứ như vậy.

Ta đã nói về những làm lẫn của Nhất Linh do chính ông tiết lộ. Những làm lẫn đó, ông đã gom về bốn điểm chính:

"1. Để cái thích riêng của mình nó huyền hoặc, làm hoa mắt không nghĩ đến sự tìm tòi cái hay thực.

2. Để câu văn trống rỗng du dương, hoặc cầu kỳ nó quyến rũ mình (...).

3. Để cái ý định viết hay xuống dưới cái ý định viết để làm gì, viết về thứ gì (viết về nghị luận, triết lý v.v... thì cố nhiên là mình viết để làm một cái gì rồi nhưng viết tiểu thuyết khác, tiểu thuyết nó có mục đích của nó...).

4. Để nêu một cách giải quyết một vấn đề gì. Sự làm lẫn tiểu thuyết với cuốn sách giảng giải một tính đồ thật là vô lý, nhưng lại có những nhà phê bình vẫn lầm lẫn, và lại có báo đem đăng lên thực là vô lý nữa (đây là đem xếp đặt cốt truyện để giải quyết chứ không phải để đời thật rồi tự nó, nó bày tỏ một cái gì). Tôi nhớ có đọc được một nhà văn (mà tôi quên mất tên) phê bình trên báo Cải tạo (xuất bản ở Hà Nội) cho ngay một cuốn tiểu thuyết là hay, là có giá trị vì câu chuyện đã giải quyết được một vấn đề một cách đẹp đẽ. Truyện một người vương vít vợ con rồi giải quyết nỗi khổ trong gia đình bằng cách đăng lính, phục vụ quốc gia. Truyện ấy viết rất dở nhưng nhà phê bình kia cho nó là hay, là xây dựng, là lành mạnh. Đấy chỉ có thể là một bài tuyên truyền người ta vào quân đội (dùng thể thức tiểu thuyết cũng như các bài dạy người ta tránh nạn xe hơi dùng thể thức thơ lục bát) không thể gọi là một tiểu thuyết hay được"<sup>3</sup>.

Nhất Linh đã viết những điều trên đây vào cuối đời mình ở giai đoạn già dặn và trầm tĩnh nhất của một người đã từng có một quá khứ văn nghệ đáng kể, đã từng biết tới những vinh dự lớn lao của nghề cầm bút. Ông đã không ngần ngại, căn cứ trên chính lời lẽ của ông đã trích dẫn, tổ giác chính những hư hỏng của mình trên phương diện sáng tác, và mặc nhiên *phủ nhận* ít ra là một sự thành công nào đó của mình trong những tác phẩm cũ đã từng được tán thưởng, ca ngợi (chỉ cần tưởng tượng đến Nhất Linh của thời kỳ *Đoạn tuyệt* với những "tiếng động" mà cuốn sách này gây nên trong văn giới cũng như trong xã hội). Thiết tưởng đó là điều ta không được phép quên. Càng không được phép quên khi nhắc đến *Bướm trắng* vì mấy lý do sau đây:

1. *Bướm trắng* là một cái đỉnh quan trọng của nghệ thuật Nhất Linh. Nó đánh dấu thời kỳ già dặn nhất của tác giả sau những thành công của *Đôi bạn*, *Đoạn tuyệt* v.v... Chính tác giả đã hơn một lần bày tỏ sự hài lòng của mình về nó. Trong chủ quan tôi, đó hẳn là cuốn sách xứng đáng nhất để được giữ lại một mai kia nếu có sự đào thải, lựa chọn. (Cho tới bây giờ, khi viết những dòng này, tôi vẫn muốn trung thành với những ấn tượng đầu tiên của mình khi còn là một cậu học trò trung học, mười lăm năm rồi còn gì, khi say mê đọc *Bướm trắng*, khám phá *Bướm trắng*, lạc loài trong *Bướm trắng*...).
2. *Bướm trắng* không chỉ là một cuốn sách thêm vào số lượng tác phẩm của Nhất Linh. Nó còn thể hiện một ước muốn tích cực của người viết: viết *chống lại* những gì mình đã viết, viết không có nghĩa là viết lại một tác phẩm nào đó đã hoàn tất cũng chưa hề bắt đầu chỉ đang hứa hẹn. Nói theo điệu nói thông thường, Nhất Linh đã thực hiện một cuộc thoát xác trong tác phẩm này. Những đề tài đã từng nổi bật trong các tác phẩm trước đã lùi lại hay biến mất: Không còn những xung đột mới cũ, những tranh chấp xã hội, những mưu toan biến đổi hay giáo huấn, những lý tưởng mơ hồ v.v... Có thể quan niệm *Bướm trắng* là một lời nói *không* của chính tác giả trước những lỗi mòn của quá khứ. Nó *thể hiện* và đồng thời *thực hiện* một cuộc đoạn tuyệt với chính vũ trụ tiểu thuyết quen thuộc của tác giả. Và tưởng tới lúc phải nói rằng cuộc kiểm thảo *thực sự* của Nhất Linh không đợi tới cuốn "Viết và đọc tiểu thuyết" mới tìm được cơ hội bộc lộ qua mấy điểm mà ông gọi là sai lầm trong văn nghiệp của mình. Cuộc kiểm thảo đó đã ẩn tàng ngay trong *Bướm trắng*.
3. Do đó trong sự nghiệp Nhất Linh, *Bướm trắng* hầu đã vượt khỏi giới hạn của một cuốn tiểu thuyết. Nó đánh dấu một sự thay đổi ngay trong quan niệm viết văn của tác giả. Nó là một thí nghiệm. Nó mặc nhiên bao gồm trong nó một lý thuyết (về tiểu thuyết) bởi nó

thể hiện một chọn lựa, một quyết định của chính tác giả: viết khác đi với những điều đã viết, với những cách thể đã sử dụng để diễn đạt con người, xã hội, vũ trụ... Tuy vậy, mục đích bài viết này sẽ không nhằm đối chiếu *Bướm trắng* với những cuốn sách Nhất Linh đã viết trước hay sau nó nhằm đưa ra một tiến trình về phương diện tiểu thuyết của tác giả (xin nhường công việc cho một lần nào khác, cho một người nào khác).

Quan trọng là lắng nghe thứ tiếng nói của *Bướm trắng*, gia nhập vào vũ trụ của *Bướm trắng*.

### Một giấc mơ

*Bướm trắng* là một cuốn tiểu thuyết? Là một câu chuyện kể? Là quãng đời kỳ lạ của Trương kể từ khi "tình nghi mắc bệnh lao"? Là cuộc gặp gỡ giữa Trương và Thu, là những gì tiếp theo đó đã làm nên một tình yêu cũng như đã làm nên sự thất bại của một tình yêu? Không, tôi muốn nhìn *Bướm trắng* trước tiên như một giấc mơ, một vũ trụ làm nên từ ảo tưởng con người (hay ngược lại: một vũ trụ đang nhạt nhoà, đang biến thành một ảo tưởng mơ hồ?). Tôi muốn nhìn *Bướm trắng* trước tiên như một hình ảnh, một huyền thoại đã nhập thể vào từng dòng, từng chữ lung linh, kỳ ảo trên mấy trăm trang sách không ngừng mời gọi, quyến rũ. Ngay từ câu đầu tiên của tác phẩm:

*"Trương chậm bước lại vì chàng vừa nhận thấy mình đi nhanh quá tuy không có việc gì vội vã và cũng không nhất định đi đến đâu."*<sup>4</sup>

người đọc đã tiếp xúc ngay với cái thế giới đặc thù của nhân vật, cái thế giới làm nên từ những trạng thái chùng chình, lưỡng lự, buông thả, cái thế giới của thực tại xóa nhòa và của thời gian xao lãng, cái thế giới không còn bình thường nữa, có thể nó quá thừa thãi hay hãy còn hao hụt, cái thế giới không còn sự phân biệt giữa cái bên trong và cái bên ngoài, chúng trở thành bầu bạn với nhau, ăn khớp với nhau. Màu trời "mờ xám như trong một ngày mùa đông" xuất hiện dưới mắt Trương ngày hôm đó cũng chính là "màu trời" của tâm hồn chàng, quen thuộc và triu mến, kể từ cơn thức tỉnh đầu tiên của chàng trước bệnh hoạn.

*"Từ khi tình nghi mắc bệnh lao, bỏ trường luật về nghỉ dưỡng bệnh, chàng không thấy mình buồn lắm, lúc nào chàng cũng hy vọng sẽ khỏi bệnh và chàng lại thấy mình nao nức muốn sống, yêu đời và vui vẻ"*<sup>5</sup>.

Có thể Trương không biết rằng chàng đã lừa dối chính mình để quên đi những ám ảnh của bệnh tật và cái chết (bệnh tật và cái chết của một thanh niên đang tuổi yêu đời như chàng!), để quên đi thực tế đang đè nặng lên tâm hồn chàng. Có thể Trương không biết rằng, để có thể chống lại định mệnh gay gắt của đời mình, chàng đã phải luôn luôn sống trong mộng tưởng, luôn luôn biến vũ trụ thành một hình ảnh vừa đúng kích thước cho những khát vọng của chàng.

Như vậy, đọc *Bướm trắng* tức là lạc bước vào cơn mộng ảo của một con người tự thấy đời mình chỉ còn là một nỗi thiếu vắng lớn lao.

Trương là hình ảnh của con người mộng tưởng. Dứt bỏ đi phần mộng tưởng, liệu chàng còn có chịu đựng nổi cái vẻ buồn âm u, chết chóc đang trùm phủ lên đời chàng, hay đó là cách cắt đứt phần đời còn lại đang ù lì, đang tuyệt vọng kia? Điều cần nhất của con người mộng tưởng là không biết rằng mình đang sống trong mộng tưởng. Hấn sáng tạo nên vũ trụ riêng biệt cho hấn, hấn là kẻ sáng tạo thơ ngây. Chàng đã sáng tạo nên cái gì? Câu trả lời dàn trải lên khắp cuốn sách. Câu trả lời đó là tình yêu. Chàng đã sáng tạo tình yêu như một nhà nghệ sĩ sáng tạo nên một tác phẩm. Và cũng như người nghệ sĩ, chàng đã sáng tạo nên "*tác phẩm của mình*" bắt



đầu từ mộng tưởng. Chàng đã gặp Thu, người con gái mà "mới nhìn chàng biết rằng có thể yêu mê man"<sup>6</sup>, người con gái mà khi ngồi gần, chàng "đã thấy trong người đối khác, cuộc đời và cảnh trời lúc đó nhiệm một vẻ khác hẳn lúc thường"<sup>7</sup>: đó là khởi đầu của một chuyến phiêu lưu, một tình yêu, mai đây sẽ đưa đẩy chàng đến những chân trời xa lạ: lạc thú và khổ khổ, đợi chờ và tuyệt vọng, sự cao thượng và lòng ích kỷ, sự bao dung và lòng thù hận v.v...

Tình yêu của Trương khoác lên một vẻ nên thơ tuyệt vời dù trong khí hậu quang đãng, dù trong màu trời âm đạm của nó, bởi nó trước tiên là một giấc mơ, bởi nó làm nên từ một hình ảnh. Chàng yêu Thu và

*"... nhận ra rằng từ trước đến giờ chàng đã sống như một người đi tìm tình yêu mà ngày hôm nay là ngày chàng đã tìm thấy"<sup>8</sup>.*

Đó là thứ tình yêu vượt lên trên những trật tự thông thường:

*"Yêu một người con gái chỉ đẹp thôi không có linh hồn phong phú, hơi lạ lùng thì tình yêu ấy chỉ là tình yêu vật chất tầm thường..."<sup>9</sup>*

để đạt tới một nơi chốn, một giá trị cao siêu, lý tưởng:

*"Tôi chỉ cốt cho Thu biết vậy thôi, chứ tôi không dám xin Thu một thứ gì cả. Yêu hay không yêu, Thu cũng không cần cho tôi biết... Thu cứ để mặc cho tôi yên lòng yêu Thu. Vẫn biết đó là quyền của tôi. Thu muốn cấm cũng không được; nhưng tôi cũng xin Thu cái hạnh phúc được yêu Thu mà không dám mong Thu yêu trả lại..."<sup>10</sup>*

mặc dù vẫn âm thầm nung nấu tận trong da thịt của mình ước muốn được gần gũi, chiếm hữu:

*"Nhìn qua khung cửa sổ ra ngoài không thấy bóng ai, Trương với chiếc áo cánh của Thu rồi úp mặt vào chiếc áo mà chàng âu yếm vò nát trong bàn tay. Lụa áo Trương thấy mềm như da người và mùi thơm hơi cay, không giống hẳn mùi thơm của nước hoa – xông lên ngậy ngất. Trương thấy mình khổ sở vô cùng; chàng lấy làm lạ sao mình lại đau khổ như thế, đau khổ như một người sắp chết..."<sup>11</sup>*

và sau cùng điều đáng nói là Trương được Thu yêu trả lại, tình yêu của hai người là cả một hứa hẹn hoà hợp tốt đẹp. Nhưng dường như ngay từ lúc đầu trong tình yêu đó đã có sẵn mầm thất bại sẽ cùng với tình yêu mà lớn lên.

*"chàng nhận thấy mình tầm thường và cuộc ái tình của chàng với Thu cũng tầm thường"<sup>12</sup>*

còn Thu nàng nghĩ gì về Trương ngay khi nàng không chút nghi ngờ tình yêu và lòng tôn trọng chân thật Trương mang đến cho nàng?

*"Đối với nàng Trương lạ lẫm và ái tình của chàng cũng lạ lùng như tính nết chàng, lạ lùng làm nàng ghê sợ nhưng có một sức quyến rũ rất mạnh."<sup>13</sup>*

Trương tìm lời tình yêu của Thu như tìm đến sự lãng quên chính chàng, một con người mà bệnh hoạn tước đi cả niềm ham sống. Nhưng ngược lại, chàng cũng chỉ yêu Thu trong ước muốn muôn đời của kẻ si tình là được san sẻ, được kề cận, được chiếm hữu, nghĩa là trong những ước muốn vị kỷ, nghĩa là chàng vẫn phải nhớ tới, nghĩ tới mình. Tình yêu Trương vẫn phải quay mãi trong cái vòng luẩn quẩn đó. Tình yêu của chàng vừa là một trò ma thuật vừa là một trò gian dối. Chàng phải lừa đảo chính mình (đúng hơn là chính cái chết của mình) và để

được như vậy chàng phải mặc nhiên chấp nhận việc lừa đảo Thu (không cho Thu biết gì về chứng bệnh của chàng). Đây lại là cái vòng luẩn quẩn khác. Tình yêu chàng nhất thiết thất bại vì chàng không thể nào bẻ gãy những cái vòng luẩn quẩn của tình yêu. Tình yêu thay vì mang đến cho chàng những tia sáng chói loà đã chỉ làm cho tâm hồn chàng đã u tối càng u tối hơn:

*"Giá đời chàng không có Thu! Giá Thu không yêu chàng hoặc hơn thế nữa, chàng ghét được Thu thì thực là hoàn toàn thoát nợ, thoát khỏi ngục đời. Ái tình của Thu đối với chàng lúc nào cũng chỉ như một sự ăn năn thương tiếc không bao giờ nguôi, thương tiếc một thứ gì có lẽ đẹp lắm mà chàng không bao giờ được biết tới. Ngoài cái mong chết vì chán sống, chàng lại còn mong được chết để thoát được tình yêu Thu. Chính chàng đã thấy sợ chàng, sợ sẽ có những hành vi rất xấu đối với Thu, đối với đời, nếu chàng còn sống ít lâu nữa. Chắc chắn là chàng sẽ quấy rầy đến Thu, không thể khác được..."*<sup>14</sup>

Hàm hồ, đó chính là ngôn ngữ tình yêu ở Trương. Lúc đến gần Thu cũng là lúc chàng muốn lần tránh Thu để một mình thụ hưởng hết nỗi khổn khổ của sự phân ly, mất mát. Tình yêu không ngừng đặt để chàng vào những khoảnh khắc ngập ngừng khó sống, những khoảnh khắc tan vỡ của mọi ước muốn và chọn lựa. Bởi vậy khi những đòi hỏi nóng bỏng của tình yêu được thực hiện, đó cũng là lúc chàng thấy lòng mình ê chề, nguội lạnh. Như lần đầu tiên chàng tiếp Thu trong phòng, nắm lấy tay nàng, chạm vào người nàng để rồi sau đó:

*"... đứng nhìn theo Thu qua bức màn ren rồi ngồi xuống ghé ôm đầu nghĩ ngợi. Thu đi rồi, chàng không thấy sung sướng gì cả; điều mà trước kia chàng không dám ước tới nay đã thành sự thực, sau chàng vẫn không thấy lòng mình thỏa mãn. – Chỉ có thể thôi à? Sao mình lại khốn nạn không nói rõ hết cả cho Thu biết và thôi hẳn có hơn không. Mình hãy còn tiếc và mong ở Thu. Mong mỗi thứ gì mới được chứ?"*

*Giá lúc này khi định nói, chàng không thấy Thu đọi hay chàng nhìn mặt Thu không thấy yêu lắm thì có lẽ chàng đã nói rồi."*<sup>15</sup>

và như một lần khác, trong buổi đi chơi Chùa Thầy, cơ hội đã mang họ đến gần nhau, và sau khi đã ôm Thu vào lòng, hưởng trọn *"cái thú thần tiên, bỡ ngỡ của cái hôn trao yêu thứ nhất trên đời"*, trong gặp lại cái tình cảm khốn khổ vẫn đeo đẳng chàng ngay từ những buổi đầu của cuộc phiêu lưu tình cảm của chàng: chàng đã là

*"... người của một thế giới khác cách biệt và Thu như đứng bên kia đường nhìn sang, mấp máy môi thắm gọi chàng một cách tuyệt vọng."*<sup>16</sup>

Có lẽ trong tâm hồn Trương, tình yêu của chàng đối với Thu chỉ còn giữ được một ý nghĩa, một vẻ đẹp nào đó khi nào chàng còn giữ được một khoảng cách đối với Thu. Nghĩa là tình yêu chỉ hiện hữu và tồn tại khi nào người ta ước muốn và còn cơ hội để ước muốn. Nhưng điều mà kẻ si tình trong đó có Trương vẫn quên là người ta chỉ *ước muốn trong khoảng cách*, người ta chỉ ước muốn khi nào đối tượng ước muốn còn ở ngoài, ở xa. Khi đã tóm thâu được đối tượng, khi đã chiếm hữu được đối tượng, con người không còn ước muốn, ước muốn không còn lý do tồn tại, ước muốn đã chết trong sự gãy đổ của khoảng cách. Chính Trương cũng đã nhìn thấy rõ rằng ngay trong mưu toan chiếm hữu của nó, tình yêu đã rơi xuống hàng trần tục và đã tan vỡ trong đó:

*"Chàng buồn vì thấy vừa mất đi không lấy lại được nữa một thứ gì đẹp nhất trong đời, chàng thấy tình yêu của hai người lúc ban sáng đã tới một mực cao cực điểm và từ nay trở đi chỉ là lúc tàn dần: ánh sáng rực rỡ đã tắt và buổi chiều buồn bắt đầu về trong lòng chàng, trong đời chàng từ nay."*<sup>17</sup>

Ánh sáng của tình yêu đã tắt, buồn thay!

Trương đã tìm đến tình yêu, đã yêu, đã được đền đáp ngay trong tình yêu, đã thất bại. Sự thất bại không do ở Thu cũng không do một yếu tố nào ở ngoài chàng hay ngoài nàng. Sự thất bại do ở chàng, ở tâm hồn chàng, ở tình yêu chàng mang đến cho Thu.

Đúng hơn đó là sự thất bại của một giấc mơ, cơ hội để tình yêu chàng xuất hiện.

Giấc mơ. Hãy trở lại với nó một lần nữa, trở lại với câu chuyện thật, đề tài thật ẩn giấu trong cuốn sách. Sự thất bại của Trương trong tình yêu quả là một điều cần thiết. Bởi thật sự ra có thể nói rằng chàng đã không hề yêu: yêu đối với chàng chẳng qua chỉ là cơn hốt hoảng của thần trí dưới sức tác động của một kích thích nội tại hay ngoại tại nào đó, cũng như chàng đã không hề yêu Thu: Thu đối với chàng chỉ là một hình ảnh, nàng chỉ là một sản phẩm của mộng tưởng và trí nhớ của chàng. Đây chính là lý do giải thích vững chắc nhất tại sao tình yêu tan vỡ trong chàng, giữa lúc nó đang thăng hoa tốt lành, biến cố mà chàng nhận ra với tất cả sự thần nhiên của mình, "chàng ngờ Thu vì chính chàng đã đổi khác, không yêu Thu như trước nữa", biến cố xảy đến như một cái gì phải xảy đến, không đủ sức gây nên một tình cảm xao xuyến nào đáng kể ở chàng:

*"Chàng không hiểu tại sao tình yêu Thu trước kia lại làm chàng tiếc đời và đau khổ đến như vậy. Giờ thì chàng được sống và mất hẳn tất cả tình đó, ngh chàng không thấy khổ lắm vì mất hẳn tình yêu của Thu và cũng không thấy vui lắm vì còn được sống ở đời." <sup>18</sup>*

Và điều tệ hại hơn nữa sau đó là tình yêu, cái tình yêu giả dối còn lại trong lòng người, đã không ngần ngại biến thành xấu xa:

*"Nghĩ đến mấy lần tìm gặp Thu, đến bức thư rủ thư đi chơi núi, Trương nhận thấy tình yêu đã hết và bao nhiêu hành vi của mình chỉ còn bị xúi giục bởi một ý muốn rất tầm thường: mong được thỏa nguyện về vật dục để thôi không nghĩ đến Thu nữa, có thể thoát được một cái nợ chỉ làm chàng bút rút." <sup>19</sup>*

Nhưng có thể đó là sự tan vỡ của tình yêu? Đúng ra đó chỉ là một hành vi thức tỉnh của Trương trước chính mình cũng như trước thực tại. Chàng nhận ra sự thật là tình yêu chàng nuôi dưỡng bấy lâu chỉ là một cái gì giả dối, một trò đùa, một cuộc chơi. Tàn một cuộc chơi, cuối một tấn tuồng ảo mộng, khi mỗi người trở về với sự thật của đời mình, đó là lúc tình yêu hiện lên nguyên hình: một trò gian dối.

Cái gọi là tình yêu của Trương chỉ là một giấc mơ. Giấc mơ đó bắt đầu từ một hình ảnh. Đi tìm cái hình ảnh đó, chính là đi tìm cái chìa khoá giải thích mọi sự. Hình ảnh đó đã xuất hiện ngay trên những dòng đầu tiên của *Bướm trắng* (những dòng đầu tiên của một cuốn sách dường như lúc nào cũng mang tầm quan trọng quyết định của nó, nó khai diễn một khúc hoà âm, một tấn kịch, một vũ trụ):

*"Trên đường một cơn gió thổi bay lên mấy chiếc lá khô và một ít bụi trắng, khiến Trương cảm thấy nổi hiu quạnh của cuộc đời cô độc chàng sống đã mấy năm nay. Chàng thốt nhớ đến Liên, người yêu của chàng đã chết vì bệnh lao ba năm trước. Chàng nghĩ đến những cái thú thần tiên của tình yêu lúc bắt đầu, và nỗi buồn của chàng khi được tin Liên chết." <sup>20</sup>*

Vâng, hình ảnh đó là một người con gái tên Liên chợt hiện lên trong trí nhớ để rồi âm thầm nắm giữ lấy vai trò quan trọng nếu không nói là chủ chốt trong đoạn đời kế tiếp sau đó. Tôi cho rằng

chính Liên – cô gái vắng mặt hoàn toàn trong cuốn sách, một nhân vật không lời nói, không cử chỉ, đúng ra là khoảng trống của nhân vật – lại là nhân vật chánh điều động tấn thâm kịch của Trương (và từ đó của tác phẩm *Bướm trắng*). Nếu trong mỗi tác phẩm đều tàng ẩn một câu trả lời của chính tác giả, Liên chính là câu trả lời của *Bướm trắng*. Tôi tự hỏi nếu hôm đó Trương đã không "*thốt nhớ đến Liên, người yêu của chàng đã chết vì bệnh lao ba năm trước*", câu chuyện của chàng sẽ ra sao, câu chuyện của *Bướm trắng* sẽ ra sao và nhất là tình yêu giữa chàng và Thu sẽ ra sao (nhưng chắc gì tình yêu đó đã xảy ra?). Chàng gặp Thu, đã tức thì bàng hoàng trước Thu, đã tức thì yêu Thu ngay trong buổi sơ ngộ đó. Nhưng có thật là chàng yêu Thu? Dưới mắt chàng Thu có còn là Thu? Hay đúng ra nàng *đã là* Liên, hình ảnh mới đây chợt đến với chàng trong tất cả sự tình cờ của nó, và chính sự tình cờ này cũng đã trở thành một định mệnh mù quáng. Dưới mắt chàng, Thu chỉ còn là sự thể nhập, hồi sinh của Liên:

*"Sao trông giống Liên thế. Lại có phần đẹp hơn."*<sup>21</sup>

*"Sao lại giống Liên thế, mà lại đẹp hơn nhiều."*<sup>22</sup>

Thu đã trở thành một hình ảnh, một giấc mơ và Trương đã yêu nàng qua hình ảnh, qua giấc mơ đó, biến nàng thành một tên tội phạm của chà, và những nhận thức của Trương về nàng, những tình cảm của Trương dành cho nàng, tất cả mai đây chỉ còn tuân theo một thứ luận lý, đó là luận lý (của con người) mộng tưởng.

Tình yêu, giấc mơ kia, đã tìm đến sự tan vỡ, đã tan vỡ ngay từ trong lòng nó: ta biết rằng, ở Trương, con người mộng tưởng không tách rời khỏi con người bệnh hoạn. Chính ý tưởng về bệnh hoạn (ảo tưởng về bệnh hoạn?) đã làm nền cho tất cả những mộng tưởng cũng như những tình cảm ở Trương. Giấc mơ của Trương đã xuất hiện từ đâu nếu không phải từ một cơn bại hoại tinh thần. Chàng đã *tạo* nên giấc mơ đó trong cơn hốt hoảng trước ám ảnh của cái chết tưởng đã gần kề. Như vậy phải chăng chính chàng cũng là tác giả của sự tan vỡ nói trên một khi đã thoát khỏi những cơn cuồng nộ của bệnh hoạn và cái chết, một khi tâm hồn chàng đã lắng xuống, trở lại bình thường, một khi hình ảnh của Liên sụp đổ, một khi Thu trở lại với Thu, nghĩa là từ một huyền thoại trở lại với con người thật của nàng. Và đây là Trương khi nhìn lại giấc mơ của mình:

*"Trương nghĩ lại mới thấy tình chàng yêu Thu không có một lý lẽ gì sâu xa, một căn bản gì chắc chắn cả. Chỉ là một ảo tưởng gây nên bởi một vài sự rủi ro; lần đầu trông thấy Thu là hôm Thu có một vẻ đẹp nào nùng trong bộ quần áo tang, giữa lúc chàng đương mắc bệnh lao có cơ nguy đến tính mạng; Thu lại có một vẻ đẹp giống Liên, người mà trước kia chàng đã yêu. Giá nếu gặp Thu trong một lúc khác, và nếu có thể yêu Thu một cách bình thường như yêu một người khác, không kính trọng Thu quá như thế, có lẽ chàng đã không phải chịu bao nhiêu đau khổ bấy lâu."*<sup>23</sup>

Con người mộng tưởng ở Trương cũng đã chết khi tình yêu gãy đổ, khi giấc mơ tàn lụi, khi ý thức của chàng đã phục hồi địa vị và tiếng nói của nó. Thì ra, chàng cũng chỉ là một con người bình thường như bao nhiêu người khác, chợt rơi vào một kinh nghiệm choáng váng say sưa. Và *Bướm trắng* chính là khúc ca hùng tráng của một con người trong một bước chân trượt ngã, lao đầu vào một khoảng mệnh mông...

### **Một thể giới về chiều**

*Bướm trắng* là giấc mơ của một tâm hồn đang chơi với giữa lòng cuộc đời với những ám ảnh không rời của bệnh tật và cái chết, một giấc mơ điên cuồng, đẹp tuyệt được tạo thành để lấp đầy những khoảng trống vắng hải hùng của cuộc hiện hữu ngẫu nhiên, không thường tồn. Đó

là mưu toan của con người muốn thoát ly, muốn quên lãng cái thực tế buồn nản và gớm ghiếc đang đè nặng lên nó, một cách nào đó, để khỏi bị chà đạp, nghiền nát, một cách nào đó, để được đóng vai kẻ thắng trận. Nhưng giấc mơ nào rồi cũng đến lúc tan vỡ. Cái thảm kịch của Trương là muốn lãng quên thực tế của đời mình nhưng luôn luôn lại phải nhớ đến nó, luôn luôn lại phải trở về với nó. Phải chăng khi đã chọn mộng tưởng làm một cách thể nhìn ngắm cuộc đời, nhìn ngắm chính mình, một cách thể sống, chàng đã chọn sự thất bại. Bởi cuộc đời thật của chàng là cuộc đời thiếu hụt. Bởi thế giới thật của chàng là thế giới về chiều. Chàng tìm cách thoát ly nhưng những bước phiêu lưu lại chỉ là những bước trở về, cho nên chàng tiếp tục là kẻ lạc loài, tuyệt vọng, người tù chung thân của cô đơn và bóng tối. Trong cái thế giới tiêu điều, âm u, buồn bã, nhàm chán của *Bướm trắng*, Trương xuất hiện như một hình ảnh muộn màng của một nhân loại không ân huệ, không hứa hẹn, chàng là hình ảnh một con người bị tước đoạt, bị xua đuổi. Chàng đang đi đâu? Chàng mong đợi gì ở đời sống? Có lẽ chàng không biết nữa:

*"Trương ở vào tình trạng một người không cần gì nữa, chỉ mong xảy đến cho mình một việc, bất cứ việc gì, miễn là khác thường để cho mình quên được sự sống."*<sup>24</sup>

Chờ đợi "bất cứ việc gì" xảy đến tức là không chờ đợi gì nữa. Thế nào là một kẻ không chờ đợi? Một kẻ ở tận cùng mọi sự chờ đợi, ở tận cùng chính đời sống của mình, đời sống như một chuỗi liên tục của những khoảnh khắc chờ đợi. Một kẻ đang sống chính cái chết của đời mình. Cái chết, Trương không xa lạ gì với nó. Từ khi tình nghi mình mắc bệnh lao, cái chết trở thành một ám ảnh thường xuyên của chàng, nó kề cận bên chàng, nó đã có mặt ngay trong đời sống của chàng. Cái thế giới về chiều của *Bướm trắng*, thật ra chỉ là thế giới chiếu rọi từ một dự phóng nền tảng của Trương, một tâm hồn chạng vạng đang trù trừ giữa sự sống và cái chết. *Bướm trắng* chính là cái thế giới nhạt nhoà, chết chóc dưới cái nhìn huỷ hoại, man rợ của một con người đang hấp hối. Có một hơi thở bàng bạc, chạy dài suốt mấy trăm trang sách, tạo cho chàng một bầu không khí duy nhất, một đời sống duy nhất, một ngôn ngữ duy nhất. Kỳ lạ thay, có thể thu gọn *Bướm trắng* về một hơi thở của sự sống, một nhịp đập của trái tim. Trong hơi thở nồng nàn đó đã xen vào cái lạnh của miền đất chết. Trong nhịp đập say sưa kia đã nghe đời thoi thóp. Như vậy, có thể nói rằng đây là một cuốn tiểu thuyết viết về cái chết, đặt vấn đề cái chết? Không. Cuốn sách không nêu lên câu hỏi về cái chết cũng không đề nghị một câu trả lời nào cho cái chết cũng như đời sống. *Bướm trắng* chỉ mô tả một kinh nghiệm. Chỉ có kinh nghiệm lên tiếng, thay lời cho tác giả ẩn mặt và im lặng sau tác phẩm mình: kinh nghiệm của một người trong cơn giục giã của đời sống đồng thời trong ám ảnh của cái chết đầu đây. Kinh nghiệm của một người tên Trương. Không. Trương chỉ là một cái tên, một cơ hội từ đó kinh nghiệm xuất hiện, *cái chết lên tiếng*. Vâng, chính cái chết đang lên tiếng ở Trương. Cái chết đang xê dịch trên những bước chân lang thang của chàng. Cái chết đang nghĩ ngợi và mơ tưởng trong đầu óc chàng. Cái chết đang yêu thương hay thù hận trong lòng chàng. Cái chết đang *sống* trong chàng. Cái chết không hình thù mảy mạt, không lai lịch, không tên tuổi. Vẫn là nó, cái chết, trong cái nhìn reo vui gửi lên sự vật:

*"Khi ra đến ngoài, chàng thấy cảnh trời đất đẹp rực rỡ xán lạn. Lá cây chàng thấy xanh hơn và màu các bông hoa trong vườn tươi thắm như ướt nước. Chàng tiến về phía nhà ngang chỗ đông người đứng: gió và ánh sáng làm chàng chói mắt và say sưa bàng hoàng như người uống rượu."*<sup>25</sup>

Vẫn là nó, cái chết, trong cuộc mặc khải êm đềm của tình yêu:

*"Giữa vẻ đẹp rực rỡ của mùa xuân, cạnh một người đẹp mà chàng yêu, Trương vẫn riêng thấy lẻ loi, chơ vơ với nỗi buồn nản thảm kín của lòng mình."*<sup>26</sup>

"*Trương tự nghĩ nếu làm thế nào rũ được Thu cùng tự tử thì cái chết của hai người sẽ êm ái lắm.*"<sup>27</sup>

Vẫn là nó, cái chết, trong những phút sáng suốt:

"*Trương chợt nhận thấy mình là một người hấp hối cần suy nghĩ bao quát của đời sống của mình trước khi nhắm mắt.*"<sup>28</sup>

Vẫn là nó, cái chết, trong những ảo tưởng:

"*Hình như nàng mặc áo tang, đội mũ, tóc bỏ xõa, đi theo sau một chiếc áo quan và chính chàng lại nằm trong chiếc áo quan ấy, người chàng liệm toàn vải trắng.*"<sup>29</sup>

Vâng, luôn luôn là cái chết, bóng dáng nó ẩn hiện, tiếng nói của nó tiềm tàng trên khắp các trang sách, qua suốt câu chuyện kể, qua suốt lời kể chuyện của tác giả, nó thấm nhập vào chính giọng kể của tác giả: *cái chết không còn ở ngoài lời nói về cái chết, cái chết nói.*

Hỏi: đâu tiếng nói chân thật nhất của *Bướm trắng*, đâu là nhân vật chính thật của *Bướm trắng*? Phải chăng đó là cái chết đã nhập thể vào một lời nói, vào một nhân vật? Phải chăng đó là cái chết không như một đối tượng sở hữu mà là chủ thể sở hữu (cái chết chiếm đoạt lấy Trương, làm chủ tâm hồn chàng, vũ trụ của chàng...)?

Trong thế giới về chiều của *Bướm trắng* con người luôn phải sống trong mối ám ảnh liên li của cuộc huỷ hoại sau cùng, cái chết. Cái chết trở thành bá chủ. Ta có thể nói rằng tất cả đều đã bắt đầu, bắt nguồn từ *cái chết đã nằm sẵn trong ý thức của Trương*. Chính cái chết (hay đúng hơn là ảo tưởng về cái chết) đã đưa Trương vào tận những miền sâu thẳm của tâm hồn mình, của sự sống, và nhậm lời của tình yêu với những say sưa và cuồng nộ của nó. Chính nó đã biến cuộc đời Trương thành những chặng đường phiêu lưu mà rất có thể trước kia chàng chưa hề nghĩ tới: bỏ học, yêu, dấn mình vào cuộc truy lục, phạm tội v.v...: đối với Trương dường như tất cả đều được phép khi người ta đang sống với cái chết đang kề sát, đốt cháy da thịt mình.

"*Vì không cần gì nữa, anh đã tự phá huỷ đời anh. Anh bỏ học và có bao nhiêu tiền anh đem phung phí hết trong các cuộc vui. Anh có thích gì đâu! Nhưng không lẽ cứ ngồi đấy đợi cái chết đến.*"<sup>30</sup>

"*Sống gấp hay không sống gấp, đảng nào cũng sẽ như đảng nào, cái cách tốt hơn hết là nhồi một viên đạn nhỏ vào trong sọ. Tạch một cái, thế là hết. Ngọt như mía lùi.*"<sup>31</sup>

Con người tự do trong cái chết. Con người vô trách nhiệm trong cái chết. Con người được phép làm mọi sự kể cả tự tử, "*cõi Niết Bàn của sự bạo động*" kia (Cioran) mà chính Trương đã từng nghĩ tới.

Nhưng Trương chưa tự tử mặc dù chàng đã từng thực hiện những hành vi liều mạng đến tột cùng, lòng dũng dưng trước những căn bản của Thiện Ác; chưa tự tử bởi vì trong cái thế giới về chiều đó, cái chết vẫn chưa phải là tiếng nói sau cùng và con người, may mắn thay, vẫn còn một chỗ đứng, một cơ hội, dù cho đó là một chỗ đứng tạm bợ, dù cho đó là một cơ hội sau cùng như Trương, sau những ngày ảo mộng buồn bã, đã:

"*... cảm thấy mình trợ trợ trước một cuộc đời không bạn hữu, không cha mẹ anh em và trí chàng tự nhiên nghĩ đến quê hương, tìm một nơi căn bản như người sắp chết đuối tìm một vật gì để bám víu.*"<sup>32</sup>

Một chỗ đến cho người sắp chết đuối, một tâm hồn đã mỏi sống? Đó phải chăng là một nơi để trở về:

*"Nhìn lịch chàng nhớ ra ngay ngày mồng tám là ngày giỗ mẹ chàng. Cái yêu thương về quê để giỗ mẹ và về quê để gặp được nhau một cách rất tự nhiên, cùng hiện đến trí chàng trong một lúc. Yêu thương đó không có gì mới lạ cả, sao lại khiến chàng sung sướng đến thế. Chàng như thấy một cơn gió nhẹ nhàng thổi ùa vào trong tâm hồn... Chàng cần một thứ rất êm dịu để an ủi lòng mình, thứ đó là tấm tình yêu của Nha, người vẫn dịu dàng yên lặng yêu chàng và đợi chàng ở chốn quê xa xôi và yên tĩnh."*<sup>33</sup>

Trương là điển hình của mẫu người sống trong sự đốt cháy của ý thức. Sống và ý thức về đời sống, về chính mình. Nhưng *ý thức về đời sống ở Trương đồng thời cũng là ý thức về cái chết*. Trương trước tiên là một cái nhìn thấu suốt căn phận: sống tức là chạm mặt thường xuyên với chính thân phận đầy giới hạn và ngẫu nhiên của chính mình: sống tức là đang đi lần tới, đã tới chỗ tận cùng của đời sống mình. Phải chăng chính trong những phút, chỉ trong những phút gọi là hấp hối của con người, đời sống sẽ chọt hiện lên trong vẻ đẹp nào nùng nhất của nó. Cái gì đã làm ngậy ngất người đọc ở *Bướm trắng* nếu không phải là cái vẻ đẹp nào nùng của đời sống như sắp sửa vỡ tan thành mây khói kia?

Trong bầu trời ử dột của một vũ trụ đang tàn úa, điều đáng nói là những bước chân của Trương đã không ngớt kêu gọi tới đời sống, dù cho đó là những tiếng kêu gọi đầy tuyệt vọng. Ở Trương luôn có sự giằng co quyết liệt giữa bóng tối và ánh sáng, giữa sự sống và cái chết, giữa sống và huỷ hoại. Trong những quyền rũ mê mê của cái chết, ý thức chàng vẫn bập bùng lửa sống, và ta có thể nói rằng những bước đường phiêu lưu của chàng sau lần thức tỉnh trước sự thật của đời mình, chúng còn mang một ý nghĩa nào khác: đó là cách khẳng định chính mình như một sự có mặt, như một sự sống, và hơn thế nữa, như một *ước muốn về đời sống*. Ý thức về cái chết, thay vì dập tắt, đã càng khơi dậy ở chàng những ước muốn say sưa, nồng nàn, nóng bỏng trước cuộc đời như một niềm bí ẩn kỳ diệu với trăm ngàn cánh cửa chờ đợi mở toang. Hãy một lần nữa lần theo những bước chân của Trương, lắng nghe những tiếng nói thầm kín nhất của Trương, ngắm nhìn từng cử chỉ của Trương, xem Trương sống, để thấy rằng chính trong những tình cảm tâm tối nhất của con người, mối đam mê về đời sống của nó lại càng trở nên mù quáng, man rợ hơn bao giờ hết: những hành vi của Trương, dù trong tình yêu, dù trong tội lỗi, cần được quan niệm như những *biểu tượng* sống động nhất của một con người nổi loạn trước những hoàn-cảnh-giới-hạn của mình. Một biểu tượng khác, đó là hoài niệm, đó là hồi tưởng. Trong tâm hồn căn cốt của Trương, quá khứ bao giờ cũng đẹp, nó như một thế giới khác, đầy thần tiên, ở ngay trong chàng, một thế giới mà chàng vẫn tìm đến, quay về, để làm gì nếu không phải để làm ấm lại ngọn lửa tro đang tàn rụi trong chàng: đó phải chăng là thế giới thật của chàng. Tuổi thơ bao giờ cũng rực rỡ trong những dòng hồi tưởng của Trương và chính ở những trang sách của kỷ niệm và trí nhớ đó, người đọc đã khám phá những dòng chữ êm đềm, trong sáng nhất của *Bướm trắng*:

*"Lòng chàng lắng xuống và từ thời quá vãng xa xăm nổi lên một hình ảnh yêu quý của tuổi thơ trong sáng: khu vườn rau của mẹ chàng với những luống rau diếp xanh thắm, những luống thia là lá nhỏ như sương mù và hôm nào trời nắng, những mầm đậu hoà lan tươi non nhú lên qua lần rơm ủ. Rồi đến khi luống đậu nở hoa trắng có những con bướm rất xinh ở đâu bay về..."*<sup>34</sup>

*"Chàng ngẩng nhìn trời qua những cành long não lá non và trong: chàng thấy mình như trở lại hồi còn bé dại, lâng lâng nhẹ nhàng tưởng mình vẫn còn sống một đời thơ ngây trong sạch và bao nhiêu tội lỗi của chàng tiêu tán đi mất hết.*

Vòm trời cao lúc đó, Trương nhận thấy thân mật, êm dịu như vòm trời ở phía sau nhà đã bao nhiêu lần chàng nhìn thấy mỗi khi ra thăm vườn rau của mẹ chàng." <sup>35</sup>

Ước muốn đời sống, hoài niệm tuổi thơ và quá khứ, có thể coi đó như những cách thể diễn hình của con người, ở đây thể hiện qua hình ảnh của Trương, trong nỗ lực tìm kiếm cho mình một cơ hội, một dịp may hầu thoát khỏi móng vuốt của định mệnh và cái chết đang chực chờ huỷ hoại. Ước muốn và hoài niệm, đó chính là *niềm vui* của con người tuyệt vọng đang đi đến tận cùng những giới hạn của mình.

Ở cuối đường phiêu lưu, khi tàn cơn mộng ảo – cũng là lúc Trương thức tỉnh lần này không phải trước bệnh hoạn và cái chết mà trước đời sống thật của mình, một đời sống bình thường, thay vì là một hình ảnh hay một huyền thoại của đời sống – Trương đã tìm được niềm vui mà trước đây đã chỉ đến với chàng trong mơ tưởng và hoài tưởng, niềm vui có *thật* của một con người *thật* trong một đời sống *thật*. Chàng từ chối gặp gỡ Thu một lần chót, cơn dối trá sau cùng của con người mộng tưởng chính là chàng; chàng từ giã luôn cái thế giới mà chàng đã dựng lên từ một hình ảnh, một cơn xúc động làm xây xắm mặt mày; chàng từ giã luôn những ám ảnh triu mến của cái chết bởi vì "*chốn đó, nơi mà chàng tưởng sẽ quên được hết (...), chốn đó không phải là cõi chết ở thế giới bên kia*". Chàng trở lại quê nhà, tìm lại Nhan, người con gái vẫn đợi chàng từ những năm trước: Nhan như *niềm vui thứ nhất* đến với chàng, với tất cả đơn sơ và dịu dàng của nó, Nhan như sự thật đầu tiên xuất hiện dưới ý thức của Trương vừa trải qua một cơn say khướt. Chuyến trở về của Trương sau một quãng đời phóng túng trong đó có những hành vi xấu xa không chối cãi vào đâu được (việc chàng thụt két, vào tù), liệu có thể xem đó như cơn phản tỉnh của con người đạo đức ở Trương? Không. Thiết tưởng rằng tìm đến một câu giải thích về Trương cũng như về tác phẩm *Bướm trắng* mà chỉ căn cứ vào một chủ trương hay một ý hướng đạo đức, điều này có nghĩa là phủ nhận nhân vật (Trương) và tác phẩm (*Bướm trắng*) ngay từ trong bản chất của chúng. Bởi vì ở đây, khởi điểm của nhân vật và tác phẩm không căn cứ trên một ý tưởng đạo đức mà trên một nhận thức thấm đẫm tính chất siêu hình của con người về đời sống. Vậy thì Trương, hình ảnh một con người mộng tưởng đồng thời là một ý thức khốn khổ đó, hẳn đi tìm cái gì? Có thể hẳn đi tìm cho hẳn một đời sống thật, một khuôn mặt thật, sự thật và niềm vui, tất cả ẩn giấu sau những tấm màn giả ảo.

## Nỗi đau hiện sinh trong *Bướm Trắng* Thụy Khuê

'Nếu chỉ có một năm để sống' bạn sẽ làm gì? Đây có thể là đề tài một cuốn phim hồi hộp, một cuốn tiểu thuyết hấp dẫn hay một tác phẩm văn học phân tâm. Nhất Linh chọn giải pháp thứ ba: *Bướm Trắng* là một ăng-kết của Trương về bản ngã mình. Trương bị lao và bác sĩ cho biết chàng chỉ có thể sống được một năm nữa là cùng. Nhất Linh đem máy ghi âm đặt vào óc Trương để ghi lại những ý nghĩ, những phản ứng của Trương từ khi biết mình chỉ còn một thời gian sống nhất định.

Phản ứng đầu tiên của Trương là sẽ ghi vào sổ nhật ký, ngày 21/2: Hôm nay mình chết (*Bướm Trắng*, NXB Đời Nay tái bản, 1970, trang 34). Đó là cái chết đầu tiên, sau khi biết mình sắp chết, cái chết này biểu hiện tính cách hóa thân của hai từ *Bướm Trắng* và đưa Trương vào đoạn đời thứ nhì, đoạn đời mà Trương quyết định rằng từ nay 'chàng sẽ ném đủ các khoái lạc ở đời, chàng sẽ sống đến cực điểm, sống cho hết để không còn ao ước gì nữa, sống cho chán chường. Trương thấy mình nô nức hồi hộp mà lại sung sướng nữa. Chàng sung sướng vì chàng thấy mình như con chim thoát khỏi lồng, nhẹ nhàng trong một sự tự do không bờ bến. Những cái ràng buộc, đè nén của cuộc sống thường không có nữa, chàng sẽ hết băn khoăn,



hết e dè được hoàn toàn sống như ý mình.  
- Chết thì còn cần gì nữa?' (trang 38)

Đặt ngược lại vấn đề, Albert Camus bắt đầu cuốn tiểu luận *Le Mythe de Sisyphe* (Huyền Thoại Sisyphé) bằng câu: 'Chỉ có một vấn đề triết lý thật sự nghiêm túc: đó là tự tử, xét rằng đời đáng sống hay không đáng sống là trả lời câu hỏi cơ bản của triết học'. Cả hai tác giả Nhất Linh và Camus, đi từ hai con đường khác nhau nhưng dường như đều cùng muốn điều tra ý nghĩa của cuộc sống từ cái chết. Rồi Nhất Linh và Camus đều chết bất đắc kỳ tử. Camus, tai nạn xe hơi ở tuổi 47, Nhất Linh tự tử ở tuổi 57, một trùng hợp phi lý.

Cái chết, trước tiên, đối với Trương là một giải thoát, khi giao hẹn 'hôm nay mình chết' là Trương đã tự hóa, từ một người bị ràng buộc, trở thành người tự do, hồi sinh trong cuộc sống mới, với hai lớp lang: biết mình sắp chết và quên rằng mình đang sống.

Ở lớp thứ nhất, Trương quyết định tìm vui trong truy lạc: truy lạc thể xác và tinh thần. Về thể xác, hưởng thụ hết những thú vui nhục dục trước khi chết và về tinh thần, chiếm hữu tình yêu của Thu, người con gái tình cờ gặp mà ngay sau đó Trương đã muốn yêu như một trò chơi: yêu cũng được mà không yêu cũng được.

Ở tầng thứ nhì, Trương sợ sống: không dám về nhà, muốn quên rằng mình đang sống, lẩn tránh những ý nghĩ của mình, sợ đối diện với chính mình. 'Trương ở vào tình trạng một người không cần gì nữa, chỉ mong xảy đến cho mình một việc, bất cứ việc gì, miễn là khác thường để cho mình quên được sự sống' (trang 55). Hai trạng thái, hai lớp lang tâm thần ấy giao nhau trong một môi trường không có lối thoát: Sự truy lạc mà Trương tìm đến như một ao ước hưởng thụ hết trước khi chết, không đem lại cho Trương tí ti thỏa mãn nào, và cuộc tình đối với Thu, mới đầu chỉ là một trò chơi, sau đã lấn át tâm hồn Trương, chi phối tư tưởng Trương như một lớp sống, một định mệnh thứ ba: Cái định mệnh quái ác, tưởng (yêu) đùa lại hóa (yêu) thật, tưởng chết lại không chết, lại sống, cứ sống, rồi chính cái sống thừa, sống ra ngoài mọi ước vọng ấy, đã chơi khăm Trương, vì mọi toan tính về định mệnh đều vô nghĩa: không ai có thể biết trước được định mệnh, kể cả những thầy thuốc giỏi nhất và cũng không ai dự đoán được kết quả một cuộc tình. Trương như con bướm trắng lượn trong các nẻo tâm tư của chính mình, Trương bay hết nơi này đến nơi khác, từ những phăng-tát cực đoan của một người bệnh bị cái chết ám ảnh trong mỗi phút sống, đến những giây phút hạnh phúc cũng như bi đát của một người bình thường, nhảy từ những ý nghĩ trong sáng, dịu dàng nhất đến những toan tính đen tối, đòi tề, đê hèn nhất. Trương là bướm trắng bay trong não trạng của chính mình, Trương hành động, nhận xét mình hành động, mà không hiểu những gì đã xảy ra quanh mình, cho mình.

\*

Cuộc phiêu lưu của Trương, sau khi đã hóa thân, mở đầu bằng một chinh phục: Trương vừa nhìn thấy Thu, thấy Thu giống Liên, người yêu của chàng đã chết vì bệnh lao ba năm trước, 'chàng có cái ý oái oăm muốn Thu sẽ yêu chàng (trang 16). Cuộc tình này là một thứ cú-đờ-phút, vừa lãng mạn lại ráo hoảnh, trâng tráo đúng như ý nghĩ của Trương 'muốn yêu thì sẽ yêu' (trang 17), một cuộc đánh đố, muốn là làm được và Trương đã làm được thật. Nhưng trò chơi nào cũng có thể dẫn đến một thực tại không chơi, đây bí ẩn không thể giải quyết, như thân phận Trương chỉ là một cánh bướm không biết mình sẽ đi đến đâu, như mỗi con người đều là những cánh bướm bay trong định mệnh phi lý của chính mình. Ngòi bút Nhất Linh cũng là bướm trắng di chuyển theo mạch nghĩ của Trương, theo hành động của Trương, theo những ghènh thác của suy tư và hành động, sống mà như chết, chết mà như sống, không biết những suy tư và hành động ấy sẽ dẫn mình đến đâu. Nhất Linh vừa tạo ra Trương, vừa bị Trương dẫn vào cái chốn không biết ấy.

Trước đây, khi còn chăm chỉ đi học, Trương có một thể xác và tâm hồn có thể gọi là 'lành mạnh'; nhưng cái tôi 'lành mạnh' này đã chết bởi vì nó không thật, bởi vì nó chỉ là một nửa Trương, nửa thánh thiện. Bướm trắng là hồn Trương, nhưng mảnh hồn này không 'siêu thoát' theo nghĩa nhà Phật mà nó là cái thực, nó là người, nó là Trương toàn diện theo đúng nghĩa con người. Chính cái hồn bướm trắng này đã đưa Trương vào khám nghiệm tử thi của chính mình, đào ra những ngõ ngách sâu kín trong tâm hồn đích thực của mình. Trương trong Bướm Trắng, đời hơn Dũng, người hơn Dũng trong Đôi Bạn, bởi trong Trương những va chạm của xấu tốt là thường trực, những ám ảnh của ham muốn, dục tình, tính toán, lừa lọc ... là hàng ngày. Nếu trong Đôi Bạn, Nhất Linh vẫn còn là một nhà văn lãng mạn chỉ nhìn thấy cái đẹp, thì ở Bướm Trắng, Nhất Linh đã đoạn tuyệt với lãng mạn, Nhất Linh lạnh lùng hơn, tự do hơn, từng trải hơn, ông đã tìm cách thoát tục, đứng xa cuộc đời, đứng ngoài cuộc đời để nhìn con người cho rõ.

Những ngõ ngách tâm linh phức tạp và mâu thuẫn của Trương không thể dùng ngọn đuốc tình cảm lãng mạn để soi tỏ mà phải bay lượn bằng đôi mắt đã hóa thành bướm trắng thoát tục, mới có thể trung dung chiếu vào đó những ánh sáng neutre, không thiên vị: Trương sống tự do buông thả như một kẻ muốn quên mình đang sống, như một gã kiệt lực muốn leo Hy Mã Lạp Sơn, đi từ mâu thuẫn này đến mâu thuẫn khác, đôi khi hai mâu thuẫn chung sống với nhau như hình ảnh kỳ diệu của tình yêu 'siêu việt' với Thu nằm chung màn với những cô gái đêm hôm hám trong những nhà sãm tồi tàn nhất; rồi những ý nghĩ đen tối như mua dao để giết Thu, những ám ảnh kỳ dị bị Thu giết, cùng chung sống trong đầu với những giây phút thần tiên thơ mộng: 'Trương ngủ thiếp đi, chàng thấy mình cứ cố nhoi lên để tránh mũi dao mà Thu đưa vào cổ mình, nhưng có một sức mạnh ghê gớm giữ chặt lấy chàng, đè nặng lên hai bên ngực. Mũi dao đã chạm vào cổ, nhưng chàng không đau đớn gì cả: một dòng máu chảy ngang cổ xuống gáy lạnh như một dòng nước đá mới tan, Trương kêu thét lên: 'Em giết anh' và giật mình tỉnh dậy. [...] Chuông đồng hồ buông năm tiếng ngắn. Qua khe cửa, trời hãy còn tối [...] Ngoài đường cái có tiếng lách cạch của một chiếc xe bò đi qua. Trương đoán là một xe rau ở ngoại ô lên chợ sớm. Lòng chàng lắng xuống và từ thời quá vãng xa xăm nổi lên một hình ảnh yêu quý của tuổi thơ trong sáng: Khu vườn rau của mẹ chàng với những luống rau diếp xanh thắm, những luống thìa là lá nhỏ như sương mù và hôm nào trời nắng, những mầm đậu hòa lan tươi non nhú lên qua làn rơm ủ. Rồi đến khi luống đậu nở hoa trắng có những con bướm rất xinh ở đâu bay về ...'. (trang 141)

Như vậy không chỉ có tâm hồn Trương là cánh bướm mà cảnh vật xung quanh cũng là những cánh bướm biến ảo không ngừng, Nhất Linh ở đây đã tìm thấy một giao thoa vô cùng tế nhị giữa Đông và Tây, giữa thiện và ác, giữa mơ mộng và ác mộng; tất cả những đối cực ấy xảy ra trong tiềm thức của Trương, trong cái vùng u tối bí mật của bản ngã mà trước Bướm Trắng, chưa có tiểu thuyết gia Việt Nam nào thật sự đi vào, thật sự thám hiểm.

\*

Nhất Linh viết Bướm Trắng năm 38-39. Bốn năm sau, 1942 ở Pháp, Albert Camus cho in tập tiểu luận *Le mythe de Sisyphe* (Huyền Thoại Sisyphé), rồi tiểu thuyết *L'étranger* (Người Xa Lạ), tiếp theo là kịch bản *Le malentendu* (Ngộ Nhận) và sau cùng là tiểu thuyết *La chute* (Sa Đọa).

Tất nhiên là hai nhà văn này không đọc nhau, ít nhất là Nhất Linh không đọc Camus trước khi viết Bướm Trắng, nhưng có một ngẫu nhiên trùng hợp lạ lùng là những chủ đề ẩn trong Bướm Trắng về tính chất phi lý của cuộc đời, về vấn đề tự tử, về sự ngộ nhận, về tính sa đọa của con người -những đề tài chủ yếu của Camus- đều có mặt trong tác phẩm của Nhất Linh. Tại sao lại có một sự gặp gỡ kỳ lạ như vậy? Nhất là khi triết học hiện sinh bắt đầu phát triển ở Pháp thì Tự

Lực Văn Đoàn đã hầu như hoàn tất nhiệm vụ khai phá của mình, những tác phẩm chính của Tự Lực Văn Đoàn đã viết xong. Vậy chỉ có thể trả lời câu hỏi này bằng một câu hỏi khác: Phải chăng Nhất Linh đã tạo ra một hình thức tra vấn bản ngã rất Đông phương, rất Trang Tử?

Trước tiên, đối với Nhất Linh, ngộ nhận và phi lý là điều kiện sống của con người. Nếu ở Camus, phi lý có thể đưa đến giết người (Meursault trong *L'Étranger* giết người vì ánh nắng mặt trời chiếu vào mắt) và trong 'nghề' giết người, ngộ nhận có thể đưa đến mẹ giết con, chị giết em mà không biết (*Le malentendu*), thì ở Nhất Linh, tình yêu tuyệt đối giữa Trương và Thu là ngộ nhận và phi lý, Thu yêu Trương trên căn bản ngộ nhận do phi lý đưa đẩy:

'Trương nhìn theo Thu. Khi nàng đi khuất sau cái thành bể xây, Trương gấp vội bức thư bỏ vào túi. Chàng nhìn cửa buồng bên lững lự một lúc rồi đi vào buồng. Chàng đến gần bên giường. Nhìn qua khung cửa sổ ra ngoài không thấy bóng ai, Trương với chiếc áo cánh của Thu rồi úp mặt vào chiếc áo mà chàng âu yếm vò nát trong hai bàn tay. Lụa áo Trương thấy mềm như da người và mùi thơm cay cay, không giống hẳn mùi thơm của nước hoa, xông lên ngậy ngậy. Trương cảm thấy mình khổ sở vô cùng; chàng lấy làm lạ sao mình lại đau khổ đến thế, đau khổ như một người sắp chết, cảm tưởng lúc ấy giống hết cảm tưởng đêm qua khi chàng nhìn trộm bàn tay của Thu trên tấm chăn.

Trong lúc ấy Thu đã đi gần đến nhà khách bỗng quay trở lại. Nàng mang máng thấy có vẻ gì bất thường trong cử chỉ của Trương vừa rồi. Như cái máy, nàng quay trở lại, nàng cũng không biết tại sao và quay trở lại để làm gì. Đi khỏi cái bể xây, Thu dừng lại vì thoáng thấy Trương trong buồng. Nàng chăm chú nhìn và khi đã hiểu: nàng đứng yên lặng, khắp người rờn rợn như có ai sờ vào da thịt mình. Thấy Trương bỏ chiếc áo vắt vào chỗ cũ, nàng giật mình, đứng lúi khuất sau thành bể.' (trang 59).

Ở đây, Nhất Linh đã viết những dòng vô cùng gợi cảm về sự tiếp xúc thể xác ra ngoài thể xác mà sau này nhiều nhà văn, đạo diễn điện ảnh Việt Nam đã chịu ảnh hưởng sâu sắc. Cuộc tình của Trương và Thu thật sự bắt đầu từ giây phút ấy, giây phút mà phi lý và ngộ nhận trùng hợp: Nếu Thu không quay lại, không nhìn thấy cảnh này thì có lẽ Thu đã không bị Trương chinh phục hoàn toàn. Tại sao Thu quay lại? Thu cũng không biết tại sao và quay trở lại để làm gì? Việc Thu quay lại là một việc hết sức phi lý, không giải thích được: phi lý và bất khả tri, là những điều kiện của hiện sinh con người. Vì quay lại, nhìn thấy 'cảnh ấy' cho nên Thu đã tin rằng 'Trương yêu nàng và tôn trọng nàng một cách siêu việt' (trang 11). Đành rằng tất cả những khía cạnh ấy trong tình yêu của Trương đều có thật, nhưng mới chỉ là một nửa sự thật. Thu ngộ nhận vì chỉ biết nửa sự thật, Trương còn một nửa khác mà Thu không biết: Viết thư tình giả dối, lấy nước rửa lên làm giả nước mắt, cho nhòe chữ đi, Trương thụt két, đánh bạc, hút thuốc phiện, chơi gái, ... Trương biết mình bị ho lao mà vẫn muốn chiếm đoạt Thu, đánh lừa Thu, cho Thu tưởng là mình cao thượng, tình thật Trương biết rõ: 'căn bản của tâm hồn mình, một căn bản vô luân, khốn nạn'. (trang 138)

Trương gặp Thu là một chuyện tình cờ, yêu Thu một cách vô lý: 'Hay có lẽ Thu cũng yêu chàng tự nhiên, yêu một cách vô lý như chàng yêu Thu vô lý bấy lâu.' (trang 199)

\*

Tính chất phi lý của cuộc đời được Nhất Linh trình bày ngay từ những trang đầu: là một sinh viên trường Luật, đang chăm chỉ học hành, thấy mình chớm lao, Trương đi khám bệnh, bác sĩ tuyên bố một câu xanh rờn: 'Phổi và tim ấy cũng còn được một năm nữa là ít' (trang 32). Câu nói còn con của Chuyên, người thầy thuốc, đã hóa kiếp đời Trương: Trương bỏ học, bán nhà bán đất của cha mẹ để lại để tiêu xài xả láng, sống cho hết mình trong một năm trước khi chết. Đời Trương hoàn toàn đảo lộn, từ lành mạnh xuống sa đọa một cách phi lý, chỉ vì một câu nói. Mà không chỉ có đời Trương, những đời khác, cũng quay gót chuyển hướng ít nhiều sang sa đọa một cách phi lý như thế: Mùi, cô hàng xóm ngày thơ ngày xưa trở thành cô gái điếm què

bây giờ, Quang yêu đòi trở thành ăn chơi, chết vì bệnh, Nhan sẵn sàng rơi vào tay 'người anh họ' hào phóng, 'có lương tâm' là Trương, cả Thu, một cách nào đó Thu cũng sa đọa, nhắm mắt chiều chuộng những đòi hỏi điên rồ của Trương. Trương đang ở dưới đáy của tuyệt vọng, lại được Mùi cầu khẩn Trương kéo nàng ra khỏi con đường tội lỗi: phi lý hết sức.

Tất cả mọi giảng mắc của cuộc đời là một mớ bòng bong phi lý, ngộ nhận và bất khả tri. Trong sa đọa, Trương tiêu xài cuộc đời mình như một trò cá ngựa, đem dồn hết tiền (vừa thụt két) đánh vào con ngựa Risque-tout (trang 165) và thua hết canh bạc đời. Trương thua, bởi người ta không thể nào sống gấp được (trang 155) cũng như không ai có thể ăn hết một lúc tất cả những thức ngon trong đời, những thứ mình cứ tưởng là ngon, khi đã nhét đầy miệng, chúng không còn hấp dẫn nữa, mà lại buồn nôn. Do đó, 'chàng không bao giờ thấy được sung sướng trong chơi bời, trái hẳn với ý chàng lúc mới ốm' (trang 126). Vô lý. Quanh Trương là vô lý và không biết. Trương thụt két sắp bị bắt vào tù. Thu hỏi: Sao anh làm việc ấy? Trương trả lời: Không biết (trang 178). Trương tự hỏi: Thực tình chàng có yêu Nhan không? Chàng cũng không hiểu rõ (trang 189). Mùi đòi theo Trương. Theo anh à? Không thể được. Vô lý hết sức (trang 186). Đi bên Mùi, Trương tự nhủ: Đi với một con đĩ què. Vô lý (trang 182). Người đọc có cảm tưởng như nhân vật Meurseult trong Người Xa Lạ của Camus là hậu thân của Trương: một sự ngẫu nhiên trùng hợp phi lý hết sức.

Ngay cả đến những ước muốn của tình yêu: được Thu yêu dù là 'điều mà trước kia chàng không dám ước tới nay đã thành sự thực, sao chàng vẫn không thấy lòng mình thỏa mãn. - Chỉ có thể thôi à? (trang 123) Trương tự hỏi. Có lúc Trương 'mong được thỏa nguyện về vật dục để thôi không nghĩ đến Thu nữa' (trang 252). Thậm chí Trương còn nhận thấy đưa thư cho Thu và thụt két đều cho Trương những cảm tưởng giống hệt nhau, 'chàng không muốn thụt két, nhưng biết trước là thế nào cũng thụt két, cũng như khi trước biết là không nên đưa thư mà vẫn cứ phải đưa thư' (trang 160). Tâm sự của Trương, không khác gì tâm sự của Meurseult. Họ là những người xa lạ với mình, với người xung quanh, một niềm cô đơn tuyệt đối trong cuộc hiện sinh tàn nhẫn.

Tất cả những nhận thức ấy đẩy Trương đến chán chường. Chán sống. Tại sao không tìm một giải pháp? Tại sao không tự tử và Trương nghĩ 'cách tốt hơn hết là nhồi một viên đạn nhỏ vào trong sọ. Tạch một cái, thế là hết. Ngọt như mía lùi.' (trang 155).

Nhưng tự tử được không phải là dễ, 'hèn nhát thì không bao giờ tự tử được, mà có can đảm như trời cũng không thể tự tử được. Tự tử được hay không là ở cảnh chứ không ở người.' (trang 140)

Ở đây, Nhất Linh đã nói đến cảnh, tức là hoàn cảnh, làm ta liên tưởng tới situation của Sartre, và tất nhiên là Trương không thể tự tử được vì chàng chưa bị hoàn cảnh đẩy đến cùng. Nhưng Nhất Linh, hơn 20 năm sau, đã bị hoàn cảnh đẩy đến cùng.

\*\*\*

Nhất Linh, khi viết Bướm Trắng, đã tiên đoán số phận mình đồng thời cũng đã tra vấn những tranh chấp vật lộn giữa sống và chết, giữa cao cả và sa đọa, những quằn quại của con người trước những phi lý, bất khả tri của định mệnh. Sự biết mình không sống lâu cho phép Trương để lộ mặt trái của chính mình. Và càng để cho cái bộ mặt này hành động, Trương càng ngại nhìn thấy nó, càng không muốn về nhà, sợ sự đối diện với chính mình, cái đối diện cay nghiệt nhất và cũng tàn ác nhất, đó là sự đối diện với chính mình, đối diện với cái xấu, cái chết.

Sự tự hủy của Trương chỉ là sự rút ngắn 'cái tôi', muốn dìm nó đi, cho nó chết trước thời hạn, để những 'bày nhầy' của nó khỏi làm bợn tư tưởng của mình. Nhưng không ai vượt được định

mệnh. Cái chết không do sự quyết định của con người -kể cả những người tự tử- mà phải có sự tập hợp của nhiều yếu tố, nhiều hoàn cảnh, tóm lại là phải có sự quần hợp của những hoàn cảnh đẩy đến cùng, đến hố sâu nhất của tuyệt vọng. Tựu trung, cái chết vẫn là chuyện của ngẫu nhiên, chuyện bí mật của định mệnh.

Nhất Linh, với Bướm Trắng, đã tìm ra một con đường tiểu thuyết hoàn toàn khác trước và bỏ xa những bạn đồng hành. Trong khi những người cùng thời với ông vẫn còn miệt mài trong tiểu thuyết hiện thực xã hội, ông đã bước ra ngoài hiện thực và đi vào địa hạt nội tâm. Khi mọi người vẫn còn là bác sĩ toàn khoa, ông đã trở thành bác sĩ chuyên môn, dùng phương pháp nội soi để chiếu vào những ngõ ngách sâu xa nhất của tâm hồn con người, đối diện với sống và chết, với tình yêu và cái chết, với cao cả và tội ác, với định mệnh và hư vô. Những câu hỏi về thực chất của tình yêu, của lòng nhân ái, của cao cả, của sa đọa được Nhất Linh tìm kiếm và rọi chiếu bằng một thứ ánh sáng vô minh, bằng những hình ảnh phũ phàng thơ mộng, bằng một văn phong nhẹ nhàng thoát tục: Bướm Trắng mở ra bối cảnh một Trang Tử bàn về cốt lõi của vấn đề hiện sinh con người. Nhưng ở đây không có ngôn ngữ nặng chắt duy lý của triết học, ở đây là triết học đã hóa thân thành bướm trắng. Đó là nghệ thuật Nhất Linh. Nghệ thuật dùng cái đẹp chuyên chở tư tưởng. Và ở đó, Nhất Linh gần Trang Tử hơn những nhà lập thuyết triết học hiện sinh, hiện đại.

## Độc/đọc lại Nhất Linh Võ Phiến

### Nhất Linh hậu chiến

Trong khi kiểm điểm sự việc để viết về Nhất Linh của thời kỳ sau 1954, tôi có một cảm tưởng buồn. Nhất Linh có địa vị rất quan trọng trong văn học hiện đại của Việt Nam; viết về Nhất Linh, từ trước tới nay người ta viết đã nhiều. Riêng ở Miền Bắc, từ 1945 đến 1975, hình như có chủ trương lơ đi, không nhắc đến Nhất Linh và Tự Lực văn đoàn, cố tình xóa dần dần dấu vết của nhà văn này và văn đoàn này trong trí nhớ quần chúng. Còn ở Miền Nam thì không thể: văn giới vẫn quý trọng Nhất Linh, tác phẩm của ông vẫn được đọc nhiều, báo ông bán chạy, sự nghiệp trước tác của ông được nghiên cứu giảng dạy ở các trường v.v... Tuy nhiên hầu hết những gì viết về ông đều chỉ chú trọng đến cái thành tích văn học tiền chiến của ông mà thôi: Nhất Linh sáng chói là cái ông Nhất Linh của Đoàn tuyệt, của Tự Lực văn đoàn, của Phong Hóa, Ngày Nay v.v... Như thế sau đó là một thời tàn dư, không mấy quan trọng. Sách của Nhất Linh sau 1954 xuất bản không có người phê bình, báo của Nhất Linh sau 1954 nhiều người đọc nhưng ít có tiếng vang trong văn giới: ông nói gì viết gì, ít người nhắc nhở. Người ta kính cẩn nhưng không chú ý mấy.

Linh mục Thanh Lăng, tác giả nhiều bộ sách nghiên cứu văn học Việt Nam, đã nói trước mộ Nhất Linh lúc hạ huyệt: “Anh là thủ lĩnh, là tổng thống trong cái nước cộng hòa văn học từ 1932-1945”<sup>[1]</sup>. Sau đó một người cháu của Nhất Linh là Thế Uyên viết về ông: “Riêng hai đứa chúng tôi<sup>[2]</sup> thán phục Nhất Linh tiền chiến và chấp nhận Nhất Linh hậu chiến.” “Chấp nhận”, nghe có giọng khoan hồng. Đó là thái độ quý hóa của một số thân tình hiếm hoi.

Sau 1954, Nhất Linh ý thức rõ tình hình ấy: ông cảm thấy bơ vơ, chán nản. Ông tìm đến các văn sĩ tiền chiến, đến các bạn già. Nguyễn Vỹ, một thi sĩ tầm thường, có phần nào lố bịch, trước kia Nhất Linh vẫn giễu cợt, sau này Nhất Linh lại thường lui tới. Nguyễn Vỹ kể: “Nguyễn Tường Tam là nhà văn mà tôi ít quen biết nhất ở Hà Nội, lại là người mà tôi gặp nhiều nhất ở Sài Gòn.”<sup>[3]</sup> Nhất Linh tâm sự với Nguyễn Vỹ: “Bọn nhà văn tiền chiến tụi mình...”, “Thế hệ trẻ ngày nay, họ không hiểu được tụi mình...” v.v...<sup>[4]</sup>

Sao mà đến nỗi thế? Cái ông tổng thống của thời kỳ 1932-1945 đã làm gì sau đó để đến nỗi bị chê bai, đào thải? — Bình tâm mà nói, phải nhận rằng Nhất Linh sau này viết sâu sắc hơn trước. Đó là lý do?

Thời kỳ sau thế chiến thứ II của Nhất Linh lẽ ra nên được xem trọng, không những vì giá trị các tác phẩm, mà còn là vì nó làm ra một trong những đặc điểm căn bản của đời ông. Xét những tác phẩm tiền chiến của Nhất Linh, chẳng qua chỉ có thể lượng định giá trị cùng ảnh hưởng; còn những tác phẩm hậu chiến, ngoài vấn đề giá trị, nó còn làm cho Nhất Linh thành một trường hợp riêng biệt, hết sức độc đáo. Trường hợp hiếm hoi không phải chỉ của một thời kỳ văn học ở nước ta, mà ở nơi nào thời nào cũng ít thấy.

Thực vậy, viết văn làm thơ có kẻ viết nhiều người viết ít kẻ viết hay người viết dở, nhưng thường thường trước sau vậy, ít khi thay đổi về quan niệm. Viết nhiều và có cuộc đời văn nghệ dài như Victor Hugo, như Balzac, mà trải qua mấy chục năm trời vẫn không thấy có sự thay đổi nào quan trọng trong chủ trương sáng tác. Đến như ở ta thì Khái Hưng, Lê Văn Trương, Lan Khai v.v... từ tác phẩm này sang tác phẩm khác vẫn là Khái Hưng ấy, Lê Văn Trương ấy... Ở một số khác gọi là có sự lột xác thì trước và sau 1945 cái khác là ở lập trường chính trị chứ không phải ở lập trường sáng tác. Trước khâm phục ông Thông Phủ có chiếc lư đồng mắt cua, sau ca ngợi đồng chí Tô Hiệu trồng cây đào; trước mắng mỏ khinh mạn những kẻ hèn không biết xê dịch, sau cong cớn rửa xả thẳng Tây thẳng Mỹ bóc lột tàn ác: nội dung có thay nhưng quan niệm tùy bút của Nguyễn Tuân không đổi. Nói gì đến những tác giả như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Nam Cao v.v...: lúc nào cũng vẫn là sáng tác để đấu tranh; chưa được lãnh đạo thì đánh đá loạn cào cào, được lãnh đạo rồi thì chỉ đầu đánh đấy, đúng lúc đúng nơi, đúng phép tắc kiểu cọ; cái khác nhau có vậy thôi.

Nhất Linh không thế. Hồi mười bảy mười tám tuổi ông viết *Hồng nương*, *Hai chị em*, *Người quay tơ*, *Nho phong* với những câu đại loại: “Đôi mắt gặp nhau, làn thu ba như nhuộm về sầu.”<sup>[5]</sup> Mười năm sau, chừng hăm bảy hăm tám tuổi ông viết *Đời mưa gió*, *Đoạn tuyệt*, lời lẽ gọn gàng, trong sáng, giản dị.

Đây không phải là sự tiến bộ từ chỗ vụng về đến chỗ điêu luyện, mà là một thay đổi về chủ trương: trước cố ý du dương sau cố ý gãy gọn, trước viết để ngâm nga cho tai nghe sau viết để mắt đọc mà suy ngẫm. Đã có bao nhiêu văn thi sĩ làm như Nhất Linh? Tân Đà, Tương Phố, Hoàng Ngọc Phách... trước sau vẫn giữ câu văn du dương, vẫn bị nhốt chặt trong một quan niệm, mặc dù những vị ấy có kẻ qua đời sau Nhất Linh. Nhất Linh chẳng những có đổi cũ thay mới mà còn thay đổi rất nhanh.

Và nhanh hơn nữa là sự biến chuyển từ *Đoạn tuyệt* sang *Bướm trắng*: chỉ trong vòng thời gian chưa đầy năm năm ông từ bỏ quan niệm viết cho luận đề một thời để nhảy sang quan niệm viết cho cái hay muôn thuở, chuyển từ mục tiêu nhân sinh sang mục tiêu nghệ thuật.

Sau *Bướm trắng* quan niệm ấy được nghiên cứu kỹ, đúc kết thành lý thuyết, làm nền tảng cho những sáng tác của Nhất Linh hậu chiến. Nhưng từ một quan niệm sáng tác này nhảy sang một quan niệm sáng tác khác, chuyện ấy còn dễ dàng hơn là thay đổi bút pháp. Bút pháp của một người dính liền với cá tính người ấy (Le style, c'est l'homme). Bản tính không thay thì bút pháp cũng ít khi đổi. Thế nhưng từ Nhất Linh trẻ sang Nhất Linh già bút pháp khó lòng nhận ra là của một người.

Mở đầu truyện ‘*Làm gì mà bán khoán thế?*’<sup>[6]</sup> ông viết: “Nếu ai biết ở đời cái gì cũng là ảo mộng, là người ấy khổ mà mục đích ở đời là sự hạnh phúc thời chẳng là trái ngược lắm sao. Khốn nhưng nếu không nghĩ gì mà được sung sướng thời dễ chứ đã biết nghĩ rồi, biết nghĩ là cái nguồn khổ về tinh thần, muốn thoát ly ra thật là khó lắm.” Lời lẽ thật nghiêm chỉnh, có phần trịnh trọng nữa. Về sau trong *Bướm trắng* ông bắt đầu tinh nghịch. Đến *Giòng sông Thanh Thủy*, *Xóm Cầu Mới* thì thường khi ông có giọng đùa đùa giễu giễu. Có kỳ lạ không chứ? Một cuộc đời 57 tuổi chưa là dài, với độ 40 năm cầm bút chưa là nhiều, nhưng ở Nhất Linh cuộc đời ấy thật nhiều hoạt động, nhiều biến cố; và trong chừng ấy thời gian trước tác đã xảy ra những chuyển biến không ngờ. Cái đặc biệt ở đây là một ý chí tiến thủ mạnh mẽ lạ lùng, một sự cố gắng tìm tòi tiến tới không ngừng. Và tiến ra sao? Tưởng chừng như Chateaubriand từ

cái diu dặt lẳng mạn nhẩy sang chủ trương tả chân của Balzac, như từ câu thơ Ronsard vọt sang câu văn Guy de Maupassant! Giữa Nhất Linh tiền chiến và Nhất Linh hậu chiến, trong cái khác nhau có chỗ liên hệ đến quan niệm về tiểu thuyết. Vào thời kỳ sau cùng của đời mình, Nhất Linh sáng tác trên quan niệm cho rằng: “Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực, cả bề trong lẫn bề ngoài, diễn được một cách linh động các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống với tất cả những chuyển biến mong manh, tế nhị của tâm hồn, bằng cách dùng những chi tiết về người và việc để làm hoạt động những nhân vật cùng hành vi, cảm giác và ý nghĩ của họ. Những cuốn đó cần phải do sự thành thực của tác giả cấu tạo nên, viết bằng một lối văn giản dị, không giảng giải nhiều và không cần phải chỉ hay vì cốt truyện.” và cho rằng: “Tuyệt đích, đối với tôi là viết giản dị mà không lạt lẽo, rất bình thường mà vẫn sâu sắc, giọng văn hơi điếm một chút khôi hài rất nhẹ, kín đáo.”<sup>[7]</sup>

Nhất Linh không giải thích vì sao nên dùng giọng văn ấy. Những nhà văn mẫu mực mà ông thường nêu ra trong sách — Tolstoi, Dostoievski, Flaubert, Bronte v.v... — không hay hài hước. Và lại chính ông cũng bảo: “Tôi chưa thấy nhà văn nào gồm được cả mấy điều đó.”<sup>[8]</sup> Ông bảo cả Tolstoi lẫn Dostoievski đều thiếu nụ cười duyên dáng. Thế tại sao giọng văn lý tưởng của tiểu thuyết theo Nhất Linh lại phải khôi hài?

Ý kiến là một chuyện, mà thực hiện cái ý kiến ấy là một chuyện khác. Lắm người nêu ý kiến mà không làm được theo ý, nhưng ở trường hợp Nhất Linh tôi nghĩ rằng việc nêu ra chỉ là để “hợp thức hóa” một khả năng sẵn có nơi mình: ông khuyên nên dí dỏm trong khi ấy ông vẫn thích bông đùa từ trước. Chẳng những trong *Xóm Cầu Mới, Giòng sông Thanh Thủy* (sau *Viết và đọc tiểu thuyết*) mới có khôi hài, mà trong cuốn *Bướm trắng* ra đời trước đó nhiều năm (không kể *Đi Tây*, vì không phải là tiểu thuyết) đã có nhiều nét nghịch ngợm.

Cái cười của Nhất Linh này ra có khi từ những tên người ngộ nghĩnh: ông Năm Bụng, giáo Đông Công ích Tin Lành v.v...; có khi từ những hoàn cảnh ngộ nghĩnh: tam anh chiến Lã Bó, giáo Đông nhật chiếc khăn che mắt bệnh của cô Bé tướng là khăn tay của cô Mùi nên hít thấy thơm, bà cụ Ân giới bắt ruồi lại gặp ông giáo Đông có tài búng ruồi v.v...; có khi từ những tính nét ngộ nghĩnh của các nhân vật: tật cóc đầu đàn con của bác Lê gái, cái khoái nuôi công của cô Mùi, tật mỏng tai mau miệng của bà Chủ Nhật Trình v.v...

Trong nhiều trường hợp, cái cười của Nhất Linh là do một phát giác tâm lý. Người ta hàng ngày hành động và nói năng không phải lúc nào cũng hợp lý. Hoặc vì thói quen ta làm những việc thực ra không cần thiết chút nào, nghĩ lại có vẻ ngớ ngẩn; hoặc vì phép giao tế miệng nói một đường mà tình ý bên trong của ta lại hướng về một nẻo; hoặc ta định làm định nói một điều mà những tình cảm ẩn ức trong tiềm thức thỉnh thoảng lại bất thần xuất lộ khiến ta lạc sang điều khác lúc nào không hay v.v... Nhất Linh theo dõi, chộp bắt những sơ hở ấy, những nét mâu thuẫn ấy: thế là có cười. Hay nói cho đúng hơn, là có mỉm cười.

Trong cuốn *Bướm trắng*, dày 266 trang, có ước chừng tám chục lần nhân vật “mỉm cười” (có những trang đếm được ba lần mỉm cười); trong số ấy độ non nửa là mỉm cười vì phát giác tâm lý. Chẳng hạn: “Trương trả tiền ăn rồi rào bước, mong chóng tới nhà để sửa soạn”<sup>[9]</sup> rồi “Trương mỉm cười nhận thấy mình nóng ruột về nhà để sửa soạn là vô lý — Mình có đồ đạc quái gì đâu mà sửa soạn.”<sup>[10]</sup>. Hoặc chẳng hạn “Thu nói: — Ô hay, ba anh nghĩ gì mà cả ba cứ đứng ngây ra đấy thế? Ra đây làm giúp em chứ. Mau, không lên tới nơi thì tối mất. Trương mỉm cười tự kiêu khi nhận thấy Thu đột nhiên vội vã, rồi rít tuy không có việc gì đáng vội đến như thế.”<sup>[11]</sup>. Hoặc nữa: Trương có ý định tự tử, suy nghĩ một lúc chàng thấy: “Phải có một sự tức tối nào đến làm chàng mê dại đi hay có một sự bắt buộc cấp bách. Chàng mỉm cười: — Thế thì mình tự tử thế nào được?”<sup>[12]</sup>

Thành ra cái cười của Nhất Linh rất lành: ông không còn cười để chế giễu hủ tục, cười nhằm tiêu diệt thói hư tật xấu, cải thiện phong hóa xã hội v.v... Chẳng qua trong giai đoạn này ông chủ trương đi sâu vào tâm lý, ông đặc biệt quan tâm phân tích nội tâm con người; mà một khi đã tò mò thì ai cũng thấy tâm lý có những điều rắc rối, mâu thuẫn, vô lý, buồn cười. Và Nhất Linh mỉm cười... cho vui vạy thôi. Bàn bạc khắp các tác phẩm trong giai đoạn sau 1954 của

ông đều thấy nụ cười ấy. (Riêng trong *Giòng sông Thanh Thủy* cái cười cợt có phần quá dễ dãi.)

Vậy thì Nhất Linh già vui hơn Nhất Linh trẻ. Tuy nhiên điều ấy không hẳn đáng mừng. Bởi vì nụ cười của nhà văn — dù rất lành, dù không có một chủ tâm đánh phá, tiêu diệt nào cả — vẫn vô tình làm tổn thương một cái gì. Cái gì đó trong trường hợp Nhất Linh có vẻ quan trọng.

Loan trong *Đoạn tuyệt, Đôi bạn*, so với Thu trong *Bướm trắng* chắc chắn về thông minh, về học thức, về khôn ngoan cũng không hơn, Dũng so với Trương cũng vậy. Khi yêu đương mà muốn giấu giếm tình cảm Loan cũng có thể có lúc “vội vã rồi rít tui không có việc gì đáng vội vã đến như thế”, nhưng lúc bấy giờ Nhất Linh không xoi mói không chế giễu như giễu Thu sau này.

Còn Trương không tự tử nổi mà cứ tưởng mình sắp tự tử, hơi phờng tuồng ư? Đã chắc đâu Dũng không có lúc như thế? Nhưng giá Nhất Linh ngày trước mà cứ thỉnh thoảng lại chộp bắt một nét tâm lý ngộ nghĩnh của Dũng và nêu lên để cùng đọc giả mỉm cười thì ôi thôi, còn gì là phong độ hấp dẫn của người thanh niên cách mạng ấy! Vì thái độ của Nhất Linh trẻ và già khác nhau mà tình yêu của Dũng và Loan (*Đoạn tuyệt, Đôi bạn*), của Nghĩa và Nhung (*Lạnh lùng*) diễn ra trong một bầu không khí đầy xúc động, còn tình yêu của Mùi với Siêu của *Đôi với Bé* của Hòa với Nhỡ (*Xóm Cầu Mới*), của Thanh với Ngọc (*Giòng sông Thanh Thủy*) không hề lâm ly mà lại có vẻ ngộ nghĩnh, vui vui! Cũng vì thái độ ấy, hoạt động cách mạng của Dũng trong *Đoạn tuyệt*, của ông tú trong *Người quay tơ* có vẻ thiêng liêng siêu việt, còn những hoạt động cách mạng trong *Giòng sông Thanh Thủy* thì lảm lức cũng lại chỉ thấy... hay hay vui vui thôi.

Dũng không tù tội chết chóc vì cách mạng mà lại hùng, còn Thanh và Ngọc ngay lúc ngã xuống vì cách mạng vẫn không gây xúc động, không hề gây cảm tưởng bi ai hùng tráng. Những cuộc giết nhau ở *Giòng sông Thanh Thủy* không có ý nghĩa (chính tác giả cũng không giấu sự hoài nghi của mình); chuyện làm chính trị, chuyện yêu đương có vẻ như đùa đùa.

Một triết gia nào đó của Tây phương cho rằng cảm xúc vốn kỳ tiếng cười. Trong không khí bi thương, trước cảnh tượng hùng tráng mà phát cười ồ lên một cái là hồng kiêu. Kim Kiều đang mù mẫn, Quan Công nghĩa khí chói ngời đang cầm đuốc phò nhị tẩu v.v..., giữa những lúc cảm kích như thế mà có ai trượt vồ chuối lẫn cù một cái thì hư sự hết ráo. Cho nên trong những pho truyện tình Tố Tâm, Paul và Virginie, Roméo và Juliette v.v... không có tiếng cười; trong những sách Thánh kinh, kinh Phật không có câu hài hước.

Nói về chuyện đi sâu vào tâm lý Nhất Linh thường đề cập tới Tolstoi, nhưng Tolstoi trong khi đi vào lòng người không hay táy máy nhìn vào cái khía cạnh mâu thuẫn buồn cười của nó, Tolstoi dựng nên cảnh đời yêu đương bi đát của Anna Karénine, cảnh tượng hùng tráng lớn lao trên chiến trường Nga-la-tư. Tiếng cười của Nhất Linh xua đuổi mọi cái nghiêm chỉnh, long trọng, làm tan biến hết những xúc cảm xung quanh tình yêu và cách mạng, xung quanh những cái quan trọng trong đời người. Tolstoi cho đến giai đoạn cuối của một cuộc đời thật dài vẫn còn nhiệt tình. Trái lại giọng đùa đùa của Nhất Linh vào thời kỳ sau 1954 khiến ta nghĩ ông không còn lấy làm quan trọng chuyện gì nữa, ông nhìn xuống tình yêu, xuống lòng say mê của các nhân vật với một sự tò mò có lẫn chút giễu cợt. Liên hệ thái độ ấy với thái độ của người chiến sĩ nghệ sĩ một đời tận tâm tìm lan bên dòng suối Đa Mê, chuyện liên hệ như thế có vẻ dễ dãi nhưng là chuyện rất cảm dỗ.

Trong quan niệm về tiểu thuyết của Nhất Linh sau 1954, chi tiết giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, có thể coi như vai trò quyết định. Tiểu thuyết gia hơn thua nhau ở một điểm ấy: có tìm được hay không những chi tiết hay chi tiết đúng. Ông nhắc đi nhắc lại: “Vậy cái cần nhất, cái việc nó định đoạt giá trị một cuốn tiểu thuyết là TÌM CHI TIẾT.”<sup>[13]</sup>, “Cuốn sách hay là chính ở chỗ tác giả nào tìm được nhiều chi tiết hay để diễn tả”<sup>[14]</sup>, “...nhưng hơn nhau chỉ ở chỗ tìm được những chi tiết hay để cho cảnh linh động, và để diễn được tâm hồn nhân vật một cách sâu sắc.”<sup>[15]</sup>, “các nhà văn hơn kém nhau ở chỗ tìm chi tiết.”<sup>[16]</sup>

Và ở đây cũng như ở trường hợp giọng văn dí dỏm, Nhất Linh nói sao làm vậy. Nhất Linh hậu chiến là một Nhất Linh cực kỳ tận mẫn, tinh tế: các nhân vật cảnh vật đều bị ông lặn qua trở lại, lật ngược lật xuôi, nhìn ngấm mọi khía cạnh. Ông nhả nha, không chút vội vàng. Thật vậy, khi lốt phốt thì chỉ cần năm trang trong *Người quay tơ* cũng đủ cho người ta yêu nhau, lầy nhau,



sinh con nối dõi, làm cách mạng, đi tù, rồi điên, rồi chết v.v...; trái lại khi tỉ mỉ thì hơn bảy trăm trang của pho trường giang tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới* vẫn chưa kịp cho cặp Siêu Mùi nói với nhau một lời yêu đương thực sự, bắt quá chỉ mới chòn vòn bên nhau thôi.

Nếu muốn nói chuyện hơn thua nhau thì hẳn giữa tiểu thuyết Nhất Linh tiền chiến với tiểu thuyết Lê Văn Trương, Lan Khai, Nguyễn Công Hoan v.v... cũng có thể có hơn thua, nhưng đó không phải hơn thua do chi tiết. Chi tiết hồi ấy chưa được đặt thành vấn đề. Về sau này, ý thức tầm quan trọng của nó, Nhất Linh chủ tâm nỗ lực tìm chi tiết: liệu có vì thế mà ông hơn trước chăng? Tôi nghĩ chuyện thích hay không thích một tác phẩm nghệ thuật có thể vì nhiều lý do khác nhau, nhưng phải nhận rằng trong những tiểu thuyết hậu chiến của Nhất Linh các nhân vật có cá tính rõ ràng hơn, tâm lý sống động hơn trong những tiểu thuyết tiền chiến. Cô Mùi, cái cô bé bán bánh cuốn rồi cân gạo ở xóm Cầu Mới, cô ta không đóng vai trò gì trong xã hội, đời cô không đặt ra vấn đề gì khả dĩ làm chấn động dư luận như đời cô Loan, tuy nhiên nếu chỉ chú trọng đến một phương diện tầm thường là cái sinh hoạt ái tình của cô ta thì nó phong phú hơn biết bao! Trước cô Mùi, trong tiểu thuyết Việt Nam đã bao giờ có những chòn vòn ái tình chạy tịnh dài dòng đến thế, linh động đến thế, thực và tinh đến thế?

Chạy tịnh là một đặc điểm của các mối tình trong tiểu thuyết Nhất Linh. Ngoại trừ những trường hợp cần thiết phải đẩy cuộc tình đi xa hơn để tạo nên sự gay gắt có lợi cho luận đề (như trong *Lạnh lùng* chẳng hạn) thì ít khi Nhất Linh để cho ái tình trong truyện của ông vượt sang giai đoạn sinh lý. Những mối tình lớn, tình của Dũng và Loan trong *Đôi bạn*, của Trương và Thu trong *Bướm trắng*, của Siêu và Mùi trong *Xóm Cầu Mới*, của Ngọc và Thanh trong *Giòng sông Thanh Thủy*, của Triết và Thoa trong *'Hai buổi chiều vàng'*, của Phong và Trâm trong *Nắng thu* v.v... đều không có chuyện gói chần hoan lạc.

Bảo rằng ái tình như thế là “trong sạch” có lẽ cũng xong, nhưng bảo rằng trong ấy chỉ có tình cảm, có tinh thần thôi thì làm to! Nguyễn Vỹ thuật lại có lần bị Nhất Linh đến tận tòa báo Phổ Thông cự nự vì đã đăng một bài công kích ông viết văn khiêu dâm.<sup>[17]</sup> Và trong cuốn Chân dung Nhất Linh, Nhật Thịnh cũng bảo: “Nhưng Nhất Linh một đôi khi vì quá chú trọng tới những chỗ lắt léo trong đời sống tình cảm con người mà để xảy ra những sự ‘lỡ trớn’. Tuy nhiên, ông đã kịp kèm chế được.” Cái sự “lỡ trớn” ấy không hẳn là “tình cảm”, cũng không phải chỉ xảy ra “một đôi khi”. Và điều đáng chú ý là nó chỉ xảy ra vào thời kỳ của Nhất Linh già mà thôi.

Từ *Nho phong* (1924) cho đến *Đôi bạn* (1938) các đôi nam nữ yêu nhau bằng mối tình “cao thượng”, không hay bận tâm đến chuyện xác thịt. Bắt đầu từ *Bướm trắng* thì không thế nữa: Trương lén vô phòng hít chiếc áo cánh Thu vừa mới thay xong vắt ra. Sau đó Thanh và Ngọc chung phòng; bác Hiên gái với cậu ám Hải chung giường; rồi Hòa vệt mần vào nằm với Nhỡ, anh chị cùng nhau ôm ấp vuốt ve kỹ đến nỗi Hòa phải bẻ quặt tay Nhỡ khi tay ấy xuống đến gần chỗ hiểm; rồi Nhỡ cõng Mùi; rồi Mùi nằm lên giường Siêu, đắp chăn của Siêu, hít mùi gối của Siêu; rồi Siêu lau chân Mùi mà sung sướng mê man v.v... Đúng là lần nào Nhất Linh cũng “kèm chế được”: ông không để cho nhân vật đi đến mục chót của tình yêu xác thịt. Ông chỉ đẩy đến sát bờ vực, rồi dừng lại, khiến ta choáng váng cả người. Ông xoa nóng thân xác lên hừng hực rồi bỏ lửng, rồi treo lại, không cho thỏa mãn. Cho nên bảo rằng những ái tình ấy là trong sạch thì thật là một thứ trong sạch gay gắt kinh khủng, trong sạch nghẹt thở, chết người! Lắm lúc người đọc kêu thảm: Thế này thì chẳng thà dừng trong sạch cho đỡ ám ức, khôn khổ.

Nhưng tại sao thế nhỉ? Có thực là vì “những chỗ lắt léo trong đời sống tình cảm con người”? Quả thật đi sâu vào nội tâm con người vẫn hay đụng đầu với những ước muốn dục tình mãnh liệt. Tuy nhiên người ta có nhiều cách đi sâu, cho nên những tác giả mà Nhất Linh vẫn viện dẫn làm mẫu mực như Tolstoi, Dostoievsky v.v... mặc dù tìm kiếm rất nhiều chi tiết, nghiên cứu phân tích tâm hồn rất sâu xa, nhưng vẫn không thấy cần phải xoa nóng thân xác con người đến độ ấy.

Lại một vấn đề nữa: Tại sao dục tình chỉ vùng lên trong tác phẩm thời kỳ cao niên của Nhất Linh? Ta đoán chừng hoặc giả lúc thiếu thời mặc dù Nhất Linh cảm đầu một phong trào đã phá hủy tục phong kiến nhưng chính ông vẫn chưa thoát khỏi sự áp đảo của những quan niệm, những thành kiến của xã hội phong kiến: văn ông thì du dương, các mối tình trong sách ông thì

cao nhã mơ mộng, chuyện dục tình bị xem là tội lỗi không nên nói đến v.v... Sau này các thành kiến sụp đổ dần, tư tưởng Freud thành phổ cập và ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn chương nghệ thuật, cho nên cô Mùi thấy... “hòa nó bốc” mạnh hơn cô Loan và cô bé Từ nương? Trong *Viết và đọc tiểu thuyết* Nhất Linh nói đến những nhà văn “có cái can đảm mình dám là mình”, “dám viết ra tất cả những ý nghĩ thầm kín dấu những ý nghĩ ấy xấu xa đi nữa”, sự can đảm ấy kể ra cần một khung cảnh xã hội: trong cái xã hội của Nguyễn Du, của Song An Hoàng Ngọc Phách và của Nhất Linh lúc trẻ không có khung cảnh thuận lợi cho cái can đảm phân tích dục tình. Hoặc giả vì trong thời kỳ đầu Nhất Linh chưa nghĩ đến, chưa chọn viết tâm lý tiểu thuyết? Thuở ấy ông cầm bút vì những mục đích “quan trọng” hơn: để cải cách xã hội, để giải bày một triết lý, một quan niệm nhân sinh v.v... *Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng* v.v... là luận đề tiểu thuyết; trong *Người quay tơ* phần lớn các truyện đều biện minh một phương châm, một tư tưởng.

Trong lúc người cầm bút đang nghiêm chỉnh trình trọng suy tư về vấn đề các thắc mắc siêu hình (‘Làm gì mà bán khoán thế?’) hay lên án chiến tranh (trong truyện ‘Chiến tranh’) chẳng hạn, thì những táy máy khám phá dục tình có vẻ kỳ cục. Trái lại, về sau này, khi chỉ viết tiểu thuyết cốt cho hay, thì không còn có chuyện kỳ với không kỳ nữa.

Sau cùng, sự xuất hiện dục tình ở giai đoạn này lại có một khía cạnh có thể làm cho một số độc giả mỉm cười. Tôi nhớ hồi cuốn *Nguyên vẹn* của mình in ra, bác sĩ Nguyễn Đăng Diệm đã có một nhận xét: “Tôi tưởng một người đã hai thứ tóc trên đầu, với những bôn chôn lo lắng về đời sống hằng ngày, khó có thể viết được những trang tình tứ đó.”<sup>[18]</sup> Già mà tình tứ, thật đáng ngạc nhiên. Nhưng Nhất Linh già (và chỉ lúc về già thôi) càng tình tứ hơn càng lẳng lơ hơn lúc trẻ. Có thể nói càng rạo rức hơn. Như vậy họa chăng đến lúc chỉ còn một thứ tóc (trắng) người ta mới hết tình tứ?

Nhất Linh trẻ thì du dương trầm bổng, Nhất Linh già lại gọn ghẽ giản đơn; trẻ thì trang nghiêm bi thương, già lại hóm hỉnh cười cợt; trẻ thì đại khái, càng già càng tỉ mỉ đi sâu vào chi tiết; lúc trẻ thì dấn thân vào các hoạt động xã hội, chính trị, viết văn vị nhân sinh, về già lui ra ngoài vòng thế sự, có viết là chỉ vì nghệ thuật, và ngoảnh lại quá khứ kêu: “Cái làm thứ tư của tôi là đã để cái ý định dùng tiểu thuyết làm một việc gì (viết luận đề tiểu thuyết) lên trên cái ý định viết một cuốn tiểu thuyết hay” (...). “Đây là cái làm lớn nhất trong đời văn của tôi” (...). “Sự hoan nghênh hai truyện đó<sup>[19]</sup>, nhất là *Đoạn tuyệt*, những lời khen ngợi của các nhà phê bình đã làm tôi sau này khó chịu một cách thành thực.”<sup>[20]</sup> Như vậy hóa ra Nhất Linh sống thêm một thời gian là chỉ để làm ngược lại tất cả những gì ông đã làm trước đó? Hóa ra không phải chúng ta chỉ có hai Nhất Linh khác hẳn nhau mà là hai Nhất Linh trái ngược nhau. Sao kỳ cục quá vậy? Sự bất nhất đã là rắc rối, huống hồ một trường hợp tương phản tương nghịch như vậy ở cùng một người thì làm sao mà hiểu được?

Sự thực Nhất Linh quả có mang một vài mâu thuẫn suốt đời mình. Ngay tự thuở mới cầm bút, ở một trong những tác phẩm đầu tiên ông đã đưa ngay ra cái ‘*Giấc mộng Từ Lâm*’<sup>[21]</sup>. Tôi nghĩ anh chàng Trần Lưu trong truyện chỉ khác Nhất Linh có một điều: Trần Lưu sống được cuộc đời mình mơ ước, Nhất Linh thì không; ngoài ra cả hai bên tính tình chí hướng giống hệt nhau. Trần Lưu thích viết sách, Nhất Linh cũng thích viết; Trần Lưu thích vẽ, Nhất Linh cũng vẽ; Trần Lưu cho rằng “làm cho mấy nghìn con người được sung sướng vì mình, thời chết đi tưởng cũng hả dạ lắm.”<sup>[22]</sup> Nhất Linh thì đã chết thực vì xã hội, vì chính trị, vì cái sung sướng của người khác; Trần Lưu cho rằng mình “chưa từng yêu gì hơn yêu cảnh thiên nhiên”<sup>[23]</sup>, Nhất Linh cũng không khác.

Nói về tình yêu thiên nhiên của Nhất Linh thiên hạ đều biết các câu chuyện Nhất Linh chơi lan, chuyện Nhất Linh ẩn cư mấy năm liền bên dòng suối Đa Mê v.v... Có lẽ ít ai biết câu chuyện mà Nhất Linh kể với ông Nguyễn Duy Diễn: “...cuối năm 1946, trong khi anh<sup>[24]</sup> đương một mình mài miết băng qua rừng để vượt biên giới sang Tàu, bộ đội Việt Minh thì đương đuổi gáp ở phía sau, thế mà, khi nhìn thấy dòng suối đẹp ở trước mắt, nghe nước chảy xôn xao và tung bọt trắng như bạc anh quên mất nỗi nguy, tưởng mình đương đi dạo như một nhân vật nhân cư trong tiểu thuyết, thế là anh cời y phục xuống tắm mát. Tắm mát chán, anh lại lên nằm thành thoi giữa đám cỏ xanh ở bờ suối để ngắm mây bay và nghe gió thổi rì rào trong khóm lá, rồi

ngủ thiếp một giấc cho đến gần chiều mới bừng mắt tỉnh dậy. May mà bộ đội Việt Minh đi lạc hướng nên anh được bình yên và tiếp tục con đường dự định.”<sup>[25]</sup> Yêu thiên nhiên đến như thế có thể nói là được ngắm cảnh đẹp “thời chết đi tưởng cũng hả dạ lắm.”

Nhất Linh vừa muốn làm việc để sửa đổi xã hội cho tốt đẹp, vừa muốn sống cho nghệ thuật. Ông vừa là một nhà cách mạng, vừa là một nghệ sĩ. Cái đó thật khó dung hòa. Làng Từ Lâm là một giấc mơ, Trần Lưu là người của một giấc mơ. Ngoài ra ông tú Xuân Nghi (chồng của Từ nương trong *Người quay tơ*) chỉ vì cách mạng thôi đã phải tù phải bỏ mạng, Dũng của Loan phải gian truân phiêu bạt một đời, dù họ không đèo bòng nghệ thuật. Đèo bòng hai nỗi say mê cùng một lúc không những làm cho cuộc sống Nhất Linh khó khăn mà còn gây nên sự khó xử vô tả: vì say mê cải tiến cuộc sống ông làm báo Phong Hóa, Ngày Nay, lập hội Ánh Sáng, chạy tiền xây nhà rẽ tiền, ông tham chính làm bộ trưởng, lập chính đảng, lập chiến khu, bôn ba hải ngoại; vì xã hội ông viết tiểu thuyết luận đề, đề rồi vì nỗi say mê nghệ thuật ông kêu đó là cái làm lớn nhất trong đời văn của mình. Từ Hương Cảng về, vì say mê thiên nhiên ông chơi lan, sống u tịch bên suối, vì say mê nghệ thuật ông viết thứ tiểu thuyết hay vượt thời gian không gian; đề rồi chính vào lúc đó vì chính trị mà ông uống độc dược quyền sinh.

Như vậy không phải Nhất Linh già phủ nhận Nhất Linh trẻ. Hai ý hướng tương phản nơi Nhất Linh chẳng qua là hai phương diện của tâm hồn ông, lúc trẻ ông ham hoạt động thì phương diện chiến sĩ thắng thế, lúc già ông thích nhàn cư thì phương diện nghệ sĩ thắng thế. Nhưng từ đầu đến cuối, từ trẻ đến già lúc nào ông vẫn ở giữa sự giằng co ấy: nửa muốn lánh đời hòa mình vào thiên nhiên nửa muốn xông ra hoạt động để cứu đời; nửa say sưa với nghệ thuật, chỉ ao ước đem hết tâm hồn sáng tạo cho được những công trình tuyệt đẹp mà thôi chứ không cần công dụng gì khác hơn, nửa lại muốn đem tài năng ra phục vụ nhân sinh.<sup>[26]</sup>

Cái cười cợt và không cười cợt của Nhất Linh cũng thế. Hồi trẻ, trong khi viết những truyện lãng mạn, cảm động như *Hồng nương*, *Từ nương*, thì Nhất Linh lại nghĩ đến việc xuất bản những tờ báo trào phúng đầu tiên của Việt Nam; trong khi viết những truyện như *Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng*, *Đôi bạn* gây xúc cảm để khích động người đọc chống lại những tệ đoan hủ tục của xã hội thì mặt khác để sửa sai xã hội ông lại dùng tiếng cười giễu trên các báo Phong Hóa, Ngày Nay.

Vũ Bằng kể rằng Trọng Lang vốn cộng tác thân cận với Nhất Linh hồi làm báo Ngày Nay cho là Nhất Linh chủ trương báo trào phúng mà không viết được văn hoạt kê<sup>[27]</sup>. Có lẽ lối hoạt kê chế giễu châm chọc theo kiểu Lê Ta trước kia hay Thương Sinh sau này Nhất Linh viết không được, vì trong ấy có chỗ tàn ác không tìm thấy trong tâm hồn Nhất Linh. Nhưng cười cợt nhẹ nhàng, vô hại, cho vui, thì Nhất Linh vẫn thích; và đó là cái cười trong *Đi Tây* trước, trong *Xóm Cầu Mới*, *Giòng sông Thanh Thủy* sau này. Em ông, bác sĩ Nguyễn Tường Bách, bảo “đối với mọi người, anh là một người anh, một người bạn hiền hậu, giản dị và khiêm tốn. Chưa bao giờ tôi thấy anh to tiếng với ai kể cả các con.”<sup>[28]</sup> Người như vậy khó lên giọng cay độc, đều cáng. Mà trên báo không thế nó lại không đậm đà! Có điều người ta vẫn có thể viết về những chuyện thương tâm cảm động, mà viết bằng cái giọng hóm hỉnh — như Alphonse Daudet chẳng hạn — nhưng hồi trẻ Nhất Linh đã không làm thế: hồi ấy ông chia biệt hẳn ra, khi nghiêm trang (*Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng*) khi cười cợt (*Đi Tây*) tách ra làm những loại riêng, chỉ khi về già xúc cảm với nụ cười mới hòa hợp cùng chung vào một loại tiểu thuyết.

Nửa vì đời nửa vì mình, nửa muốn sống cho xã hội nửa muốn vị nghệ thuật, nửa nghiêm chỉnh đoan trang nửa đùa cợt vui cười: những cái đó có thể là hai mặt của một tâm hồn. Nhưng còn lúc viết văn du dương lúc viết giản dị, khi đại khái khi phân tích sâu xa thì chắc chắn là trường hợp khác. Đây là chuyện tiến hóa theo thời gian: ngày trước ở Tàu và ta chỉ có lối viết du dương và không có tâm lý tiểu thuyết. Nhất Linh từ cái truyền thống đó tiến về một văn pháp và một quan niệm tiểu thuyết của Âu Tây sau này. Nhất Linh có làm chính trị, làm một lãnh tụ chính trị, và đã chết vì chính trị, nhưng suốt đời chưa thấy ông có dịp hệ thống hóa tư tưởng chính trị của mình để đưa ra một chủ thuyết nào. Trong *Giòng sông Thanh Thủy*, nhân những nhân vật gục ngã vì hoạt động chính đảng, ông có giọng hoài nghi. Trong hồi ký của bác sĩ Nguyễn Tường Bách ta thấy mãi sau những ngày chiến đấu gay gắt ác liệt với Việt Minh, mãi

đến khi bị Việt Minh đánh bại xua sang Tàu, ông Bách mới có thì giờ vào thư viện nghiên cứu chính trị. Vậy trước đó việc suy tưởng về lý luận trong giới lãnh đạo Quốc Dân đảng như thế nào? Có thể nghĩ rằng những con người thiết tha với độc lập nước nhà, với lý tưởng tự do dân chủ như Nhất Linh như Hoàng Đạo, lúc gặp cái vận hội đặc biệt trong hồi Thế chiến thứ II thì không thể không đứng ra làm việc nước, mặc dù bình sinh không từng là chính trị gia chuyên nghiệp, chưa từng chuyên tâm nghiên cứu chính trị, có thể nghĩ thế chăng?

Nhưng trong tư cách lãnh tụ văn hóa thì Nhất Linh đã làm trọn vai trò của mình đến nơi đến chốn: ông sáng tác dồi dào; ông có kế hoạch tổ chức (lập một văn đoàn, ra báo, lập nhà xuất bản sách) để phổ biến rộng rãi tác phẩm, để tranh thủ ưu thế cho quan niệm nghệ thuật của mình; ông mài miết suy tìm một cơ sở lý luận cho đường lối sáng tác của mình. Vì những tìm tòi không ngừng ấy, ông luôn luôn có những thay đổi chuyển biến trên các chặng đường sáng tác trong khi nhiều nhà văn khác cùng thời với ông vẫn giậm chân mãi một chỗ cho đến cuối đời. Ấy vậy mà trong khi lắm người khác khen nhau là cùng tiến vượt bực tới hàng ngũ tiền phong thì Nhất Linh lại bị chê là không còn hợp thời, là đã thuộc về hôm qua, họa hoằn mới nghe được một tiếng “chấp nhận” độ lượng của giới hôm nay.

Tình cảnh mỉa mai ấy hẳn có lý do, những lý do mà tôi nghĩ là không liên quan đến tài năng của Nhất Linh, vì vậy không thấy cần nói đến trong dịp này.

3 – 1983

### **Nhất Linh siêu hình**

Trước 1945 Tố Hữu chưa xuất hiện trên văn đàn. Những người khác, những người về sau ngã theo cộng sản và bây giờ đang hiển hách chia xẻ cái “vinh quang của chiến thắng mùa xuân 75”, trong số những người ấy hầu như trước 1945 chẳng có ai quan tâm tới chính trị: Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Nguyễn Tuân, Lưu Trọng Lư, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Nguyễn Văn Bổng v.v... Nhất Linh thì khác. Ngay ở những tác phẩm đầu nhân vật của ông đã đi làm chính trị: Chồng của “người quay tơ” bỏ vợ yêu ra đi và chết vì việc nước. Rồi nhân vật nổi tiếng nhất của Nhất Linh là Dũng cũng bỏ cảnh giàu sang, bỏ người yêu ra đi. Và trong *Đôi bạn*, còn có Thái, có Trúc, có Tạo v.v... đều bỏ nhà ra đi cả. Rồi sau đó, họ kéo luôn cả Nhất Linh cùng đi theo.

Dũng là một hình ảnh rất đẹp, đẹp thành thơ trong một tác phẩm của Thế Lữ. Nhất Linh ra đi và ông cũng tạo nên một hình ảnh rất đẹp: Trong một thiên hồi ký viết sau khi Nhất Linh qua đời, Thế Uyên nói đến cái giai đoạn ông bác đi làm cách mạng bên Tàu, lúc ẩn lúc hiện, lâu lâu bắt thần ghé về trong bộ đồ lạ mắt, trông người phong sương oai dũng. Người cháu trai cũng như mọi thân thích bằng hữu chắc hẳn vừa xúc động vừa thán phục, hãnh diện.

Rồi sau này, sau hiệp định Genève, Nhất Linh về nước, thôi việc chính trị, thì các nhân vật tiểu thuyết của ông vẫn tiếp tục ra đi. Như Ngọc, như Thanh, như chị Nam, như Tứ, như Nghệ, như Tường v.v... trong *Giòng sông Thanh Thủy*.

Những nhân vật ấy họ đều đi làm việc nước, nhưng xét ra họ đi vì những lý do khác nhau. Ông tú trong *Người quay tơ* thì ra đi chính vì lý tưởng cứu nước, trường hợp ấy giản dị. Các người chồng của cô Thoa, cô Trinh, cô Thuận, cô Dung trong ‘Hai buổi chiều vàng’ có thể cũng vậy.

Nhưng ngoài ra có những trường hợp khác hẳn. Về các nhân vật của *Giòng sông Thanh Thủy* chẳng hạn, Nhất Linh có tiết lộ động cơ riêng tư của một số người (hình như ông vừa kể vừa tủm tỉm cười?): Ngọc-châu-chấu thì bỏ làng bỏ chị sang Tàu làm cách mạng là vì mối tình đối với cô bé Thủy; cô Thanh bỏ nước ra đi là vì bị chồng phản bội rồi tình nhân cũng phản bội luôn; chị Nam y tá theo cách mạng vì lấy chồng Tàu, chồng chết, bơ vơ trên đất khách; anh Tứ cận thị đi làm chính trị là để trả thù những anh chị bên nhà vợ dám khinh khi mình v.v...

Thử soát lại ta thấy những nhân vật trên đây có một điểm giống nhau: họ đều là những đảng viên hạng thấp, ít quan trọng, phần lớn họ ít học (trừ Thanh). Còn hạng khác, như Nghệ, như Tường, những người ở địa vị lãnh đạo, có trình độ cao, thì không thấy Nhất Linh thóc mách về vấn đề này. Tại sao vậy? Thật đáng tiếc, là vì những nhân vật sau này gần với tác giả hơn, có thể cho chúng ta hiểu về Nhất Linh hơn.

Riêng đối với Dũng trong *Đoạn tuyệt*, *Đôi bạn*, *‘Thế rồi một buổi chiều’*, một nhân vật không thuộc hạng Ngọc-châu-chấu, hạng chị Nam chồng Tàu v.v..., một nhân vật mà Nhất Linh không hề cười cợt khi nói đến, đối với Dũng thì Nhất Linh đã chú trọng phân tích cái tâm sự của chàng kỹ càng. Điều oái oăm là Nhất Linh nói kỹ mà ít người chú ý nghe.

Thế Lữ hô hoán lớn lối mà mơ hồ về một cái “chí bình sinh”: “Đem chí bình sinh giải nắng mưa.”

Ông Nhật Thịnh trong cuốn *Chân dung Nhất Linh* lại cho rằng: “Dũng bỏ Loan ra đi vì chàng không chịu được sự bóc lột người nghèo khổ của cha chàng” (...)“Chàng thương cha, thương Loan, nhưng lẽ phải đã bắt chàng phải rời bỏ tất cả để lao mình chiến đấu.” (trang 121) Như thế thì cái chí bình sinh của Dũng là làm cách mạng, không phải thứ cách mạng giải phóng để giành độc lập cho nước nhà, mà là cách mạng xã hội chủ nghĩa để xóa bỏ bóc lột? Cách mạng là lý tưởng của chàng, là động cơ chính yếu khiến chàng ra đi: có thể chăng?

Tôi e không hẳn vậy. Dũng quả không thích thái độ của cha chàng khi ông lén lút đến với bà bé, khi ông đánh đập người dân, Dũng không thích các ông anh hèn nhát và bao nhiêu bà con ăn bám vào cha chàng v.v...; nhưng Nhất Linh không bảo là Dũng ra đi vì “lẽ phải” (nghĩa là làm cách mạng để lập nên công bằng xã hội). Sau khi ra đi, Dũng quả đã lao vào chính trị, cách mạng, nhưng Nhất Linh không bảo những hoạt động ấy là động cơ đầu tiên của sự ra đi.

Vậy trước hết vì lẽ gì Dũng ra đi? Theo Nhất Linh, chàng ra đi là để thoát ly. Xin nhắc đây đó những câu nói về sự thoát ly trong cuốn *Đôi bạn*: “Người ta không thể sống mãi một cảnh đời trong khi người ta chỉ nghĩ đến việc thoát ra khỏi cảnh đời đó.” (trang 188), “Chàng muốn được như con bướm thoát khỏi cái kén tối tăm...” (trang 190), “Chàng chỉ biết rằng lúc đó chàng đã có một cái cảm giác rất dễ chịu của một người vừa được thoát thân.” (trang 192), “Dũng cau mày lấy ngón tay đập mạnh điều thuốc lá cho rơi tàn và nói: — Miễn là thoát được.” (trang 231) v.v... Người ta còn có thể gặp những câu đại khái như thế ở dăm ba trang khác.

Thứ đến, Dũng muốn thoát ly cái gì? Thoát ly một xã hội bất công, có người bóc lột người chăng? — Không. Chàng chỉ mong thoát được cuộc sống buồn nản, buồn tới chết! Lại xin nhắc đây đó: “Thái đối với chàng là một người đã chán nản quá, gần như không thiết gì đến sống (...)Dũng có cảm tưởng rằng Thái đi như là đi thay cho mình, hình như tất cả những nỗi chán chường, đau khổ của một đời mình Thái đã đem theo đi hết.” (trang 32), “cuộc sống vô vị và ngày nọ tiếp theo ngày kia giống nhau như những viên đất kia.” (trang 48) “Chàng sẽ cưới Loan làm vợ, về ở với Loan bên ấp Quỳnh Nê, rồi suốt đời hai người gần nhau, yêu nhau mãi mãi... Dũng không dám nghĩ quá nữa vì câu hỏi: Thế rồi sau làm sao? Lại ngày nọ kế tiếp ngày kia... Không chờ đợi.” (trang 49)

Sau cùng, tại sao cuộc sống Dũng thấy nó đáng chán? Có phải vì đó là cuộc sống nô lệ ở một nước mất độc lập chăng? có phải vì là cuộc sống bất công dưới chế độ phong kiến, tư bản chăng? — Không. Cuộc sống buồn nản vì nó là cuộc sống, thế thôi. Nhất Linh nói rất nhiều về vấn đề này, và chính về vấn đề này ông có nhiều đoạn hay nhất. “Sống mà nghĩ đến mình sống thì bao giờ cũng buồn” (trang 71), “Dũng châm một điều thuốc lá hút rồi đưa mắt ngắm nghĩa đám người nhà quê thăm đạ, quần áo xơ xác trước gió, đứng đờ đẫn bên bờ sông. Họ đứng yên, không nói, vẻ mặt bình tĩnh, không nghĩ ngợi gì; chuyển đồ mà họ đợi sang. Dũng thấy là hình ảnh của cả cuộc đời; họ sinh ra, sống thản nhiên ít lâu, không hiểu vì cơ gì rồi lại khuất đi như những người bộ hành, một buổi chiều đông, qua bến đò, in bóng trong chốc lát trên dòng nước trắng của cuộc đời chảy mãi không ngừng.” (trang 70, 71), “Anh Thái đi như vậy để làm gì: Chẳng qua không biết làm gì nữa thì liêu lĩnh.” (trang 31), “Còn bao nhiêu các anh khác cũng bó buộc như Thái, cũng phát phơ vô định như Thái...” (trang 78) v.v... Vì cuộc sống suy cho cùng chẳng có ý nghĩa mục đích gì, con người sinh ra ở đời chẳng biết vì cái cứu cánh tối hậu nào, cho nên ta không biết làm gì, sống đều đều ngày nọ tiếp ngày kia thì nản không chịu được, muốn thoát ly, mà có thoát ly khỏi cảnh sống đều đặn trong gia đình thì rồi cũng vẫn không tìm ra lối thoát thực sự, cũng vẫn cứ buồn nản “...mà thoát ly rồi, cái đời tương lai của chàng sẽ đại khái như đời của Thái và Tạo, hai cảnh đời mà trước kia mới nghĩ đến chàng đã thấy buồn nản vô cùng...” (trang 158) Như vậy nhân vật Dũng ra đi không phải vì chủ

đích theo đuổi một sự nghiệp gì, vì muốn làm cái gì, mà chàng ra đi vì muốn thoát khỏi cảnh sống hiện tại, muốn thoát khỏi một sự bế tắc. Chàng ra đi không phải vì lý do chính trị, mà là vì những băn khoăn triết lý, siêu hình.

Chuyện chính trị, những bất bình về chính trị thì chẳng có gì là khó hiểu, có thể mang ra nói bô bô cho người khác nghe, kể cả những người ít học, vì thế mới có tuyên truyền chính trị cho quần chúng. Các băn khoăn dày vò triết lý rắc rối hơn, cho nên Dũng buồn phiền vì chẳng ai hiểu mình, mà cũng không thể giải bày với ai, kể cả đối với người tin yêu, như Loan. Có lần chàng bảo Loan: “Cô chẳng thể hiểu được.” (trang 111) Nếu là chuyện khổ vì bất công xã hội thì kẻ nghèo phải khổ hơn người giàu. Đảng này trước cảnh bên đò Gió, Dũng thấy buồn vì như thấy rõ “hình ảnh của cả cuộc đời” thì những người nhà quê nghèo rách lại có “vẻ mặt bình tĩnh, không nghĩ ngợi gì”, họ sống “thản nhiên”. Dũng như có ý thèm muốn thái độ của họ. Dũng bơ vơ giữa gia đình, bên cạnh một cô gái ngoan và những người nhà quê đơn giản, nhưng trong số các nhân vật tiểu thuyết của Nhất Linh thì chàng không bơ vơ, không phải là trường hợp độc nhất. Dũng có nhiều tri kỷ, nhiều kẻ hiểu chàng.

Anh chàng Phạm Đài trong truyện ‘Làm gì mà băn khoăn thế?’ ở *Người quay tơ* càng bị dày vò đau khổ hơn: “cái băn khoăn vô cơ vô hình hình như nhấm gan đục óc, muốn giữ đi mà không tài nào được” (...) “ăn cơm cũng không thấy ngon, động làm cái gì thời khó chịu, mà cứ ngồi yên không làm gì thời khó chịu hơn” (trang 50, 51). Rồi cái anh Trần Lưu trong truyện ‘Giấc mộng Từ Lâm’ cũng lại có một vẻ gàn gàn kỳ cục vì mãi miết đi tìm ý nghĩa của cuộc đời. Vậy ngay từ những tác phẩm đầu tiên Nhất Linh đã cho thấy ông bị những thắc mắc siêu hình ám ảnh. Có lẽ vì quá chú ý đến các luận đề xã hội gây sôi nổi trong tiểu thuyết của ông, đến các hoạt động xã hội và chính trị trong đời ông, mà người ta ít chú ý đến khía cạnh triết lý của ông chẳng?

Kể ra Nhất Linh không có thái độ nào khác thường. Những thắc mắc của ông từng ám ảnh cả một thế hệ thi ca tiền chiến như Hoài Thanh trình bày trong Thi nhân Việt Nam đã làm cho người kỹ nữ của Xuân Diệu cảm thấy bơ vơ tưởng như “giá băng tràn mọi nẻo”, đã thổi cái buồn hiu hắt mênh mông vào toàn bộ thơ Huy Cận v.v... Tuy nhiên ngay thời ấy thái độ triết lý ít thấy phản ảnh vào tiểu thuyết, có chăng hình như chỉ ở hai anh em ông Nhất Linh: ở ông và ở Hoàng Đạo. Thật vậy, Duy trong *Con đường sáng* của Hoàng Đạo cũng có một thời kỳ hoang mang, nhân một hôm nhìn ngắm giàn đậu nảy ra những suy tưởng về cuộc sống rồi đi đến quyết định về con đường mình đi.

Điều đáng để ý là những băn khoăn triết lý của Nhất Linh đột nhiên chấm dứt vào lúc ông xuất ngoại làm chính trị. Từ khi ở Tàu về, trong các bài báo, các tác phẩm viết ở Miền Nam sau 1955 không hề thấy bóng dáng các băn khoăn kia nữa. Đến một tuổi nào đó, như thể là ông tự dung tìm được sự bình ổn trong tâm hồn.

Nhưng có phải chính vì thế mà Nhất Linh bỗng xa cách thế hệ thanh niên hậu chiến ở Miền Nam? Thời kỳ sau 1955 ở Miền Nam tư tưởng Sartre bắt đầu quấy động giới trẻ. Các sáo ngữ, các danh từ thời thượng nhan nhản trên sách báo lúc bấy giờ là: buồn nôn, phi lý, dằn vặt, suy tư, khắc khoải, băn khoăn, hiện hữu v.v... Trong một thời như thế sự thanh thản tâm hồn của ông thành ra xa lạ.

3 – 1983

### **Đọc bản thảo của Nhất Linh**

Tên bài như trên chẳng qua là đặt cho gọn thôi. Nó mơ hồ, thiếu sót, có thể gây ngộ nhận. Tôi không từng “nghiên cứu”, cũng chưa đọc được bao nhiêu bản thảo của Nhất Linh, để phát giác ra điều nào đáng kể trong sự nghiệp trước tác của ông.

Sự thực Nhất Linh đã viết nhiều sách, bản thảo những tác phẩm xuất bản trước 1954 không nghe nói có lưu giữ được không? nhiều hay ít? hiện tàng trữ ở đâu? Còn lại là cái phần được in ở Sài Gòn sau đó. Trong phần bản thảo ấy tôi cũng chỉ có dịp đọc qua một số ít — rất ít — mà thôi. Dù vậy sự tiếp xúc với những trang chữ của bậc tiền bối lỗi lạc từng sống một đời đầy

dông bão và kết thúc đau thương, sự tiếp xúc ấy gây xúc động và nghĩ ngợi. Ở đây chỉ là dăm ba ý nghĩ căn cứ vào một số trang bản thảo may mắn được xem qua thôi.

### Niềm vui

Thoạt tiên người đọc để ý đến điều này: là Nhất Linh thường ghi thời điểm bắt đầu viết mỗi tác phẩm, thậm chí có khi mỗi phần trong tác phẩm:

— Ở trang đầu bản thảo *Giòng sông Thanh Thủy*, có dòng chữ: “Khai bút ngày 26 tháng 11 năm 1960”. Dưới đó, bằng nét chữ nhỏ hơn, màu mực khác hẳn, lại có câu: “Bắt đầu viết 28-11-60. Viết xong 28-1-61”.

— Ở bản thảo cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, nơi trang ghi phác sơ lược thứ tự dàn dựng toàn tác phẩm — từ “mấy lời nói đầu” đến “kết luận” — ông đề ngày 21-4-52. Nơi trang 1 (Mấy lời nói đầu) ông đề ngày 10-5-52.<sup>[29]</sup> Nơi trang 21 (nói về Các nhân vật) đề ngày 26-6 v.v...

Ghi ngày ghi tháng: Chưa đủ. Có những trường hợp Nhất Linh còn ghi kỹ cả giờ, cả phút nữa!

— Ở trang đầu cuốn *Xóm Cầu Mới (Bèo giạt)* có hàng chữ: “Trên Núi, ngày 16 tháng 10 năm 1949, 1 g 30 trưa”.

— Ở trang phác họa bìa cuốn truyện dài *Hai con mắt* có dòng chữ: “Vụt nghĩ ra 26-4-1961 ó 11 giờ (12 tháng 3 năm Tân Sửu)”.

“Trên Núi” là một chỗ ở Hương Cảng. “Trên Núi”, hai chữ ấy đưa ra thêm một chuyện nữa: Là, ngoài thời điểm, lắm khi Nhất Linh còn ghi địa điểm sáng tác:

— Ở trang phác họa bìa cuốn truyện dài *Vui buồn* (trong bộ *Xóm Cầu Mới*) bản thảo viết lại lần thứ ba, có lời ghi: “Hàng Bè. 1951”. Rồi ở trang đầu tiên cũng bản thảo này, bấy giờ lại mang tên *Xóm Cầu Mới*, có lời ghi: “Saigon ó 1951. Viết lại lần thứ 4”. Thì ra cùng trong một năm tác giả đã hăm hở viết lại đoạn sách này hai lần, ở hai nơi, và đã quyết định đổi cả nhan sách.

Bao nhiêu ghi chép ấy trên các bản thảo có ích lợi như thế nào? Ngày tháng, giờ giấc viết, nơi chốn đích xác mình từng ngồi viết ra câu nọ chuyện kia, những cái ấy một khi ghi nhớ rõ sẽ có đóng góp nào cho giá trị tác phẩm, cho công việc sáng tác? Tất nhiên những ký chú về hoàn cảnh biên soạn có ích lợi cho việc nghiên cứu văn học về sau; nhưng đối với chính tác giả thì tôi không có cơ hội nhận thức được cái ích lợi. Họa chăng có nhận thấy cái gì như thể một sự hài lòng, hứng chí, của tác giả khi bắt đầu và khi hoàn tất một tác phẩm.

Dù sao, những dòng chữ nói trên của Nhất Linh đã đưa tôi đến sự liên tưởng tới mấy sự kiện trong đời ông. Chẳng hạn:

— Trước 1945 cứ mỗi lần Nhất Linh in xong một cuốn truyện mới, dù bà có bận rộn công việc đến mấy ông cũng yêu cầu bà bỏ hết mọi việc để cùng ông đi bãi biển Sầm Sơn, cùng sống với nhau riêng biệt một thời gian; trong cảnh sống của những ngày vui thú ấy ông tập cho bà hút thuốc, uống rượu, uống trà tàu<sup>[30]</sup>;

— Một bức ảnh Nhất Linh nằm võng giữa rừng, chụp để “kỷ niệm ngày khai bút *Xóm Cầu Mới* bên giòng suối Đa Mê, ngày 13-10-57”<sup>[31]</sup>;

— Hôm 7-7-1963 ông tự tử. Việc làm đầu tiên trong cái ngày cuối cùng của mình là đích thân mang gói bản thảo tác phẩm chót đến nhà in Trường Sơn (do một người bạn văn chủ trương) để lo việc xuất bản<sup>[32]</sup> v.v.

Đọc những dòng chữ li ti ghi trên bản thảo của ông, rồi nghĩ lan man về chuyện nọ chuyện kia đã xảy đến trong đời ông, tôi mừng tượng ra hình ảnh ông Nhất-Linh-cầm-bút: Một Nhất Linh hơn hờ thấy rõ.

Việc vừa xuất bản được cuốn sách liền mang vợ (hay người yêu) đi Sầm Sơn, đi Đà Lạt, Vũng Tàu v.v... mấy hôm, việc ấy hồi còn trẻ chúng ta phần đông cũng có thể đã làm. Việc long trọng đề ngày “khai thần bút” viết tác phẩm đầu tay cũng vậy. Nhưng cái sôi nổi của tuổi trẻ qua rồi, công việc viết lách dần dần thành thói quen, có khi là thói quen nhạt nhẽo, buồn chán, có khi (tệ hơn) là lao tác nhọc nhằn (như mấy trang bắt buộc mỗi ngày phải nộp cho nhật báo); bấy giờ chắc không mấy ai còn hứng thú ghi nhớ đoạn văn này viết tại đâu, vào giờ nào phút nào. Chắc thế.

Nhất Linh khi phải rời tòa báo ở 80 đường Quan Thánh Hà Nội ra đi, thì đã có hàng tá nhan sách ra đời, đã có hẳn một sự nghiệp văn học lẫy lừng. Thế mà gần như mỗi lần cầm cây bút lên ông đều hăm hở, đều lấy làm quan trọng. Ý này nảy sinh trong đầu ông lúc mấy giờ, ngày nào, đoạn văn nọ viết ra vào hôm nào..., ông đều ghi nhớ. Ông mừng dòng chữ đầu tiên, ông mừng dòng chữ cuối cùng của mỗi tác phẩm. Trong xây dựng công trình kiến trúc thì đặt viên đá đầu tiên là chuyện long trọng, rồi vui mừng khánh thành càng long trọng. Trong xây dựng tác phẩm văn nghệ ở Nhất Linh, mỗi bước mỗi như thế.

Vừa rồi có nói đến những người thấy viết lách lâu ngày thành thói quen nhàm chán. Đó chẳng qua là một phương diện của thái độ tiêu cực. Lại có phương diện khác, ngược lại. Cửa các vị nhận thấy viết văn là việc cực quan trọng: là nhiệm vụ, là sứ mệnh, là cái nghiệp, là nghiệp vụ, nghiệp dĩ, nghiệp... chương<sup>[33]</sup> v.v. Một số các vị khác thấy trước tác là cái lớn lao, thiêng liêng, nhưng là việc cực nhọc, nguy hiểm (!), đòi hỏi sự hi sinh: trong văn có lửa trong thơ có thép có máu, cầm bút cũng như cầm gươm cầm súng...

Trước các bản thảo của Nhất Linh, không thể hình dung ra một con người uể oải chán ngán vì thói quen, cũng không thể nghĩ đến vẻ thâm của kẻ mang nghiệp chương, và cũng không thấy ra hình ảnh một chiến sĩ lừ lừ... Tôi lại tưởng tượng ra một người đang khoái chí. Khoái chí, tiếng ấy nghe có chỗ hỗn láo? Nó gọi một ý hồn nhiên của trẻ thơ, ít ra cũng một vẻ mừng rỡ trẻ trung. Đàng này, Nhất Linh bấy giờ đã thuộc lớp tuổi cao niên, trên đường văn nghiệp ông đã đến cái đỉnh của danh vọng. Thế nhưng mỗi lần viết ông còn náo nức. Ông viết mà sung sướng thấy rõ. Cảnh tượng ấy thật cảm động.

Vả lại trẻ trung hay trẻ thơ, náo nức hay sung sướng, thì có gì ngại phô bày? Ông Thánh Thán hề hã la lối om sòm khi gặp bất cứ niềm vui con con nào, sao ta lại dè dặt vì niềm vui sáng tác? Năm 1950, ngày 13 tháng 3, Nhất Linh viết xong chương XII của bộ *Xóm Cầu Mới*. Bốn mươi hôm sau, ông ghi lên bản thảo mấy chữ: “Sáng 23-4 đọc lại: I am satisfied with me.” Câu Anh văn ấy, nếu dịch ra giọng Thánh Thán thì là: “Bất diệc lạc hồ?” Cùng câu ấy nếu đem ra diễn nôm theo giọng bình dân Nam bộ sẽ thành ra: “Tôi khoái tôi quá chời!” chứ còn gì nữa? Tự nhiên thôi.

Nhất Linh nhiều lần nói đến cái sung sướng ở kẻ khác. Cô Mùi là một trong mấy “cực cưng” của Nhất Linh. Ông thấu hiểu hết ruột gan của cô gái ấy. Lúc cô ta bắt gặp mấy chữ trong bức thư của Siêu bộc lộ tình yêu, Mùi bị một “cái sung sướng đột ngột nó như từ ở một nơi xa nào ùa vào tràn ngập cả tâm hồn”. Nỗi sung sướng còn phát ra... mùi thơm! “Trong gió thoảng mùi lúa chín thơm và nỗi sung sướng của nàng, Mùi thấy cũng thơm như mùi lúa.”<sup>[34]</sup>

Tôi tưởng tượng ngày 12 tháng 3 năm Tân Sửu lúc 11 giờ, khi cái ý về cuốn truyện *Hai con mắt* vụt thoáng qua trí Nhất Linh và ông cũng “vụt” ghi ngay lên giấy sự việc ấy; lại tưởng tượng lúc 1 giờ 30 phút trưa ngày 16 tháng 10 năm 1949 ở chỗ “trên núi” tại Hương Cảng khi ông ghi mấy lời vào trang đầu bản thảo *Xóm Cầu Mới*, thì hẳn là nỗi sung sướng trong lòng ông cũng đột ngột thơm lên chẳng?

Ở đời lắm kẻ bảo mình có duyên tiền định đối với chữ nghĩa, không sao rời được văn thơ; tuy vậy gặp được một chứng cứ viết lách hào hứng mê say như Nhất Linh không dễ đâu.

Trong trường hợp ông, chứng cứ là bộ *Xóm Cầu Mới*. Khi bắt đầu đăng báo, tác giả viết “Mấy lời nói đầu”, cho biết bộ trường giang tiểu thuyết ấy dài gần vạn trang, hiện đã thảo sáu cuốn, mong sẽ viết độ hai chục cuốn nữa, trong đó có truyện dày tới nghìn trang, có truyện hai ba trăm trang<sup>[35]</sup>. Dự định một vạn trang sách rồi không thực hiện được. Mười năm sau khi tác giả qua đời, bộ *Xóm Cầu Mới* được ấn hành làm hai cuốn, dày 713 trang. Chừng ấy trang sách đâu phải thảo ra một hơi là xong. *Xóm Cầu Mới* lần đầu viết năm 1940 tại Hà Nội; lần thứ hai năm 1943 tại Quảng Châu (Trung Hoa), lần thứ ba năm 1949 tại Hương Cảng (Trung Hoa), lần thứ tư năm 1951 tại Hà Nội, lần thứ năm năm 1957 tại Fin Nôm (Đà Lạt)<sup>[36]</sup>. Trong lịch sử văn học ở nước ta có được bao nhiêu câu chuyện viết văn làm thơ mà năm lần bảy lượt như vậy? Đến lần thứ năm, cái viết vẫn còn đầy hứng thú. Cứ trông tám hình kỷ niệm và dòng chữ bên dưới thì biết. Đến đây có lẽ nên dừng lại chút xíu trước một chi tiết: Từ 1940 đến 1957 là 17 năm.



Chứng ấy thời gian cho một pho truyện: lâu quá. Thật ra *Xóm Cầu Mới* là một chứng cứ mê say của Nhất Linh, không phải một chứng cứ viết chậm.

Chúng ta đã biết tác giả có ghi trên bản thảo *Giòng sông Thanh Thủy* rằng bộ truyện này bắt đầu ngày 28-11-60, viết xong ngày 28-1-61: Hai tháng. Bộ truyện gồm ba cuốn: cuốn đầu (Ba người bộ hành) dày 192 trang, cuốn sau (Chi bộ hai người) 135 trang, cuốn chót (Vọng quốc) 147 trang. Non năm trăm trang sách ấy viết trong một hoàn cảnh đặc biệt: Trước khi Nhất Linh bắt đầu bộ sách 17 hôm là ngày xảy ra chính biến 11-11-60. Truyền đơn Mặt trận Quốc Dân Đoàn Kết do ba nhân vật đứng tên: Phan Khắc Sửu, Nguyễn Xuân Chử, Nguyễn Tường Tam. Mặt trận thất bại, Nhất Linh bỏ nhà trốn lánh, hơn một năm trời nay đây mai đó, gia đình không rõ tung tích. *Xóm Cầu Mới* là sách viết chạy, *Giòng sông Thanh Thủy* là sách viết chui. Tình cảnh cùng gian truân cả. Cuốn sách viết nhanh lại là cuốn được tác giả thích ý. Ông ước mong sách được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp. Trên trang đầu của bản thảo, ngoài bốn chữ *Giòng sông Thanh Thủy* ông còn tự mình dịch sẵn nhan sách ấy ra ba thứ tiếng khác: Thanh Thủy hà (chữ Hán), La rivière claire (Pháp) và Limpid water river hay Clear water river, hay Clear river (Anh).

Eudora Welty là một tiểu thuyết gia Hoa Kỳ đồng thời với Nhất Linh; bà vừa mới qua đời. Ngày nhỏ, bé Eudora chưa viết được truyện (dĩ nhiên!), chỉ ham nghe kể truyện, nghe mê mẩn. Lớn lên, khi được bảo cho biết rằng truyện là do có kẻ viết ra chứ không phải tự nhiên sinh ra như cỏ dại, bà kinh hãi và thất vọng quá chừng.

Bà Welty ấy nếu được biết luôn đến trường hợp viết truyện của Nhất Linh — viết đi viết lại, viết chụp giựt trong cảnh trốn lén — thì bà còn hồn vía còn bụng dạ nào dám viết tiểu thuyết nữa!

### Nỗi khổ

Nhất Linh, hễ cứ viết là ông thấy vui sướng. Như vậy ông phải là kẻ sung sướng nhất đời, sung sướng không ai can nỏi. Đời có nhà lầu xe hơi tiền muôn bạc triệu mới thấy sướng, đời có quyền cao chức trọng mới thấy vui thì khó. Chữ đối với người chỉ cần một gian nhà nhỏ bên suối, với cơm ba bữa mỗi ngày, một cái võng, một ống tiêu, với một cây bút, thì họa chăng có ông Tàn Thủy Hoàng sống dậy mới bắt người ấy khổ được thôi. Ngoài ra, ai bắt được?

Ấy vậy mà Nhất Linh rất khổ. Trong văn giới xưa nay hiếm ai khổ bằng ông.

Hoàng Xuân Hãn lần đầu biết Nguyễn Tường Tam vào dịp hai vị cùng tham dự vào phái đoàn Việt Nam trong cuộc họp với Pháp ở hội nghị Đà Lạt. Bấy giờ — năm 1946 — Nguyễn Tường Tam là bộ trưởng bộ Ngoại Giao, chủ tịch phái đoàn Việt Nam (Võ Nguyên Giáp là phó trưởng đoàn). Nhận xét về phong độ Nguyễn Tường Tam, ông Hoàng Xuân Hãn viết:

“Cử chỉ lễ độ, ăn nói chừng chàng, trong buổi xã giao hội họp với kẻ chức trách, hoặc phái viên Pháp, ảnh đã có thái độ cử chỉ đoan nghiêm và đúng mức, không làm thẹn chức vụ bộ trưởng Ngoại Giao và chủ tịch phái đoàn Việt Nam”<sup>[37]</sup>. Về ngoại dạng, ông chú ý đến “đôi mắt to nhưng ra vẻ mệp nhọc hay chán chường”.

Trong năm 1946 Nguyễn Tường Tam rời Việt Nam sang Trung Hoa ở cho đến 1951. Tình trạng tệ hơn. Ông Nguyễn Tường Bách nhận xét: “Anh Tam hồi ấy có lẽ vì mệp mõi nên mắc bệnh suy nhược thần kinh. Mọi người chủ trương anh phải tịnh dưỡng một thời gian, không nên tham gia những hoạt động có thể đưa lại những kích thích quá mạnh”<sup>[38]</sup>.

Năm 1954, Nguyễn Ngu Í đến gặp Nhất Linh để thực hiện một cuộc phỏng vấn, ở Sài Gòn. Nhớ lại bức ảnh in trong một cuốn sách Đời Nay trước kia, so với ông Nhất Linh bây giờ trước mặt mình, Ngu Í “bùi ngùi vô hạn”. “Anh dường như yếu nhiều, và chẳng những tay anh hơi run, mà phía dưới hai gò má anh cũng giựt lia, giọng anh liu líu, hơi nói chẳng được dài. Và cả người anh một cái gì mệp mõi, chán chường.”<sup>[39]</sup> Run rẩy, giựt lia, liu líu v.v.: Bùi ngùi vô hạn là phải.

Các vị trên đây dấu sao chỉ ghi nhận cảm tưởng qua các cuộc gặp gỡ. Người con trai út của Nhất Linh — anh Nguyễn Tường Thiết — từng sống bên cạnh cha một thời gian dài sau 1951 đã biết thêm những điều thầm kín đau đớn. Tháng 4-1951, Nhất Linh với anh là Nguyễn Tường Thụy vào ở Sài Gòn. Anh em cùng ở một nhà. Nguyễn Tường Thiết kể: “Nhất Linh thường viết trong đêm khuya khoắt. Những khi giật mình thức giấc nửa đêm tôi thường thấy, qua khe cửa,

đèn trong phòng ông còn bật sáng. Có đêm lữ chúng tôi lồm cồm bò dậy vì có tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kìm hãm được. Lữ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau (...). Sau này tôi biết ông đã khóc âm thầm nhiều đêm vào những dịp khác. Không ai có thể đoán biết ông khóc cái gì, ngay cả mẹ tôi cũng không thể nào biết được. Nhưng sự khám phá này đã gieo vào tuổi thơ của tôi một ấn tượng mạnh mẽ, rằng cha tôi là một người cô đơn và đau khổ. Ngoài ra những giấc mơ kỳ lạ và kinh hãi cũng được tôi hình dung thấy qua giấc ngủ của ông, qua cách ông trần trọc ú ớ trong đêm.”<sup>[40]</sup>

Năm 1954 Nhất Linh sang Pháp chữa bệnh. Từ Pháp về, sống ở khu phố chợ An Đông ít lâu, rồi ông lên Đà Lạt ở luôn mấy năm. Vẫn theo lời Nguyễn Tường Thiết thì dạo này ông khỏe mạnh. Tuy vậy cái khóc của Nhất Linh thì vẫn còn.

Sau 1975, cùng sống với nhau ở tiểu bang Minnesota (Hoa Kỳ) vài năm, tôi được nghe ông Vũ Khắc Khoan nhắc đến một kỷ niệm về Nhất Linh: Một buổi chiều ở Sài Gòn ông Vũ có dịp ngồi nói chuyện với Nhất Linh, trong phòng chỉ có hai người. Bấy giờ là đầu thập niên 1960, Sài Gòn xôn xao không khí chính biến. Ông Vũ tỏ ý lo ngại tới sự an toàn của Nguyễn Tường Tam. Ông Nguyễn bảo rằng thực ra lúc này ông không trực tiếp hoạt động chính trị, chẳng qua bạn bè và đồng chí cũ có điều gì hỏi đến thì ông góp ý thôi. Ông Vũ nói mình biết có những người hoặc bị tù tội hoặc đã hi sinh tính mạng vì sự tin tưởng vào ông (Nguyễn) đấy. Không nghe đáp lại. Lát sau, ông Vũ quay nhìn, thấy ông Nguyễn đang khóc lặng lẽ. Niềm đau khổ âm thầm của Nhất Linh, trước kia người thân trong gia đình không thấu hiểu nguyên do. Về sau, nguyên do tự hé lộ: gốc nguồn là từ những hoạt động chính trị.

Năm 1946 tại hội nghị Đà Lạt, một hôm Nhất Linh ốm, nằm trong phòng, Hoàng Xuân Hãn đến thăm, trò chuyện. Nhất Linh bảo: “Những việc chính trị, thôi để các anh làm. Còn tôi thì về với văn hóa mà thôi.”<sup>[41]</sup> Độ mười năm sau, khi sống tại Đà Lạt, có hôm bỗng nhiên ông buột miệng nói ra và Nguyễn Tường Thiết ghi nhớ: “có một lần hiếm hoi ông đã tiết lộ với chúng tôi là thời gian khổ sở nhất trong cuộc đời của ông là lúc ông đảm nhận chức vụ bộ trưởng bộ Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp.”<sup>[42]</sup>

Với Hoàng Xuân Hãn, Nhất Linh bảo anh làm chính trị tôi làm văn hóa thôi. Sau đó, chính Hoàng Xuân Hãn về với văn hóa mà Nhất Linh lại dầy dụa dính mãi vào chính trị. Với con, Nhất Linh bảo ông khổ nhất là lúc làm bộ trưởng. Sau đó cái khổ nhất lại đến với ông lúc ông đứng ngoài chính quyền, không còn giữ một chức vụ gì cả. Khổ nhất hẳn là việc tự hủy mình. Văn nghệ với chính trị là hai yếu tố chính trong đời Nhất Linh. Ngày 7-7-1963, vào khoảng 4 giờ chiều ông uống thuốc độc thì 11 giờ trưa trong lúc cha con trò chuyện lần sau cùng, Nguyễn Tường Thiết (không biết đến ý định quyết liệt của cha) đã gợi ý ông viết hồi ký; ông bảo chuyện ấy ông có nghĩ tới hồi 1958 ở Đà Lạt: “Cậu dự tính viết ba quyển: cuộc đời làm báo và viết văn của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam và quyển thứ ba cậu viết về hoa phong lan. Nhưng về đây cậu bận vì tờ Văn Hóa Ngày Nay nên chỉ viết được cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, sau đó lại dính vào những rắc rối chính trị, không có tâm đầu mà viết (...) Chuyện chính trị nhiều khi cái không khí nó bắt buộc mình phải tham gia, như cái tình trạng hồi Pháp thuộc, lúc đó, nếu cậu không đứng ra làm việc nước thì trong lòng áy náy chẳng làm được chuyện gì khác. Nhiều khi người ta bị đẩy tới guồng máy hoạt động một cách rất giản dị không ngờ, rồi như những bánh xe ăn khớp nhau, họ bị đẩy dần vào vòng trách nhiệm. Ngay cả hồi chơi hoa phong lan ở Đà Lạt, cậu vẫn thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm ấy, nên phải về hoạt động lại ở Sài Gòn. Chính vì thế làm chính trị lúc tiến thì dễ lúc rút thì khó.”<sup>[43]</sup> Cách cái chết năm tiếng đồng hồ, Nhất Linh tóm tắt đời mình vào ba việc, trong đó phong lan là cái chơi, hai việc kia là cái làm: văn chương và chính trị. Một bên là niềm vui, một bên là nỗi khổ. Một bên muốn tiếp tục mà không được, một bên muốn rút lui lại không khỏi. Một bên đưa tới bộ *Xóm Cầu Mới*, một bên đưa tới bộ *Giòng sông Thanh Thủy*, hai tác phẩm cuối cùng của ông.

Xin trở lại mấy trang bản thảo.

Năm 1958, khi cho đăng *Xóm Cầu Mới* trên báo, tác giả viết “Mấy lời nói đầu”, trong đó có câu: “Cứ đọc những truyện dài trên kia, các bạn cũng đã lĩnh hội được phần nào cái ý chính của toàn bộ, nghĩa là không có ý chính gì cả ngoài cái ý tả cuộc đời về đủ mọi mặt”<sup>[44]</sup>.

Sau đó, viết *Giòng sông Thanh Thủy*, Nhất Linh lại lấy làm quan trọng về cái ý truyện. “Sau đó”, tức ba năm sau: ngày 10 tháng 1 năm 1961. Hôm ấy ông đắn đo suy đi nghĩ lại, ông viết “ý truyện” một lần thứ nhất, rồi không vừa ý, ông gạch bỏ đi, lại viết “ý truyện” một lần thứ hai. Lúc ấy là 5 giờ sáng. Lần trước gạch bỏ bằng bút mực đen, xong lại gạch nữa bằng bút chì đỏ. Lần sau chỉ có nét gạch bằng bút chì đỏ thôi. Đến khi sách xuất bản, cả hai đoạn ý đều không được in ra.

“Ý truyện”, viết đi viết lại nội dung gần như nhau. Xin lấy bản viết sau: “Mỗi người đều có một “kiếp” (karma); mọi hành động đều do những sức ngầm ngấm ngấm trong bản thân thúc đẩy. Cuộc đời mình đi vào con đường nào đều do sức thúc đẩy mà mình không tự biết ấy tuy mình vẫn tưởng là chính mình tự chọn. Khi đã đi vào con đường ấy, mình bị một “guồng máy vô hình” lôi cuốn, khó lòng thoát khỏi, chỉ việc noi theo, không nhận định được đâu là xấu đâu là tốt, đâu là sự thực đâu là sai lầm.”

Mặc dù “ý truyện” không được in vào sách, ý truyện vẫn hiển lộ rõ ràng trong *Giòng sông Thanh Thủy* (Có lẽ chính vì sự hiển lộ quá rõ, quá đầy đủ trong truyện mà nó không cần được tách ra nêu ở đầu sách). Những ý tưởng (và cả từ ngữ) như kiếp, karma, xấu tốt đúng sai khó phân, guồng máy... đều có mặt trong truyện nhiều lần. Chữ “guồng máy” được nhắc đến khoảng ba chục lần. Ở “ý truyện”, guồng máy chỉ lôi cuốn thôi, trong pho truyện guồng máy còn hung tợn hơn: nó là guồng máy khốc liệt (trang 55, cuốn III), nó kẹp nát như (trang 145, cuốn I), nó nghiền nát (trang 12, cuốn II)...

Người đọc có cảm tưởng sau *Xóm Cầu Mới* Nhất Linh bị họa chính trị ám ảnh nặng. Nó uy hiếp cái viết của ông.

Sau vài chục năm viết truyện, Nhất Linh dần dần tìm ra, dựng nên, một lý thuyết về tiểu thuyết. *Bướm trắng* (1939) được viết theo một quan niệm mới, khác các cuốn trước. Đến năm 1942 ông bắt đầu viết hẳn ra một cuốn sách về các nguyên tắc hướng dẫn cách đọc và viết tiểu thuyết. Công trình sáng tác qui mô mà ông dự định bảy giờ được căn cứ trên những nguyên tắc ấy: *Xóm Cầu Mới* sẽ không có ý chính gì cả: trong hàng vạn trang sách sẽ chỉ có cuộc đời với nhân vật được mô tả cận kề, thật đúng, thật sống động.

Dự định *Xóm Cầu Mới* vừa thực hiện non một phần mười thì ý truyện *Giòng sông Thanh Thủy* tràn tới, choáng hết tâm tư đầu óc ông. Ở đây có hẳn một ý chính, một quan niệm nhân sinh: mỗi người một kiếp, sức ngầm thúc đẩy, guồng máy lôi cuốn không thoát nổi, xấu tốt đúng sai không nhận định được...

Tư tưởng chỉ đạo ấy ám ảnh tác giả, khống chế tác phẩm. *Giòng sông Thanh Thủy* ba cuốn (*Ba người bộ hành, Chi bộ hai người, Vọng quốc*) vừa xong, ý truyện *Hai con mắt* lại vụt đến. Cuốn sau này chưa viết được bao nhiêu, nhưng ở mấy trang bản thảo đầu đã thấy Thanh và Ngọc: câu chuyện của các nhân vật *Giòng sông Thanh Thủy* được tiếp tục.

Cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết* viết từ 1952 đến 1960, bộ *Xóm Cầu Mới* viết lại rồi cho in lên báo năm 1958. Đến giai đoạn này Nhất Linh vẫn giữ một quan niệm. Theo quan niệm ấy, tiểu thuyết muốn viết về gì cũng được: xã hội, luận đề, trinh thám, ái tình, luân lý, tình cảm, triết lý... Được tất. Nhưng trước hết phải lo viết cho hay. Viết hay là tả đúng các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống, tìm cho nhiều chi tiết về người và việc để tạo được những nhân vật sống động.

Sau giai đoạn nói trên, ở những tác phẩm viết sau 1960 người đọc có cảm tưởng luận đề nó xông vào ám ảnh tác giả, làm chủ tác phẩm. Người viết luôn nghĩ tới cái nghiệp của nhân vật này nhân vật nọ, cái guồng máy nó lôi cuốn anh này chị kia. Luận đề lại đóng vai trò lớn; biện giải, chứng minh, thành mối bận tâm lớn. Người làm chính trị khổ sở quay ra quấy phá người làm văn nghệ, quấy mạnh.

Nhất Linh gọi tên thủ phạm là cái guồng máy, tôi ngờ không hẳn vậy. Không chừng thủ phạm chính thị là... nạn nhân thôi. Ông vui sướng do tài năng, ông vừa viết vừa vui: đó là một

phương diện của Nhất Linh. Về một phương diện khác, ông vừa làm vừa khổ, càng làm càng khổ: làm đây là làm chính trị, cái làm không thoát ra nổi.

Sự thực máy nó cuốn ông cách nào? Tôi nghĩ những lời ông thốt ra với con sát kê cái chết của mình là những lời tâm can, rất mực chân thành: “như cái tình trạng hồi Pháp thuộc, lúc đó, nếu cậu không đứng ra làm việc nước thì trong lòng áy náy chẳng làm được chuyện gì khác.” Rồi máy nó cuốn vào, vì sao mà ông không rút mình ra được? — “Ngay cả hồi chơi hoa phong lan ở Đà Lạt, cậu vẫn thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm ấy, nên phải về hoạt động lại...” Nói cách khác, áy cũng tại vì lòng ông lại “áy náy”.

Trong đời Nhất Linh đã xảy ra nhiều chuyện phù hợp với những lời thốt ra cuối đời ấy. Chẳng hạn chuyện ông thi vào trường Mỹ Thuật, đầu đầu, mà học chẳng bao lâu lại bỏ học vẽ. Ba chục năm sau, Nguyễn Ngũ Í hỏi lý do, Nhất Linh cho biết vì khi mang giá, cọ, màu về quê, thấy đời sống thôn quê khổ quá, tối tăm quá, cần phải làm gì giúp họ. Giá, cọ, màu không giúp kiến hiệu bằng báo chí. — Ấy là áy náy chứ còn gì nữa<sup>[45]</sup>. Lại chẳng hạn những tiếng khóc đêm đêm trong phòng riêng tại nhà người anh, tiếng khóc một chiều trước mặt Vũ Khắc Khoan... Ấy cũng do áy náy thôi. Còn vượt xa hơn sự áy náy.

Nhất Linh không thể không làm cái này, không thể rút lui khỏi việc kia, là do lòng ông cả, do cái tâm của ông cả. E không vì máy móc nào. Trong hoàn cảnh Pháp thuộc ông không đành lòng vui với cái vẽ cái viết; nhưng đâu phải xung quanh ông ai nấy đều bị máy nó hút cả? Hoạt động đã suy nhược người ra, đã lâm bệnh, mà ông không thể tự tách ra ngoài vòng trách nhiệm; nhưng đâu phải bấy giờ thiếu kẻ trùm chặn kín mít “cao thượng” quá trời, hay lánh ra nước ngoài thần trí thanh thoi quá cỡ. Ở Nhất Linh, chẳng qua cái tâm nó gây lụy cho cái tài. Chính ông hại ông, gỡ sao cho khỏi.

Một lần nọ tôi có dịp biết câu chuyện đã xảy ra cho anh Nguyễn Tường Thiết cách đây khoảng bốn mươi năm. Anh thi tú tài, vào khẩu vấn, môn Việt văn. Ông giáo sư xem thẻ học sinh, cho anh thí sinh họ Nguyễn Tường được chọn nói về tiểu sử một trong các nhà văn của Tự Lực Văn Đoàn. Bạn tôi chọn ngay Nhất Linh. Rồi anh tịt luôn, không nói được câu nào. Nói theo sách? Thì anh có học tiểu sử Nhất Linh trong sách giáo khoa bao giờ đâu? Còn kể lể về những kỷ niệm của đời sống gia đình thân mật giữa không khí cuộc vấn đáp ở trường thi thì kỳ cục quá. Giả sử có cuộc khẩu vấn về tiểu sử mỗi người trước cửa thiên đình, chắc Nhất Linh — chính ông — lẫn lộn trong đám nhân vật lao nhao của mình, sẽ áp úng than thở về nỗi bị kẹt vào máy liên miên, đến tàn đời. Các phán quan nhà Trời không thể không có cảm tình đối với một phát biểu khiêm tốn như thế. Nhưng chuyện ấy rối rắm, các ngài hẳn lấy làm khó tin. Còn như bảo Nhất Linh chính bị mắc kẹt ngay vào cái tâm của mình, thì éo le quá. Nói vậy được sao?

Nói về Nhất Linh, bắt giắc nghĩ tới một tiểu thuyết gia khác, của Tây phương, hồi thế kỷ trước. Mùa hè năm 1836 cậu bé Gustave Flaubert, bảy giờ 15 tuổi, tình cờ gặp bà Schlésinger. Hình ảnh người thiếu phụ ấy ám ảnh cậu ta mãi. Bà Arnoux — một nhân vật chính trong *Giáo dục tình cảm* (*L'éducation sentimentale*) — là biến dạng của bà Schlésinger. Năm 1843 Flaubert bắt đầu viết cuốn *Giáo dục tình cảm*, bản thứ nhất. Năm 1845, truyện viết xong, cất đậy. Nhưng G. Flaubert thì chưa thoát khỏi sự ám ảnh của đề tài này. Ông tiếp tục đào sâu, thu thập tài liệu, đọc sách dữ dội, tích tụ những quan sát, ghi chép hàng ngày. Tháng 9-1864 ông khởi công viết một cuốn *Giáo dục tình cảm* khác. Ngày 15 tháng 5 năm 1869, lúc 8 giờ sáng, ông ngồi vào bàn, viết luôn một mạch tới 5 giờ kém 4 phút sáng hôm sau, tức ngày 16-5-1869, thì xong tác phẩm. Sách được xuất bản ngay cuối năm ấy: kể từ ngày bắt đầu viết nó là năm năm, kể từ khi bắt đầu viết cuốn *Giáo dục tình cảm* thứ nhất (1843) là hăm sáu năm, kể từ ngày gặp Schlésinger phu nhân (1836) tức ngày đề tài được “thai nghén”, ôm ấp, là ba mươi ba năm. (Bản viết xong năm 1845, tác giả bỏ qua luôn; mãi ba chục năm sau khi ông qua đời mới có người cho in.) Cuốn *Giáo dục tình cảm* bản chính thức được ấn hành trong lúc sinh thời thì mỗi lần tái bản đều có sửa chữa thêm bớt liên miên. Ngay ở ấn bản cuối cùng trước khi G. Flaubert từ trần vẫn còn thấy nhiều ghi chú tu chỉnh của ông, chuẩn bị dành cho kỳ in tới: những chuẩn bị dở dang.

Từ nhân vật này nghĩ sang nhân vật nọ, không phải do một so sánh nào. Giả sử có thấy kẻ này xem ra say mê hơn người kia, tận tụy hơn, làm việc hết mình hơn v.v..., thì cũng không thể kết luận giản dị và dứt khoát. Hoàn cảnh mỗi nơi mỗi khác, mỗi thời mỗi khác, tình hình xứ sở mỗi nước mỗi khác, người cầm bút đâu có thể cùng một cách thể như nhau được. Muốn so sánh, họa chăng chỉ có thể nhạt nhẽo nêu lên một số sự kiện cụ thể thôi.

Chẳng hạn về việc sửa chữa của G. Flaubert. Hồi truyện viết xong, tác giả có đưa bản thảo cho Maxime Du Camp xem. Ông bạn này nêu ra 251 chỗ góp ý. Đối chiếu với bản in, thấy có chỗ Flaubert nghe theo, có chỗ ông bỏ qua. Theo dõi từng phần ứng có thể nhận ra lắm điều lý thú trong thái độ, trong quan niệm viết của ông.

Ba mươi năm sau khi G. Flaubert qua đời, D. L. Dumorest kiểm điểm và thấy qua các bản in cuốn *Giáo dục tình cảm* có cả thảy 495 chỗ sửa chữa. Có người cho rằng con số ấy còn thiếu sót. Dầu sao cái quan trọng không ở số lượng sửa chữa mà ở nơi xu hướng sửa chữa: Flaubert thêm vào 11 chỗ, lại bớt đi 420 chỗ; ông bỏ đi 125 chữ mais (nhưng mà), 39 chữ alors (bấy giờ), 32 chữ et (và), 31 chữ puis (rồi thì) v.v... Suy nghĩ về những chỗ con con như thế, có thể nhận ra đặc điểm của một văn phong; rồi không chừng phân tích những thêm bớt, chọn lựa nọ có thể thấy chúng hàm chứa một xu hướng đưa tới các diễn biến mới trong quan niệm tiểu thuyết v.v. và v.v... Đây đó không phải có kẻ từng cho rằng G. Flaubert đã báo hiệu phong trào tiểu-thuyết-mới sao?

Nhất Linh ra đi đã bốn mươi năm. Ở đây không có ý so sánh người này với người nọ, nhưng tránh sao khỏi sự nghĩ ngợi về thái độ của mỗi tập thể văn giới đối với mỗi văn nhân, về thái độ mỗi thể chế chính trị đối với văn nghệ. Sau bốn mươi năm, sách của Nhất Linh có lúc bị cấm đoán chê bai, có lúc được cho phép xuất hiện. Nhưng xuất hiện giới hạn, từng phần. (Hiện nay ở trong nước phần được in sau 1945 vẫn bị chôn).

Còn khối bản thảo của Nhất Linh mà bảo rằng đã được đọc, được nhận xét thì... Tôi thấy việc làm của mình chỉ là khêu vào, chứ đã xem xét suy cứu gì đâu. Thật nhảm nhí, hài hước. Cho nên ở đầu bài viết đã có lời phân bua, đến cuối bài vẫn còn "áy náy", lại kè nhẹ. Tôi mơ ước: Giá có ai đọc kỹ, đọc thực sự...

## 8 . 2001

1 Nhật Thịnh, Chân dung Nhất Linh, Đại Nam, trang 218.

2 Tức Duy Lam và Thế Uyên. *Xem sđd, trang 160.*

3 Nguyễn Vỹ, Văn thi sĩ tiền chiến, trang 156.

4 Sđd, trang 162.

5 (Nho phong). *Ngoài ra, có thể dẫn thêm những thí dụ từ các tác phẩm khác: Hoặc bỗng trầm diu đặt:*

*Hồng nương Hồng nương! Sao hôm nay ta lại đọc đến tên nàng.. (Hồng nương), Lúc đi là hàn nho, lúc về biết đâu không ông cố ông nghè chi đài các.. (Nho phong); hoặc có xen cả thơ: Ôi! Nhưng bây giờ Từ nương còn biết gì nữa, nàng có nhớ đến chồng con nàng nữa đâu, ai đã yêu nàng, nàng có nhớ đâu mà nàng còn yêu ai nữa, nàng chỉ ngày ngày thơ thẩn một mình lên tít đỉnh đồi cao mà đứng trông... Nhưng nàng trông ai bây giờ?*

*Đường trần mới đến nửa chừng*

*Mà guồng thơ cũ đã ngừng bánh xưa.. (Người quay tơ).*

6 Người quay tơ.

7 Viết và đọc tiểu thuyết.

8 Sđd.

9 Bướm trắng, trang 257.

10 Sđd, trang 258.

11 Sđd, trang 43.

12 Sđd, trang 68.

13 Viết và đọc tiểu thuyết.

14 Sđd.

15 Sđd.

16 Sđd.

17 Nguyễn Vỹ, Văn thi sĩ tiền chiến, trang 156.

18 Tạp chí Đất Mới, Seattle, Hoa Kỳ, số tháng 5, 1978.

19 Tức Đoạn tuyệt và Lạnh lùng.

20 Viết và đọc tiểu thuyết.

21 Người quay tơ.

22 Sđd.

23 Sđd.

24 Tức Nhất Linh.

25 Nhật Thịnh, Chân dung Nhất Linh.

26 Ở Nhất Linh suốt đời không những chỉ có sự nhất trí về các phương diện căn bản trong tâm hồn, mà còn có sự trung thành gắn bó với những kỷ niệm cảm xúc thời thơ ấu một cách thật cảm động. Con người đã từng là lãnh tụ văn hóa, lãnh tụ chính trị, từng lặn lội phong trần, hét sang Tàu lại téch sang Tây, về già viết cuốn trường giang tiểu thuyết, tác phẩm quan trọng nhất đời mình, dành cho những chuyện xảy ra trong khung cảnh quê hương làng mạc, xảy ra giữa những nhân vật nghèo khó ít học đã sống quanh mình hồi ông còn bé. Trong Xóm Cầu Mới không có ông bà trí thức khoa bảng nào cả, không có xe hơi nhà lầu, không có ai xô tiếng tây, tiếng Mỹ, không có chuyện rượu tây nhạc tây, nhảy đầm như nhan nhản trong các cuốn truyện của văn sĩ lớp sau. Trong sách ông nhân vật chính là một cô bé bán bánh cuốn, sinh hoạt với những ông lang, ông Năm Bụng bán rượu lậu, anh chàng lưới cá và kéo xe v.v... Đọc những trang sách tả cảnh nhà Mũi, với cây cầu bỏ dở dở trong xóm, cái ao nơi Mũi câu cá với Siêu, tình yêu giữa đôi anh em có họ xa, với đậu găng quanh nhà, với cây đa cổ thụ, con đường xe lửa gần nhà Mũi, ngôi chợ Mũi cân gạo, cửa tiệm của người khách trú trước mặt cửa hàng bánh cuốn của Mũi v.v..., chúng ta không khỏi liên tưởng đến các đoạn hồi ký sau đây của ông Nguyễn Tường Bách nói về cái nơi mà anh em Nguyễn Tường cùng sống ngày xưa: .Trong trí nhớ của tôi, ngôi nhà tranh ba gian tuy nhỏ nhưng rất đáng yêu. Mặt trước trông ra phía chợ với cửa hàng xén nhỏ, phố cũng vui vẻ, nhất là những ngày phiên chợ tấp nập (...) Chung quanh các nhà có nhiều rặng găng, lúc quả chín màu hồng rất đẹp, tuy hơi lợ nhưng trẻ con vẫn muốn ăn. Cách xa nữa, sát với đường xe lửa, là một cái ao nhỏ, mặt nước hơi vàng, phẳng lặng và đầy thi vị, chung quanh trồng nhiều thứ cây, để chúng tôi trèo lên ngòi vớt vèo, ngắm xuống mặt nước, để xem có cá nào đớp dưới chân bèo. Thú nhất vẫn là anh em trong nhà vác cần câu ra ngòi dưới gốc cây, câu bằng giun hay bằng tép, luôn luôn kéo lên được một con cá rô đen hay một con cá mác trắng tinh trong tiếng kêu vui mừng của các cô em họ (...) Xa nữa, vẫn là những đồng ruộng thẳng tắp, chỉ có mấy gò mộ đá gồ ghề và hình ảnh cái cầu kênh bỏ dở nằm gọn trên sông Giàng và hình ảnh cây đa mâm xôi bật lên nền trời. Cây đa này quen thuộc biết bao với chúng tôi vì đã bao lần chúng tôi đến ngồi dưới gốc nó nhìn ra đồng ruộng bốn phía chung quanh, với những gò rạ nâu mùa đông và những gò tha ma nhấp nhô (...) Đương nhiên, cũng có số ít người khá giả hơn, có cửa hàng to, có ruộng cho cấy rẫy, như nhà ngoại chúng tôi, và có tiền cho vay lãi. Trong số đó có cả một cửa hàng khách (Hoa kiều) đó là nhà bà Đồng Phát giàu nhất nhì ở huyện.. (Việt Nam, những ngày lịch sử, nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản, Montréal, Canada, 1981.)

27 Nhật Thịnh, Chân dung Nhất Linh.

28 Việt Nam, những ngày lịch sử, trang 51.

29 Hay ngày 20-5-52? Chúng tôi không đọc được (V.P.)

30 Nguyễn Tường Thiết, .Nhất Linh, cha tôi.. Bài viết ở Sài Gòn, trước 1975, đăng lại trên tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, California, Hoa Kỳ, bộ mới, số 3, tháng 7-1985.

31 Tạp chí Văn Học Nghệ Thuật số đã dẫn. Sự thực về ngày chụp ảnh; đây không phải là ngày khai bút, mà là ngày bắt đầu viết lại lần thứ 5 cuốn Xóm Cầu Mới (Theo .Lời nhà xuất bản. Phương Giang ở cuối quyển II bộ sách này, trong bản in lần đầu ở Sài Gòn).

- 32 Theo thư của bà Nguyễn Thị Vinh viết ngày 2-6-2001.  
 33 Xóm Cầu Mới, Xuân Thu tái bản ở Hoa Kỳ, trang 17.  
 34 Xem chú thích số 36.  
 35 Tạp chí Văn Hóa Ngày Nay, Sài Gòn, số 1, ngày 17-6-1958.  
 36 .Lời nhà xuất bản., trong bộ Xóm Cầu Mới, Phượng Giang xuất bản ở Sài Gòn.  
 37 Hoàng Xuân Hãn, Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt (Trích tập san Sử Địa số 23 và 24) Sài Gòn 1971. Tái bản tại Pháp do AVAC, năm 1987, trang 44.  
 38 Nguyễn Tường Bách, Việt Nam, những ngày lịch sử, 1981.  
 39 Nguyễn Ngu Í, Sống và viết... Ngòi xanh xuất bản, Sài Gòn, 1966.  
 40 Nguyễn Tường Thiết, .Nhất Linh, cha tôi., trong Văn Học Nghệ Thuật, tạp chí xuất bản ở Hoa Kỳ, bộ mới số 3, tháng 7-1985.  
 41 Hoàng Xuân Hãn, sách đã dẫn, trang 59.  
 42 Tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, số đã dẫn, trang 295.  
 43 Nguyễn Tường Thiết, .Nhất Linh, những giờ phút cuối., bài báo đăng lại trên tạp chí Ngày Nay, Texas, Hoa Kỳ, số 28, tháng 6-1983.  
 44 Tạp chí Văn Hóa Ngày Nay, tập I, ra ngày 17-6-1958, tại Sài Gòn.  
 45 Nguyễn Ngu Í, sách đã dẫn.

## Hai vẻ đẹp của Nhất Linh Nguyễn Tường Thiết



Tháng 10 năm 2010 vừa qua một họa phẩm hiếm quý của Nhất Linh đã được bán đấu giá tại Hồng Kông.

Sotheby's nhà bán đấu giá nghệ phẩm danh tiếng cho biết lần đầu tiên một bức họa của Nguyễn Tường Tam được bày bán trên thị trường thế giới. Bức họa mang tên *Cảnh Phố Chợ Đông Dương* (Scène de Marché de rue Indochinois) vẽ trên vải lụa, khổ 20×36 IN, thực hiện trong khoảng năm 1926-1929, do một tư nhân bên Pháp đặt bán với giá khởi đầu 25,000-32,200 Mỹ kim.

Sotheby's trang trọng giới thiệu bằng Anh ngữ tác giả Nguyễn Tường Tam và bức họa của ông mà tôi tạm dịch sang tiếng Việt như sau:

*Cảnh Phố Chợ Đông Dương* đánh dấu lần đầu tiên một họa phẩm của Nguyễn Tường Tam xuất hiện trên thị trường quốc tế. Sinh năm 1905\* tại Hải Dương (Bắc Việt) trong một gia đình nghèo Nguyễn Tường Tam khi còn rất nhỏ tuổi đã sớm mất cha, một vị thông phán. Mặc dù gặp nghịch cảnh khó khăn tất cả bảy người con của gia đình Nguyễn Tường đã cố vươn lên để sau này trở thành những người nổi danh có những đóng góp đáng kể cho đất nước và cho nền văn hóa Việt Nam.



Nguyễn Tường Tam, bút hiệu *Nhất Linh*, cùng với người bạn văn Khái Hưng, đã sáng lập ra hội văn hóa Việt Nam nổi tiếng mang tên Tự Lực Văn Đoàn. Ông cũng là sinh viên đợt đầu tiên của Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Bạn cùng lớp với ông có Lê Phổ, Nguyễn Phan Chánh, Lê Văn Đệ, Mai Trung Thu, Georges Khán, Công Văn Trung và Lê Ang Phan, những người mà sau này được xem là tầng lớp họa sĩ tiên phong cho nền hội họa Việt Nam hiện đại.

*Cảnh Phố Chợ Đông Dương* với màu sắc ấm cúng và tinh tế, với đường nét duyên dáng trên vải lụa thanh tú đã thể hiện hết vẻ đẹp tuyệt vời của tranh lụa vốn là nét độc đáo của Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Mô tả cảnh sinh hoạt rộn rịp của một ngôi chợ điển hình miền Nam bộ, với đàn bà và trẻ con làm chủ điểm, bức tranh cho thấy sự lưu tâm của người nghệ sĩ đối với đời sống xã hội, và có lẽ nó hé mở cho thấy tương lai của ông sau này là người rất nhạy cảm trước những biến chuyển về xã hội cũng như về văn hóa của đất nước ông.

Năm 1927, mặc dù có thực tài vẽ, Nguyễn Tường Tam đã tự ý rời bỏ Trường Mỹ Thuật để theo đuổi nghề báo và viết văn, với sự luyến tiếc vô cùng của các giáo sư nhà Trường, đặc biệt là của họa sĩ kiêm giám đốc Victor Tardieu. Nhà cầm quyền Pháp hồi ấy không mấy yên tâm về quyết định của ông vì đây là một thời kỳ chuyển tiếp của Đông Dương: một thời kỳ cách tân từ cũ qua mới làm lay động cấu trúc xã hội và chính trị trên mảnh đất thuộc địa này của người Pháp.

Để có thể trở thành một “nghệ sĩ tự do,” Nguyễn Tường Tam tiếp tục vẽ tranh lụa và mở vài cuộc triển lãm ở Hà Nội, Sài Gòn và Nam Vang. Không một ai biết chắc là hồi trẻ ông đã vẽ bao nhiêu bức tranh. Mặt khác những tiểu thuyết của ông được xem là có tính cách mạng và ông bị mật thám Pháp theo dõi kỹ.

Sau năm 1929, Tam thôi vẽ và thành lập báo Phong Hóa ở Hà Nội, một tờ báo nổi tiếng và là cơ quan tiên phong cổ vũ cho sự đổi mới, đả phá những ý niệm cổ hủ thay bằng những tư tưởng tiến bộ, đưa đến sự tiến hoá về xã hội cũng như về giáo dục.

Tam không những được xem là vị lãnh đạo trên địa hạt văn học nghệ thuật, ông còn là tiểu thuyết gia mới hàng đầu, đồng thời là một chính trị gia được nhiều người biết tới. Ít người biết ông là một họa sĩ bởi lẽ trải qua bao nhiêu biến cố và thời gian không còn bao nhiêu họa phẩm của ông sống sót. Một bức tranh với khổ khá lớn và được bảo tồn kỹ như bức tranh này, *Cảnh Phố Chợ Đông Dương* quả là họa phẩm cực hiếm, bởi vì không những không còn nhiều những tranh như thế tồn tại, mà còn bởi vì nó cung cấp thêm một cái nhìn quan trọng vào trong di sản của ông, một trong những người Việt Nam Mới tiên phong nổi danh.

(*Modern and Contemporary Southeast Asian Painting*, Hong Kong 4 October 2010, trang 116)

\*

Tháng 10 vừa qua tôi nhận được từ nam Cali một cú điện thoại khiến tôi sững sốt. Bác sĩ Hà Quốc Thái—một người tôi quen biết—báo cho tôi là ở Hồng Kông họ vừa bán đấu giá một bức tranh của ông cụ tôi. Anh Thái là một người sưu tập tranh quý, anh tỏ ý tiếc là đã không mua được bức tranh ấy vì đã có người trả quá cao (trên Sotheby’s website bức tranh đã được bán với giá 596,000 Hồng Kông đô-la, khoảng 75,000 Mỹ kim). Mặc dù chưa nhìn thấy bức tranh mà chỉ nghe anh Thái nói đó là một bức họa lớn vẽ cảnh chợ trên vải lụa và ký tên TAM, tôi đặt ngay câu hỏi về tính trung thực của bức tranh ấy. Bởi nhiều lẽ: thứ nhất là sau gần nửa thế kỷ sưu tập những di cảo của ông cụ tôi chưa hề trông thấy hoặc nghe nói đến một bức tranh nào tương tự như thế, thứ hai là trong tất cả tài liệu và tranh vẽ của ông cụ mà tôi cất giữ đều ký tên hoặc là NHẤT LINH hoặc là TƯỜNG TAM, chứ không bao giờ ký TAM không thôi. Thấy tôi tỏ ý nghi ngờ anh Thái hứa gửi tôi quyền sách của nhà Sotheby’s để tôi so chữ ký ông cụ và anh cũng nói thêm nhà bán đấu giá Sotheby’s là một cơ quan uy tín quốc tế rất lâu đời không bao giờ có chuyện họ bán một bức tranh giả mạo. Sau khi nhận được quyền sách nhìn chữ ký và so với chữ TƯỜNG TAM ký trên bức thư từ chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao của ông cụ thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa: chữ Tam ký trên tranh giống chữ Tam trên bức thư. Bức tranh này được vẽ khi ông cụ tôi ở trong khoảng từ 20 đến 23 tuổi, có lẽ hồi đó ông chưa có bút hiệu Nhất Linh.



Nhìn bức tranh tôi bàng hoàng. Mỗi xúc động đó của tôi hoàn toàn có tính cách cá nhân. Đó là tâm trạng của một đứa con lần đầu tiên được nhìn thấy một họa phẩm mà nó chưa từng nhìn thấy của người cha thân yêu. Hơn thế nữa bức tranh như một cánh cửa vừa hé mở lộ ra một phần đời của cha nó mà nó chưa hề biết tới.

Tôi nhìn bức tranh mà như không nhìn tranh. Hình ảnh hiện lên trong tôi là tác giả bức tranh ấy, một cậu thanh niên mới ngoài 20 tuổi, đứng trước một giá vẽ họa cảnh phố chợ Sài Gòn gần 90 năm xưa.

Tôi tự hỏi tại sao bức tranh này lại là cảnh phố chợ ở Sài Gòn mà không phải là cảnh chợ Hà Nội hay một làng quê đất Bắc? Dịp nào mà cha tôi trong thập niên 20 của thế kỷ trước đã có phòng triển lãm tranh ở Sài Gòn và Nam Vang? Nguyên do nào khiến ông đã phiêu lưu rời xa Hà Nội sớm thế khi ông mới hai mươi mấy tuổi đầu?

Tôi tìm thấy câu trả lời trong vài dòng ngắn ngủi sau đây khi đọc lại tiểu sử Nhất Linh. Thụy Khuê trong cuốn sách *Nhất Linh, người nghệ sĩ người chiến sĩ*, cho biết: “Cuối năm 1923 ông đậu bằng Cao Tiểu. Nhưng vì chưa đến tuổi vào trường cao đẳng, nên làm thư ký sở tài chính Hà Nội, kết duyên văn nghệ với Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, viết Nho Phong. Lấy vợ và theo ban cao đẳng. Lúc đầu, năm 1924 học thuốc được một năm thì bỏ, chuyển sang học Mỹ Thuật, được một năm cũng bỏ. Năm 1926 Nguyễn Tường Tam vào Nam, gặp Trần Huy Liệu, Vũ Đình Di định cùng làm báo. Nhưng vì tham dự đám tang Phan Chu Trinh, hai người này bị bắt, Nguyễn Tường Tam phải trốn sang Cao Miên, sống bằng nghề vẽ và tìm đường đi du học”.

Như vậy là trong thời gian ở Sài Gòn và Nam Vang cha tôi đã sống bằng nghề vẽ. Ông tổ chức những buổi triển lãm để bán tranh và một trong những bức ấy có một người (Việt hay Pháp?) mua được đem qua Pháp để hơn 80 năm sau bán đấu giá ở Hồng Kông: đó là bức tranh tôi đang nhìn ngắm được chụp lại và in trong cuốn sách của nhà Sotheby's.

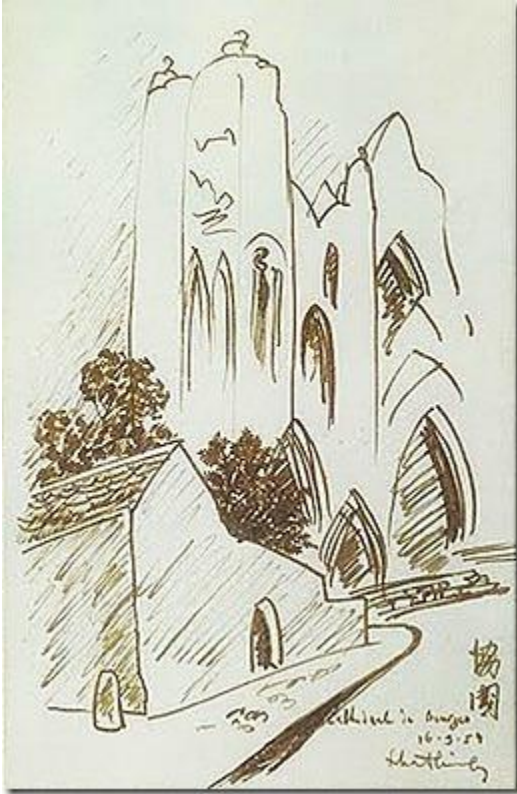
Ngắm bức tranh tôi ngẩn ngơ. Lần đầu tiên tôi thấy một họa phẩm lớn của ông vẽ trên vải lụa. Những bức tranh mà tôi sưu tập được là những bức nhỏ cha tôi vẽ sau này, phần lớn là những bản phác họa trên giấy vẽ hoa lan, vẽ phong cảnh Đà Lạt... Trước sau tất cả các họa phẩm này đều toát lên một vẻ đẹp thật sự của tài hoa.

Mặc dù sau năm 1929 ông cụ tôi không sống về nghề vẽ như một họa sĩ chuyên nghiệp nhưng lòng mê say hội họa của ông vẫn theo ông cho đến cuối đời. Ông dùng tài vẽ của mình, theo từng giai đoạn, hoặc để làm báo, hoặc vẽ theo cảm hứng. Với báo Phong Hóa và Ngày Nay trước kia ông ký tên Đông Sơn và sau này với Văn Hóa Ngày Nay ông ký tên Nhất Linh trên những bức vẽ. Phần lớn những tranh tôi giữ được là những bức cha tôi vẽ theo cảm hứng trải qua nhiều giai đoạn của đời ông.

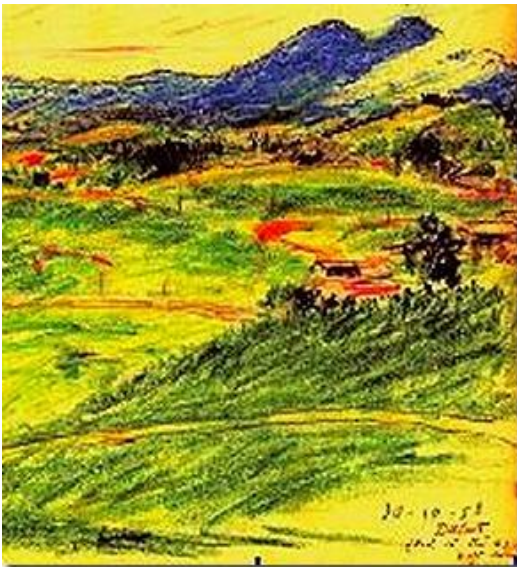
Từ bức tranh *Cúc Xưa* vẽ ở Hồng Kông năm 1948,



bức *Cathédrale de Bourges* ở Paris năm 1954



cho đến bức *Phong cảnh Đà Lạt* năm 1958



Đặc biệt là trong những năm 1956-58 hồi chúng tôi ở Đà Lạt, tôi chứng kiến cha tôi trong những buổi đi chơi xa hoặc đi tầm lan ông thường vẽ phác phong cảnh và hoa phong lan trên một cuốn sổ tay. Thời gian này tôi thấy ông vẽ còn nhiều hơn là ông viết nữa.



*Hoa Phong Lan của Nhất Linh (28/10/1957)*

Bức tranh *Cảnh Phố Chợ Đông Dương* mới khám phá này còn gây cho tôi thêm một thắc mắc. Vì lẽ gì mà người nghệ sĩ trẻ tuổi tài hoa ấy lại tự ý rời bỏ Trường Mỹ Thuật để theo đuổi nghề báo và viết văn?

Để trả lời cho câu hỏi này một người bạn của ông cụ tôi, nhà văn Trương Bảo Sơn, giải thích: “Ở trường Mỹ Thuật anh tin tưởng đời anh sẽ là một họa sĩ, thực là thích hợp với tâm hồn nghệ sĩ của anh. Anh mê say hội họa, nhưng rồi sau một năm, một hôm cùng bạn theo giáo sư về vùng quê vẽ mấy con trâu, anh nhận thấy cái cảnh nghèo khổ của dân quê và sự vô lý của công việc anh đang làm: trong lúc dân chúng bao nhiêu người còn phải sống trong cảnh “bùn lầy nước đọng”, anh lại có thì giờ đi vẽ trâu”.

Ông Trương Bảo Sơn là người rất thân cận với ông cụ tôi, chắc hẳn là đã được nghe chính ông cụ tôi tâm sự, nên đoạn trích của ông về lý do ông cụ bỏ hội họa là cực kỳ quý giá và quan trọng vì phản ánh đúng tâm trạng ông cụ tôi.

Mặc dù không còn gì để nghi ngờ nữa tôi vẫn muốn tìm hiểu thêm lý do khiến ông cụ tôi bỏ vẽ và tôi đã được soi sáng hơn khi đọc kỹ lại truyện ngắn *Hai Vẽ Đẹp* của Nhất Linh. Trong truyện tác giả Tam của bức tranh kia hoá thân thành nhân vật Doãn. Chỉ khác một điều: Tam là họa sĩ trước khi *Đi Tây*. Còn Doãn là họa sĩ khi từ Pháp trở về.

Nhất Linh tả họa sĩ Doãn vẽ cảnh chợ ở một làng quê, gần gũi với cảnh chính ông vẽ trong bức *Cảnh Phố Chợ Đông Dương*:

*Biết là có phiên chợ, Doãn dậy sớm ra ngồi ở hàng nước đầu làng để đón những người gồng gánh đi qua. Chàng cẩn lấy dáng điệu một bọn người gánh hàng, vì chàng đương làm dở một bức bình phong sơn vẽ cảnh chợ nhà quê.*

*Doãn vẽ mãi cả tay mà vẫn còn muốn vẽ. Giở cuốn sổ tay xem lại, chàng thấy nhiều dáng rất linh động. Nhưng chàng vẫn nhận thấy nó sai hẳn sự thực; người ở trang giấy đẹp đẽ, sạch sẽ khác xa những người thật xấu xí, bần thủ, tiều tụy đi diễn qua trước mắt chàng từ sáng đến giờ...*

Nhất Linh diễn tả tâm trạng của Doãn khi vẽ một cảnh nghèo khó như sau:

Doãn lim dim mắt nhìn cái mái nhà gió đêm qua thổi bay từng mảnh để hở cả rui tre. Chàng toan chữa lại bức tranh, nhưng sao lại thôi, vì chàng cho thế là vụn vặt quá. Những cái mái nhà thủng làm chàng lo sợ; nếu mai kia họ đem rạ mới lợp lại, màu mái nhà đổi khác thì bức tranh của chàng đành vứt đi. Chàng cúi xuống vẽ thật mau. Được một lúc chàng tự nhiên mỉm cười vì một ý ngộ nghĩnh thoáng hiện trong óc:

– Mình chỉ cốt vẽ, muốn cho người ta ở nhà dột mãi, không cho người ta lợp lại mái nhà nữa... Rồi chàng buồn rầu tự hỏi làm sao họ lại có thể sống trong cái nhà đó được.

Người họa sĩ trong truyện cuối cùng tìm thấy chân lý: đó là sự khám phá ra vẻ đẹp thứ hai trong *Hai Vẻ Đẹp* của cuộc đời:

Doãn táy máy rút một cây cỏ đưa lên miệng nhai lá. Mùi đất ở rễ cỏ chàng tưởng như một mùi thơm của thời quá vãng còn vương lại, để chàng nghĩ đến cái ý nghĩ của quê hương. Doãn thấy mình đã bao lâu nay sống ở giữa chốn quê như một người xa lạ; bây giờ chính những cảnh nhem nhuốc của quê hương đã kích thích chàng, xúi giục chàng quay về với quê hương và mong mỏi cho quê hương trở nên đẹp đẽ. Đời của đám dân quê đã bao lâu bị chàng thờ ơ, lạnh nhạt, bỏ quên như xác những con vờ bên sông kia, từ lâu chàng sẽ sẵn sóc tới.

Thoáng một lúc chàng thấy hiện ra, trên những làng xóm ngủ yên, in bóng xuống các ruộng nước rải rác ở chân trời, những cảnh đẹp khác hẳn những cảnh đẹp vẫn phô diễn trong tranh: đó là những cảnh đời đẹp đẽ sáng sủa mà mấy tháng trước đây chàng đã có lần tưởng đến, nhưng cho là không bao giờ thành được sự thực. Doãn ngẫm nghĩ:

– Ta phải hết lòng đi tìm cái đẹp ấy cho người khác, cũng như là bấy lâu ta đi tìm cái đẹp về hình sắc để ghi trên vải lụa.

\*

*Hai Vẻ Đẹp* của Nhất Linh nói lên hết.

Từ hội họa chàng họa sĩ đã nhìn thấy một cái đẹp khác: vẻ đẹp cao cả của cách mạng làm cho đời tốt hơn.

Và chàng sau đó đã thực sự lên đường đi tìm vẻ đẹp thứ hai cho đời ông và cho quê hương ông. Hành trang lên đường là điều tâm niệm sau đây của André Gide mà ông đã đặt làm lời mở cho truyện *Hai Vẻ Đẹp*:

*Anh phải luôn luôn tự nhủ rằng đời người có thể đẹp đẽ hơn: đời của anh và đời của những người khác.*

Nguyễn Tường Thiết

---

\* Nguyễn Tường Tam sinh ngày 25-7-1906 nhưng bởi muốn đủ tuổi để đi thi, ông đã làm lại giấy khai sinh tăng thêm một tuổi, do đấy trên giấy tờ ghi ngày sinh là 1-2-1905. (Chú thích của NTT)